

HUỖNH MINH

VĨNH LONG XƯA

"Loại sách Suu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa"



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HUỶNH MINH

VĨNH LONG

XUA

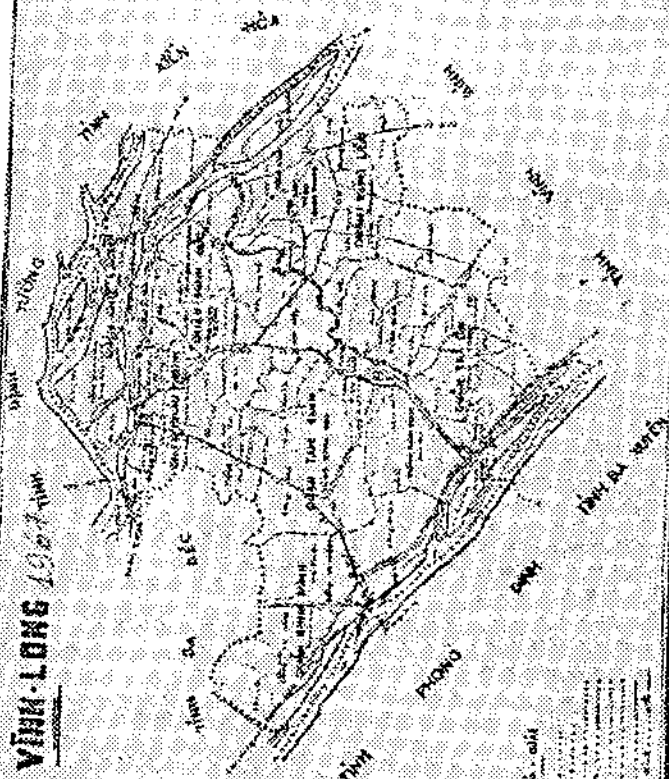
SUU TẬP TRÊN 50 BỨC ẢNH GIÁ TRỊ

NỘI DUNG:

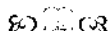
- LỊCH SỬ, ĐỊA LÝ NHÂN VẬT LỊCH SỬ
- DI TÍCH, HUYỀN SỬ, GIAI THOẠI
- XUYẾN QUA ĐỊA HẠT TÔN GIÁO
- VĂN HÓA, PHONG TỤC, TẬP QUÁN
- VĨNH LONG SINH HOẠT CÁC NGÀNH, TRÊN ĐÀ PHỤC HUNG VÀ KIẾN THIẾT

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

3807-AREA UNIT



LỜI NÓI ĐẦU



Quê hương mến yêu!

Tìm hiểu non sông đất nước.

Xuyên qua phần Lịch sử, Địa lý, Phong tục tập quán của giống nòi, nếp sống sinh hoạt và sự tín ngưỡng, của đồng bào từng vùng, từng tỉnh, là cả một vấn đề đòi hỏi lắm công phu và nhẫn nại.

Trót nặng lòng với dây gấm vóc non sông.

Sự gắn bó của hai miền đất phong phú ấy, về mặt kỹ nghệ và canh nông tạo nên cái thế quân bình quan trọng trong năng lực lãnh thổ.

Hình thế lịch sử Việt Nam đã đánh dấu bao cuộc thăng trầm thay đổi, từ thời vua chúa, ngày nay gợi lại những chuyện xưa tích cũ của nước nhà, để làm sống lại tinh thần dân tộc.

Nghĩ thế, nên chúng tôi lãnh làm một công việc hết sức khó khăn, sưu tầm khảo cứu qua các tỉnh miền Nam quan sát từng vùng, tiếp xúc với các vị bô lão thân hào nhân sĩ cao niên ở địa phương, thu lượm những tài liệu xác thật viết ra thành sách.

Tỉnh Vĩnh Long xưa kia vốn là một tỉnh nổi tiếng có nhiều di tích lịch sử còn lại lắm giai thoại, huyền thoại.

Về phần Địa lý đất đai trù phú, cây trái oằn sai, sông dài nước ngọt quanh năm, người dân ở đây hiền lành chất phác nhưng họ không ngừng phấn đấu.

Về trục giao thông, Vĩnh Long là mạch máu chảy khắp các tỉnh miền Tây, du khách từ TP xuống miền Hậu Giang, từ Hậu Giang trở lên "Sài Gòn" đều phải đi ngang qua tỉnh Vĩnh Long trước nhất.

Lúc Nguyễn Ánh trên đường bôn tẩu cũng dừng chân trên phân đất Vĩnh Long và Sa Đéc, lập Tổng hành dinh tại Nước Xoáy.

Dưới triều nhà Nguyễn sự phân chia đất đai rõ rệt, các cơ quan đầu não về hành chánh và quân sự đều đặt tại Long Hồ Dinh, các tỉnh miền Tây lúc bấy giờ đều trực thuộc nơi đây cả.

Năm 1867 quân Pháp từ Định Tường (Mỹ Tho) kéo đến chiếm thành Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên, dân tình sống trong cảnh lâm than, Vĩnh Long đầy tang tóc. Cụ Phan Thanh Giản tử tiết trên mảnh đất này, làm cho mọi người xúc động cảm phục sự hy sinh cao quý của cụ, thà chết chứ không bao giờ khuất phục trước vũ lực bạo tàn của kẻ xâm lăng.

Cụ chết nhưng thanh sử vẫn lưu truyền hậu thế, cái chết của cụ người Việt Nam có thể kiêu hãnh nói rằng:

Lãnh thổ mà bao nhiêu đời góp công, góp sức tạo thành và không ngừng nghỉ điểm tô, đó là chứng tỏ cụ thể cái hùng hồn nhất của tinh thần dân tộc, đó là cái phần thưởng xứng đáng hơn hết, ngày nay được nhắc nhở các nhân tài ấy."

Một điều đáng tiếc, là những anh hùng lịch sử của nước nhà nói chung, tỉnh Vĩnh Long nói riêng, rải rác khắp thôn xóm, núi rừng vẫn chưa đề cập đến đầy đủ trong sách vở, chưa được phát hiện đúng mức trong văn học.

Trong suốt thời gian dài, thu thập tài liệu tác phẩm đã được hoàn thành ra mắt bạn đọc tìm hiểu "Vĩnh Long Xưa" qua mọi khía cạnh:

Di tích, lịch sử, nhân vật, Huyền sử, Giai thoại, Đạo giáo trải qua phong tục tập quán v.v...

Đọc "Vĩnh Long Xưa" quý bạn sẽ cảm thấy tâm hồn vui tươi phấn khởi, hồi tưởng các bậc tiền nhân có công đối với đất nước, đã ghi đầy đủ trong tác phẩm với nhiều hình ảnh cổ kính linh động.

Tuy nhiên, quyển "Vĩnh Long xưa" không sao tránh khỏi những điều khuyết điểm, vì có nhiều chỗ xa xôi hẻo lánh, chúng tôi không thể đến nơi quan sát chụp ảnh và thu thập tài liệu được.

Sau khi đọc qua tác phẩm này, nhận thấy có điều sơ sót, mong quý vị đọc giả lượng tình tha thứ trên tinh thần xây dựng, chúng tôi rất hoan nghênh lời hay ý đẹp ấy để sau khi tái bản sẽ được hoàn bị hơn.

HUỲNH MINH

Sông Long Hồ

Ghi lại
nhiều
chiến tích
oai hùng
của thời
quá khứ



Phẳng lặng sông buồn ai trái gió ?

Bụi dùa vẽ đậm nét kiêu hùng

Nhắc tên oanh liệt Long Hồ cũ

Như nổi lên nhiều nơi nhớ nhung

NGƯỜI TÀU ĐẶT CHÂN TRÊN ĐẤT VIỆT

Trước năm 1679 một số tướng sĩ nhà Minh không khuất phục vua Mãn Thanh bèn chạy sang Việt Nam dung thân, lúc bấy giờ họ được sự giúp đỡ của chúa Nguyễn Hiền Vương ở Huế chấp nhận cho di cư vào Nam, đầu tiên gồm có Huỳnh Tấn dẫn một số bộ hạ đến lập nghiệp ở Biên Hòa, Bà Rịa, còn tướng Dương Ngạn Địch theo đường biển đến Gò Công, Định Tường; Mạc Cửu thì ở Hà Tiên, những người này có công mở mang thêm những phần đất nói trên, rồi dần dần khai thác khắp miền châu thổ, vì vậy mà ngày nay chúng ta thấy con cháu họ có mặt khắp nơi trên lãnh thổ Việt Nam.

Đến đời chúa Ninh Vương Nguyễn Phúc Chu (1725-1738) mới có thêm đất Vĩnh Long (1732). Vùng Vĩnh Long bấy giờ rất rộng lớn bao gồm 1 phần Bến Tre ở mạn trên và Trà Vinh ở mạn dưới mang tên châu Định Viễn, thuộc Long Hồ Dinh có quan Trấn Thủ, quan Cai Bạ, quan Ký Lục để trông coi việc cai trị.

Đến năm Kỷ Vỵ, Long Hồ dinh được mở rộng thêm 4 huyện:

Long Xuyên	(miền Cà Mau)
Kiên Giang	(miền Rạch Giá)
Trấn Giang	(miền Cần Thơ)
Trấn Di	(miền Bắc Bạc Liêu)

do con của Mạc Cửu là Mạc Thiên Tứ đem dâng chúa Nguyễn (Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát), các đất này cũng đều thuộc về Long Hồ Dinh.

Nếu chúng ta biết rằng chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, lãnh thổ miền Nam này đặt thành 3 dinh và 1 trấn:

Trấn Biên dinh (vùng Biên Hòa)

Phiên Trấn dinh (vùng Gia Định)

Long Hồ dinh (vùng Vĩnh Long)

Hà Tiên trấn (Hà Tiên)

chúng ta nhận thấy ngay sự rộng lớn của Vĩnh Long ngày xưa. Có thể nói, Vĩnh Long xưa kia chẳng khác nào như Cần Thơ sau này được mang danh Tây Đô, là trung tâm văn hóa miền Tây với đúng ý nghĩa của nó (chính Cần Thơ xưa cũng chỉ là một huyện của Long Hồ dinh). Bao nhiêu cơ quan đầu não, huy động guồng máy điều hành, chính trị, văn hóa, quân sự, miền Tây đều xuất phát từ Long Hồ dinh cả.

Khoảng năm Mậu Thìn 1748, Nặc Ông Thâm (Thoméa) vốn là chú của đương kim Hoàng Đế Chân Lạp là Nặc Ông Tha (Sothea) từ Xiêm đem binh về đánh kinh đô La Bích (Lovek), đuổi Nặc Ông Tha đi mà cướp ngôi. Nhưng chẳng bao lâu, Nặc Ông Thâm bệnh mất. Các con của Thâm tranh giành ngôi báu. Chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát được tin từ Long Hồ dinh cấp báo, liền sai Nguyễn Hữu Doãn làm Thống Xuất, đem binh đánh dẹp và lập Nặc Ông Tha lên làm vua Chân Lạp như cũ.

Năm Canh Ngọ 1750, một người con của Nặc Ông Thâm là Nặc Nguyên lại viện binh Xiêm về đánh đuổi Nặc Ông Tha. Lực lượng của Nặc Nguyên quá hùng hậu. Nặc Ông Tha chống cự không nổi, chạy sang Gia Định cầu cứu. Quan quân ta chưa kịp tỏ ý gì thì Nặc Ông Tha bệnh mất tại Gia Định. Từ ấy Nặc Nguyên đắc thế nắm giữ ngôi báu Chân Lạp, một mặt thông sứ với chúa Trịnh Doan ở ngoài Bắc, để lập mưu đánh chúa Nguyễn giành lại Thủy Chân Lạp tức miền Nam này.

Chúa Nguyễn Phúc Khoát vốn là một vị chúa thông minh,

thừa biết Nặc Nguyên cấu kết với chúa Trịnh, liền cương quyết phải đập tan mưu mô ấy. Năm Quý Dậu 1753, mùa đông, chúa Nguyễn Phúc Khoát sai Nguyễn Cư Trinh làm tham mưu, điều khiển tướng sĩ 5 dinh đi đánh Nặc Nguyên. Năm dinh tức là 3 dinh trong Nam: Trấn Biên dinh, Phiên Trấn dinh và Long Hồ dinh, hiệp với tướng sĩ 2 dinh ngoài Trung là Bình Khương dinh (Khánh Hòa) và Bình Thuận dinh.

Xem thế, nhân dân Vĩnh Long thời ấy cũng quá anh dũng tranh đấu cùng quân Chân Lạp, dưới quyền điều động chỉ huy của Nguyễn Cư Trinh, vốn là Ký Lục Bố Chánh Dinh xuất thân. Nguyễn Cư Trinh tài gồm văn võ, mưu lược thừa sức áp đảo Nặc Nguyên, nên quân đội của ông kéo đến đâu, giặc đều quy phục đến đó.

Năm Giáp Tuất (1754) mùa hạ, đại quân chúa Nguyễn tiến dần đến Lôi Lạp (vùng Gò Công), tấn công dữ dội. Quân Chân Lạp ở các phủ Tầm Bôn (nay là vùng Tân An), Căn Nam (Ba Nam), Nam Vinh (Nam Vang: Pnom Pênh) đều ra hàng cả. Thanh danh Nguyễn Cư Trinh lừng lẫy từ đây.

Nặc Nguyên chạy trốn gần Vĩnh Long. Đang mùa nước nổi, Nguyễn Cư Trinh tạm ngưng theo đuổi. Lập Đạo Trường đồn (vùng Mỹ Tho, Cao Lãnh) để canh phòng cẩn mật.

Năm sau (Ất Hợi 1755), mùa xuân, Tham mưu Nguyễn Cư Trinh và Thống suất Trương Phúc Du lại động binh đánh dẹp. Nặc Nguyên thua chạy, trốn sang Hà Tiên, xin Mạc Thiên Tứ che chở và nhờ Thiên Tứ tâu hộ với chúa Nguyễn, chịu dâng hai phủ Tầm Bôn và Lôi Lạp để chuộc tội.

Chúa Nguyễn Phúc Khoát không chấp thuận: Nguyễn Cư Trinh phân trần lẽ hơn thiệt, sau chúa Nguyễn mới chịu nhận hai phủ ấy và cho Nặc Nguyên về nước, vào năm Bính Tí 1756.

Hai phủ Tầm Bôn và Lôi Lạp kia, chiếu theo địa đồ sau này là vùng đất Tân An, Gò Công. Chúa Nguyễn Phúc Khoát cho sáp nhập vào châu Định Viễn, Long Hồ dinh. Thế là Vĩnh Long ngày xưa lại gồm thêm cả vùng Gò Công, Tân An nữa vậy.

Qua năm Đinh Sửu. 1757, vua Chân Lạp là Nặc Nguyên mất. Người chú là Nặc Nhuận lên thay, có ý kiêu ngạo triều đình ta, bèn xin dâng đất Trà Vang, tức Trà Vinh, Vĩnh Bình ngày nay, và Ba Thắc (Sóc Trăng) để cầu phong. Chẳng bao lâu Nặc Nhuận lại bị rể là Nặc Hinh giết chết, cướp ngôi. Con Nặc Nguyên là Nặc Tôn thấy thế, chạy sang Hà Tiên xin Mạc Thiên Tứ giúp sức để lật đổ Nặc Hinh đi. Mạc Thiên Tứ dâng sớ tâu trình chúa Võ Vương, bày tỏ ý kiến nên giúp Nặc Tôn, hầu hoàn thành chính sách tầm thực mà Nguyễn Cư Trinh đã từng hoạch định. Võ Vương y lời tâu, chuẩn cho tướng sĩ năm dinh ngày trước đang còn án binh bất động ở Ngưu Chũr (Bến Nghé) và Long Hồ dinh (Vĩnh Long) hãy tiếp tục bình định và ủng hộ Nặc Tôn lên ngôi Chân Lạp.

Được lệnh, Thống suất Trương Phúc Du cử binh đánh Nặc Hinh, dọn đường cho Nặc Tôn lấy ngôi lại. Nặc Hinh thua chạy, bị kẻ thù hạ giết trong quân, gia quyến bỏ chạy cả sang Xiêm. Nặc Tôn được Võ Vương sắc phong cho chức Phiên Vương.

Kỷ Mão 1759 Nặc Tôn dâng đất Tầm Phong long (vùng Châu Đốc, Sa Đéc bây giờ) để tạ ơn. Các đất này cũng đều thuộc Long Hồ dinh, đủ rõ Vĩnh Long xưa rộng lớn bậc nào.

Nguyễn Cư Trinh đã làm xong nhiệm vụ bình định, lại nghĩ đến sự bảo vệ lãnh thổ miền Nam. Nhận định tính cách quan trọng của Long Hồ dinh đối với các vùng đất đai miền Tây, Nguyễn Cư Trinh bèn dời dinh Long Hồ qua xứ Tầm Bào

(nay là vùng tỉnh lỵ Vĩnh Long). Nền hành chánh đã ổn định, ông sắp đặt ngay đến việc phòng thủ. Riêng về Long Hồ dinh, ông lập đồn ở hai bên sông Cửu Long, gần biên giới, chia ra làm ba đạo có tính cách như vùng chiến thuật ngày nay:

1. Tân Châu đạo (cù lao Giêng) ở Tiền Giang.
2. Châu Đốc đạo ở Hậu Giang.
3. Đông Khẩu đạo ở Sa Đéc

Ba đạo này đều trực thuộc các cơ quan quân sự đầu nã ở Long Hồ dinh. Mỗi khi biến thì các tướng sĩ dinh Long Hồ có nhiệm vụ phải phát binh đi tuần tiễu, tảo thanh ngay, hầu đem lại an ninh cho đồng bào miền Tây thời ấy.

Tướng nên nói thêm, ngoài ba đạo do binh sĩ Long Hồ dinh trấn áp ấy, Nguyễn Cư Trinh còn lo xa hơn, hiệp với Mạc Thiên Tứ lập thêm hai đạo: Kiên Giang đạo (vùng Rạch Giá) và Long Xuyên đạo (Cà Mau, An Xuyên ngày nay) để ngăn ngừa binh Xiêm xâm nhập. Về hành chánh thì hai đạo Kiên Giang và Long Xuyên vẫn trực thuộc Long Hồ dinh, nhưng về mặt quân sự thì do tướng sĩ Hà Tiên trấn dưới quyền Mạc Thiên Tứ điều khiển và chịu trách nhiệm với triều đình.

Ta thấy cuối đời Võ Vương tất cả miền Lục tỉnh của Việt Nam ngày nay đã thực sự thành hình, và Vĩnh Long cũng song song theo đà đó mà được thành lập. Nhưng ở Vĩnh Long, nhờ vị trí thuận tiện được ưu tiên chọn làm thủ phủ miền Tây lúc bấy giờ, nhờ đó mà vai trò của Vĩnh Long vô cùng quan trọng về mặt: quân sự, kinh tế, văn hóa. Dưới cái tên Long Hồ dinh từ đấy càng ngày tự nó và nhờ sự cố gắng của người dân Việt càng phô trương thanh thế, phát triển đầy đủ sắc thái của 1 đô thị lớn, một thủ phủ miền Tây.

II

VĨNH TRẦN DINH**TRONG THỜI TÂY SƠN VÀ NGUYỄN CHÚA TRANH HÙNG**

Suốt thời gian Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát trị vì, do sự sáng suốt của Nguyễn Cư Trinh sắp đặt phòng thủ nên Long Hồ dinh được yên, không còn bị Chân Lạp, Xiêm La phá khuấy nữa. Nhưng đến đời chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần (miếu hiệu Duệ Tông) thì chúa Nguyễn đã đang đứng trong cuộc suy vong, vì triều chúa, bấy tôi bị phân tán và những đình thần nhiều quyền thế lại lộng quyền: Lộng thần Trương Phúc Loan đã gây thế lực áp đảo triều chúa, hủy bỏ sắc chỉ di chiếu của Võ Vương (1765) thay vì lập con thứ hai lên nối nghiệp chúa Võ Vương, thì Trương Phúc Loan lại lập con thứ 16 của Võ Vương lên nối nghiệp mới 12 tuổi tức chúa Định Vương, do đó ta thấy đời Định Vương phủ chúa chỉ là công cụ của lộng thần Trương Phúc Loan; loạn trong triều đã xảy ra, thì ngoài dân gian, dân chúng hẳn phải khổ cực. Nhân đó, cộng vào những loạn lạc ở đảng ngoài: sự lộng quyền của chúa Trịnh áp đảo vua Lê mà dân gian chán ngán chính quyền, họ sống xa dần chính quyền, môi trường như vậy rất thích hợp cho cuộc cách mạng Tây Sơn khởi dậy. Long Hồ dinh trực thuộc nền hành chính Trung ương của phủ Chúa, nên từ năm Giáp Ngọ 1774, quan quân ở Long Hồ dinh bắt đầu chuẩn bị cuộc chiến tranh với quân Tây Sơn. Hay tin Nguyễn Nhạc đã chiếm lấy các phủ Tư Nghĩa, Diên Khánh, Bình Khương, Bình Thuận ở miền Trung trở vào Nam, quan Lưu Thủ dinh Long Hồ bấy giờ là Tổng Phúc Hiệp, Nguyễn Khoa Thuyên lập tức điểm binh đi cứu.

Tây Sơn đang lúc lầy lừng, đánh đâu thắng đó. Tổng Phúc Hiệp không chống cự nổi phải lui dần. Chúa Định Vương chạy thẳng vào Gia Định.

Năm Bính Thân 1776, Nguyễn Nhạc sai em là Nguyễn Lữ đem thủy quân vào đánh, chiếm lấy Gia Định, Long Hồ. Nhờ có Đỗ Thanh Nhân phản công mãnh liệt mới đẩy được Nguyễn Lữ ra Qui Nhơn.

Từ ấy Tây Sơn vẫn vào đánh. Tướng sĩ Long Hồ dinh luôn mấy năm phải cùng các chiến hữu ở Phiên trấn dinh (Gia Định) và Trấn Biên dinh (Biên Hòa, Bà Rịa) chống ngấn ráo riết.

Sách “Đại Nam Nhất Thống chí” về phần tỉnh Vĩnh Long, đã ghi một câu ngắn ngủi, mà nói lên những cuộc tranh hùng giữa chúa Nguyễn với Tây Sơn: Năm Giáp Ngọ 1774 về sau, Tây Sơn và Nguyễn Chúa nhiều năm tranh hùng. Thật thế, lịch sử từng ghi rõ những cơn long tranh hổ đấu hải hùng trên vùng đất nối liền hai miền Tiền Giang và Hậu Giang.

Dữ dội nhất là các trận đánh trong năm Giáp Thìn 1784. Vua Xiêm phái hai viên đại tướng là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem 20.000 thủy quân lục chiến và 300 chiến thuyền theo giúp Nguyễn Ánh. Cây có lực lượng Xiêm cứu viện hùng hậu, binh chúa Nguyễn tấn công ồ ạt khắp nơi, lần lượt lấy lại các đất đã mất về tay Tây Sơn: Ba Thắc (Sóc Trăng), Trà Ôn, Sa Đéc.

Tướng Tây Sơn giữ thành Gia Định khi ấy là Trương Văn Đa, vốn là phò mã của vua Thái Đức Nguyễn Nhạc. Nghe báo nhiều vùng ở miền tây đã bị Nguyễn Ánh thu phục lại, có binh Xiêm trợ chiến vô cùng mãnh liệt, Trương Văn Đa thân xuống Long Hồ lược trận. Một mặt phò mã Đa dàn binh chống ngấn tại Long Hồ, một mặt sai người thẳng ra miền Trung cáo (cứu) cấp. Thái đức hoàng đế Nguyễn Nhạc sai em là Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ đem binh vào giúp sức.

Chiến trường là các vùng Long Hồ, Sa Đéc, nhất là vùng Xoài Mút, Xoài Hột, Rạch Gầm (thuộc quận Long Định), tỉnh Định Tường ngày nay. Rốt cuộc Nguyễn Ánh bại binh, chết mất một viên thượng tướng là Châu Văn Tiếp, lừng danh trong hàng "Gia Định tam hùng" tại rạch Mân Thít⁽¹⁾. Rồi sau đó, binh Nguyễn Ánh cũng thua to khi Nguyễn Huệ đại phá 20.000 quân Xiêm trong trận Rạch Gầm.

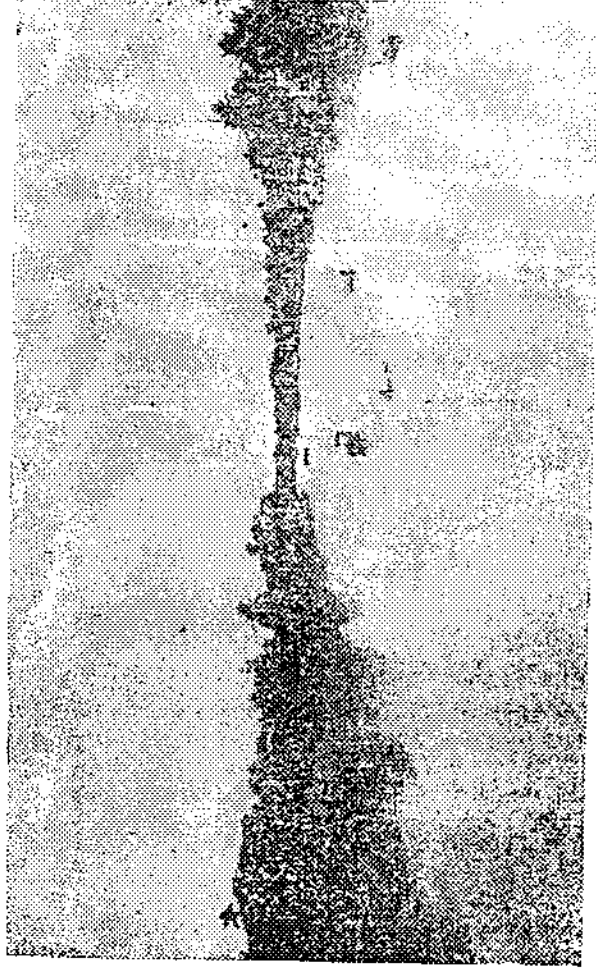
Thế là vùng Long Hồ dinh thuộc quyền thống lĩnh của binh tướng Tây Sơn, do Nguyễn Huệ điều khiển toàn bộ cơ cấu quân sự và chính trị, và giao cho tướng Đặng Văn Chân giữ Gia Định. Xếp đặt xong, Nguyễn Huệ lui về Qui Nhơn. Toàn lãnh thổ miền Nam nói chung, Long Hồ dinh nói riêng, thuộc quyền cai trị của Đặng Văn Chân được hơn 1 năm. Đến năm Bính Ngọ 1786, nhân đã lấy được Phú Xuân (Huế) và thắng ra Thăng Long (Hà Nội), Nguyễn Nhạc mới phong Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương, giao cho coi giữ đất Thuận Hóa trở vào Nam. Nguyễn Lữ thì làm Đông Định Vương vào trấn thủ Gia Định, cùng với Thái Bảo Phạm Văn Tham chưởng quân binh quyền hai dinh Phiên Trấn và Long Hồ.

Năm sau, Đinh Vị 1787, Nguyễn Phúc Ánh lại từ Xiêm kéo quân về.

Khôi phục thành Gia Định, binh Nguyễn Ánh tiến chiếm Tiền Giang và Hậu Giang chẳng khó gì. Long Hồ dinh thu phục được vào khoảng cuối tháng 9 năm 1787, chúa Nguyễn Ánh hiểu rõ vị trí quan trọng của dinh Long Hồ đối với vùng lãnh thổ miền Tây, nên đặc biệt lo sắp đặt phòng thủ chặt chẽ hơn

(1) Sông Mân Thít nằm ở phía Tây Nam tỉnh Vĩnh Long khi xưa tại vàm sông này xảy ra những trận thủy chiến ác liệt giữa binh tướng Tây Sơn và Nguyễn Ánh, Châu Văn Tiếp tử trận nơi đây.

Sông Cổ Chiên



Ngàn xưa chỗ xác Cự Phan,

Ngàn sau hàng vĩ hiện ngang lưu truyền

Muôn thu hiển hách diêu huyền,

Xinh thay sông Cổ, nước triển miền trời

trước. Một mặt ngăn ngừa quân Chân Lạp có thể thừa cơ khuấy rối, một mặt lo phòng thủ để chống lại quân Tây Sơn.

Tuy nhiên, qua năm Mậu Thân 1788, quân Tây Sơn vẫn hùng dũng đem quân vào đánh Nguyễn Ánh. Riêng tại Long Hồ, cuộc tranh hùng xảy ra dữ dội trên trận địa Bãi Tiên (ngang tỉnh lỵ Vĩnh Long sau này) vào khoảng tháng tư âm lịch. Nhờ thắng một trận lớn nơi Bãi Tiên từ đấy về sau, lãnh thổ miền Nam dưới quyền cai trị của chúa Nguyễn.

Bấy giờ, đất miền Nam chính thức mang tên là Gia Định, chia ra làm 4 dinh:

1. Phiên Trấn dinh.
2. Trấn Biên dinh.
3. Vĩnh Trấn dinh.
4. Trấn Định dinh.

Về trước chỉ có 3 dinh là Phiên Trấn, Trấn Biên, và Long Hồ. Nay Long Hồ dinh cải lại làm Vĩnh Trấn dinh (có sách chép là Trấn Vĩnh dinh) và đặt thêm một dinh Trấn Định (bao gồm một phần đất Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu) tức là chia bớt vùng trực thuộc Long Hồ dinh thuở xưa kia.

Thế là từ năm Đinh Sửu 1757 đời chúa Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, trị sở dinh Long hồ đặt ở xứ Tầm Bào (nay là địa phận thôn Long Hồ); đến năm Kỷ Hợi 1779 dời về châu Hoàng Trấn, huyện Thuận Nghĩa (vùng Trà Vinh), nên cũng gọi là dinh Hoàng Trấn. Nhưng năm sau (Canh Tí 1780) lại dời về Tầm Bào như cũ. Cho đến năm Mậu Thân 1788, Long Hồ dinh thay Hoàng Trấn dinh mới cải lại là Vĩnh Trấn dinh, trị sở vẫn ở thôn Long Hồ không dời đổi nữa.

Về tỉnh thành, theo sách "Đại Nam nhất thống chí": Châu

Vì 100 trượng, cao 1 trượng, rộng 2 trượng 5 thước. Hào thành rộng 6 trượng, sâu 4 thước. Chân quách châu vì 720 trượng. Có 5 cây cầu bắc ngang qua hào nơi 5 cửa thành (cửa đông, cửa tây, cửa bắc, cửa đông nam và cửa tây nam).

Thành cao, hào sâu, đủ sức ngăn chống giặc. Tình trạng an ninh dân chúng từ đây được bảo đảm vững chắc hơn trước nhiều.

Kể về chợ búa, thuở ấy có những chợ nổi tiếng như: chợ Bình Sơn, Tây Mỹ Đông, An Ninh, Thới Khánh, Tân Định, thuộc huyện Vĩnh Bình. Chợ Thiện Mỹ, Quảng Dã, Trà Vinh, thuộc huyện Tân Nghĩa. Đặc sắc nhất là chợ Long Hồ ở địa phận thôn Long Phụng, huyện Vĩnh Bình, lập ra từ năm Nhâm Tý 1732. Chợ này hai mặt giáp sông, phố xá liên tiếp, trăm món hàng hóa tập hợp đủ cả, chạy dài đến 5 dặm, ghe thuyền đậu đầy bến sông. Có đình miếu thờ thần rước rở, đường sá náo nhiệt, làm chỗ phố phường lớn.

Từ năm Kỷ Dậu 1789 trở về sau, an ninh tái lập, dân chúng được ở yên vui nghiệp, chợ búa Long Hồ càng thêm phồn thịnh. Vì bấy giờ Chân Lạp không còn khuấy rối.

Tuy bận điều khiển tướng sĩ chinh chiến với Tây Sơn ở ngoài, nhưng chúa Nguyễn vẫn không quên vỗ về dân chúng miền Nam này. Cho nên, năm Bính Thìn 1796, tháng chạp, chúa Nguyễn thân đến Long Hồ vãng dân. Lúc tết đã cận kề, đồng bào dân chúng Vĩnh Trấn dinh (Vĩnh Long) đón rước Nguyễn Vương, là một sách lược tâm lý chiến chinh phục lòng dân của Nguyễn Ánh, ấy cũng là điểm lịch sử của Vĩnh Long thuở Tây Sơn-Nguyễn Chúa.

III

VĨNH THANH TRẤN

TRONG ĐỜI VUA GIA LONG TRỊ QUỐC

Như chúng tôi đã trình bày ở các chương trước, Vĩnh Long xưa, đầu tiên mang tên là Long Hồ dinh, đất đai bao gồm một vùng rộng lớn Vĩnh Long, Sa Đức, Long Xuyên, Châu Đốc, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Trà Vinh và một phần tỉnh Bến Tre ngày nay. Tỉnh lỵ thì đặt ở xứ Tầm Bào tức vùng Sa Đức bây giờ. Đến khi đổi tên là Hoàng Trấn dinh, cũng gọi là Vĩnh Trấn Dinh, tỉnh lỵ đặt tại vùng Cái Bè hiện nay, rồi dời về Bãi Tân dinh, tục gọi là Bãi Bà Lụa, vốn là một gò đất cao rộng, dòng sông bao quanh, vị trí thuộc huyện Thuận Nghĩa, phủ Lạc Hóa, tức là vùng dưới Trà Vinh một đời; ít lâu lại dời về thôn Long Hồ (tỉnh lỵ Vĩnh Long ngày nay).

Cái tên “Vĩnh Trấn dinh” do Nguyễn Phúc Ánh đặt ra từ năm 1788, sau khi khắc phục thành Gia Định. Nhưng bấy giờ hãy còn bận việc chiến chinh, việc sửa sang cải tổ chưa dứt khoắt hẳn, nên dân chúng Long Hồ dinh vẫn gọi theo tên cũ. Cho đến năm Nhâm Tuất 1802 chúa Nguyễn lên ngôi tức vua Gia Long, non sông đã thống nhất, mới thật sự phân ranh định giới toàn lãnh thổ đầu đó minh bạch:

Thủ đô là Phú Xuân (Huế). Phàm những tỉnh thuộc về Thừa Thiên thì gọi là Kinh Kỳ. Những tỉnh ở về hướng Bắc thì gọi là Bắc kỳ hay là Bắc thành. Những tỉnh ở phía Nam, tức là Bình Thuận trở vào, gọi là Nam Kỳ hay Gia Định thành.

Bắt đầu từ năm Quý Hợi 1803 (Gia Long năm thứ 2) Gia Định thành gồm 4 dinh:

Phiên Trấn dinh

Trấn Biên dinh

Trấn Định dinh

Hoàng Trấn dinh (tức Long Hồ Dinh cũ)

Năm sau, Giáp Tý 1804, Hoàng Trấn dinh đổi lại là Vĩnh Trấn dinh như đã đặt từ năm 1788. Đặt chức Lưu Thủ, Cai Bộ và Ký Lục điều hành các cơ cấu quân sự và chính trị. Qua năm sau lại cải tổ hành chính, đặt chức Trấn Thủ, Hiệp Trấn và Tham Hiệp.

Đến năm Gia Long thứ 7 (Mậu Thìn 1808), lại đổi tên là Vĩnh Thanh trấn là một trong năm trấn của miền Nam lúc bấy giờ:

1. Phiên An trấn (vùng Gia Định và Bình Dương)
2. Biên Hòa trấn (Biên Hòa-Bà Rịa)
3. Vĩnh Long trấn (Định Tường)
4. Vĩnh Thanh trấn (Vĩnh Long-An Giang)
5. Hà Tiên trấn (Hà Tiên, Rạch Giá, Cà Mau)

Vĩnh Thanh Trấn bấy giờ gồm có 1 phủ và 4 huyện :

1 phủ : Định Viễn

4 huyện : $\left\{ \begin{array}{l} \text{Định Viễn} \\ \text{Vĩnh An} \\ \text{Tân An} \\ \text{Vĩnh Định} \end{array} \right.$

Dân số được trên 37.000 người. Diện thổ 139.932 mẫu.

Năm Gia Long thứ 12 (Quý Dậu 1813) bắt đầu xây thành trì để giữ việc trị an trong toàn trấn (1).

Điều hân hạnh cho Vĩnh Long xưa, là trong thời Gia Long trị quốc này, một nhân vật của Vĩnh Long đã từng làm Tổng trấn đầu tiên coi sóc toàn lãnh thổ miền Nam. Ấy là cụ Kinh Môn quận công Nguyễn Văn Nhân, tục gọi quan lớn Sen. Dưới đây là nhiệm kỳ của ba vị Tổng Trấn trong thời Gia Long, mà cụ Nguyễn Văn Nhân đứng đầu:

1. Kinh môn quận công NGUYỄN VĂN NHÂN từ năm 1801 đến 1805.

2. Chưởng Tả quân LÊ VĂN DUYỆT, có hai vị phụ tá là Phó Tổng trấn Trương Tấn Bửu, Hiệp Tổng trấn Ngô Nhân Tịnh, từ 1805-1815.

3. Kiến xương quận công NGUYỄN HUỲNH ĐỨC, có vị phụ tá Hiệp Tổng trấn Trịnh Hoài Đức, từ 1816-1819.

(1) Xìm xem phần di tích nhân vật

IV

VĨNH LONG**TRONG THỜI MINH MẠNG-THIỆU TRỊ**

Vua Minh Mạng lên nối ngôi 1820, đất đai Vĩnh Long xưa vẫn giữ nguyên tình trạng cũ, và vẫn mang tên là “Vĩnh Thanh trấn” với 1 phủ 4 huyện như trong thời Gia Long. Đến năm thứ 4 (Quý Ty 1823) mới bắt đầu sửa đổi ranh giới đôi chút, chia đất huyện Tân An làm thành hai huyện Tân An và Bảo An. Rồi thăng huyện Tân An làm phủ Hoằng An, lấy tổng Tân Minh và tổng Bảo Trị làm thành 2 huyện Tân Minh và Duy Minh. Còn huyện Bảo An lại chia đất làm 2 huyện Bảo An và Bảo Hựu, đặt thêm phủ Hoằng Đạo. Về sau đời vua Thiệu Trị năm thứ tư (Giáp Thìn 1844) đổi tên phủ Hoằng Đạo lại là Hoằng Trị.

Năm Minh Mạng thứ 13 (Nhâm Thìn 1832) mới đổi tên Vĩnh Thanh trấn lại là Vĩnh Long trấn, phân hạt gọi là Vĩnh Long tỉnh. Tên Vĩnh Long bắt đầu có từ đây, thống trị 4 phủ, 8 huyện, 47 tổng, 408 xã thôn như sau:

I- Phủ Định Viễn gồm 2 huyện:

Vĩnh Bình Lãnh 8 tổng, 75 xã

Vĩnh Trị Lãnh 6 tổng, 43 xã

II- Phủ Hoằng An gồm 2 huyện:

Tân Minh Lãnh 6 tổng, 41 xã

Duy Minh Lãnh 5 tổng, 34 xã

III- Phủ Hoàng Trị gồm 2 huyện:

Bảo Hựu Lãnh 6 tổng, 42 xã

Bảo An Lãnh 5 tổng, 27 xã

IV- Phủ Lạc Hóa gồm 2 huyện:

Tuân Nghĩa Lãnh 5 tổng, 76 xã

Trà Vinh Lãnh 6 tổng, 70 xã

Về hành chánh, vua Minh Mạng lại đặt ra chức Tổng đốc Long Tường thống trị hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường, và một vị Bố chính, một vị Án Sát.

Việc tổ chức hành chánh vừa hoàn thành, thì vị Tổng trấn Gia Định thành là cụ Chương Tả quân quận công Lê Văn Duyệt tạ thế. Tiếp theo đó lại xảy ra vụ án Lê Văn Duyệt mà vua Minh Mạng đã khép tội cụ Lê một cách bất công, làm tội đến năm xương người quá cố bằng cách xiềng ngói mộ với 8 chữ đề "*Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xử*" khiến lòng dân miền Nam không khỏi xúc động. Bởi thế, trong năm Quý Tị 1833, người con nuôi của cụ Lê là Lê Văn Khôi hợp với Thái Công Triều, Mạch Tấn Giai và đồng bọn dấy lên đánh phá.

Đẹp xong loạn Lê Văn Khôi, cả người Việt lẫn người Huê kiều lớp bị giết, lớp bị bắt giam vô số. Nhất là đám Huê kiều cư ngụ trên các vùng thuộc về trấn Vĩnh Long, bị liên can với vụ Lê Văn Khôi rất nhiều. Vì đồng bọn của Khôi có Mạch Tấn Giai vốn là người Huê kiều, nên các người Minh hương đều không khỏi bị tình nghi, bắt bớ.

Ngay sau khi Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt mất, vua Minh Mạng bãi bỏ chức Tổng trấn và đổi trấn làm tỉnh, chia

đất miền Nam làm 6 tỉnh gọi là “Nam Kỳ lục tỉnh”, cộng 18 phủ, 43 huyện.

- | | |
|--------------------|-------------------|
| 1. Tỉnh Gia Định | 2. Tỉnh Biên Hòa |
| 3. Tỉnh Định Tường | 4. Tỉnh Vĩnh Long |
| 5. Tỉnh An Giang | 6. Tỉnh Hà Tiên |

Ranh giới 4 tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Định Tường và Hà Tiên không có gì thay đổi, vẫn là đất Phiên An, Trấn Biên, Vĩnh Tường trấn và Hà Tiên trấn cũ. Duy tỉnh An Giang thì lấy đất Tân Châu, Châu đốc và tách hai huyện ở phủ Định Viễn (nguyên thuộc Vĩnh Long) mà đặt ra, tức nay là vùng Long Xuyên-Châu Đốc. Như thế, chúng ta nhận thấy rằng tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn này đã thu hẹp ranh giới đến 1/3.

Trong mỗi tỉnh, vua Minh Mạng đặt những chức : Tổng đốc để quản trị cả hai, ba tỉnh, như Tổng đốc Long Tường thống trị hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường. Quan đầu tỉnh là Tuần phủ. Dưới nữa có các vị Bố chánh sứ, Án sát sứ và Lãnh binh, để đảm nhiệm việc hành chính và quân sự.

Về việc học trong tỉnh thì do Đốc học điều khiển; ở mỗi phủ thì có chức Giáo thụ, mỗi huyện thì có huấn đạo.

Học xá tỉnh Vĩnh Long hoàn thành từ năm Minh Mạng thứ 7 (Bính Tuất 1826), cất ở phía đông tỉnh thành. Đến năm Minh Mạng thứ 14 (Quý Tỵ 1833) mới dời sang phía tây tỉnh thành, ở địa phận huyện Vĩnh Bình.

Trong toàn tỉnh Vĩnh Long, lại thiết lập 3 quan ải, để thuân quan thuế: Ái Long Hồ ở phía đông huyện Vĩnh Bình 5 dặm,

xây cất từ năm Minh Mạng thứ 2 (Tân Tỵ 1821), đến đời vua Thiệu Trị thì bỏ. Ải Thiện Mỹ ở phía bắc huyện Thuận Nghĩa 22 dặm, xây cất từ năm Minh Mạng thứ 18 (Đinh Dậu 1837), và cũng trong năm Minh Mạng thứ 18, dựng ải Hàm rồng ở phía tây bắc huyện Bảo Hựu 44 dặm.

Tuy nhiên, tình trạng an ninh ở Vĩnh Long lúc bấy giờ vẫn thường bị Chân Lạp và Xiêm La đe dọa. Trong năm Quý Tỵ, ngoài việc Lê Văn Khôi dấy loạn, lại còn thêm nạn ngoại xâm, gieo tang tóc làm khổ đồng bào đất Vĩnh Long không ít. Vào cuối năm ấy, binh Xiêm chia làm 5 đạo thủy bộ tràn sang đánh phá ở vùng Hà Tiên, Châu Đốc, Vĩnh Long. Triều đình sai Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đi đánh dẹp, đại phá thủy quân Xiêm ở sông Cổ Cạnh (Vĩnh Long). Chỉ trong vòng một tháng quân ta đuổi binh Xiêm ra khỏi Vĩnh Long tiến đánh lấy lại Hà Tiên và Châu Đốc. Từ ấy, dân chúng Vĩnh Long nói riêng, miền Tây nói chung, mới được an cư lạc nghiệp.

Trong suốt 2 triều Minh Mạng và Thiệu Trị, cương giới tỉnh Vĩnh Long được xác định lại một cách rõ ràng và thích hợp với 1 địa phận hành chánh chứ không còn bao la như thời chúa Nguyễn nữa, nhưng cũng chính trong 2 triều đại này dân Vĩnh Long chịu một tình trạng tang tóc do nội chiến gây ra, sự thống khổ này tỏ rằng dân Vĩnh Long đã từng chịu đựng, họ có đầy nhựa sống để đấu tranh, họ có thừa sinh lực để đối phó với mọi trường hợp, họ có đầy nhiệt huyết trong tinh thần yêu mến quê hương. Tinh thần đoàn kết của họ, giúp họ kiến tạo một quê hương càng tiến dần đến chỗ tốt đẹp.

Người dân tha thiết với quê hương bao giờ cũng nghĩ đến sự trường tồn của quê hương mình.

V

VĨNH LONG**TRONG ĐỜI VUA TỰ ĐỨC**

Triều Tự Đức, ranh giới tỉnh Vĩnh Long vẫn giữ y như đời Minh Mạng, Thiệu Trị, chẳng có gì thay đổi đáng kể. Duy về mặt hành chánh, có thêm chức vụ Kinh lược đại sứ và Kinh lược phó sứ Nam Kỳ, là bậc trên hết trong việc cai trị miền Nam, phụng mạng nhà vua coi các việc binh dân, kiểm soát các Tổng đốc, Tuần phủ và cả thầy quan trong xứ.

Bắt đầu từ năm Tự Đức thứ 3 (Canh Tuất 1850), Thượng thư Bộ Công là Nguyễn Tri Phương sung Kinh lược đại sứ Nam Kỳ, lãnh Tổng đốc Định Biên (Gia Định-Biên Hòa) kiêm Tổng đốc Long An (Vĩnh Long-An Giang). Năm sau, Tân Hợi 1851, nhà vua lại phái Phan Thanh Giản vào phụ tá Nguyễn Tri Phương với chức vụ Kinh lược phó sứ. Sau, có thêm Tham tri Phạm Thế Hiển giúp việc với chức Tham tá Kinh lược sự vụ. Bấy giờ cụ Phan Thanh Giản đặt Tổng hành dinh tại Vĩnh Long, thường tiếp xúc với đồng bào miền Tây, lắng nghe nguyện vọng các giới quân dân chính để đạo đạt lên nhà vua phát lạc.

MỘNG XÂM LĂNG CỦA NGƯỜI PHÁP BẮT ĐẦU

Cho đến năm Mậu Ngọ 1858, binh đội Pháp xâm phạm lãnh thổ ta, triều đình mới rút cụ Nguyễn Tri Phương về Kinh để liệu cách đối phó. Nhưng tình hình càng ngày càng căng thẳng.

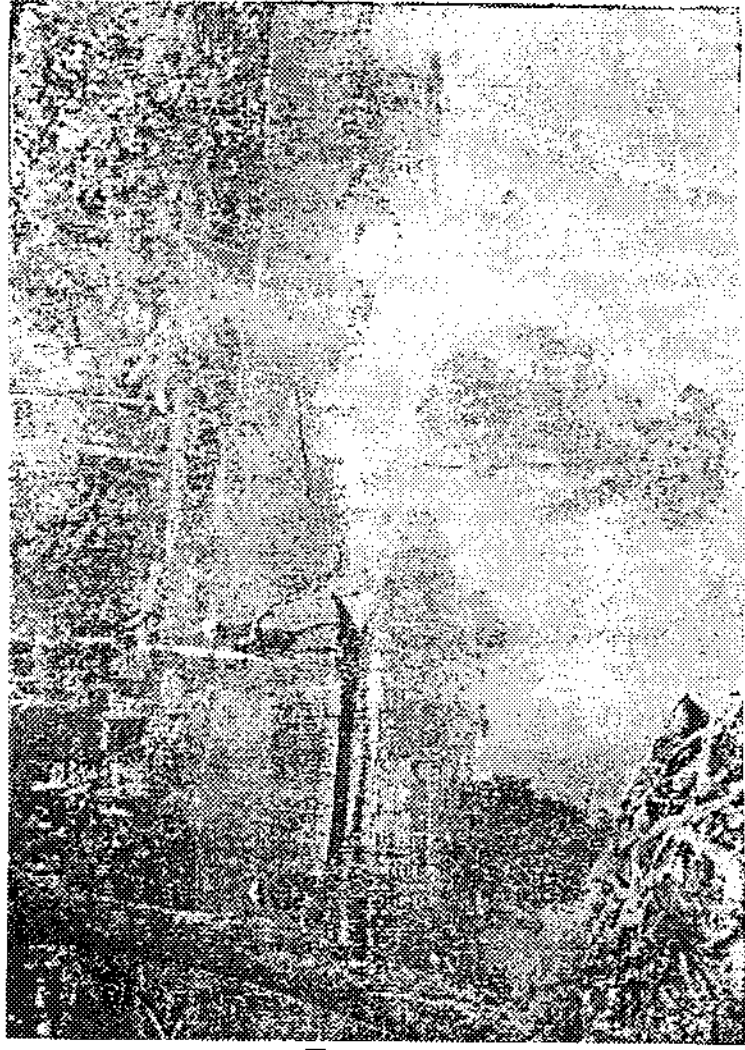
Cho đến lúc binh đội Pháp đánh lấy Saigon trong năm 1859, thì vùng Long Tường (Định Tường và Vĩnh Long) sống trong tình trạng báo động. Nhất là đến năm 1861, sau khi đánh lấy Đà Nẵng, quân Pháp chiếm luôn ba tỉnh miền Đông Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, nạn binh lửa càng gây không khí ngột thở cho người dân trong ba tỉnh miền Tây Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Vào giai đoạn này, triều đình lại phái cụ Nguyễn Tri Phương trở vào Nam với chức vụ Gia Định quân thứ, Tổng đốc quân vụ đại thần, lãnh trọng trách điều khiển toàn quân toàn dân Nam kỳ chống lại với quân Pháp.

Nhưng sau khi quân ta thất thủ đồn Kỳ Hòa, Nguyễn Tri Phương bị trọng thương phải lui về Kinh điều trị, quân Pháp càng được thế tung hoành. Tháng 3 năm Nhâm Tuất 1862, quân Pháp tiến lấy Vĩnh Long trong ngày 28 d.l. Tổng đốc Vĩnh Long và Trương Văn Uyển điều khiển chống giữ được 2 ngày thì thành bị vỡ, phải lui về phía tây sông Cửu Long.

Tình thế gay go. Dân chúng nổi lên ở nhiều nơi, cương quyết chống ngoại xâm. Triều đình lo ngại, sai cụ Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp thương thuyết cầu hòa. Do đó hòa ước ngày 5/6/1862 thành hình ký kết giữa sứ thần Việt Nam là Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp với đại diện liên quân Pháp-Ý là Thiếu tướng Bonard và Palanca.

Hòa ước gồm 12 điều khoản, trong đó khoản 11 liên quan đến Vĩnh Long:

“Nước Pháp mặc dầu đang chiếm đóng tỉnh Vĩnh Long, sẽ bằng lòng trả lại tỉnh ấy cho Chính phủ Đại Nam và không dự vào việc riêng trong xứ, chỉ để cho nhà đương cuộc Đại Nam kiểm soát và cai trị, nhưng kiều dân Pháp ở Vĩnh Long phải



Quang
cảnh
Vàm rạch
Cái Cá
năm xưa
còn
lưu dấu

được bảo vệ an toàn".

Và một đoạn khác trong hòa ước, nhấn mạnh:

"Triều đình Huế phải sớm gọi về những quan lại mà triều đình đã phái đi trước và trong lúc chiến tranh, để điều khiển các cuộc hành quân chống Pháp hiện còn ẩn náu ở ngoại ô các tỉnh bị chiếm.

"Cuộc chiến tranh đã hoàn toàn chấm dứt, nếu họ còn ở đó sẽ gây ra những cuộc xung đột không thể tránh được. Chỉ phải theo điều kiện này, Pháp mới trả Vĩnh Long lại cho Đại Nam".

Xuyên qua lời lẽ từng khoản trong hòa ước, chúng ta nhận thấy rằng người Pháp cố tình chiếm đoạt luôn ba tỉnh miền Đông. Còn một trong ba tỉnh miền Tây là Vĩnh Long thì cũng có hứa trả, nhưng chỉ là hứa suông. Nhất là các điều kiện tiên quyết: Buộc triều đình ta phải bảo vệ kiều dân Pháp ngụ ở Vĩnh Long, và phải gọi các quan triều trở về, chứng tỏ khi ấy người Pháp dấu cố giao trả Vĩnh Long đi nữa, một số đông sẽ còn ở lại đấy, và các quan triều, khi ấy đều có tinh thần phản kháng, chống xâm lăng.

Hòa ước 5-6-1862 không làm hài lòng một ai. Vua Tự Đức khiển trách cụ Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, xuống lệnh sai cụ Phan Thanh Giản làm Tổng đốc Vĩnh Long, Lâm Duy Hiệp làm Trấn thủ Khánh Thuận, phải vận động thương thuyết lại với Pháp.

Cụ Phan vâng mạng trấn nhậm Vĩnh Long, một mặt trấn an dân chúng, một mặt mở cuộc đàm phán lại với đại diện chính phủ Pháp. Nhưng cuộc đàm phán cũng không đi đến đâu cả.

Năm sau, Quý Hợi 1863, vua Tự Đức định thương thuyết với vua Pháp là Nã Phá Luân đệ tam (Napoléon III) tại nước Pháp mới 4/3/1863, sứ bộ gồm có: Chánh sứ Phan Thanh Giản, hai vị phó sứ là Phạm Phú Thứ, Ngụy Khắc Đản và 53 tùy viên xuống tàu “l'Européen” sang Pháp,.

Nhưng cũng chỉ hoài công. Người Pháp không thật lòng muốn giao hòa, thâm tâm toan tính gồm nuốt đất nước ta mà thôi. Bởi thế, chẳng những không trả ba tỉnh miền đông, binh đội Pháp lại sửa soạn tấn công.

CHUYỂN ĐI NGHỊ HÒA CỦA PHÁI BỘ NAM TRIỀU ĐÃ BẤT THÀNH

Nhận thấy tình hình nghiêm trọng, Tổng đốc Vĩnh Long bấy giờ là Trương Văn Uyển đệ sớ về triều cáo cấp. Triều đình cử cụ Phan Thanh Giản làm Kinh lược sứ vào trấn nhận Vĩnh Long lần nữa để đối phó với thời cuộc. Trung tuần đầu tháng 6 dương lịch, Thiếu tướng De Lagrandière hội 1.400 quân tại Định Tường. Tờ mờ sáng ngày 20-6-1867 binh bội Pháp từ Định Tường kéo qua Vĩnh Long tấn công, đoạt thành Vĩnh Long trong ngày ấy, rồi ngày 22-6 chiếm An Giang. Ngày 24-6 chiến Hà Tiên. Và ngày 25-6, De Lagrandière bố cáo trọn xứ Nam Kỳ từ đây thuộc Pháp.

Ngay khi liệu thế chống không nổi, đành nộp thành Vĩnh Long cho Pháp để dân chúng khỏi sự tai hại, cụ Phan Thanh Giản tuyệt thực, rồi cuối cùng nâng chén thuốc độc tự tử, dẫn lại các con không được nhận chức tước của Chính phủ Pháp.

Vĩnh Long thất thủ. Sáu tỉnh Nam Kỳ đều đã thuộc Pháp.

Nhưng dân chúng há dễ khuất phục quân đội ngoại xâm trong một sớm một chiều. Nơi nơi đều có sự chống đối của các sĩ phu yêu nước, tổ chức dân quân nghĩa dũng cương quyết kháng chiến, đòi lại chủ quyền. Riêng tại Vĩnh Long, có những cuộc khởi nghĩa đáng kể:

Đảng cự. Khi quân đội Pháp chiếm Vĩnh Long lần đầu, năm 1862, các cự thần nhà Nguyễn đều bỏ quan, ẩn nấu chờ cơ hội quật khởi. Kịp khi cuộc hòa đàm giữa sứ bộ ta và Pháp hoàng còn kéo dài, các vị cự thần này âm thầm tổ chức kháng chiến, vì tiên đoán người Pháp chắc không thành thật giao hòa. Quả nhiên từ sau năm 1864, nhận thấy người Pháp cố tình chiếm đất nước này, nhóm cự thần nhà Nguyễn liền dấy nghĩa tại Vĩnh Long. Nhưng thanh thế chưa được lớn thì đã bị đàn áp tan rã. Nhà làm sử gọi nhóm cự thần này là Đảng cự.

BA TỈNH MIỀN TÂY THẤT THỦ LÒNG DÂN SÔI ĐỘNG, CUỘC KHỞI NGHĨA BÙNG LÊN

Sau khi cụ Phan Thanh Giản quyền sinh, các con của cụ là Phan Tôn, Phan Liêm, Phan Ngũ vâng lời di chúc, tuyệt đối phủ nhận những lợi lộc của đại diện chính quyền Pháp trao cho. Chẳng những không nhận chức tước gì của Pháp, Phan Tôn và Phan Liêm còn đứng lên gọi đàn, cầm đầu nghĩa quân kháng chiến ở Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc, Bến Tre.

Cụ Nguyễn Đình Chiểu khi ấy từng có lời tán thưởng nghĩa cử của Phan Liêm, Phan Tôn, qua 10 bài thơ điệu Phan Công Tông tử nghĩa ở Giồng Gạch, nồng nàn thấm thiết trong mấy câu:

"Trống nghĩa Bảo An nghe sấm dậy

"Cờ đề công tử guồng mây qua.

Tay sai Đốc phủ Tôn Thọ Tường và Tổng đốc Đỗ Hữu Phương và người Pháp hết sức dụ hàng mà chẳng được.

Đến khi thế cùng lực kiệt, Phan Liêm và Phan Tôn chạy ra Bắc về sau theo cụ Nguyễn Tri Phương kháng cự binh Pháp tại Hà Nội trong năm 1873, có sách nói hai vị này qua Gò Công ngồi ghe bầu chạy ra Bình Thuận? Cụ Phan dưới tuổi vàng hăn ngậm cười các con không làm tổn thương danh tiết của cụ, và tin tưởng một số con dân của đất nước với lòng dũng cảm chí can trường nung nấu họ không thể ngồi yên để cho giặc Pháp hoàn thành gây cảnh máu rơi thịt đổ cho người dân Việt.

Từ ngày quân Pháp chiếm đoạt thành Vĩnh Long của Nam Triều các cuộc khởi nghĩa của sĩ phu trong nước lan tràn, từ miền Đông cho đến miền Tây vùng đồng bằng châu thổ, qua các tỉnh lân cận, Trà Vinh, Mỹ Tho, An Giang v.v...

Nhưng trung tâm kháng chiến thì ở tại huyện Bảo An, miền Nam tỉnh Bến Tre (nay là Kiến Hòa).

Ngày đêm nghĩa quân hoạt động không ngừng, quân Pháp rất khổ nhọc chiếm từ đồn này đến đồn khác, dẹp nhóm này xong, nhóm khác mọc lên như vết dầu lan. Cũng trong năm 1867, Đinh Sâm một nông dân khởi nghĩa binh tại Láng Hầm quận Phong Điền tỉnh Cần Thơ (Phong Dinh) ngày nay, giết Cai Tổng Định Bảo là Nguyễn Văn Vinh để cảnh cáo cho những ai mãi quốc cầu vinh, giúp tay cho giặc sát hại dân lành.

Nghĩa binh này lại bị Trần Bá Lộc và Huỳnh Công Tấn,

hai tên Việt gian đắc lực của Pháp đàn áp giải tán. Năm 1868 ngày 5-2 nghĩa quân tập kích đồn Hương Diễm, cuối rạch Bến Tre, tháng 7 quân đội Pháp đánh chiếm một cái trại lập tại Cái Mít và sanh cầm một viên Đề Đốc của ta.

Tháng 8 một người cháu cụ Phan, tên Phan Lữ tử trận trong một cuộc tấn công các làng Phú Ngải và Tân Diễm, huyện Bảo An, vì tình thế địa cư tỉnh Bến Tre nhiều sông rạch, nên cuộc hành quân của Pháp thuận lợi trong việc đánh dẹp nghĩa quân lần đầu tiêu hao phải di chuyển nơi khác.

Ngày 16-6-1868, anh hùng Nguyễn Trung Trực đánh chiếm đồn Rạch Giá giết hại một số người Pháp và lính Mã Tà, trận này Pháp thất bại nặng, phải viện binh từ Vĩnh Long, Định Tường qua để bổ sung con số tổn thất.

Năm 1869 tháng 5, một nhóm nghĩa quân có súng ống từ Bình Đại kéo qua tấn công làng Đồng Xuân, huyện Bảo An (Bến Tre) giết viên Cai Tổng và người em là Xã Trưởng và một số tay sai: Bếp Nghĩa, cai Nở, thi hành xong rồi rút về Gò Công.

1870 cho đến 1872 ở miền Đông có nhóm nghĩa quân của Quản Hớn, “18 thôn vườn trầu” tại Gò Vấp, Hóc Môn. Bà Diễm nổi lên chống với người Pháp bằng du kích, nhưng bị một số đông của địch bám chặt vòng vây, chết gần hết còn sống sót trên 60 người, thề với nhau thà liều tử chiến không một người nào chịu ra hàng giặc, cao cả thay! những anh hùng tử sĩ ấy đáng cho muôn đời ghi tạc vào lòng với niềm mến tiếc.

Cuộc kháng Pháp đã nung nấu vào huyết quản của người dân Việt, liên tục tranh đấu không ngừng khoảng năm 1872.

Nhân dân Vĩnh Long hưởng ứng với các nghĩa sĩ Cần Vương

hùng dũng chống xâm lăng. Có Lê Văn Thanh, Phạm Văn Đồng, Âu Dương Lân, Lâm Văn Lễ khởi nghĩa ở Vĩnh Long, Long Xuyên, Cần Thơ.

Năm 1874 thì có Nguyễn Xuân Phụng, Đoàn Công Bửu khởi nghĩa ở Cầu Ngang (Trà Vinh).

Năm 1875: Lê Tấn Kế, Trần Bình khởi nghĩa tại Ba Động (Trà Vinh).

Các vùng Long Xuyên, Cần Thơ, Trà Vinh khi xưa đều vẫn là đất Long Hồ dinh, nên chỉ những người con đất nước sinh trưởng nơi ấy cũng như ở tất cả mọi nơi trên đất Việt đều cảm thấy sôi máu căm hờn khi gót giày xâm lược giẫm đạp đến miền Tây Nam Kỳ. Những cuộc vận động nghĩa dũng Cần Vương đều thất bại. Dù chẳng thành công, nhưng cũng đã làm nổi bật chí kiêu hùng tinh thần bất khuất của dân quân miền Nam, không lùi bước trước võ khí tân kỳ và lực lượng hùng hậu của chúng.

Dân quân ta một lòng đấu tranh hy sinh xương máu, đối phó sự áp bức bất công của đoàn viễn chinh xâm chiếm gieo rắc sự đau thương cho xóm làng.

Dứng trước tình thế một nước bị trị, kẻ có trách nhiệm nặng lòng với tổ quốc non sông, không thể ngồi khoanh tay nhìn cảnh máu rơi thịt đổ, vì thế có biết bao lớp người tự nguyện nối tiếp nhau xung phong giết giặc.

CUỘC KHỞI NGHĨA CẦN VƯƠNG LỊCH SỬ

Đáng cảm khái hơn cả là cuộc khởi nghĩa của Đốc binh

Thế Căn, Nguyễn Giao lừng lẫy tăm tiếng nơi Vũng Liêm. Chính chàng tuổi trẻ Nguyễn Giao đã cùng đồng chí dấy quân chống Pháp cực kỳ hăng hái, và giết chết quan Tham Biện đầu tiên ở Vĩnh Long là Salicetti tục gọi là ông Bồi Xề. Dân gian truyền tụng, gọi cuộc khởi nghĩa này là Cầu Vong, làm cho Pháp xuống tinh thần mất ăn mất ngủ, đám tay sai đắc lực của chúng quyết bảo vệ quan thầy để trả thù không nhượng bộ.

Một hôm đám người vong bốn phần lại giống nòi, dẫn lính Miên đi ruộng bố, cướp của đốt nhà của đồng bào, thẳng tay tàn sát. Trong hàng ngũ lúc bấy giờ có mặt tên Trần Bá Lộc, Đội Tấn là hai tên Việt gian khét tiếng, ra lệnh bắn giết gây cảnh núi xương sông máu diễn ra không bút mực nào tả cho xiết.

Các anh hùng liệt sĩ lần lượt trả nợ núi sông ngã gục trước sức mạnh, binh đồng của chúng đàn áp.

Chúng tôi xin trích một bài thơ bất hủ của một nhà đại văn hào Pháp là VICTOR HUGO (1) ta thán, không tiếc lời ca tụng thái độ anh hùng của những đứa con Tổ quốc trước lần tên mũi đạn chống xâm lăng, bảo vệ đất nước, xem tấm thân nhẹ tựa lông hồng.

(1) Bài này ám chỉ chung các chiến sĩ hy sinh cho Tổ quốc chứ chẳng riêng một nước nào.

MORTS POUR LA PATRIE

*Ceux qui, pieusement sont morts pour la patrie,
Ont droit que leur cercueil la foule vienne et prie.
Entre les plus beaux noms, leur nom est le plus beau.
Toute gloire passe près d'eux et tombe éphémère,
Et comme ferait une mère,
La voix d'un peuple entier le berce en leur tombeau.*

*

* *

*Gloire à notre patrie éternelle (I)
Gloire à ceux qui sont morts pour elle.
Aux martyrs: Aux vaillants! Aux forts!
A ceux qu'en flamme leur exemple,
Qui veulent prendre la place au temple,
Et qui mourront comme ils sont morts!*

ANH HÙNG VỊ QUỐC VONG THÂN

*Kìa người vì nước quên thân,
Trước quan tài được quốc dân nguyện cầu;
Phương danh ấy còn đâu nào bằng?
Trải xưa nay danh dự nào bằng?
Trước mồ dân chúng khóc thương,*

(I) Nguyên văn là: "Gloire à la France éternelle, Ông Đạm Nguyên đổi chữ France ra chữ "Patrie" cho hợp thời.

Trích "Nợ bút duyên văn" Xuân Canh Tý 1960 của Đạm Nguyên.

Tựa hồ thấy mẹ dịu dàng ru con.

*

*

*

Ngàn muôn năm: giang sơn tổ quốc,
 Vinh cho ai vì nước quên mình
 Nào người dũng cảm tình anh
 Nào người nghĩa hiệp nổi danh ở đời
 Nếu những muốn dự dài chiến sĩ,
 Hãy hy sinh theo chí người xưa
 Tắm gương anh dũng chưa mờ
 Tận trung báo quốc ấy là thác vinh.

Tinh thần nghĩa dũng, chí bất phục ngoại bang đã làm nổi bật lòng yêu nước của người Việt Nam nói chung và dân Vĩnh Long nói riêng. Người miền Nam vốn hiền hòa, thuần hậu, đặc tính tốt của con người Á Đông, nhưng không vì thế mà thiếu tinh thần chiến đấu, thiếu sức chống trả ngoại bang, lịch sử đã chứng minh như vậy. Những cuộc chống Pháp dài dai tỏ rằng tuy hiền hòa chất phác nhưng là một sắc dân sống hào hùng đầy tiến thủ, người Việt có thể tự tin ở sức sống của mình, một sức sống mạnh. Cũng nhờ tính can cường bất phục ngoại bang, và tin tưởng vào tương lai mà dân Vĩnh Long đã không thiếu người dũng mãnh kháng Pháp trong thời Pháp xâm lăng. Người Vĩnh Long đã góp công tô điểm cho quê hương họ đã đẹp càng đẹp thêm, đã phong phú càng phong phú và giàu có hơn.

Người Vĩnh Long sống gian lao, anh dũng trong thời Pháp xâm lăng, sự tin tưởng vào sức sống và tương lai tốt đẹp của quê hương đã làm họ sống, sống một cách đẹp đẽ và đầy nghị lực đấu tranh.

Người Vĩnh Long tin tưởng vào tương lai của xứ sở họ.

TỔ CHỨC NỀN HÀNH CHÁNH DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC

Xứ Nam Kỳ lúc bấy giờ đã hoàn toàn thuộc về tay của người Pháp. Chánh phủ Pháp tổ chức việc cai trị thuộc địa: trên là Thống đốc Nam Kỳ, thứ là Thanh tra Hành chánh và Chánh trị,

Hành chánh địa phương thì có:

- Chánh Tham biện
- Chủ Quận
- Cai, Phó Tổng
- Ban Hội tế (tức là Hội đồng hương chính) hay

Hội đồng , xã hiện nay).

Sau đây chúng tôi xin nêu những địa điểm thuộc 6 tỉnh miền Nam gọi là xứ Nam Kỳ lục tỉnh do người Pháp tổ chức các Tham biện như sau:

I- Tỉnh Saigon có 7 Tham biện ở 7 nơi:

1. Saigon : châu thành Saigon
2. Chợ Lớn : châu thành Chợ Lớn
3. Phước Lộc : châu thành Cần Giuộc
4. Tân Hòa : châu thành Gò Công
5. Tân An : châu thành Bình Lập
6. Tây Ninh : châu thành Tây Ninh
7. Quang Hóa : châu thành Trảng Bàng

II- Tỉnh Mỹ Tho có 4 Tham biện:

1. Mỹ Tho : châu thành Mỹ Tho
2. Kiến Hòa : châu thành Chợ Gạo
3. Kiến Phong : châu thành Cần Thơ
4. Kiến Đăng : châu thành Cai Lậy

III- Tỉnh Biên Hòa - 5 Tham biện:

1. Biên Hòa : châu thành Biên Hòa
2. Bà Rịa : châu thành Bà Rịa
3. Bình An : châu thành Thủ Dầu Một
4. Long Thành : châu thành Long Thành
5. Nghĩa An : châu thành Thủ Đức

IV- Tỉnh Vĩnh Long - 3 Tham biện:

1. Vĩnh Long : châu thành Vĩnh Long
2. Lạc Hòa : châu thành Trà Vinh
3. Hoàng Trị : châu thành Bến Tre

V- Tỉnh Châu Đốc - 2 Tham biện:

1. Châu Đốc : châu thành Hà Tiên
2. Rạch Giá : châu thành Rạch Giá

Xem qua vị trí 6 tỉnh do người Pháp phân ranh định giới lúc mới chiếm Nam Kỳ, chúng ta nhận thấy rằng khu vực tỉnh Vĩnh Long vẫn gồm có phần đất Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre, chỉ có phần đất Sa Đéc thì nằm về khu vực Châu Đốc.

Tỉnh Vĩnh Long bấy giờ đặt 3 sở Tham biện, do vị Chánh tham biện đứng đầu coi sóc việc cai trị trong địa hạt:

1. Sở Tham biện Lạc Hòa tại châu thành Trà Vinh, thuộc

huyện Trà Vinh, phủ Lạc Hòa.

2. Sở Tham biện Hoằng Trị, châu thành Bến Tre, gồm 3 huyện Bảo An, Tân Minh và Duy Minh, phủ Hoằng Trị.

Năm sau, ngày 1^{er} Janvier 1868, lại tách Bến Tre và Trà Vinh ra lập thành hai sở Tham biện Bến Tre, Trà Vinh. Từ đây, tỉnh Vĩnh Long chỉ còn nằm gọn trong vị trí thu hẹp gần như tỉnh Vĩnh Long bây giờ.

Và kể từ 1899, do nghị định ngày 20 tháng 12 dương lịch bãi bỏ chữ tham biện (Inspection) mà gọi là tỉnh (Province); chữ Inspecteur thì đổi là Administrateur - Chef de Province (quan cai trị tỉnh - Chủ tỉnh).

Suốt thời gian Pháp thuộc, Vĩnh Long vẫn có những người con đất nước nặng lòng xót giống thương nòi, âm thầm chống đối. Trong khoảng 1907 về sau, nhiều gia đình ở Vĩnh Long, hưởng ứng với phong trào Đông Du do các chí sĩ Trung Bắc đề xướng, ngầm quyên tiền của trợ cấp, và cho con ra ngoại quốc cầu học và hoạt động cách mạng. Phần đông từng sát cánh phù trợ cho đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để trong tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội. Thậm chí khi đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để lên về nước, rồi bí mật có mặt tại Vĩnh Long, các nhân vật ái quốc đều nhiệt thành tán trợ, đáng kể có Huỳnh Quang Thành, Lâm Bình, Tâm Tử, Lâm Cần, Lưu Do Hưng v.v... Đặc biệt có Trương Duy Toàn từng theo đức Kỳ Ngoại Hầu sang Âu châu (cùng đi có Lâm Tử và Đỗ Văn Y. Cả ba người đều giúp đức Kỳ Ngoại Hầu rất đắc lực. Trương Duy Toàn giỏi tiếng Pháp, Lâm Tử giỏi tiếng Anh, còn Đỗ Văn Y thông tiếng Đức).

Nhưng chí nguyện không thành! Chí sĩ, nhân sĩ đôi phen

nuốt hận căm hờn!

Cho đến ngày 9-3-1945 nhân dịp Nhật đảo chánh Pháp, Toàn dân Việt vùng lên. Vĩnh Long cũng như bao tỉnh khác, lần đầu tiên theo trào lưu, thay đổi sắc thái cho xứng đáng với dãy giang san gấm vóc.

VĨNH LONG CẬN ĐẠI

Người thời Pháp thuộc, tỉnh Vĩnh Long gồm có 4 quận, 47 xã:

- 1) Quận Châu Thành 21 xã
- 2) Quận Vũng Liêm 8 xã
- 3) Quận Chợ Lách 11 xã
- 4) Quận Tam Bình 7 xã

Do Nghị định Tòa Đại Biểu Chính phủ số 2228 H.C.S.V. ngày 18-8-1955, quận Châu Thành được phân ra làm 2 quận: Quận Châu Thành và quận Cái Nhum. Nhưng sau đó, do sắc lệnh số 16-NV ngày 9-2-1956, cắt quận Tam Bình sáp nhập về tỉnh Tam Cần, mới thành lập, thành ra thêm 1 quận lại bớt đi 1 quận, như sau:

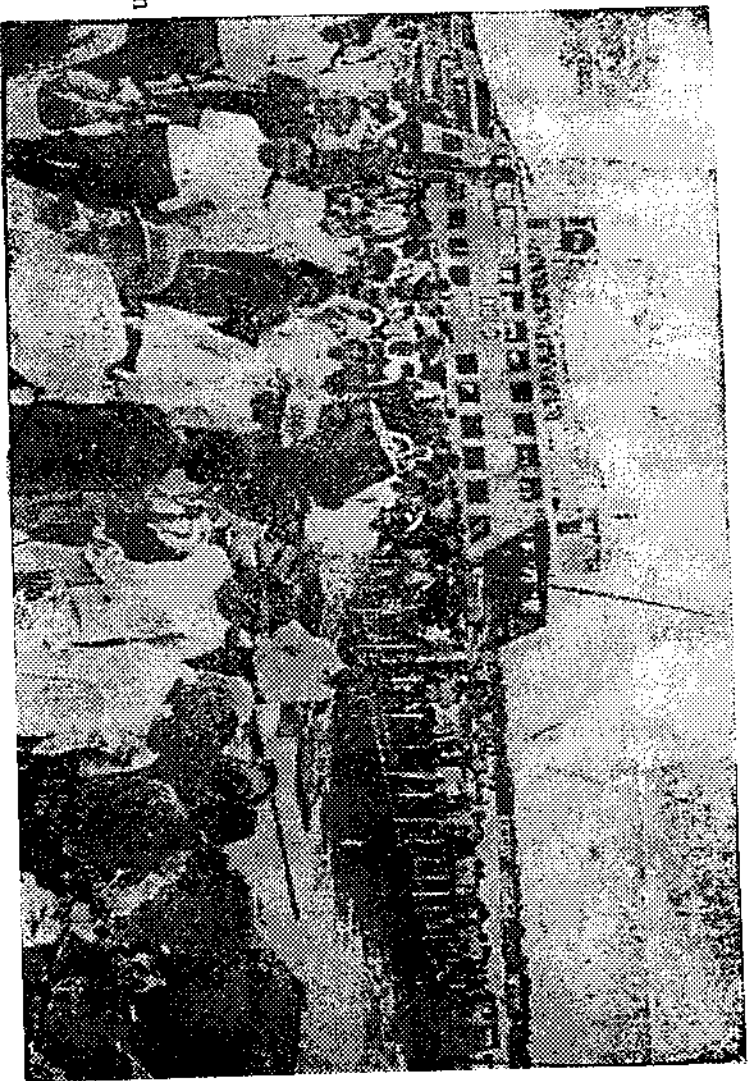
- 1) Quận Châu Thành 12 xã
- 2) Quận Vũng Liêm 8 xã
- 3) Quận Chợ Lách 11 xã
- 4) Quận Cái Nhum 10 xã

Do Nghị định số 308-BNV/NĐ ngày 8-10-57, Vĩnh Long lại gồm 6 quận, 85 xã:

- 1) Quận Châu Thành 18 xã
- 2) Quận Chợ Lách 16 xã
- 3) Quận Tam Bình 10 xã
- 4) Quận Bình Minh 10 xã
- 5) Quận Lấp Vò 11 xã
- 6) Quận Sa Đéc 20 xã

Bắc Mỹ Thuận

Vừa cập
bốn phía
Vịnh Long,
cảnh nào
nhiệt kẻ lên
người
xuống.



Trên dòng sông Cửu Long.

Rồi ngày 15-3-61 quận Cái Nhum được tái lập lấy tên là Minh Đức. Rồi do Nghị định số 719-NV ngày 11-7-62 thành lập thêm 2 quận Đức Tôn và Đức Thành. Bấy giờ Vĩnh Long có đến 9 quận 24 tổng 81 xã như dưới đây:

- | | |
|--------------------|-------------------------|
| 1) Quận Châu Thành | gồm có 4 Tổng và 14 xã. |
| 2) Quận Chợ Lách | gồm có 3 Tổng và 9 xã |
| 3) Quận Tam Bình | gồm có 3 Tổng và 8 xã |
| 4) Quận Sa Đéc | gồm có 3 Tổng và 13 xã |
| 5) Quận Bình Minh | gồm có 2 Tổng và 6 xã |
| 6) Quận Lấp Vò | gồm có 2 Tổng và 8 xã |
| 7) Quận Minh Đức | gồm có 2 Tổng và 8 xã |
| 8) Quận Đức Tôn | gồm có 2 Tổng và 7 xã |
| 9) Quận Đức Thành | gồm có 3 Tổng và 8 xã |

Nhưng gần đây, tỉnh Sa Đéc được chính thức tái lập từ ngày 24-9-66 do Sắc lệnh số 162 SL/ĐUHC. Do đó gồm có 3 Tổng và 9 xã phải tách ra 4 quận: Sa Đéc, Lấp Vò, Đức Tôn và Đức Thành quy hoàn cho tỉnh Sa Đéc và đồng thời sắc lệnh số 06-SL/ĐUHC ngày 14-1-1967, 2 quận Vũng Liêm và Trà Ôn của tỉnh Vĩnh Bình được sáp nhập vào tỉnh Vĩnh Long.

Sau này Vĩnh Long gồm có 7 quận.

Diện tích là 159.583 mẫu 57 chia ra như sau:

Quận Châu Thành	: 19.687,10
Quận Trà Ôn	: 25.738,86
Quận Vũng Liêm	: 29.954,61

Quận Bình Minh	: 22.738,94
Quận Tam Bình	: 26.367,52
Quận Chợ Lách	: 16.890,66
Quận Minh Đức	: 18.205,76

TỔNG KẾT VỀ PHẦN LỊCH SỬ TỈNH VĨNH LONG QUA NHIỀU GIAI ĐOẠN:

- 1) Kể từ 1658 trở về trước thuộc địa phận nước Chân Lạp.
- 2) Kể từ 1658 đến 1730 Vĩnh Long nhiều lần đặt dưới sự bảo trợ của Chúa Nguyễn.
- 3) Từ 1730 đến 1759 là thuộc địa của Chúa Nguyễn.
- 4) Từ 1760 trở về sau, vua Chân Lạp nhượng đất cho Việt Nam.
- 5) Từ 1867 bị đặt dưới chế độ thuộc địa của Pháp.

Đây chúng tôi xin lược kê các vị Tham Biện từ thời Pháp thuộc đến trấn nhậm tỉnh Vĩnh Long.

Tài liệu này do các vị công chức hồi hưu kể lại cho chúng tôi ghi chép, nhưng rất tiếc không được đầy đủ, vì tỉnh Vĩnh Long trải qua bao lần binh biến nên sổ sách lưu trữ bị thất lạc, chỉ sưu tầm một ít để tượng trưng.

Xuyên qua sự thay đổi thăng trầm của Vĩnh Long từ xưa tới nay chúng ta nhận thấy trên con đường hình thành, Vĩnh Long đã tiến theo chiều thuận, người Vĩnh Long không hổ thẹn

với nhịp sống hiền hòa mà dũng cảm của mình. Ngày nay địa vị ưu tiên kinh đô miền Tây nước Việt đã nhượng lại cho Cần Thơ, một đô thị được chọn lựa và đang cực lực phát triển, nhưng Vĩnh Long không vì thế mà dừng lại. Với nhịp tiến hóa từ tốn, không ngừng, ta có thể tin tưởng vào tương lai đầy hứa hẹn của Vĩnh Long.

ĐỊA LÝ

Tỉnh Vĩnh Long cũng như bao tỉnh khác miền Nam vốn do đất phù sa cấu tạo, phì nhiêu, thích hợp việc trồng lúa, các loại cây trái và cây kỹ nghệ như bố, bông vải. Phần nhiều trên mặt đất có mầu mỡ, kể là đất sét. Cũng vì ảnh hưởng địa chất mà đồng bào phần đông sống về nghề nông.

Vị trí - Giới hạn - Tỉnh Vĩnh Long nằm vào trung tâm Nam phần Việt Nam, giáp ranh với các tỉnh: Kiến Tường, Định Tường, Phong Dinh, Vĩnh Bình, Kiến Hòa và An Giang.

Ranh giới tỉnh Vĩnh Long là những ranh giới thiên nhiên:

Bắc : sông Tiền Giang

Nam : sông Hậu Giang

Đông : Kinh Nicolai và rạch Mân Thít

Tây : Cái Tàu Thượng

Sông Cửu Long: Sông Tiền Giang là khúc cuối của sông Cửu Long. Từ Châu Đốc tới Vĩnh Long, chảy theo hướng Tây Bắc Đông Nam. Tới Vĩnh Long, Tiền Giang chia nhiều chi nhánh chảy ra biển bằng 6 cửa:

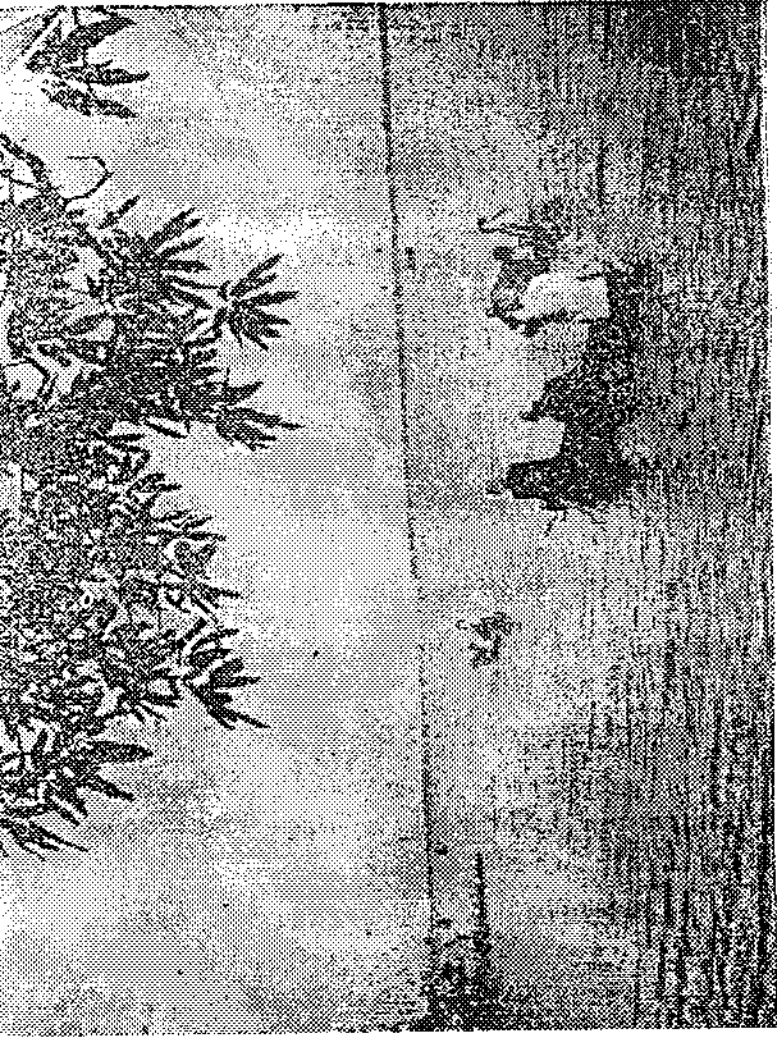
- Cửa Tiền

- Cửa Đại

- Cửa Ba Lai

- Cửa Hàm Luông

Trên dòng sông Hậu



Đáy Hậu Giang! Đáy Hậu Giang!

Nhánh sông uốn bó Cầu Long Giang.

Phù sa cuộn chảy trong dòng nước.

Khởi sóng hòa hơi thở xóm làng.

- Cửa Cổ Chiên

- và Cửa Cung Hầu

Hậu Giang là khúc cuối cùng của sông Cửu Long chảy ra biển bằng 2 cửa: Định An, Ba Thắc và Tranh Đề.

Lưu lượng của sông rất lớn, nước sông có nhiều phù sa, từ tháng giêng đến tháng 2, 3, 4 mực nước rất đều; từ tháng 5 đến tháng 6 mực nước tối đa. Từ tháng 7, 8, 9, 10 và 11 dương lịch vào mùa nầy các sông ngòi kinh rạch đều lưu thông vào đồng ruộng ngập lênh láng do ngọn nước từ Châu Đốc đổ xuống. Các tỉnh kế cận: Long Xuyên, Sa Đéc, Vĩnh Long bị ảnh hưởng, năm nào mực nước lên cao thiệt hại hoa mầu không ít.

Cửu Long có rất nhiều tôm cá, nước sông dâng lên vừa phải đem mầu mỡ cho đồng ruộng, vườn lược cây trái oằn sai.

Sông ngòi. - Tỉnh Vĩnh Long thấm nhuần dòng nước Cửu Long, chảy hai bên hợp thành ranh giới thiên nhiên và nhân tạo cấu thành bộ phận sông ngòi phong phú vùng lưu vực sông Cửu Long.

Không có núi đồi. Nhưng sông rạch quan trọng trong tỉnh khá nhiều; kể sông rạch qua các quận:

1) **Quận Châu Thành** - Nằm trong khu vực Tiền Giang, chia ra nhiều nhánh chảy qua các vùng gồm có:

- Sông Cổ Chiên

- Sông Long Hồ

- Sông Cái Cá

- Sông Cái Cam

- Rạch Cái Đồi
- Rạch Cái Da lớn
- Rạch Cái Da nhỏ
- Rạch Cái Sao

2) Quận Bình Minh - Nằm dài theo bờ sông Hậu, nên có đường thủy rất nhiều, phụ vào các thủy đạo thiên nhiên như:

a) Rạch: Trà Quơn, rạch Cái Vồn.

b) Kinh: Hộ Trự, Xã Khánh, Tổng Ngươn, Mười Thới, Đông Lợi, Chú Cảnh, Cái Vồn, Từ Tả, Kinh Mới (xã Mỹ Thuận), Phó Chất.

3) Quận Tam Bình: Ở xa tỉnh lỵ gần đến sông Hậu Giang đổ ra Cái Cam giáp tỉnh Phong Dinh có nhiều rạch ngòi và kinh Xáng Mút, xuyên qua các vùng phì nhiêu ra Tiền Giang và Hậu Giang:

a) Rạch: Ba Kè, Cái Ngan, Ba Càng, Cái Sơn, Bằng Tãng, Danh Tầm, Ba Phố, Sóc Tro, An Hòa, Xã Xỉ, Phú Quới.

b) Kinh: Nicolaim, Bocquet, Khứ Văn Ba, Cái Sơn, Bình Phú, Sóc Tro, Phó Chất, Chà Và.

4) Quận Chợ Lách: Hai con sông Hàm Luông và Cổ Chiên quanh năm thông thương từ Hậu Giang đến Đô Thành. Ngoài ra, còn có sông ngòi nhỏ lưu thông từ làng mạc trong quận, trong số này có kinh Chợ Lách là con đường lưu thông quan trọng.

5) Quận Minh Đức (Cái Nhum) - quận này có nhiều rạch hẻm cả: Cái Lóc, ông Diệm, Vòi Còi, Cái Cạn, Cái Ranh, Cái Kè, Thủy Thuận, Hòa Phú, Rạch Mút, Mân Thút, Ruột Ngựa, Cái Nhum, Bà Phong và các chi lưu, rạch Lung, Cái Sao, Bà

Giáo, Cái Ngay, ông Nam và các chi lưu, Ông Cố, Ông Đệ v.v...

Quận Vũng Liêm và Trà Ôn trước kia nằm ở Trà Vinh mới vừa sáp nhập qua Vĩnh Long ngày 14-1-67. Về phần vị trí giới hạn cũng như các quận khác trong tỉnh chớ không có chi đặc biệt.

ĐƯỜNG SÁ. - các trục giao thông trên bộ, xuyên qua các thị trấn trong tỉnh, gồm có 4 loại đường:

a) Đường Công Lộ 4. - Nối liền TP Saigon với các tỉnh miền Hậu Giang xuyên qua tỉnh Vĩnh Long, từ Bắc Mỹ Thuận đến Cần Thơ, dài 38km 134.

b) Đường Liên tỉnh 7. Từ Công lộ 4 đến Cầu Mới, nối liền tỉnh Vĩnh Long với tỉnh Vĩnh Bình, dài 22km 870.

Đường Liên tỉnh 8. Từ đò Mỹ Thuận đến đò Vàm Cống, nối liền tỉnh Vĩnh Long với tỉnh An Giang, dài 52km 883.

c) Các đường hàng tỉnh nối liền tỉnh lỵ với các quận lỵ.

Đường Hàng Tỉnh 27. Từ Vĩnh Long đến Chợ Lách phải qua một chiếc đò ngang sông Cổ Chiên dài 19km 320.

Đường Hàng Tỉnh 31. Từ Vĩnh Long đến ranh tỉnh Vĩnh Bình, dài 25km 540.

Đường Hàng tỉnh 32. Từ đường Liên tỉnh 7 đến Cái Nhum dài 10km 004.

d) Các hương lộ nối liền các xã đến các quận lỵ:

Hương lộ 1: Xã Tân An (Quận Châu Thành) dài 6km 100

Hương lộ 2: (Vĩnh Long cũ) từ cầu Thiển Đức đến chợ Ngã Tư dài 9km 400.

Hương lộ 3. Từ đường Công Lộ 4 đến Liên tỉnh 7 (quận Châu Thành) dài 6 km 500.

Hương lộ 4: (tỉnh Vĩnh Long cũ). Từ Công Lộ 4 đến chợ Lộc Hòa Cầu Lầu vô giáp hương lộ 3 dài 2 km 500.

Hương lộ 5: Đường Hàng tỉnh 31 giáp Cái Nhum 3km.

Hương lộ 8: Cái Nhum đến hàng tỉnh 31 dài 5km.

Hương lộ 16. Từ Ba Càng đến Tam Bình 16km.

Hương lộ 22. Chợ Lách đến sông Cổ Chiên 13 km 500.

Xuyên qua trục giao thông về đường bộ trong tỉnh ngày nay được tu bổ lại nhiều, xe cộ chạy đông đều mỗi giờ hoặc nửa giờ có chuyến xe chạy, sự di chuyển rất tiện lợi, tỉnh lỵ trở nên náo nhiệt phần vinh.

Về đường thủy: Từ Vĩnh Long có ghe chài, có đò máy chuyên chở hàng hóa tải tới Saigon xuyên qua các tỉnh ở Hậu Giang đi ngô sông Cửu Long, sông Cổ Chiên, sông Long Hồ và các kinh đào vô tận làng mạc chở lúa gạo, cây trái, tiếp tế cho tỉnh lỵ. Khi xưa có tàu Lục tỉnh từ Saigon xuống Châu Đốc đi ngang qua ghé Vĩnh Long bỏ hàng hóa, ngày nay hãng tàu không còn chạy nữa, có các ghe chài của hãng thầu người Huê Kiều thay thế, tải đồ các tỉnh về Hậu Giang, thế thì Vĩnh Long đã có hai trục giao thông dân sự song song giúp cho nền kinh tế ở đây càng thêm sung túc.

THẢO MỘC: Nhờ quanh năm nước ngọt, về mùa mưa thì có đầy đủ, ruộng lúa bao la bát ngát, vườn rẫy xanh tươi, tuy nhiên có vài vùng đất trong tỉnh còn hoang vu chưa khai thác vì chiến tranh hoặc thiếu nhơn công, những vùng đất nầy mọc như cây tạp, ô-rô, tranh, lao dày bịt.

Kể đến các vườn cây ăn trái: xoài, mận, chôm chôm, cam quýt, bưởi, chuối v.v... Về nguồn lợi khắp trong 7 quận rất phong phú đem lại một số lợi tức cho tỉnh đáng kể. Nơi đây có những cây cổ thụ đứng trước cửa Đình, chùa, miếu tượng trưng dân Việt của đất Long Hồ dinh thuở xưa còn lưu dấu.

Ngoài ra những thửa ruộng người ta lên bờ mới trồng đồ hàng bông: bí, cà, cải, khoai, đậu, dưa hấu v.v... số hoa màu này tiêu thụ tại tỉnh và chở đi lên thủ đô bán.

CẨM THÚ: Nghề chăn nuôi cũng được phát triển mạnh, ngoài số gia súc, trâu bò, heo, gà vịt, ngỗng gà tây v.v... tại các đồng hoang vu, có chồn, trăn, rùa, rắn, kỳ đà, ếch, lươn.

Về các loại chim, chúng ta thấy tới mùa từ tháng giêng, tháng hai, tháng 3 người ta đem bán các chợ hoặc cầu Bắc Mỹ Thuận le le, chà y nghịch, ốc cao, vỏ vè, trích, mỏ nhát, gà nước, đều bắt ở Bà Càng quận Bình Minh có nhiều nhất. Còn một nguồn lợi thiên nhiên đáng kể hơn nữa là ốc gạo ở cồn Tân Phong (quận Chợ Lách có nhiều loại ốc sanh sản từ tháng 4 đến tháng 8).

Chúng tôi đã viết riêng về giai thoại cồn này, nói đầy đủ về nhân văn ở đây và cách xúc ốc gạo.

KHÍ HẬU: Đã trình bày qua phần địa lý, của đất Vĩnh qua mọi khía cạnh khảo sát. (Xin xem phần giai thoại) cũng cần nói thêm khí hậu để giúp cho phần quý bạn đọc tìm hiểu thời tiết ở đây.

Khí trời thường ấm áp, điều hòa, ít khi có gió bão mưa dầm, không lạnh nhiều, không nắng dữ, trên trời thường hiện rặng đỏ, mùa đông thường nghe tiếng sấm, thỉnh thoảng có gió

mạnh từ hướng Nam đến, trên mặt đất có sương mù. Đất xốp mà mềm rất là phì nhiêu. Nước tuy đục mà ngọt quanh năm, cây cối thanh mậu nở hoa đậu trái không phân biệt mùa Xuân hay mùa Thu.

Nhiều sông ngòi lưu thông nhưng không tích tụ khí làm chướng, duy có khí thấp nhiệt thường nung nấu, nên có nhiều bệnh phong.

Tháng 7, tháng 8, tháng 10 thủy triều rất lớn mà người ta phân biệt khi nước lớn là thủy đầu (đầu nước), khi nước nhỏ gọi là thủy vĩ (đuôi nước) khi con nước buổi mai chưa rút hết mà con nước buổi chiều lại lớn lên, gọi là Diều triều.

Mùa nông: Từ tháng 6 gieo mạ, tháng 8 cấy, tháng giêng gặt. Một gia giống có thể gặt được 300 gia thóc (lúa), ruộng đất rất phì nhiêu.

Đến đây, chúng tôi đã trình bày khá đầy đủ các điều thiết yếu về mặt lịch sử và địa lý Vĩnh Long Xưa. Về các ngành sinh hoạt trong tỉnh: Kinh tế, Văn hóa, Y tế v.v. , xin quý bạn đọc xem ở phần thứ sáu.

Phần thứ hai

VĨNH LONG
Nhân vật lịch sử

Vài nét về nhân vật đất Vĩnh

Vĩnh Long xưa vốn là một dinh, một trấn lớn, nghiêm nhiên bao trùm một góc miền Tây, biết bao nhân vật ưu tú đã làm rạng tiếng Vĩnh Long. Đến ngày nay, bao di tích hầy còn lưu lại trên phần đất Sa Đéc, Bến Tre là mấy vùng thuộc Long Hồ dinh ngày trước. Bởi thế, đề cập đến nhân vật Vĩnh Long xưa cố nhiên không thể không nhắc đến những nhân vật ở hai nơi Sa Đéc, Bến Tre. Chẳng hạn như cụ Phan Thanh Giản vẫn là vị Kinh lược Phó sứ Vĩnh Long (phụ tá Nguyễn Tri Phương) và về sau là Kinh lược đại sứ. Mặc dù chúng tôi đã nói đến cụ ở quyển (Kiến Hòa xưa) rồi, nay xin nhắc lại nơi đây cụ Phan Thanh Giản và cụ Trương Vĩnh Ký. Ngoài ra, quý bạn đọc sẽ được thỏa mãn ít nhiều về sự tìm hiểu các nhân vật có công kiến tạo đất Vĩnh Xưa, mà chúng tôi đã dụng công sưu tầm đầy đủ, không phụ lòng quý bạn đã tin yêu qua các sách đã xuất bản của chúng tôi, về phương tiện sưu khảo, tìm hiểu non sông đất nước.

HUỲNH MINH

I

**NGUYỄN CƯ TRINH
và TRƯỞNG PHÚC DU****HAI NHÂN TÀI DÀY-CÔNG KHAI THÁC LONG HỒ
DINH**

Nhờ sách lược của Nguyễn Cư Trinh, chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát lần hồi khai thác vùng đất miền Tây, thành lập Long Hồ dinh. Ngày nay đồng bào Vĩnh Long - Sa Đéc và một phần Bến Tre, an hưởng tấc đất ngọn cỏ, ất tấc lòng chẳng quên hướng về người đã dày công mở mang, hình hươu tượng niệm.

Nguyễn Cư Trinh tên tự là Nghi, hiệu Đạm An, công thần thời Nguyễn khai sáng.

Ông là con út cụ Nguyễn Đăng Đệ. Viễn tổ là người huyện Thiên Lộc, tỉnh Nghệ An, sau dời vào huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên.

Đỗ hương tiến. Tài kiêm văn võ. Làm quan trong thời chúa Nguyễn Phúc Khoát đến Thượng thư Bộ Lại, kiêm Tào Vận Sử, tước Nghi Biểu Hầu. Nổi tiếng thanh liêm, giỏi việc cai trị và có tài ngoại giao.

Năm Canh Ngọ 1750, ông làm tuần vũ Quảng Nghĩa. Bấy giờ có mọi Đá Vách nhiễu loạn. Ông cầm binh đánh dẹp, đâu đó đều ổn định, nhân dân xưng phục. "Truyện Sãi Vãi" của ông soạn ra ở hồi nầy, ngụ ý kích thích bạn đồng sự đừng tha thiết sự

yên vui mà thiếu sót bốn phận. Có thể nói rằng ông đã sáng tác truyện ấy, có hiệu lực tuyên truyền, khiến ai nấy đều giác ngộ trên đường nhiệm vụ, làm bốn phận với đầy đủ lương tâm, mưu hạnh phúc cho đồng bào dân tộc.

Rồi được bổ ra Quảng Bình, ông đã chỉnh đốn lại các công cuộc phòng thủ, ngừa bước tiến của quân Trịnh. Với sự mạng nào ông cũng thành công mỹ mãn. Do đó triều đình rất trọng vọng ông, chúa Võ Vương xem ông như cánh tay mặt của mình.

Năm Quý Dậu 1735, đang làm Ký lục Bố chính dinh, ông phụng mạng vào Nam với chức vụ Tham mưu, thống lĩnh 5 dinh tướng sĩ (Bố chính dinh, Bình Khương dinh, Bình Thuận dinh, Phiên Trấn dinh và Trấn Biên dinh) dẹp loạn và mở mang đất nước. Ông hăng hái làm nhiệm vụ, cùng với Thống suất Trương Phúc Du tận tâm tận lực, làm hoàn thành sứ mạng trên đường Nam tiến. Chính trong giai đoạn này, ông và Trương Phúc Du dày công nhất troyng việc kiến tạo đất Long Hồ dinh và đặt thêm 3 đạo: Đông Khẩu đạo ở Sa Đéc, Tân Châu đạo ở khu vực Tiền Giang và Châu Đốc đạo ở Hậu Giang.

Tài kinh bang tế thế của ông, khiến họ Mạc ở Hà Tiên cũng lấy làm khâm phục. Ông đối với Đô đốc Hà Tiên trấn khi ấy là Mạc Thiên Tứ rất tâm đầu ý hiệp, từng sánh cật cùng nhau khai thác đất đai miền Nam. Và vốn trang phong lưu mã thượng, hào hoa phong nhã, tài tuấn, ông cũng từng xướng họa thi văn với nhóm tao nhân mặc khách (Chiêu Anh Các) do Mạc Thiên Tứ chủ trương (1).

Đến năm Đinh Hợi 1767 ông bệnh mất trong tuần 52 tuổi. Trong triều ngoài nội đều tỏ lòng thương tiếc một bậc anh tài.

(1) Xin xem thêm quyển "Cần Thơ Xưa" ở phần I chúng tôi đã nói nhiều về sự tương đắc giữa Nguyễn Cư Trinh và Mạc Thiên Tứ.



Di ảnh ông TỔNG PHƯỚC HIỆP

Quan lưu thủ Long Hồ dinh

Ảnh sưu tầm

Chúa Nguyễn truy tặng ông là *"Tá lý công thần đặc tiến trụ quốc Kim Tử Vinh - lộc đại phu, chính trị thượng Khang tham nghị"* và ban tên thụy cho ông là Văn Định.

Sau, đời Minh Mạng, lại truy tặng ông là : Khai quốc công thần Vinh lộc đại phu, Hiệp biện đại học sĩ, lãnh Lại bộ thượng thư. Đổi tên thụy là Văn cách, truy phong tước Tần minh hầu, cho tòng tự ở Thái miếu.

Ngoài tập truyện "Sãi Vãi", ông còn để lại đời một Đạm an văn tập.

II

QUỐC CÔNG TỔNG PHƯỚC HIỆP

QUAN LƯU THỦ LONG HỒ DINH ĐẦY ĐỦ ÂN OAI
ĐƯỢC DÂN CHÚNG XÚNG PHỤC

Từ khi thành lập Long Hồ dinh, vị quan triều đảm nhận chức vụ Lưu thủ tại đây, có cụ Tổng Phước Hiệp vang danh hơn cả, vì đầy đủ ân oai, huệ chính bữa nhuần khắp chúng, khiến người người đều thương mến.

Tổng Phước Hiệp là cháu Quận công Tổng Phúc Trị, quê ở huyện Tổng Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đời chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, ông làm Lưu thủ Long Hồ dinh, tận tụy với chức vụ, mưu lợi cho dân chúng, việc trị an được tốt đẹp.

Đến đời chúa Định vương Nguyễn Phúc Thuần, có giặc Xiêm cướp đất Hà Tiên. Đô đốc Mạc Thiên Tứ thất cơ, bỏ chạy sang Trấn Giang (Cần Thơ), cấp báo với Long Hồ dinh. Tổng Phước Hiệp liền đem binh thuyền cứu viện, thắng quân Xiêm nhiều trận. Chúng tan rã, rút lui.

Năm Bính Thân 1776 bình mất vào mùa hạ năm ấy. Lúc bấy giờ dân chúng Long Hồ dinh nghe tin ông mất lấy làm thương cảm đồng chịu tang, chợ búa nghỉ bán 3 ngày, phố phường đều đóng cửa, kẻ làm ruộng ngừng cày cấy, dân chài lưới đem ghe về bến, dân tình đều than khóc, quốc kỳ treo rũ các tư dinh.

Mọi người lộ vẻ ai bị thảm thiết, nhớ tiếc một đấng trung thần công lao hạng mã, vào sanh ra tử bồi thành đắp lũy bảo vệ

giang san, đem lại sự ấm no cho dân chúng.

Đức Duệ Tôn lấy làm thương tiếc, tặng cho ông Hữu phủ quốc công sắc chỉ lập miếu thờ tại Long Hồ đình, nay hãy còn tại xã Long Châu (quận Châu Thành, Vĩnh Long).

Năm Gia Long thứ 9 (Canh Ngọ 1810) nhà vua cho thờ ông nơi miếu Trung tiết công thần. Đời Minh Mạng, lại truy phong làm Trung đẳng thần vào ngày 24 tháng 9 năm thứ ba (1823). Sắc văn : thờ tại Miếu Hội Đồng.

“Huân liệt công thần, đặc tiến phụ quốc công, thượng tướng quân, chưởng hiến phủ, tặng Tổng quốc công, Kinh sự gia phong phò chánh viên trạch Trung đẳng thần”.

Nay, mỗi năm ngày vía Tổng quốc công nhằm mừng 2 và mừng 3 tháng 6 âm lịch, trong những ngày ấy được tế lễ rất long trọng, có rước hát bộ đến xây chầu hát cúng ba thứ, thân hào nhân sĩ trong tỉnh hội đủ mặt, khăn áo chỉnh tề, mọi người lộ vẻ hân hoan, dâng hương lễ bái với tất cả lòng thành, chiêm trống ba hồi, khói hương nghi ngút, ngày ấy ai ai cũng tưởng niệm sùng kính một vị khai quốc công thần khi xưa trấn nhậm đất Vĩnh Long. Ngài đã qui thần trên một thế kỷ, nhưng oai linh hiển hách vẫn còn phừng phất nơi miếu Trung. Nhân dân trong làng có việc gì là ngài gia hộ.

Vì thế đồng bào dân chúng đất Vĩnh rất tin tưởng nơi ngài, sống làm tướng thác thành thần, từ trước tới nay khói hương không dứt.

Tới ngày quý tế làm đủ lễ không dám đơn sai. Chúng tôi đến viếng miếu ngài vào một buổi chiều, do sự hướng dẫn của ông Mẹo, xã Long Châu.

Tại miếu có khắc nhiều câu đối rất hay, biểu dương công nghiệp, khí tiết của Ngài.

Với niềm hoài cảm miên man, nhớ đến người xưa, lòng xúc động, chúng tôi quì trước linh bàn khấn nguyện, xin ghi chép đôi dòng kỷ niệm, qua bao lời xưng tụng của các bậc tiền nhơn lưu lại trên đất Vĩnh:

- *Quốc vận tá hoàn kỳ, oanh liệt cương trường đa diệu toán.*
- *Cống qui bình nam địa, nguy nga miếu vũ tứ anh linh.*
- *Quốc vận trung hưng. Lân các thỉnh danh, thiên cổ tại;*
- *Công bình chánh đại. Long thành hương hỏa vạn niên xuân.*
- *Quốc sự táng quân nhơn hậu chánh thanh lưu Định Viễn;*
- *Công triều bao thanh đức, dân thương vật phú trứ Long Châu.*
- *Quốc trị trấn Long Giang dân xưng phụ mẫu;*
- *Công triều hưng Hồng Nghiệp để tắc cổ quang.*

III

TỔNG PHƯỚC HÒA

Anh em đều vinh hiển dưới triều đại nhà Nguyễn ngàn thu hương hỏa sùng phụng nơi đền đài miếu mạo Vĩnh Long-Sa Đéc, thật chẳng ai bằng gia đình Tổng quốc công. Dân chúng Vĩnh Long không ai là chẳng biết miếu thờ Tổng quốc công (Phước Hiệp), thì tại Sa Đéc ngôi đình thờ Tổng quận công (Phước Hòa) cũng nguy nga tráng lệ không kém.

Ông là em ruột Hữu phủ quốc công Tổng Phước Hiệp, đã từng theo phò chúa Nguyễn.

Xuất thân làm Cai Cơ, trong quân ngũ của anh tại Long Hồ dinh, nhưng ông tuyệt nhiên không cậy oai thế của anh mình tự kiêu tự mãn. Lúc nào ông cũng nhún nhường, tháo vát mọi trọng trách một cách miễn cưỡng, liêm chính. Trong quân cũng như ngoài dân chúng, người người đều mến chuộng khí tiết ông.

Mùa xuân Bính Thân năm 1776, Tây Sơn kéo vào hạ thành Gia Định. Ông vâng lệnh anh đi cứu viện và làm tròn nhiệm vụ, khôi phục đất đai đã mất. Do công lao ấy, ông được thăng Chương thủy dinh, Quận công. Rồi cùng ông anh đóng quân tại Long Hồ.

Năm sau ; Đinh Dậu 1777, Tây Sơn lại kéo vào đánh chiếm Gia Định. Bấy giờ ông đang cùng Tổng Phúc Thiêm trấn giữ Long Hồ, lập tức điều động binh sĩ.

Tây sơn dũng mãnh đã tiến chiếm nhiều nơi trọng yếu. Chúa Nguyễn và các quan hầu cận liệu thế không xong, bỏ

chạy về Ba Vát (Bến Tre) cố thủ. Còn lại một mình ông đem quân chống cự.

Quân tướng Tây Sơn bèn dùng mưu, một mặt cầm cự ngăn ông tại Ba Vát, một mặt đổ binh đánh tập hậu, bắt sống được Tần chánh vương, giải về Gia Định. Ông thấy vậy than dài:

- Chúa nhục thì kẻ làm tôi nên chết!

Ông càng thúc quân đánh mạnh hơn lên. Liệu khó bề thắng nổi trong tình thế nguy nan, ông liền đánh một trận cuối cùng cực kỳ dữ dội, rồi trở gươm tự sát nơi chiến trường Ba Vát.

Chẳng những các chiến hữu của ông đều cảm phục thương tiếc, mà tướng sĩ Tây Sơn cũng đều khen ngợi oai phong ông lắm liệt. Người như ông thật xứng đáng sinh vi tướng tử vi thần.

Về sau, gồm thu non sông về một mối, vua Gia Long nhớ công ơn, truy phong ông chức “Chưởng dinh Quận công”. Năm Canh Ngọ 1810 nhà vua lại cho đem vào thờ tại miếu Trung tiết công thần ở Huế.

Nay tại làng Vĩnh Phước trong châu thành Sa Đéc, hãy còn ngôi đình thờ ông, xây cất cực kỳ tráng lệ. Tục gọi “Miếu quan thượng đẳng”.

IV

LÂM THAO QUẬN CÔNG

CHÂU VĂN TIẾP

(1738-1784)

Châu Văn Tiếp là một trong “Tam hùng Gia Định” (Đỗ Thành Nhân, Châu Văn Tiếp và Võ Tánh). Ông vốn quê ở huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên (Trung-Việt), thông thạo hai thứ tiếng Chân Lạp và Xiêm La (tức Cam Bốt và Thái Lan bây giờ). Do đó khi giúp Nguyễn Ánh, ông nghiễm nhiên là nhân vật phù tá đắc lực nhất.

Đầu tiên, ông đóng binh giữ núi Trà Lớn, trong tỉnh Phú Yên, kéo cờ “Lương sơn tổ quốc”. Sau, ông cảm lòng quan Lưu thủ dinh Long Hồ là Tống Phúc Hiệp ân cần khuyên theo chúa Nguyễn, bèn đem toàn lực phụng sự. Công lao của ông rất dày, được chúa Nguyễn tin yêu trọng vọng.

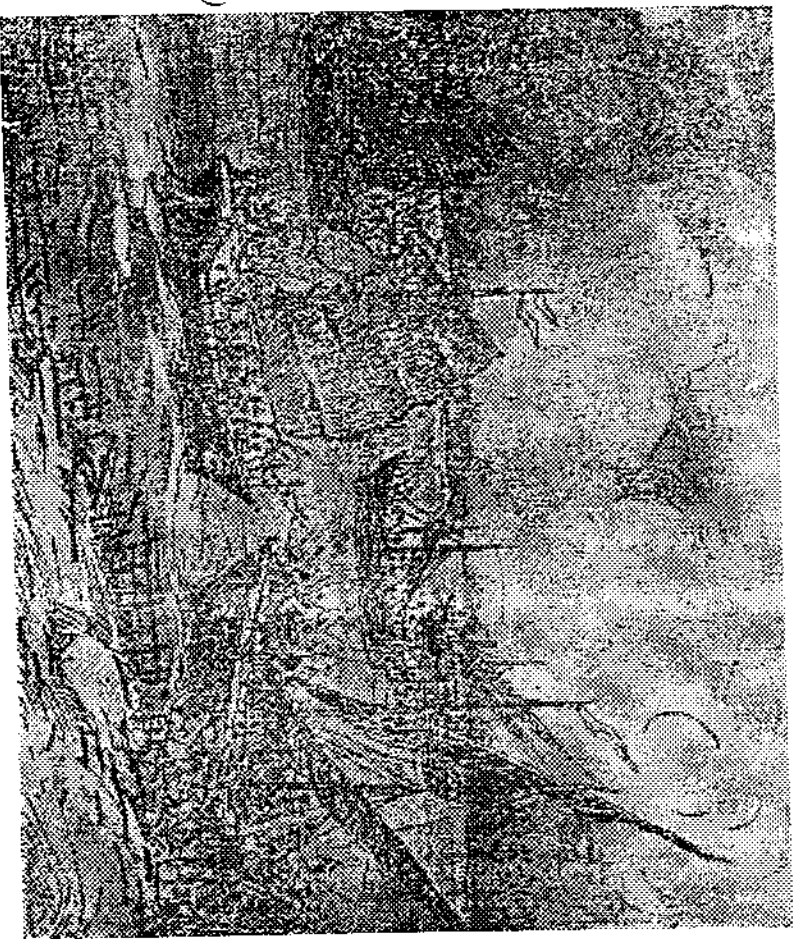
Canh Tý 1780, ông được phong Khâm Sai đại đô đốc. Quyền hành càng to.

Năm Giáp Thìn 1784, Nguyễn Ánh từ Xiêm trở về nước, có hai viên đại tướng Xiêm là Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem 20 ngàn quân và 300 chiến thuyền theo giúp. Ông được phong làm Bình tây đại đô đốc, hiệp với các tướng Võ Di Nguy, Dương Công Trừng, Nguyễn Huỳnh Đức, Lê Văn Quân, đánh lấy lại Rạch Giá, Sóc Trăng, Trà Ôn.

Đến Trấn Giang (Cần Thơ), ông dàn thủy quân kéo thẳng qua Vĩnh Long, kịch chiến với quân tướng Tây Sơn và Mân Thít

**Trận thủy chiến
giữa Tây Sơn
và Nguyễn Ánh
trên sông
Mân Thít**

(Ảnh tượng trưng)



(Sa Đéc) và bị một viên tướng quân Tây Sơn là Chưởng Tiền Bảo đâm một mũi gươm vào ngực. Ông thét to, rồi ngã gục ngất trên vũng máu.

Nguyễn Ánh truyền quân vực ông qua thuyền ngự cứu cấp. Ông tắt thở trong ngày 13 tháng 10 âm lịch năm Giáp Thìn 1784.

Nguyễn Ánh tạm chôn cất ông tại cồn Cái Nhum, thôn An Hội, huyện Vĩnh Trị (nay thuộc quận Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long). Chờng thu phục xong Gia Định, Nguyễn Ánh truyền lấy cốt ông đem an táng tại ấp Hắc Lăng, huyện Phúc An (nay cách tỉnh lỵ Bà Rịa 10 km).

Sau, vua Gia Long truy phong ông là Tả quân đô đốc quận công, lập đền thờ tại thôn An Hội (nay là Tân Long Hội, Vĩnh Long) và cho thờ ông tại miếu Hiến Trung ở Sài Gòn tại thành Ô Ma, miếu Trung hưng công thần ở Huế.

Đời Minh Mạng, cho thờ ông tại Thê Miếu và truy phong là Lâm thao quận công.

Đời Tự Đức, lập thêm 1 ngôi đền thờ ông ở Hắc Lăng, là nơi có mộ ông.

Thế là trước sau có hai ngôi đền thờ ông, một ở An Hội (Vĩnh Long), một ở Hắc Lăng (Bà Rịa).

V

TỔNG PHÚC THIÊM**THỌ HẠI VÌ BINH ĐÔNG SƠN**

Ông quê ở huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa sinh trong thời loạn, ông theo đường võ nghiệp, nổi tiếng hào kiệt. Xuất thân theo phò chúa Định vương Nguyễn Phúc Thuần, ông rất được lòng tin yêu của Chúa. Khoảng năm Ất Vỵ 1775, chúa Định Vương chạy về Gia Định, ông vẫn một lòng theo hộ vệ, làm đến Chưởng Cơ.

Năm Bính Thân 1776, tháng 11, chúa Định Vương giao quyền cho Đông Cung Dương làm Tân Chính Vương, ông cùng Tống Phúc Hòa lãnh trọng trách giữ Long Hồ (Vĩnh Long). Đến tháng 8 năm Đinh Dậu 1777, Tây Sơn kéo đến Bến Tranh, ông đem thủy quân đón Tân Chính Vương về Ba Vát (Bến Tre). Tây Sơn tiến binh, đuổi bắt được Tân Chính Vương tại Ba Vát. Ông thoát khỏi nguy nạn trong trận ấy.

Canh Tí 1780 chúa Nguyễn Phúc Ánh phong ông làm Tả Chưởng Cơ, trước Quận công, coi hai bộ Hộ và Hình, chưởng quản các đạo thủy binh. Ông lo tròn trọng trách, đôn đốc quân dân chính tổ chức canh phòng nghiêm ngặt.

Năm sau, Tân Sửu 1781, vì thấy Đỗ Thành Nhân quá hống hách, ông tâu kín với chúa Nguyễn, xin giết Nhân đi.

Rằng:

- Họ Đỗ ắt có lòng Tháo, Mãng. Trong tay sẵn có binh quyền hùng mạnh, một mai gã ấy huy động tướng sĩ Đông Sơn

của gã dấy lên, Vương thượng khó mà ngồi yên. Xin hãy trừ đi cho sớm, kéo sau phải hối.

Chúa Nguyễn nghe theo. Vì việc giết Đỗ Thành Nhân, các thuộc tướng của Nhân đều cảm hận rút đi cả, chiêu dụ mãi cũng không đến nữa.

Năm Nhâm Dần 1782, tháng 3, hai anh em chúa tướng Tây Sơn Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ từ Qui Nhơn đem hơn một trăm chiến thuyền vào cửa Cần Giờ, lần lượt chiếm hết các nơi trọng yếu rồi hạ luôn thành Gia Định. Nguyễn Ánh bị đuổi ngặt phải chạy ra ngoài đảo Phú Quốc lánh thân, rồi sang Xiêm cầu viện.

Binh Đông Sơn ngày trước do Võ Nhân, Đỗ Bảng cầm đầu đều rút đi, không phục chúa Nguyễn nữa, bấy giờ lại thừa dịp dấy lên, quyết bắt cho được ông để rửa hận cho chủ cũ là Đỗ Thành Nhân. Ông vẫn biết như thế, nhưng vẫn không nao, chẳng đề phòng chi cả. Trong khi chúa Nguyễn đã cao bay xa chạy, ông thản nhiên ở lại. Chẳng may khi ông lui quân về đất Ba Giồng, bị binh Đông Sơn vây đánh. Đã khổ nhọc chống cự với quân Tây Sơn, nay lại phải đối chọi với Đông Sơn, ông đành chịu bó tay cho các tướng Đông Sơn bắt sống. Võ Nhân và Đỗ Bảng thay mặt toàn thể thuộc hạ của Đỗ Thành Nhân ngày trước kể tội ông đã cùng với Huỳnh Thiên Lộc gièm pha giết hại họ Đỗ, rồi giết ông đi để báo thù. Sau đó, binh Đông Sơn cũng bắt giết luôn Huỳnh Thiên Lộc.

Khi ông thọ hại, vợ là Nguyễn thị mới sinh một trai tên Thạc được 3 ngày. Nguyễn thị bỗng con chạy loạn về An Giang. Sau, vua Gia Long có xuống chiếu lục dụng con cháu công thần, Thạc đã ngoài 20 tuổi, còn mẹ già, ở ẩn luôn không muốn triều đình biết đến.

VI

KINH MÔN QUẬN CÔNG
NGUYỄN VĂN NHƠN

(1753-1822)

Nguyễn Văn Nhơn người huyện Vĩnh Yên, tỉnh An Giang xưa. Con Trấn quốc tướng quân Minh Đức Hầu Nguyễn Quang và Thị Áo.

Xuất thân, ông ứng nghĩa đầu quân, theo Tống Phúc Hiệp và Nguyễn Khoa Thuyên, làm chức đội trưởng, bấy giờ mới 22 tuổi. Lại theo Tống Phúc Hòa đi đóng giữ ở nhiều nơi, được thăng cai đội.

Đinh Dậu 1777, mùa đông Nguyễn Ánh khởi binh tại Long Xuyên (Cà Mau), ông theo Dương Công Trừng đóng giữ ở Sa Đéc. Rồi được thăng Cai Cơ trong năm Mậu Tuất 1778.

Năm Ất Mão 1795, làm Lưu thủ Trấn Biên (Biên Hòa); lúc nhỏ gặp buổi loạn lạc không được học hành, bấy giờ tuổi lên bốn mươi ông mới gia công đọc sách.

Năm Đinh Tị 1797, về giữ Gia Định, lãnh việc vận lương và kiêm việc bộ Hộ.

Năm Nhâm Tuất 1802, chúa Nguyễn vừa lên ngôi vua tức Gia Long, phong ông làm Chuông Chấn Võ Quân, tước Nhơn Quận Công. Cuối năm ấy, bình sông Bắc Hà, ông dâng số điều trần 14 khoản:

1. Định lại các thứ thuế.
2. Cầu người hiền
3. Lập hương học
4. Cử người hiếu liêm
5. Cải cách phong tục
6. Định phép khoa cử
7. Cải cách hình phạt
8. Định sắc phục kẻ trên người dưới
9. Đặt phép cho nghiêm việc quan lại
10. Phát chẩn cho dân nghèo
11. Tiêu biểu người trình tiết
12. Thẩm định phép tắc
13. Lập các nơi đồn trại
14. Bỏ những thuế tạp

Lại xin đặt thêm một đạo quân Trấp võ vào Tứ dinh cho thêm mạnh, sự võ bị và điều trần việc học ở Gia Định, xin định điều lệ sự học, mỗi xã lựa một người để dạy học trò. Lời sớ trần tình:

“Trị nước cốt chinh phục được lòng dân, hành chính không gì bằng giáo dục. Trước kia vận trời biến loạn, đất Gia Định phải bỏ việc học hành. Nay non sông mới xây dựng lại bờ cõi thanh bình thì chính là lúc phải nên dạy cho dân tộc”.

“Vậy xin đặt ra phép dạy, mỗi người có đức hạnh văn học, tha hản cho lao dịch để cho dạy dỗ con em trong làng”.

“Cấm hản không cho rượu chè, cờ bạc, hát xướng, hề phạm các điều ấy, các quan sở tại phải trừng trị. Như vậy thì rất tất sẽ gây nên được nhiều nhân tài ra giúp nước và cũng không phụ

lòng giáo hóa của Thánh Thượng”

Vua Gia Long khen phải, tỏ lòng ưu ái ông hơn, mọi việc trong Nam tin cậy nơi ông mà ủy thác cho.

Đến năm Mậu Thìn 1808, ông nghiêm nhiên là Tổng trấn Gia Định, kiêm lãnh hai trấn Bình Thuận và Hà Tiên, uy thế lẫy lừng. Ông chính là vị Tổng trấn đầu tiên ở miền Nam này.

Sang đời Minh Mạng, năm Tân Tị 1821, ông về kinh sung chức Tổng tài ở Quốc sử quán.

Năm sau, Nhâm Ngọ 1822, mùa xuân ông mất, thọ 70 tuổi. Được truy tặng là Dực vận đồng đức công thần, Đặc tiến trụ quốc thượng tướng quân, thượng trụ quốc, Thái bảo Quận công.

Khi ông qua đời, vua Minh Mạng truyền chỉ bãi chầu ba ngày, sai các quan ra làm lễ điếu. Nhà vua cũng bản thân ngự ra dinh ông mà ban rượu tế, trước khi cho đưa linh cữu về Gia Định. Lại ban cho một đôi liễn điếu:

“Vọng các hiệu từng long, trực bá đan tâm huyền nhật nguyệt;

“Xuân thành bi khứ hạc, do lưu chính khí tác sơn hà.

Nghĩa :

“Theo vua nơi Vọng Các, lòng son treo rạng cùng trời đất;

“Bỏ mình chốn Phú Xuân, khí chính còn lưu với núi sông.

Nhà vua lại cấp cho 100 mẫu ruộng ở xã Thanh Thủy, Phú Vinh, tại Huế, cho con cháu làm tự điền.

Năm Giáp Thân 1824, được cho thờ vào Thế Miếu và miếu Trung Hưng công thần.

Tân Mão 1831 truy tặng làm Tráng võ tướng quân, Hữu quân đô thống phủ, tước Kinh môn quận công, thụy là Mục hiến.

Đốc Phủ sứ Nguyễn Đăng Khoa có thơ cảm đề:

Cần Vương giữ vẹn tiết trung thần

Lửa đỏ đành đem gởi chút thân

Gia Định cao thăng ngôi Tổng trấn;

Nam Kỳ thống lãnh chức trung quân

Kỳ nam đáng đứng trong trời đất

Liệt sĩ hậu lên nẻo thánh thần

Nuốt đạn vừa tên không kể mạng

Non sông âu cũng nhứt công ân

VII

NGUYỄN KHOA THUYỀN

**CAI BỘ LONG HỒ DINH, TÙNG SÁT CÁNH VỚI
TỔNG PHƯỚC HIỆP, XÔNG PHA CHIẾN TRẬN**

Nói đến Tổng Phúc Hiệp, Tổng Phúc hòa, Nguyễn Văn Nhơn, mà không nhắc đến Nguyễn Khoa Thuyền thì chẳng đủ. Vì Nguyễn Khoa Thuyền cũng là nhân vật có duyên nợ gắn bó với Long Hồ dinh, có công kiến thiết Long Hồ dinh chẳng nhỏ.

Ông là dòng dõi Nguyễn Khoa Chiêm, với người ở Hải Dương, sau nhập tịch ở Thừa Thiên.

Thời biến loạn, ông theo phò chúa Nguyễn chống lại nhà Nguyễn Tây Sơn. Đến khi chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần (Duệ Tông) chạy vào Nam, ông vẫn theo bảo giá. Được phong chức Cai bộ Long Hồ dinh. Tại đây, ông hết lòng chăm lo mở mang mảnh đất miền Nam mới khai thác mấy mươi năm. Hiệp tác với Lưu thủ Long Hồ dinh lúc bấy giờ là Tổng Phúc Hiệp, ông đã bảo an dân chúng Long Hồ dinh đắc lực, được nhân dân mến tưởng.

Năm sau, Ất Vị 1775, ông lại phụng mạng mà giữ đất Gia Định, thăng chức Tham chính kiêm cả Bộ Hộ và Bộ Binh.

Chính Nguyễn Văn Nhơn (sau này nổi danh và tước đến quận công), như chúng tôi đã ghi tiểu sử ở trước xuất thân Đội trưởng, vốn thuộc trong quân ngũ của Nguyễn Khoa Thuyền

này vậy. Về tên tuổi ông, có sách chép là Nguyễn Khoa Toàn hay Tuyền thì sai. Có sự lầm lẫn ấy, vì mặt chữ Hán rất giống nhau.

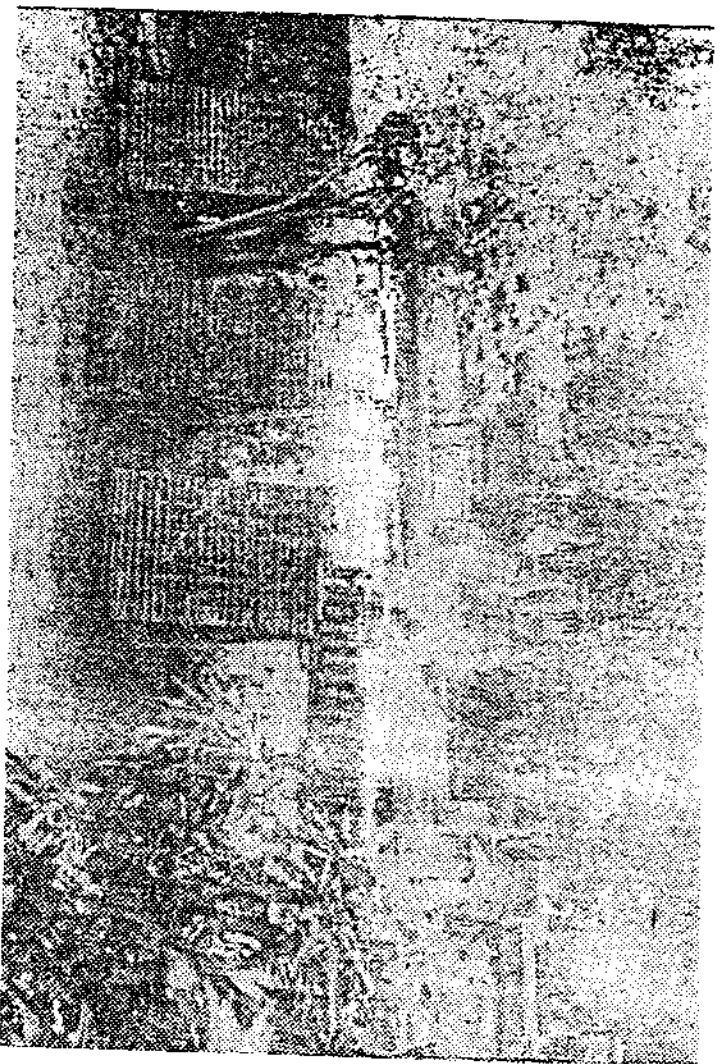
Khi già ông về hưu bệnh mất, đặt tước Vĩ tích Thượng khanh.

Tưởng nên nói thêm, dòng dõi ông đều rất rân rạc. Tổ phụ ông là Nguyễn Khoa Chiêm từng làm đến bậc đại thần được triều đình trọng vọng, tặng làm Đại lý tự Thượng Khanh, và bình sinh có soạn quyển “Nam triều công nghiệp diễn chí” lưu truyền.

Thân phụ ông là Nguyễn Khoa Đăng thì làm đến Nội tán kiêm Án Sát sứ, Tổng thu quân quốc trọng sự, tánh người ngay thẳng cứng cỏi, kẻ quyền quý đều kiêng nể.

Các con ông là Nguyễn Khoa Kiên, Khoa Minh, Khoa Hảo đều là bậc anh tài, được thờ vào miếu Trung tiết công thần và đền Trung nghĩa. Nhất là Nguyễn Khoa Kiên năm 20 tuổi đã võ nghệ cao cường, được đời xưng tặng là Triệu Tử Long nước Nam.

**Làng
Trần Công
Lại nằm
trong vùng
đất nhà thờ
Cái Nhum**



VIII

TRẦN CÔNG LẠI

THANH DANH LƯU ĐỂ TẠI CÁI NHUM

Quê ông ở Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa, sau dời vào huyện Vĩnh Bình, thuộc Long Hồ dinh (Vĩnh Long).

Khoảng cuối đời Hậu Lê, ông từng xuất chinh, bửa nhuần nhân hậu, giúp dân nghèo khổ tận tâm. Nhưng gặp khi nước nhà biến loạn, ông xa chốn loạn trường, về quê ở ẩn. Gia tu bậc trung, sinh nhai về nghề buôn hoa quả, tu tâm dưỡng tánh.

Sau, Nguyễn Ánh chiêu binh. Bấy giờ ông đang ở Vĩnh Long, tắc lòng vẫn nặng niềm lo nước thương dân. Lại nhân có việc bất bình với người anh rể, ông bèn bỏ nhà, đầu quân.

Vốn người có học có tài, ông tự tiến thân chẳng khó. Chúa Nguyễn được ông phò tá, hài lòng khen ngợi. Ông được bổ ngay chức Cai đội Phấn lực, theo trong quân ngũ của tướng quân Châu Văn Tiếp.

Từ đây theo nghiệp võ biển, ông vào sanh ra tử tranh phong nhiều trận vô cùng quyết liệt. Dày công hăng mã, ông được thăng Đô thống chế.

Rồi từng sự với Tả quân Lê Văn Duyệt, tài năng ông càng được dịp phô triển hơn.

Đến khi Nguyễn Ánh lên ngôi, tưởng niệm công lao ông, ngay năm đầu hiệu Gia Long (1802) phong ông làm Trấn thủ Sơn nam hạ, rồi đổi vào Nghệ An. Lãnh nhiệm vụ bảo an dân

chúng, ông ngày đêm lo việc tảo trừ trộm cướp, trừng trị cường hào ác bá. Do đó rất được lòng dân. Lại gặp khi giặc giã dậy lên, ông cùng với Tổng trấn Bắc thành là Lê Chất đi đánh dẹp, công ơn đối với dân chúng càng nhiều.

Đến năm Quý Dậu 1813, ông vào Trấn thủ Thanh Hóa. Công việc bận bịu, có lúc ông phạm lỗi lầm về hành chính, bị cấp trên quả trách và phải từ chức.

Đời Minh Mạng, nhà vua cứu xét công lao ông, lấy làm thương cảm. Năm Nhâm Ngọ 1822, ông được thu dụng lại, bổ làm Vệ úy Trấn thủ Vĩnh Thanh (Vĩnh Long).

Từ đây ông thận trọng hơn, làm việc công rất mực thanh liêm mẫn cán, luôn luôn tận tụy với chức vụ.

Triều đình được báo cáo về chính tích của ông, chẳng tiếc lời tưởng lệ và thăng chức cho ông làm Thống chế như trước.

Năm Giáp Thân 1824 ông mất tại chức. Mộ còn tại làng Long Thới, quận Chợ Lách (Vĩnh Long) trong châu vi nhà dòng Cái Nhum.

Sau khi ông mất, được truy tặng Đô Thống.

IX

TRẦN ĐẠI LUẬT**TỪNG NGỰ Ở VĨNH LONG VÀ CÓ THANH DANH
TRONG TRIỀU DỰ VÀO VIỆN HÀN LÂM**

Kể về những nhân vật hữu danh, vốn quê ở Trung Bắc mà di cư vào Nam, ngụ ở Vĩnh Long, thình danh lừng lẫy một thời, ngoài ông Trần Công Lại mà chúng tôi đã thuật ở trước, còn có Trần Đại Luật từng lưu tiếng thơm cho đất Long Hồ. Ông sau nầy tài kiêm văn võ, không kém gì ông trước. Có điều, ông Trần Công Lại khi mất thì gởi nắm xương nơi đất Vĩnh, còn Trần Đại Luật thì trở về quê quán ngoài Trung mà an giấc ngàn thu.

Trần Đại Luật quê ở huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Nam. Gia thế cũng dư hàng trăm anh thế phiệt. Tổ tiên từng làm triều Hậu Lê. Đến đời ông, gặp phải thời loạn, bỏ quan ở ẩn, rồi di cư vào Nam, ngụ ở Vĩnh Long.

Bấy giờ, Trung Bắc vẫn triền miên biến loạn, họa chiến tranh gieo tang tóc khắp nơi. Trịnh Nguyễn phân tranh, rồi đến nhà chú họ Nguyễn Phúc Giăng có chiến đấu với nhà Nguyễn Tây Sơn. Đến khi chúa Định vương Nguyễn Phúc Thuần phải chạy thẳng vào dải đất miền Nam này, Trần Đại Luật mới ra ứng nghĩa, khuông phò chúa Nguyễn.

Ông vốn tài kiêm văn võ. Lúc đầu vì cần dùng từ chương để hiệu triệu quần chúng, nên ông lấy văn tài giúp chúa, lời

cuốn được khá đông sĩ phu hưởng ứng theo về. Do công lao ấy, chúa Nguyễn rất trọng vọng ông, phạm việc quân cơ có điều chi thắc mắc, chúa Nguyễn đều hỏi han ông. Nhất nhất ông đều tỏ ra người túc trí đa mưu.

Chúa Nguyễn bổ dụng ông vào chức Hàn Lâm viện Chế cáo.

Ông bèn xin cải thọ qua võ chức. Chúa Nguyễn càng khen ngợi, chấp thuận.

Từ đây ông bỏ văn sang võ, tài cầm binh của ông cũng chẳng kém chi tài lộng bút. Những lúc đương đầu giáp chiến, ông vẫn tỏ ra dũng cảm hơn người.

Đẹp giấc có công, ông làm Vệ úy các Vệ Ban trực Phấn uy. Sĩ tốt dưới quyền ông, ai nấy đều có tinh thần dũng mãnh, ra trận hăng hái xông pha, coi cái chết nhẹ như lông hồng.

Biết tài chỉ huy của ông, nên khi mới lên ngôi, vua Gia Long phong ngay cho ông quản lãnh Ngũ chiến cơ. Oai danh của ông càng thêm lừng lẫy. Các đội ngũ tuân phục mạng lệnh của ông, ra binh đánh đâu thắng đó.

Gặp khi miền Bắc có biến loạn, ông lại được trao cho chức Trấn thủ Sơn Nam thượng. Vừa đến lý sở nhậm chức, ông bắt tay ngay vào việc, một mặt chiêu an dân chúng, một mặt ra binh tiêu trừ trộm cướp nhất là trừng trị cường hào ác bá, bảo vệ dân gian khỏi điều tàn tệ hiếp bức.

Một thời gian sau, quá lao tâm lực, ông vương bệnh xin hồi quán, rồi mất tại quê nhà. Mọi người nghe tin đều thương tiếc. Triều đình truy tặng ông là **Chưởng Cơ**.

PHAN THANH GIẢN

(1796-1867)

NAM KỲ KINH LƯỢC ĐẠI THẦN

Lược qua phần lịch sử cụ Phan Thanh Giản, chúng tôi đã có nói khá đầy đủ trong quyển “Kiến Hòa Xưa” rồi. Hôm nay cần ghi lại những nét đặc biệt về cuộc đời thân thế cụ, những điểm chính sau đây:

THẾ HỆ TUỔI TRẺ

Cụ Phan Thanh Giản tên chữ là Tinh Bá và Đạm. Nhưng hiệu là Lương Khê biệt hiệu là Mai Xuyên, tổ tiên cụ là người Trung Hoa, đến cuối đời nhà Minh mới sang nước Việt Nam, trước ở Bình Định Trừng phần, sau thân sinh cụ vào miền Nam, xuống Định Tường rồi qua làng Bảo Thạnh gành Mù U, thuộc về huyện Bảo An, tỉnh Kiến Hòa ngày nay. Phan Thanh Ngạn đã chọn một vị trí thơ mộng nằm trên một con đòng cát phì nhiêu, nôm na là Bãi Ngao (chữ nho gọi là Ngao Châu). Ông nội cụ là Phan Thanh Tập, tự Đào Ấn, hiệu Ngẫu Cừ tiên sinh, bà nội là Huỳnh Thị Học. Ông thân là Phan Thanh Xáng, tự Văn Ngạn, hiệu Mai Thư tiên sinh, bà thân là Lâm Thị Phần. Có sách nói Lâm Thị Bút ? Người huyện Bảo An. Cụ Phan sanh giờ thìn ngày 12 tháng 10 năm Bính Thìn, về niên hiệu Cảnh Hưng nhà Lê thứ 57, tức tây lịch năm 1796.

Thân sinh cụ người chữ nho giỏi, đến Vĩnh Long làm chức Thơ Lại cho Nam triều, thường tải lương thực về Huế.



Di ảnh ông PHAN THANH GIẢN

Mặc triều phục trong lúc chầu Vua.

Ảnh sưu tầm

Phan Thanh Giản lúc lên 7 tuổi người mẹ hiền mang bệnh mất, Phan Thanh Ngạn cưới vợ khác nuôi con, bà mẹ ghẻ là người hiền đức hết lòng lo lắng cho con chồng ăn học vỡ lòng với một nhà sư.

Việc học hành của Phan Thanh Giản gặp một trở ngại. Phan Thanh Ngạn bị vu cáo nên ở tù tại Vĩnh Long. Phan Thanh Giản xin ở tù thay cha nhưng việc không xong. Tuy nhiên các quan ở tỉnh lấy làm cảm động khi thấy người hiền từ vào khám thăm cha, đem theo thức ăn cần thiết. Thấy Phan Thanh Giản thông minh, có đức hạnh, nên các quan khuyên Phan Thanh Ngạn cho con tiếp tục học hành. Nhờ đó, Phan Thanh Giản đến Vĩnh Long, tìm thầy học tập.

Lúc này, Phan Thanh Giản sống bần hàn, xưng danh là học trò nghèo. Mấy người hàng xóm sẵn sàng giúp đỡ. Việc học hành ngày càng tấn phát.

Năm 1825, Phan Thanh Giản từ Vĩnh Long đến thành Gia Định thi Hương để thử sức và đậu Cử nhân. Thật là điều vinh hạnh cho sĩ phu tỉnh nhà. Sự thành công ấy càng thúc giục, khuyến khích Phan Thanh Giản luyện tập thêm. Và không cần chờ đợi lâu lắc, ngay năm sau thôi (1826), cụ cương quyết ra kinh đô Huế để thi Hội và đậu tiến sĩ!

Đó là điều hân hạnh lớn không những cho sĩ phu tỉnh nhà mà luôn cả miền Nam. Từ bấy lâu, miền Nam được xem là đất mới, thua Bắc, Trung về mặt văn hiến. Ấy thế mà trong số 10 người đậu tiến sĩ khoa ấy, lần đầu tiên người miền Nam đỗ đạt. Cụ Phan Thanh Giản là vị tiến sĩ đầu tiên của miền Nam! Điều ấy chứng tỏ sự trưởng thành về mặt văn hóa, miền Nam có thầy hay, học trò ưu tú.

Sau khi thi đậu, cụ Phan cưới vợ ở vùng Cần Giuộc. Rồi theo lệ nhà vua, người đỗ đạt được bổ nhậm làm quan. Cụ Phan về kinh đô Huế, lãnh chức Hàn Lâm viện biên tu, vài tháng sau đổi ra Quảng Bình. Rủi thay, người vợ trẻ ở Cần Giuộc mất sớm. Cụ Phan tục huyền với một người đức hạnh, là bà Trần Thị Hoạch, ở Quảng Trị. Cô gái này kén chồng và bắt đầu hầu hạ cụ Phan, năm 30 tuổi lúc cụ Phan tuổi đã 33).

Để báo hiếu cho cha mẹ, cụ Phan đưa vợ về Kiến Hòa. Đây là sự hy sinh lớn lao mà người phụ nữ thời xưa kiên gan đảm nhận “xuất giá tòng phu”. Sau tuần trăng mật, người vợ về Kiến Hòa một mình, để phụng dưỡng cha mẹ chồng. Tục truyền rằng bài thơ “Ký nội” của cụ Phan mà các sách Việt văn thường trích dẫn, xem là áng thơ kiệt tác của cụ Phan được sáng tác vào dịp ấy:

*Từ thuở vương xe mới chỉ hồng,
Lòng này ghi tạc có non sông.
Đường mây cười tỏ ham dong ruổi
Trưởng liêu thương ai chịu lạnh lòng.
Ơn nước nợ trai đành nổi bận,
Cha già, nhà khó cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn bảo cơn ly biệt,
Rằng nhớ, rằng quê, lòng hỡi lòng!*

Nhưng bà Trần Thị Hoạch, sẵn sàng xa chồng và tìm hầu thiếp cho chồng. Cụ Phan Thanh Giản cương quyết từ chối, mặc dầu luân lý thời ấy cho phép cụ hưởng lạc thú riêng.

Về đời tư cụ Phan, chúng ta thấy cụ xứng danh là “thanh liêm và giản dị”. Khi làm quan, cụ chẳng bao giờ tỏ ra thái độ kiêu hãnh của kẻ “mặc áo gấm phản hồi cố hương”, hoặc “chưa

dỗ ông nghề, đã đe hàng tổng”.

Cụ đến ơn quan ở tỉnh Vĩnh Long xưa kia đã giúp đỡ lúc cụ còn là người học trò nghèo. Hễ về đến quê xưa ở gành Mù U, cụ ăn mặc như kẻ thường dân, lúc thăm thầy, thăm bạn, cụ tỏ ra nhã nhặn, cư xử lễ phép, không ỷ thế lực, phô trương rằng ta đây là quan to ở kinh đô về làng.

Về sự nhã nhặn và đức khiêm tốn của cụ, các bộ lão ở Ba Tri còn nhắc mãi.

BƯỚC ĐƯỜNG QUAN LỘ LẮM CẢNH THĂNG TRẦM

Đời cụ Phan là đời một vị quan lại nên trải qua bao phen chìm nổi. Từ Quảng Bình, cụ được chuyển về Quảng Nam để dẹp cuộc khởi loạn của dân thiểu số miền sơn cước.

Cuộc chinh phạt gặp nhiều khó khăn nên lúc đầu, cụ bị quở trách, mãi về sau, cụ mới chứng minh được tài năng cho vua thấy.

Cụ được gọi về Kinh lãnh trách nhiệm ở bộ Hình rồi làm Phó sứ sang Trung Hoa, tiếp kiến triều đình Mãn Thanh.

Nhờ tài ngoại giao khá giỏi, cụ Phan được khen ngợi rồi tạm thời lãnh chức Kinh lược sứ ở Trấn Tây (Cao Miên) rồi trở về sung chức Bố Chánh tỉnh Quảng Nam.

Vì bị nịnh thần gièm siểm, cụ bị giáng chức nặng nề, làm phận sự một người... quét dọn bàn ghế tại tỉnh đường Quảng Nam. Tuy nhiên, cụ không than van. Sau đó, cụ bị thăng giáng nhiều phen. Đến khi nhà vua hiểu lòng cụ thì đời cụ bước qua một giai đoạn rạng rỡ, được vua tin cậy, bổ Đô sát Viện Ngự sử,

sung chức Cơ Mật Viện Đại thần.

Năm Tự Đức nguyên niên, cụ Phan chăm nom việc giảng sách cho nhà vua để rồi hai năm sau, cụ được chọn vào Nam, lo việc bình định, chỉnh đốn nhân tâm. Vua Tự Đức chọn Nguyễn Tri Phương (giỏi võ) và Phan Thanh Giản (giỏi về chánh trị).

Bấy giờ, tình hình nước ta không được ổn định, giặc Pháp và Tây Ban Nha lần lượt xâm chiếm, nhằm vào phần đất Nam Kỳ để chiếm sông Cửu Long. Chúng hy vọng sẽ đi ngược dòng sông Cửu Long để mua bán với Trung Hoa, đến Vân Nam và Tây Tạng. Cụ Phan dâng sớ về kinh, xin triều đình chú ý lo phòng thủ, kiểm binh sĩ tập dượt, ngừa khi bất trắc.

Nhưng năm 1859, Gia Định mất, qua 1861, thành Chí Hòa lại mất. Quân Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông và đánh qua thành Vĩnh Long để kiểm soát hai bên bờ sông Tiền Giang, đòi kiểm soát sông này để mua bán và thừa dịp ấy xâm chiếm luôn Cao Miên.

Liệu bề không xong, triều đình Huế sai Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp vào Nam để thương thuyết hầu tìm biện pháp cứu vớt tình thế. Nếu để trễ nải, e sự tình thêm rắc rối.

Cuộc thương thuyết diễn ra tại Saigon, có đô đốc Bonard và tướng Palanca đại diện cho quân đội Pháp và Tây Ban Nha.

Lẽ dĩ nhiên, triều đình Huế đứng trên thế yếu để nói chuyện với kẻ đang thắng thế. Dầu cụ Phan Thanh Giản có khôn khéo đến đâu đi nữa, nước Việt cũng chịu cảnh tang thương. Hiệp ước được ký kết vào ngày 5-6-1862, theo đó thì triều đình Huế chịu cắt đất để giảng hòa.

Triều đình chịu bồi thường tổn phí chiến tranh cho đối phương nhượng đứt 3 tỉnh miền đông, cù lao Côn Nôn, tỉnh Vĩnh Long được trả lại, nhưng người Pháp được tự do lui tới trên sông Cửu Long. Triều đình Huế chỉ còn một chút danh dự tượng trưng mà thôi: phần mộ của bà Từ Dũ (ở Gò Công) là mẹ vua Tự Đức và phần mộ họ Hồ (mẹ của Minh Mạng) được trao cho nhà vua quản trị, cúng kiến!

Thực dân Pháp còn gây hấn bằng cách bắt buộc triều đình Huế phải chịu trách nhiệm về những cuộc khởi loạn xảy ra trong phần đất của Pháp chiếm cứ.

Thật là một hiệp ước nhục nhã, vua Tự Đức và các triều thần đều không hài lòng nên quyết định cử phái bộ sang Pháp thương thuyết chuộc lại 3 tỉnh đã nhượng, nghĩa là hủy bỏ hiệp ước vừa nói trên.

Phan Thanh Giản được vua Tự Đức giao phó trách nhiệm ấy, phái đoàn gồm có:

Chánh sứ toàn quyền: Phan Thanh Giản.

Phó sứ gồm hai ông Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản

Ngoài ra, còn 53 người tùy viên (trong số ấy có Trương Vĩnh Ký).

Trước khi lên đường, cụ Phan làm bài thơ Thuật hoài để giải bày tác lòng:

*Chút nghĩa vương mang phải găng đi,
Tang bồng đành rõ chí nam nhi
Thuyền ngô phơi phơi giăng hồn bạc,*

*Khói đá phăng phăng lướt tích ti.
 La Hán dang tay chờ khách đến,
 Tướng quân ghé mắt hẹn ngày về.
 Phen này miễnặng đặng hòa hai nước.
 Nỗi tố xin đừng bận bịu chi!*

Sau hai tháng bảy ngày lênh đênh trên mặt nước, phái đoàn đến Pháp quốc, được đón rước trọng thể.

Nhưng cuộc thương nghị bất thành vì bấy giờ bên Pháp phe chủ chiến (phe thực dân Pháp) đang nắm phần ưu thế. Lần đầu tiên, một danh nhân của nước ta được chụp ảnh làm kỷ niệm (lúc bấy giờ, máy nhiếp ảnh mới phát minh, chưa phổ biến rộng).

Ngày 24.3.1864, sứ bộ về tới Saigon, toàn dân đều đau buồn, căm phẫn, hiểu rằng những ngày sắp tới thế nào thực dân Pháp cũng đánh chiếm để nuốt trọn ba tỉnh miền Tây còn sót lại.

Vua Tự Đức giao cho Phan Thanh Giản chức vụ giữ ba tỉnh “độc lập” của Triều đình. Cụ nhận chức kinh lược, đóng tại thành Vĩnh Long. Hàng ngày, các sĩ quan Pháp chạy tàu tới lui, giả như làm quen với cụ nhưng thật ra chúng rắp tâm cướp đất.

Cụ Phan Thanh Giản vẫn nuôi hy vọng giải hòa, chờ cơ hội điều đình, và đồng thời muốn tiết kiệm xương máu của dân chúng. Nhưng thực dân quá lừa đảo, chúng lợi dụng sự ngay thẳng và tiết nghĩa của cụ.

Chuyện gì phải đến, sẽ đến.

QUÂN PHÁP ĐẾN XÂM CHIẾM BA TỈNH MIỀN TÂY

Ngày 17.6.1867, Pháp kéo đại quân chở trên tàu chiến, chạy đến trước thành Vĩnh Long để trao tối hậu thư cho cụ Phan Thanh Giản. Phan Thanh Giản yêu cầu có cuộc hội đàm lần chót. Người Pháp chấp thuận với điều kiện:

- Hội đàm ngay trên tàu của chúng.

Cuộc hội đàm không kéo dài cho lắm. Trước điều kiện đầu hàng do thực dân đưa ra, cụ Phan từ khước, xin đình lại để hỏi ý kiến triều đình. Cụ sửa soạn rời tàu lên bờ, thì hơi ôi! Thửa lúc bàn bạc khi này, quân Pháp đã đổ bộ rồi kéo binh vào thành từ bốn phía.

Vĩnh Long thất thủ rồi kế đến là An Giang, Hà Tiên.

Cụ Phan Thanh Giản đã hiểu mình phải làm gì! Làm tướng mà để mất thành là tội mà xưa nay không pháp luật nào tha thứ được. Cụ tự xử lấy mình.

Cụ vào một chòi tranh nhỏ, xếp tất cả vào trào phục áo mao và các tờ sắc phong, kèm theo là tờ sớ, chịu tội với triều đình. Rồi ông bắt đầu tuyệt thực. Sự tuyệt thực của ông có ý nghĩa là một biện pháp “thung dung tự nghĩa” tức là bình tĩnh đón nhận cái chết để đạt được nghĩa lớn tức là đền nợ nước.

Con cháu của cụ Phan quì lạy khóc lóc. Nhưng cụ đã cương quyết thì ai mà ngăn cản được.

Trong khi ấy, có tin từ triều đình Huế gửi vào: Bãi chức cụ Phan để làm gương và đục tên Cụ trong bia tiến sĩ ngoài Huế.

Hành động ấy có nghĩa là nhà vua treo bằng cấp Tiến sĩ mà xưa kia cụ đã thi đỗ.

Tuyệt thực 17 ngày nhưng cụ vẫn không chết. Sau rốt, vào lúc nửa đêm, đêm mừng 4 rạng mừng 5 tháng 7 năm Đinh Mão (1867), cụ uống á phiện với giấm thanh để tự vận, hưởng thọ 71 tuổi.

Linh cữu cụ được đem về làng Bảo Thạnh, huyện Kiến Hòa, gành Mù U, mai táng. Các quan Nam và Pháp tới thăm ai nấy đều ngậm ngùi mến tiếc, lúc ấy các quan lớn nhỏ ở lục tỉnh và thân bằng cố hữu về đông đủ để chịu tang.

Cụ tú tài Nguyễn Đình Chiểu ở tại chợ Ba Tri làng An Bình Đông có làm một bài thi khóc cụ Phan một vị trung thần vị quốc vong thân.

Non nước tan tành hệ bởi đâu?

*Dầu dầu mây trắng cõi Ngao châu,
Ba triều công cán vài hàng sớ,
Sáu tỉnh cang thường một gánh trâu
Trạm Bắc ngày chiều, tin điệp vắng
Thành Nam, đêm quạnh tiếng quyên sầu.
Minh sanh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ đây mặc gió thu.*

Cuộc đời của cụ Phan vì trung quân cam đành tử tiết, không muốn thấy thực dân giày xéo trên mảnh đất thân yêu của tổ tiên, cụ dền nợ nước bằng cái chết, nhưng tên tuổi cụ vẫn còn sống mãi với non sông.

Trước mộ của cụ có tấm bia ghi hàng chữ:

“NAM KỲ HẢI NHAİ LÃO THƠ SANH PHAN CÔNG
CHI MỘ”

Cạnh mộ có một ngôi nhà của miếu duệ trải qua mấy đời ở đây thường trực lo việc lửa hương và hàng năm cúng tế, nay cảnh này trở nên hoang vắng, vì thời cuộc chiến tranh nên ít người lui tới.

Lúc cụ làm Kinh lược trấn nhậm tỉnh Vĩnh Long có lập miếu thờ Đức Khổng Tử do đề học Nguyễn Thông trông nom, khởi công năm Giáp Tí 1864, cuối 1866 hoàn thành và đồng thời cất tòa nhà Văn Xương Các chung trong cuộc đất Văn Thánh tại làng Long Hồ. Khi rảnh việc quan cụ thường tới lui đọc sách, họp bạn văn nho luận bàn thi phú.

Tòa Văn Xương Các ngày nay bên trong có thờ chân dung cụ và thờ bài vị ông Võ Trường Toản một bên. Miếu quốc công cũng có thờ bài vị cụ, hai nơi khói hương không dứt.

Đồng bào đất Vĩnh cảm niệm công đức cụ vô biên và cho đất Vĩnh Long là quê hương thứ hai của cụ vậy.

Chúng tôi có viết bài về cảm nghĩ dựng hình, trong phần thứ năm : “Vĩnh Long Văn Vật”



Di ảnh Ông TRƯƠNG VĨNH KÝ

Hàn Lâm Viện Thị Giảng Học Sĩ

Ảnh sưu tầm

TRƯƠNG VĨNH KÝ

(1837-1898)

NHÀ BÁC HỌC, MỘT NHÂN TÀI CỦA VIỆT NAM

Ở miền nước Việt nói riêng, toàn cõi Đông Nam Á nói chung đều nghe danh biết tiếng ông Trương Vĩnh Ký.

Khi văn hóa Tây phương bắt đầu tiếp xúc với Đông phương, nói đến tên Trương Vĩnh Ký, chúng ta đã quen thuộc vì tên cụ được dùng đặt cho trường Trung học công lập xưa, dành cho người Việt Nam.

Chữ quốc ngữ, dùng mẫu tự A, B, C của chữ La tinh mà ráp vần đã thành hình từ đời nhà Lê, do cố đạo Alexandre de Rhodes. Nhưng người dùng chữ quốc ngữ để phổ biến văn hóa, để làm báo, viết sách giúp đỡ thiết thực dân Việt Nam lần đầu tiên, chính là cụ Trương Vĩnh Ký.

Nếu cụ Võ Trường Toản là Hậu tổ của Nho học ở đất Đồng Nai thì cụ Trương Vĩnh Ký là bậc Tiền hiền chữ quốc ngữ trong toàn cõi đất Việt.

Cụ là người Việt Nam đầu tiên soạn ra bộ Từ Điển Pháp Việt (Dictionnaire Francais-Annamite). Sinh quán cụ Trương ở Cái Mơn, làng Vĩnh Thành, tổng Minh Lệ, tỉnh Vĩnh Long, phần đất sau này sáp nhập vào địa phận tỉnh Kiến Hòa. Vùng Cái Mơn khi xưa thuộc về Long Hồ dinh là nơi có họ Đạo Công giáo từ đời vua Tự Đức.

Quê hương cụ liên quan đến Vĩnh Long nên tiểu sử cụ được ghép vào tác phẩm này, mặc dầu quyển Kiến Hòa cũng có nói đến cụ.

Gia đình cụ Trương Chánh Thi có 3 người con:

- Người gái đầu lòng, mất hồi thơ ấu.

- Trương Vĩnh Sử, học đỗ đạt, sau này làm đến Đốc Phủ Sứ.

Và đứa con trai, Trương Vĩnh Ký, theo tục lệ Công giáo, mỗi người đều mang tên thánh đứng đầu. Vì vậy chúng ta thấy ghi rõ:

Rean Baptiste Pétrus Trương Vĩnh Ký.

Hoặc viết tắt là : J.B Pétrus Ký

Cụ Trương Chánh Thi là vị quan của triều đình Huế nên được thăng chuyển lên Cao Miên. Cụ Thi mang bệnh vì phong thổ bất hòa nên mất sớm, lúc Trương Vĩnh Ký đứa con út mới chào đời. Đó là vào năm 1837.

Vợ ông Trương Chánh Thi, nữ danh Nguyễn Thị Châu lãnh trách nhiệm nuôi đàn con dại, bà tỏ ra đảm đương giỏi dấn. Trương Vĩnh Ký lên năm tuổi, bà cho học chữ Nho với một thầy đồ tên là Học.

Cụ Trương tỏ ra thông minh, đỉnh ngộ.

Bà mẹ nuôi nấng hoài bão cho con ăn học thành tài. Bấy giờ, như trên đã nói, ở tại Cái Mơn có nhiều tín đồ Công giáo đang sống trong tình trạng lo âu vì chính sách cấm đạo của triều đình Huế. Có một vị linh mục tên là cụ Tám, thường tới lui gia đình và lúc trước được cụ Trương Chánh Thi che chở. Bà mẹ giao cụ Trương Vĩnh Ký cho cụ Tám dạy chữ quốc ngữ.

Nhưng cụ Tám lại chết. Sự học hành của cụ Trương Vĩnh Ký được tiếp tục nhờ sự giúp đỡ tận tụy của một linh mục người

Pháp, mà người Việt gọi là ông cố Long. Cụ Trương Vĩnh Ký theo sát cố Long, học thêm chữ quốc ngữ và chữ La tinh.

Chánh sách của Triều đình Huế bước sang một giai đoạn khác, khốc liệt hơn. Để khỏi bị truy nã, cố Long và cụ Trương Vĩnh Ký phải trải qua bao nhiêu cam go. Cố Long ẩn bờ ngũ bụi, cải trang khi vậy khi khác để che mắt nhà cầm quyền. Sau rốt, vì muốn giúp đỡ Trương Vĩnh Ký, cố Long gởi cụ lên Cao Miên học tại trường Pinhalu.

TRƯƠNG VĨNH KÝ LẦN ĐẦU TIÊN TIẾP XÚC SINH VIÊN Á ĐÔNG

Lần đầu tiên, cụ Trương Vĩnh Ký tiếp xúc với bạn học người Xiêm, người Miến Điện, người Lào, người Trung Hoa. Cụ chú ý tìm tòi những nét tương đồng và khác biệt, giữa các ngôn ngữ ở bán đảo Đông Dương. Điều ấy giải thích tại sao khi học thành tài, tuy bận rộn việc dạy học tại Saigon, cụ Trương vẫn để thời giờ nghiên cứu các mẹo luật, văn phạm của bao nhiêu ngôn ngữ phức tạp.

Năm 1851, cụ Trương được 14 tuổi, ban giám đốc có cấp 3 học bổng cho 3 học sinh ưu tú nhất. Cụ Trương là một trong 3 người được tuyển chọn, du học ở Pénang.

Pénang là một đảo nhỏ, nằm sát mé biển Mã Lai do quốc vương Mã Lai nhượng lại cho người Anh. Thuở ấy và mãi đến ngày nay, người Việt miền Nam gọi tắt Mã Lai là miền Dưới (tức là phía Nam). Tại đảo Pénang, hội truyền giáo có tổ chức một Chủng viện với mục đích đào tạo học sinh Công giáo.

Từ biển Cần Giờ đến cù lao Pénang, phương tiện giao

thông rất khó khăn. Cụ Trương xuống ghe buồm, cánh buồm lướt gió biển suốt 3 tháng mới tới nơi tới chốn.

Sáu năm liên tiếp, từ 15 đến 21 tuổi, cụ Trương chăm lo họ hành trau dồi thêm chữ Hy Lạp, chữ La tinh, đồng thời học thêm tiếng Anh, Pháp, Nhật và tiếng Ấn Độ.

Cụ Trương nổi danh là người học trò có thiên tư. Quan Thống đốc Pénang mở cuộc thi văn chương trong vòng nhà trường; bài thơ của cụ Trương được chấm đầu. Trong thời gian này, cụ đã làm ngạc nhiên các giáo sư, như câu chuyện bức thư chữ Pháp.

Số là hôm ấy, cụ Trương ra chơi trong phạm vi sân trường, chợt thấy một mẩu giấy nằm sẵn trên bãi cỏ. Cụ tò mò, lượm lên trở mắt đọc. Đó là thứ chữ mà chưa bao giờ cụ học hoặc được giáo sư nói sơ qua trong trường. Tuy nhiên, cụ dùng lý luận mà đoán ý nghĩa rồi vào trường tìm vị giáo sư và nói:

- Thưa thầy! Thơ của Thầy đây!

Vị giáo sư xem qua rồi trả lời:

- Phải rồi! Trò gặp tại đâu? Tôi vô ý đánh rơi. Nhưng... cậu biết thơ này bàn việc gì không?

Cụ Trương bèn trình bày: Đó là thơ người bạn gửi lời thăm hỏi thầy.

Vị giáo sư ngạc nhiên, vì thơ ấy viết bằng chữ Pháp, thứ chữ mà cụ Trương chưa học. Chẳng qua vì chữ Pháp có nhiều căn gốc, bắt nguồn từ chữ La tinh. Mà đối với cụ Trương thì chữ La tinh là ngôn ngữ mà cụ học rất cừ!

Vị giáo sư mừng rỡ, để dành thời giờ chỉ dẫn thêm cụ

Trương về Pháp văn. Việc học hành ngày càng tiến bộ.

Sau 6 năm ở hải ngoại, cụ ra trường với ý nguyện trở thành một người giúp ích cho dân tộc, xã hội.

Năm 1861, được 25 tuổi, cụ làm lễ thành hôn với Vương Thị Thọ, con gái ông Vương Ngươn, hương chủ tại làng Nhơn Giang (vùng Chợ Quán).

PHÁI BỘ TRIỀU ĐÌNH SANG PHÁP NGHỊ HÒA CỤ TRƯỞNG VĨNH KÝ LÀM THÔNG NGÔN

Các bạn đọc qua lịch sử cận đại đều rõ 1861 chính là năm đau thương cho đất nước. Thực dân Pháp chiếm thành Chí Hòa, tiến đánh Mỹ Tho, chiếm 3 tỉnh miền Đông.

Triều đình Huế vẫn ôm ấp hoài bão ! Hòa hườn với thực dân Pháp để chuộc lại 3 tỉnh bị chiếm. Nhà cầm quyền quân sự Pháp ở Saigon, lẽ dĩ nhiên, không đủ thẩm quyền. Vì vậy, triều đình Huế nhờ nhà cầm quyền Pháp ở Saigon giúp phương tiện giao thông cho phái đoàn Việt Nam sang Pháp. P phái đoàn nầy do cụ Phan Thanh Giản cầm đầu. Vấn đề chọn lựa người thông ngôn (thông dịch viên) được đặt ra. Cụ Trương Vĩnh Ký lãnh trách vụ thông ngôn. Cùng với ông có các nhơn viên khác như Tôn Thọ Tường, Phan Quang Hiệu (làm ký lục).

Sau khi làm việc xong cho phái đoàn, cụ Trương nhơn dịp ấy du lịch các thành phố lớn ở Pháp, qua Tây Ban Nha, qua Ý Đại Lợi và được hân hạnh yết kiến Đức Giáo Hoàng.

Các nhân sĩ bên Pháp sẵn sàng gặp cụ để hỏi thăm về phong tục văn hóa Việt Nam phương Đông.

**Dưới
Triều
vua
Tự
Đức**



Cụ Phan Thanh Giản làm Chánh Sử, trưởng phái đoàn Nam triều sang Pháp năm 1863.
Gồm có : 1. Phạm Phú Thứ. 2. Nguyễn Khắc Dẩn và các quan Lại Bộ Thượng Thư.

SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG CỦA TRƯỞNG VĨNH KÝ

(1869), thủy sư Đô Đốc Ohier giao tờ Gia Định báo cho cụ Trương Vĩnh Ký coi sóc. Nội dung tờ báo được biến đổi, hấp dẫn, bổ ích hơn. Ngoài những mục Thông cáo Nghị định về thuế má và những tin lặt vặt đã có từ trước, cụ Trương Vĩnh Ký cho tăng cường bộ biên tập với các ông Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của. Cụ Trương chú ý điểm cổ động cho dân chúng học chữ quốc ngữ. Trong thời gian này, ngoài việc viết báo, cụ Trương cho xuất bản các quyển:

1. Văn phạm Việt Nam (viết bằng Pháp ngữ cho người Pháp dùng).
2. Truyện đời xưa, viết bằng Quốc ngữ
3. Học vỡ lòng tiếng Việt (bằng chữ Pháp)

Nhưng tình thế nước nhà càng biến chuyển. Các sĩ phu miền Trung nổi lên chống đối chánh quyền thực dân. Người Pháp đặt ra chánh sách cai trị mới, giao cho Paul Bert là một người dân sự coi sóc. Trước kia, lúc mới chiếm nước ta, việc hành chánh giao cho các võ quan thủy sư đô đốc đảm nhiệm.

Paul Bert là thực dân cáo già, vạch chương trình bình định trị an, đánh vào mặt kinh tế, văn hóa và tài chánh, chương trình Paul Bert quả là bàn tay sắt bọc nhung: thực dân Pháp sẽ thâu các nguồn lợi kinh tế, thương mại (vì vậy chúng mở mang giao thông). Đồng thời, để xoa dịu cảm phần của dân, Paul Bert chú trọng mở mang trường học để đào tạo một số công chức ăn trên ngồi trước, làm trung gian giữa thực dân và dân chúng đối rách.

Có lẽ cụ Trương Vĩnh Ký bắt đầu đau khổ vì vận nước đến

hồi nan giải. Vua Đồng Khánh lên ngôi, cụ Trương Vĩnh Ký được mời ra làm cố vấn. Cụ Trương Vĩnh Ký đứng giữa tình trạng tấn thối lương nan.

- Hợp tác với vua Đồng Khánh và thực dân thì các sĩ phu khinh rẻ cụ và lương tâm cụ bị ray rứt.

- Thực dân Pháp không tín nhiệm cụ một cách tuyệt đối như các sĩ phu yêu nước lắm tưởng.

Cụ dùng phương châm xử thế “ăn sĩ”, “minh triết bảo thân” trở lại nghề dạy học, làm giáo sư ở trường đào tạo công chức hậu bổ và đào tạo thông ngôn.

Lúc rảnh rang, cụ soạn bài cho học trò; các bài này được in thành sách. Việc in sách làm cho cụ đổ nợ, tiền nhà in quá cao, sách bán không chạy.

Công trình khảo cứu, dịch thuật của cụ gồm 118 tài liệu sách vở khác nhau, bao gồm văn phạm, sử địa, canh nông, văn chương.

Ngày 1 tháng 9 năm 1889, cụ tạ thế, hưởng thọ 68 tuổi, mộ phần tại Chợ Quán, nay hãy còn (góc Trần Hưng Đạo-Trần Bình Trọng).

Đã trình bày sơ lược qua những điểm chánh của nhà văn hào lỗi lạc có một không hai v.v..., tuy không đầy đủ cho lắm, vì tác phẩm còn phải dành cho các mục khác, nên không thể đi sâu vào từng chi tiết được. Xin bạn đọc niệm tình cho.

ĐỐC BÌNH

LÊ CẨN và NGUYỄN GIAO

HAI VỊ HÀO KIỆT CHỐNG PHÁP

Nơi phần thứ nhất, khi nói đến những cuộc diễn biến lịch sử tại Vĩnh Long trong thời Tự Đức, chúng tôi đã ghi rõ vài nét điển hình về mấy cuộc khởi nghĩa kháng Pháp đáng kể, và cũng đã ghi vụ “Giặc cầu Vồng” tại Vũng Liêm (Vĩnh Long) do Lê Cẩn và Nguyễn Giao chủ xướng. Nhưng nghĩ rằng như thế vẫn chưa đủ, và chưa xứng đáng với tên tuổi hai nhân vật kháng Pháp ấy, nên chúng tôi xin trân trọng đề cao thêm ở phần nhân vật này.

Từ sau khi quân Pháp chiếm Vĩnh Long lần thứ hai 20-6-1867 (lần thứ nhất vào năm 1861 rồi trả lại, lần hai này thì chiếm luôn), lòng dân phẫn uất. Quan lại có khí tiết thì quan lui ẩn, hoặc tổ chức nghĩa quân chống đối. Sĩ phu có lòng yêu nước thì vùng lên, hiệu triệu gọi dân chống xâm lăng. Đầu tiên có nhóm Đảng cự (nhóm quan triều đoàn kết lại) khởi binh. Rồi đến hai người con của cụ Phan Thanh Giản là Phan Tôn và Phan Liêm phát cờ phản kháng. Nhưng lần lượt đều thất bại dưới nanh vuốt thực dân đã có bọn Việt gian theo trợ lực!

Tuy nhiên, sự đàn áp của quân xâm lăng càng mạnh, lòng dân yêu nước càng sôi máu căm hờn. Khoảng năm 1872, cuộc khởi nghĩa ở Vũng Liêm bùng dậy. Lãnh đạo phong trào kháng Pháp này là Lê Cẩn và Nguyễn Giao.

Xuất thân nông dân, có ít nhiều học thức, lại nông nân

tấm lòng yêu nước, Nguyễn Giao tha thiết gọi đàn chống xâm lăng, được sự đáp ứng nồng nhiệt của nông dân và sĩ phu quanh vùng.

Dọc theo quận lỵ Vĩnh Long (Vũng Liêm), dân quân đào hào lũy sâu để ngăn tàu chiến Pháp từ ngoài vàm sông Cổ Chiên chạy vào. Cách bốn ngàn thước, thuộc về ấp Vạn Điền đắp một thành cao để đóng binh.

Một đêm, một vị hào kiệt trong nhóm kháng chiến, tục gọi Phó Mai, tuân lời Lê Cẩn và Nguyễn Giao hoạch định chiến lược, kéo nhóm dân quan độ vài ba mươi người đánh phá chợ quận Vũng Liêm, đốt chợ và giết chết viên chủ quận tên Thực, vốn là tên Việt gian hạng nặng và 6 người lính.

Sau vụ này, quân Pháp đàn áp dữ dội. Nhưng lực lượng kháng chiến không nao núng, tạm rút lui ẩn náu một thời gian, rồi đâu lại vào đấy.

Tên Việt gian Tôn Thọ Tường được lệnh đến trấn nhậm Vũng Liêm, thay viên chủ quận đã bị nghĩa binh hạ sát.

Tên Tường hiểu dụ nhưng có điều nhóm nghĩa quân của Lê Cẩn và Nguyễn Giao vẫn cương quyết chống xâm lăng đến cùng, được tự do hay là chết mà thôi.

Ngày kia, Lê Cẩn nghĩ ra một chước, bảo các chiến hữu:

- Tên tham biện Pháp là thằng Bồi Xê (vốn tên là Alix Salicetti, dân gian Vĩnh Long gọi là Bồi Xê) ta phải liệu hạ nó đi. Tôi định dâng thơ trá hàng, dụ chúng nó lọt vào nơi ta phục kích. Anh em nghĩ sao?

Nguyễn Giao và các chiến hữu tán thành ngay. Liền cho

người đi dâng thư xin hàng. Tham biện Salicetti chấp thuận. Nhưng tên Tôn Thọ Tường khuyên ngăn, xin Salicetti đừng mạo hiểm mà mắc mưu mang họa. Tham biện Salicetti vẫn thản nhiên:

- Có sao đâu. Ông Đốc phủ chờ quá lo ngại.

Rồi cười nói ra vẻ bề trên:

- Ta là người khoan hồng, dung túng cho chúng nó, lẽ nào chúng nó trở lòng làm hại ta. Nếu ta không đến đó chứng kiến sự quy thuận của chúng nó, thì làm gì chúng nó được thấy mặt ta mà phục tùng.

Tên Tường lắc đầu thở ra :

Salicetti rùn vai, cười nhạt. Rồi đó cùng đoàn tùy tùng ra đi. Phía trước có đám hổ bốn mang trống đánh inh ỏi, dọn đường.

Đi đến ấp an toàn, không thấy có vẻ gì linh đình tiếp rước, Tham biện Salicetti hỏi các viên hầu cận:

- Tại sao tôi đã đến đây, mà không ai ra đón rước?

Quan hầu thưa:

- Có lẽ họ còn đợi quan lớn dưới kia.

Được một hồi nữa, xảy nghe xa xa có tiếng trống đánh liên hồi. Salicetti nhú mày:

- Trống chi đó?

Đám hổ bốn thưa:

- Chắc là trống mừng quan lớn.

Khi đi gần tới Cầu Vồng, đã thấy lối nhỏ nghĩa quân tụ tập. Toán binh sĩ hộ vệ viên Tham biện Pháp lập tức chuẩn bị đề

phòng sự bất trắc.

Bên kia Cầu Vòng, Đốc binh Lê Cẩn vừa trông thấy Salicetti ngồi ngựa đến gần đầu cầu, liền nhanh như chớp chống tấm vòng nhảy vọt qua, ôm ngay Salicetti mà vật ngã nhào xuống đất. Giữa lúc bất ngờ, vả lại thấy Lê Cẩn và Salicetti lăn tròn, toán binh sĩ hộ vệ không dám động thủ, e chạm phải chủ mình.

Vào lúc ấy, bỗng nghe trống trận vang rền. Từ phía trên Nguyễn Giao dẫn nghĩa quân kéo ra chân đường về của lính Pháp mà giết hết. Cả thảy trên mười người.

Đốc binh Lê Cẩn và Tham biện Salicetti ôm vật nhau, lăn tòm dưới sông, đều chết dưới nước. Nguyễn Giao cắt lấy đầu Salicetti, rồi cùng dân quân lo chôn cất một bên mé rừng.

Nhưng sau đó, tên Trần Bá Lộc đem một đội quân bắt hết dân trong ấp mà giết. Thấy người chết lấp cả "Vùng Linh" mà ngày nay người ta dọc trại là Vùng Liêm. Nhà cửa dân chúng cũng đều bị đốt sạch.

Nguyễn Giao lánh nạn, sau cố dấy lên lần nữa, nhưng đại sự vẫn không thành! Rốt cuộc ông bị bắn thác tại sông Cổ Chiên. Thây người chí sĩ trẻ tuổi ấy trôi mất tích!

Nhắc đến nhân vật tỉnh Vĩnh Long mà không nêu các gương ái quốc anh hùng chí sĩ tỉnh nhà, đã hy sinh xương máu chống thực dân, nêu cao khí tiết con người đất Vĩnh, đã làm rạng rỡ quê hương một thuở là một thiếu sót lớn. Tuy nhiên người anh hùng đã mất nhưng tên tuổi Lê Cẩn, Nguyễn Giao, vẫn còn sống mãi với sử xanh. Thế hệ trẻ ngày nay vẫn liên tục tranh đấu giữ nước chống xâm lăng đem hạnh phúc cho toàn dân mong đợi.

LÊ CÔNG AN

VỊ TIỀN HIỀN CÓ CÔNG KHAI MỞ BA THÔN:
MỸ THẠNH, MỸ HƯNG, MỸ HỘI.

An trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ người đào giếng. Thử nghĩ bao nhiêu đất đai mà các thế hệ qua đã thừa hưởng của tiền nhân, công khai thác khi còn là chốn hoang vu, đầy răn độc, thú dữ, thật là công đáng ghi muôn thuở.

Khi tiền nhon ta mới mở mang dãy đất miền Nam nói chung, đất Long Hồ nói riêng, tại làng Mỹ Thạnh có nhà họ Lê, phước sanh một trai thông minh đỉnh ngộ, đặt tên là Lê Công An. Lớn lên Công An nổi tiếng cần cù siêng học, siêng làm, tuổi còn trẻ mà đã sớm biết phục vụ đồng bào xã hội, giúp đỡ cho mọi người trong vùng với tất cả khả năng và phương tiện của mình sẵn có. Mọi người đều đem lòng yêu chuộng. Thỉnh danh Lê Công An được xa gần nghe biết đến.

Quan địa phương trọng vọng bậc hiền tài, bèn đề cử Lê Công An lãnh một chức vụ trong vùng. Ra làm quan, ông càng thương yêu, hết lòng miễn cán lo việc công, phục vụ nhân dân rất tận tâm, đúng mức.

Có nhà họ Đặng, gia tư hào phú, mộ tiếng ông, kén gả con gái là Đặng Thị Thông cho ông. Từ ngày có gia đình, vợ chồng ông tâm đầu ý hiệp, cùng nhau sốt sắng lo điều công nghĩa, hơn là nghĩ đến sự mưu tư lợi.

Đến tuổi già, ông hưu trí về quê. Nhân thấy trong vùng còn rất nhiều đất đai bỏ hoang, ông bàn với bà:

- Vợ chồng ta hiếm hoi con cháu, thiết tưởng nên gắng tu nhân, lập công bồi đức để nhờ phước phận về sau. Tất cả đồng bào cũng là cùng chung một huyết thống dân tộc. Vậy thì ta hãy mưu ích cho đồng bào, chẳng khác nào ta lo cho chính ta đó. Sau này vợ chồng ta nhắm mắt qua đời, ắt người đời cũng chẳng phụ chi công ơn của ta đâu.

Bà nghe ra, càng khen phục chồng. Từ ấy, vợ chồng lại đứng ra chiêu dân lập ấp. Thường ngày, ông dẫn thân ngoài đồng ruộng, khuyến khích tráng đinh, bô lão, cùng chung gắng sức gầy dựng mở mang đất đai, để cho con cháu được thừa hưởng công lao. Ai nấy đều sẵn lòng mến phục ông, nhất nhất đều vâng theo, rất mực tận tâm khai hoang, dựng xóm, dựng làng.

Chẳng bao lâu làng Mỹ Thạnh trở nên trù phú, nhà nhà an cư lạc nghiệp, vườn ruộng thanh mậu, hoa lợi sung túc. Rồi lại lập thêm hai làng nữa là Mỹ Hưng, Mỹ Hội. Cả ba làng tân tạo đều do công ông đồn đốc khuyến bảo dân chúng đồng tâm cộng lực mở mang.

Vợ chồng ông phước đức như thế, nên tuổi già không bệnh mà mất một cách bình thản, khiến ai cũng cảm động. Ông mất trong hạ tuần tháng giêng. Bà mất trong hạ tuần tháng 10. Tang lễ vô cùng trọng hậu. Dân chúng ba thôn Mỹ Thạnh, Mỹ Hưng, Mỹ Hội đều chịu tang, thương tiếc như cha mẹ mất.

Để lòng tri ân và lưu niệm công lao cho muôn đời rõ biết mà ngưỡng mộ, dân chúng ba làng đồng lòng đứng đơn xin lập miếu thờ. Quan địa phương sẵn lòng chấp thuận và trình lên quan trên. Ít lâu, thượng cấp chuẩn cho như nguyện.

Miếu thờ ông thiết lập tại thôn Mỹ Thạnh. Ấy là miếu do



Di ảnh cụ phó NGÔ VĂN LÂN

Vị tiền hiền sáng lập làng Tân Giai

Ảnh sưu tầm

dân ba làng thành tâm sùng phụng vị tiền hiền xứng đáng. Nên hàng năm đến ngày giỗ chạp, dân chúng ba thôn đều họp nhau cúng tế linh đình, long trọng.

Anh linh vị tiền hiền Lê Công An rất là hiển hách. Viên quan hương chức đều cúi cung bái phục, thành kính trọng bậc sống sao thác vậy, công đức chói ngời.

Ngàn thu không dứt khói hương sùng phụng, lưu tiếng thơm muôn thuở còn truyền tụng.

NGÔ VĂN LÂN

VỊ TIỀN HIỀN ĐỨNG RA LẬP LÀNG TÂN GIAI (THUỘC QUẬN CHÂU THÀNH)

Tìm hiểu nhân vật thời xưa của Vĩnh Long mà không nhắc đến cụ phó Ngô Văn Lân là một điều thiếu sót đối với nền sử học sau này.

Cụ sanh trưởng trong một gia đình nho phong, cụ chào đời vào năm 1837 tại Vĩnh long, lúc bấy giờ thuộc về nhà nước cựu trào, đất đai còn hoang vu chưa phân định từ vùng rõ rệt, làng xã chưa có nhiều, cụ Ngô Văn Lân là người địa phương mới đứng ra lập làng Tân Giai và khai khẩn đất cát quanh vùng. Đầu tiên những việc làm của cụ là mở lộ, đào kinh, đốn phá cây cối sầm uất, từ làng này đến làng kia, làm cho sự giao thông qua lại dễ dàng. Quy tụ dân chúng về sanh cơ lập nghiệp trong khu vực vừa mới tân tạo. Chính cụ là vị tiền hiền có công khai hoang dựng ấp, xây dựng nên làng Tân Giai trù phú như ngày nay.

Kẻ hậu sinh ăn trái nhớ kẻ trồng cây, chúng tôi có bốn phận nêu lên những bậc hữu công, vì quê hương dân tộc, vì dãy gấm vóc của tiền nhân ta đã dày công xây đắp, hy sinh xương máu, giữ từ tắc đất chống xâm lăng, bảo vệ mảnh đất thân yêu đem hạnh phúc cho giống nòi. Cụ Ngô Văn Lân không màng nguy hiểm, vượt qua bao trở ngại xung phong làm cái công việc khai sơn phá thạch, nối chí người xưa, lưu lại cho đời nhắc nhở.

Năm 1877 cụ ra làm Phó tổng, cụ được nổi tiếng liêm chính sở dĩ cụ ra làm việc là muốn dựa vào chức vụ sẵn có mà làm

những việc hữu ích cho tổng làng, bình vực quyền lợi cho người dân thấp cổ bé miệng không dám đến nha môn để kêu ca những điều oan ức. Tiếng cụ đồn xa, dân tình đều nức lòng cảm mến, người Pháp lúc bấy giờ bắt đầu nghi ngờ cụ, có lẽ cụ là người ở trong đảng cựu triều đình len lỏi vào để dò dẫm; biết như thế nhưng cụ vẫn bình tĩnh, thản nhiên như người vô sự, vẫn tiếp tục làm phận sự, lòng cụ đã biểu lộ sự ngay chánh trong trắng, người Pháp phải người theo dõi hành động của cụ luôn, biết rõ con người của cụ đầy khí tiết, đâm ra kính nể và khen thắm người miền Nam như cụ có một tinh thần bất khuất, năng làm hơn nói, gặp việc phải thì nói ngay cho ra lẽ không úp mở, lúc nào cũng tỏ ra con người cương trực và đứng đắn, từ đây chúng càng thêm mến phục qua đức độ của cụ.

Thật ra, đời cụ ra làm quan không vì danh lợi, mục đích là phụng sự cho quê hương, bình vực quyền lợi cho dân nghèo, dám đương đầu nhiều trở lực trên chính trường.

Tỉnh Vĩnh Long có hai vị Phó tổng được nổi tiếng: một là phó tổng Tổng Hữu Định tục danh là phó mười hai và cụ Ngô Văn Lân đáng cho người đời tôn sùng nhắc nhở, chúng tôi xin nói thêm cụ Ngô Văn Lân có người con là ông Ngô Văn Công cũng nổi chí cụ, góp công xây dựng tỉnh nhà. Chính ngôi đình Tân Giai lúc trước bị ngọn nước sông Cổ Chiên xoáy lở, cụ đứng ra đời qua mé đất liền như chúng ta đã thấy hiện nay. Cụ còn làm công việc đáng ngợi, là khuyến khích kẻ thất học, dẫn đến trường giúp đỡ mọi nhu cầu cho học trò nghèo, cụ còn làm những việc âm đức, tu cầu bồi lộ mở đường xây cất trường học v.v...

Theo lời các bô lão kể lại nơi đình Tân Giai có thờ bài vị cụ Phó tổng Ngô Văn Lân, vị tiền hiền sáng lập làng Tân Giai.

Thật ra đất lành trổ sanh cây quý, đất Vĩnh Long từ xưa tới nay lắm bậc tài trí đứng ra kiến thiết xây dựng đình làng, làm những điều công ích. Chúng tôi cần gọi lại hiền quý bạn đọc biết qua sơ lược về ông Ngô Văn Lân vị tiền hiền trên đất Vĩnh của thời quá khứ.

Ngày nay mỗi lần cúng tế các kỳ lão và hương chức đều tưởng niệm ông Ngô Văn Lân một cách kính cẩn.



Di ảnh ông TRƯỞNG NGỌC LAN

(Tự Bá hộ Nộn)

Người được đồng bào cảm mến đức độ)

NHÀ HỌ TRƯỞNG NỨC TIẾNG HÁO NGHĨA

TỪ BÁ HỘ NỌN-BÀ PHỦ Y ĐẾN BANG BIỆN HÊN

Gười phú hào, thượng lưu ở đất Vĩnh thuở xưa, không ai là chẳng ngưỡng mộ tấm tiếng háo nghĩa của Bá hộ NỌN, bà Phủ Y và Bang biện Hên. Ấy là ba nhân vật ưu tú của nhà họ Trương.

Ông Bá hộ NỌN tên thật là Trương Ngọc Lan, sinh 1804 tại làng Trường Xuân (Long Châu), tổng Bình Long, tỉnh Vĩnh long.

Xuất thân nho gia, ông cũng dự hàng thư hương, sùng Nho trọng đạo. Sẵn tâm tánh thiện từ, ông hằng làm nhiều điều phúc đức: bắc cầu bồi lộ, tán trợ dân cùng. Gặp những năm thất mùa, ông chẩn bản, lập trường rước thầy dạy con dân trong xóm làng. Lại hay sửa sang những đền miếu chùa chiền. Khắp trong tỉnh hạt, ai cũng yêu mến lòng bác ái của ông.

Do đó, các quan tỉnh Vĩnh Long dâng sớ tâu với triều đình tán thưởng công đức ông. Vua Tự Đức ân thưởng cho ông được chức Bát phẩm Bá Hộ.

Khi quân Pháp chiếm đóng Vĩnh Long, triệt hạ hết các thành lũy cự trào, và toan triệt cả Văn thánh miếu. Ông đứng ra xin giữ miếu Văn Thánh lại được, để bảo tồn di tích, ông tận tâm lo lắng việc sửa sang Văn thánh miếu để phục hưng đạo Thánh.

Hai người con của ông, gái là Trương Thị Loan tức bà Phủ



Di ảnh bà TRƯƠNG NGỌC LOAN

Tức là bà Phủ Y, ái nữ của ông Bá Hộ NỌN.

Y, trai là Trương Ngọc Hên tức Bang biện Hên, thừa hưởng đức tính nhân từ phúc hậu của ông, nên sau đó cũng phát tâm làm nhiều việc thiện đức.

Chính bà Trương Thị Loan tức bà Phủ Y đã nối đức hạnh ông, tiếp tục trùng tu Văn thánh miếu, lại tự xuất của, cất thêm đền Văn Xương Các để phụng thờ các công thần và cụ Phan Thanh Giản. Vĩnh Long mà còn được miếu Văn Thánh, ấy cũng nhờ tấm lòng thành và công đức lớn của nhà họ Trương này.

Bà Phủ Y sinh năm 1848, mất năm 1921, thọ 73 tuổi. Ngoài việc trùng tu Văn miếu, bà còn cúng chùa Minh Hương tại làng Thiêng Đức 5.000\$ (bạc thuở xưa, trị giá bạc triệu bây giờ); sửa chùa Long Phước tục gọi chùa cô Ân cũng tại Thiêng Đức và cúng cho chùa này một sở ruộng, hoa lợi hằng năm có tới 1.000 gia súc. Cúng cho làng sở tại Long Châu một sở đất để xây cất công sở. Hơn nữa, bà tán trợ tài chánh cho Đường đường, chẩn cấp nạn dân trong tỉnh hạt và lạc quyền to tát, cứu trợ đồng bào bị bão lụt ở Trung Bắc.

Năm Duy Tân thứ 10, nhà vua thưởng bà một chiếc Kim bội khắc 4 chữ “Kính diêu Vĩnh Hảo”.

Năm Khải Định thứ 2, lại ban khen bà một tấm biển vàng khắc 4 chữ “Háo nghĩa khả gia”.

Trước bao việc từ thiện của bà, ông Minh Giám cảm khái đề thơ ca tụng:

*Cho người điền địa chẳng còn ham
Đạo cốt tiên phong chẳng phải phàm.
Ngay chúa non sông khôn chước liệu
Thảo thân chùa miếu rặng công làm*

*Của tiền e trả cho trời đất
Danh giá dốc dồi rạng Bắc Nam
Phải trước Thạch Sùng như thế ấy,
Đồi sau khỏi miệng thế gian dầm.*

Nữ giới Vĩnh Long thật đã nhờ bà (và bà Trần Thị Thọ) mà được thơm lây.

Em trai bà là Trương Ngọc Hên sinh năm 1871, ông Hên cũng tánh tình trung hậu, kế chí của cha và chị, siêng bồi âm đức. Chính ông đã phụ giúp tiền của, sửa sang miếu thờ cụ Tổng đốc Công, trở nên nguy nga rực rỡ tại giữa châu thành Vĩnh Long.

Dân chúng mến ông. Quan trên cử ông làm Bang Biện trong tổng Bình Long. Nhiệt tâm với việc công ích, ông sẵn sàng phục vụ dân chúng trong phương tiện và khả năng của ông. Sẵn mồi từ tâm, không một việc phước thiện nào mà ông chẳng nhúng tay vào.

Bởi đức tánh khoan nhân đại độ của ông, nên ông rước được mọi tiếng khen lao của các giới. Chính phủ cũng tưởng thưởng khuê bài cho ông, vẻ vang chẳng kém gì cha và chị.

Nhà họ Trương nức tiếng háo nghĩa với ba nhân vật ưu tú, quả là một nhà tích đức đáng ngợi, đáng tán dương. Thiết tưởng cũng nên ghi chép để làm gương cho hậu tấn trong xứ sở soi chung.

Tri huyện **TỔNG HỮU TRUNG**

MỘT VIÊN QUAN GƯƠNG MẪU
ĐƯỢC NHIỀU NGƯỜI CẢM ĐỨC

Nhân vật Vĩnh Long từ xưa tới nay đã hấp thụ nền Nho phong Khổng Mạnh, và ảnh hưởng đến đất đai hào khí của các bậc tiền nhân.

Trai thì lo dỗi mài kinh sử, giữ câu: Trung hiếu, Tiết nghĩa. Gái thì dệt cửi, vá may, thêu thùa, gìn câu: Tam tòng, tứ đức. Tiếng thơm bay khắp xa gần.

Đây chúng tôi xin nêu lên một nhân vật nổi tiếng là thanh liêm và giàu lòng bác ái, chính là ông Tổng Hữu Trung, ngày nay được nhiều người nhắc đến.

Ông Tổng Hữu Trung sinh năm 1848 tại làng Tân Giai, tổng Bình An tỉnh Vĩnh Long.

Vốn xuất thân trong một gia đình Nho gia, sùng đạo lý ăn ở theo xưa, bản chất hiền lành và hiếu học, tuổi còn trẻ nhưng có chí lớn. Trên đường xử thế ông rất lễ độ, nhã nhặn được người thương mến.

Khi trưởng thành, ông đem chí lập thân, bạch thủ thành gia với hai bàn tay trắng, vì cha mẹ nghèo khổ phần anh em lại đông. Nhờ sự siêng cần làm lụng càng ngày càng phát đạt, tiền của có dư trở nên một đại phú gia trong tỉnh.

Trên đường tiến thân để giúp ích cho quê hương xứ sở, năm 28 tuổi, ông đứng ra dự một phần trách nhiệm, gánh vác



Di ảnh ông Huyện TỔNG HỮU TRUNG

Một viên quan gương mẫu

việc làng được 3 năm, rồi được thăng chức Sung Biện và kiêm luôn chức Phó tổng. Ở chức vụ ấy 4 năm, thấy ông có khả năng làm việc tận tụy giúp đỡ đồng bào trong thôn ấp, với câu: Dân chi phụ mẫu, điều gì làm lợi cho người, cho quê hương là ông đề nghị xin làm, như tu cầu, bồi lộ, sùng tu đình chùa, một đời giữ câu : Thanh bần, liêm khiết. Những công tác hoạt động của ông đã gây được nhiều tiếng vang. Từ chức vụ Sung Biện, Phó tổng rồi lên Chánh tổng 32 năm, làm tròn nhiệm vụ đối với Tổng Làng, không một mảy may nào vụ lợi. Ông còn xuất tiền của riêng để bố thí giúp đỡ. Những cử chỉ hành động của ông làm cho kẻ sâu dân một nước xôn mắt thẹn thùa, uy tín ông càng ngày càng lan rộng trong dân chúng và các tỉnh kế cận đều nghe tiếng.

Thời gian phục vụ 32 năm chức Chánh Tổng, ông đã làm đơn xin từ chức nhiều lần nhưng không được nhà nước chấp thuận. Đến năm trống tỉnh có mở kỳ tuyển cử nghị viện Địa hạt, ông được thân hào nhân sĩ tỉnh nhà đồng bỏ thăm cho ông được đắc cử, lãnh chức nghị viện địa hạt 16 năm.

Lúc bấy giờ con đường quan lộ đã mỏi mệt, phần tuổi cao sức yếu, ông xin nghỉ việc, dưỡng lão an thi, vui sống cảnh điền viên; nhưng hoàn cảnh không cho phép ông được an nhàn, các bô lão viên quan hương chức đến nhà yêu cầu ông giữ chức Hương Quan trong làng, để mỗi khi quan tỉnh đến có người lịch thiệp xứng đáng đứng ra ăn nói tiếp đãi, hoặc trong làng có xảy những chuyện rắc rối nhờ ông giải quyết dùm cho êm đẹp.

Nhận thấy tuổi già mà không được yên thân, chẳng qua vì cảm tình của ông, đã gieo rắc trong mấy mươi năm trên đường quan lộ, nên khó từ chối; vì thế mà ông nhận lãnh chức Hương

Quan.

NHỮNG VIỆC LÀM LƯU DANH HẬU THẾ

Bình sanh ông hay tích đức, làm những việc lành, việc thiện, không cần cho người khen, những gì ông thấy phải giúp thì giúp ngay, không xu hướng, do sự phát tâm lòng quảng đại sẵn có.

Trong thời kỳ miền Bắc bị nạn đói kém, còn ở miền Trung bị thủy tai, củi quế gạo châu, đồng bào lâm vào cảnh đói khổ phải ăn rau trái dờ lòng, ông nghe đến càng cảm động, tự xuất của nhà, gửi quần áo, tiền bạc đến chẩn cấp, chia sẻ nỗi khổ đau cho đồng bào hai miền.

Nghĩa cử hào hiệp ấy đã làm nổi bật tên ông trong sử sách, nhân dân miền Nam lấy làm cảm kích việc làm của ông Tổng Hữu Trung, với tinh thần cao đẹp không phân chia người Trung, người Bắc gì cả.

Xuyên qua cuộc đời ông Tổng Hữu Trung người đất Vĩnh, từ lúc 28 tuổi đầu, làm chức nhỏ trong Hương đảng cho đến chức Chánh Tổng và Nghị viện, ông đã làm được những việc ích nước lợi dân một cách thiết thực, từ trên tới dưới đều cảm mến đức độ liêm khiết của ông.

Mặc dầu nước nhà bị trị, nhưng ông cũng hãnh diện không phản lại giống nòi. Sở dĩ ra làm việc cho chánh phủ Bảo hộ, cốt bênh vực quyền lợi cho đồng bào dân chúng. Việc làm của ông, người Pháp thấy cũng kính nể con người tiết tháo, cử chỉ hào hiệp trọng nghĩa khinh tài, tất cả việc từ thiện nào cũng có bàn tay ông xen vào.

MỘT DANH DỰ CHO TUỔI GIÀ

Ngày 17 tháng 4/1925 Triều đình Huế do vua Khải Định ấn tứ cho ông Ngũ Đẳng Bội Tinh (Chevalier du Dragon d'Annam) ; ấy rõ là phẩm nước lộc vua, rõ mặt cho đáng trọng phu Nam Việt.

Ông Tống Hữu Trung làm rạng rỡ cho đất Vĩnh Long một thuở, việc làm của ông đáng soi gương hậu thế, ông đã ra người thiên cổ nhưng tên tuổi vẫn còn được người đời xưng tụng đến ngày nay.

Bà **TRẦN THỊ THỌ**

NHÀ TỪ THIỆN NỔI TIẾNG KHẮP BA KỲ

Là đàn bà, nhất là đàn bà góa mà nổi danh hảo nghĩa, Lxa gần đều biết và ca tụng công đức, đáng kể có bà Trần Thị Thọ, người đồng thời và cũng đồng một tánh khí trọng nghĩa khinh tài, làm nhiều điều công ích đáng khen, chẳng kém gì bà Trương Thị Loan.

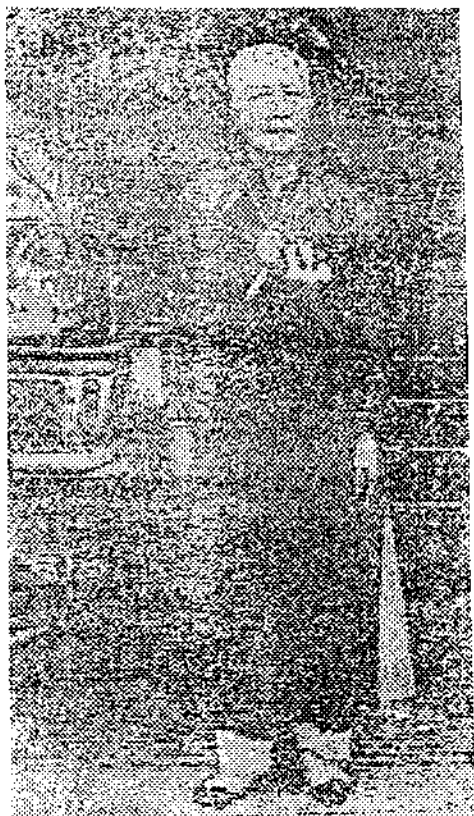
Bà sinh năm 1851, tại làng Trung Tín, tổng Bình Trung, quận Vinh Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Bình sinh bà hay làm lành lánh dữ, sẵn sàng cứu vớt kẻ khốn cùng, đem tiền của góp phần công ích cho quốc gia xã hội. Bà từng đứng đầu trong cuộc chấn cứu mẹ góa con côi trong thời thế chiến thứ nhất (1914-1918) mà chính phủ Pháp khi ấy đã lâm vòng chiến tranh.

Năm 1924, trước cơn thiên tai đại nạn, bão lụt liên miên ở hai tỉnh miền Trung là Phú Yên và Bình Định, bà đứng đầu số lạc quyên. Đã vậy, lòng bà chẳng tự yên, lại bỏn thân đến tận nơi đồng bào khổ nạn mà phụ cấp thêm cho những người bạc phước xấu số.

Từ năm 1920, bà đã bỏ ra trên 10.000\$ (bạc thời ấy, trị giá hằng triệu bây giờ) thiết lập nhà bảo sanh và nhà dưỡng lão tại Vũng Liêm, trên đất bà. Lại cấp riêng một sở ruộng lớn để lấy huê lợi sung vào việc chi phí cho nhà bảo sanh và nhà dưỡng lão ấy.

Bà còn có lòng chí thành cùng trời Phật thánh Thần, nào



Di ảnh bà TRẦN THỊ THỌ

Một nhà từ thiện được nổi tiếng ba Kỳ.

Vua Khải Định tặng Kim Bảng "Hảo Nghĩa Khả Gia"

là sửa sang những đền miếu cũ, lập nhiều cảnh chùa tại Vũng Liêm. Cho đến ngoài Hà Đông (Bắc Việt) bà cũng giúp lập nên chùa Trầm. Do đó, chùa ấy có xây một cái tháp cho bà để kỷ niệm.

Hơn nữa, tuy thân góa bụa, ít học, nhưng bà đã sáng suốt biết tham gia vào công cuộc chấn hưng văn học, bồi dưỡng nhi đồng là mầm non và triển vọng tương lai của quốc gia. Chính bà đã thành tâm tán trợ tài lực rất to tát cho Hội Khai Trí tiến đức ở Bắc Việt, và Ấu Trĩ viện ngoài ấy.

Bao nhiêu việc công ích, từ thiện mà bà đã thi thố, có tiếng vang dội khắp xa gần.

Bà được triều đình Huế ân thưởng:

1/ Ngày 13 tháng 3 năm 1916 ân thưởng Kim bội tinh

2/ Ngày 21 tháng 5 năm 1918 ân thưởng bằng chạm vàng đề bốn chữ “Háo nghĩa khả gia”

Các sĩ phu miền Bắc cảm kích về các nghĩa cử của bà, có thơ đề tặng cũng nhiều. Như:

*Cũng giống vàng da cũng má hồng
Bạc nghìn mua chuộc nghĩa non sông.
Giúp công dạy dỗ con nhà Việt
Đổ sức nâng niu trứng nước rồng
Tỏ mặt anh như thiên hạ biết
Làm gương công ích thế gian trông
Nước non xa cách lòng không cách
Xin tạc ngàn năm một chữ đồng*

Ông Song Phượng Dương Đình Tiên ở Hà Đông tặng:

Bắc Nam nòi giống có xa đâu
Phúc đức như bà hấn sống lâu
Hộ xã Phương trung theo nghĩa cả
Giúp phần khai trí tạc ân sâu
Hai nghìn bạc trắng chia đôi việc
Một tấm lòng son sẻ đỡ nhau
Thay mặt chị em người xứ Bắc
Gọi là kỷ niệm một vài câu

Đồng bào khắp Nam Trung Bắc hằng nhớ đến ơn nhà đại từ thiện ít có. Âu cũng vẻ vang thêm cho đất Vĩnh, được một trang phụ nữ hảo tâm, đáng để nêu gương nhắc tích.

LÊ VĂN VĨ

NHÀ MÔ PHẠM ĐƯỢC DÂN CHÚNG KÍNH MẾN

Toàn tỉnh Vĩnh Long mấy mươi năm về trước, không ai chẳng nghe tên tuổi ông Đốc phủ Lê Văn Vĩ.

Ông sanh năm 1855 tại làng Phú Nhơn, tổng An Mỹ (Nha Môn) Sa Đéc, Thuộc hàng danh gia thế phiệt, thuần lương chánh trực, cao phong nhâ độ, học rộng tài hay.

Buổi thanh niên ông từng học tại trường tổng An Mỹ, làng Tân Hựu (Chợ Dinh) sau lên học tại trường tỉnh Sa Đéc, rồi xuống học tại trường tỉnh Vĩnh Long, vì buổi ấy tỉnh Vĩnh Long có trường cho học sinh nội trú.

Năm 1870 ông thi đỗ ra trường, được làm giáo viên dạy tại trường tỉnh Vĩnh Long.

Năm 1876 trường Bốn quốc (Collège, Chasseloup Laubat tức trường J.J Rousseau bây giờ) bắt đầu khai giảng. Ông vốn hiếu học, liền lên Sài Gòn vào học nơi trường ấy. Thông minh cố gắng, tài học của ông áp đảo bạn đồng song, tên tuổi ông bắt đầu được giới trí thức chú ý, kỳ vọng nơi ông sẽ là một bậc nhân tài của nước nhà ở buổi tương lai.

Quả nhiên, ông không phụ lòng người đã đặt tin tưởng vào ông. Cuối năm 1888 Hội Truyền pháp học (Alliance française) có mở hội thi 396 giáo viên. Khắp Nam Kỳ, để chọn ba vị trúng tuyển và đặc cách thưởng ba tấm khuê bài cho rõ ràng thanh giá, ông chiếm các khuê bài thứ nhì trong ba tấm ấy.

Ông phục vụ ngành giáo dục suốt 13 năm, đào tạo môn

sanh khá đông. Năm 1893 ông xin nghỉ dạy, lui ẩn vườn quê, di dưỡng tinh thần.

Trong thời gian ông dạy tại Vĩnh Long, ông lập nghiệp luôn tại đất Vĩnh. Đến ngày nay gia thế ông hãy còn rân rác, nhắc đến tên tuổi ông ai cũng biết.

Năm 1902, có cuộc bầu cử Nghị viện quản hạt. Các môn đệ của ông khắp các giới đều tỏ ý khuyên ông nên ra dự cử. Cảm tình môn đệ và lòng tin yêu của đồng bào, ông ghi tên ứng cử và đắc cử về vang với số thăm tối đa. Ông hoạt động trong chính trường gánh vác việc nước việc dân thay mặt dân chúng hai tỉnh Vĩnh Long-Sa Đéc trọn một khóa 1902-1906. Mãn nhiệm kỳ, ông cáo thoái không dự cử nữa. Đồng bạn lấy làm tiếc, lại khuyên ông:

- Sao không ra ứng cử thêm một nhiệm kỳ nữa? Chắc rằng đồng bào sẽ nồng nhiệt ủng hộ ông như trước. Có ngại gì.

Ông tỏ vẻ buồn:

- Bởi biết rằng đồng bào vẫn tín nhiệm tôi, sẵn sàng bỏ phiếu bầu cho tôi nữa, nên tôi mới không muốn ra, e phụ lòng tin tưởng của đồng bào mà đắc tội với dân nước. Mình hết lòng làm tròn nhiệm vụ, mà chính quyền xem ra không thật lòng, thành ra mình chẳng làm được gì ích lợi cho dân, mang tiếng biết bao. Chi bằng cáo thoái là hơn.

Người biết tâm chí ông, thấy đều khen phục. Thậm chí thực dân vẫn biết ông có ít nhiều uy tín với dân chúng, nên họ thường để tai mắt dò xét ông. Rồi để mua chuộc ông, chính quyền lúc ấy hằng đem danh lợi cám dỗ ông đủ điều, nhưng không lay chuyển nổi ông.

Năm 1905, ông được vinh hàm tri phủ. Năm 1925, được gia hàm Đốc phủ sứ.

Tuy nhiên, ông không lấy thế làm vinh diệu. Trước sau ông vẫn giữ lòng thanh bạch. Lại bình sanh ông nói năng hòa hoãn, tánh nết hiền lương, khắp trong tỉnh hạt ai cũng đem lòng kính mến. Ấy là chỗ sở đắc của ông, khiến thanh giá được bia truyền hậu thế.



Di ảnh cụ NGUYỄN ĐĂNG TAM

Thượng thư Nam Triều dưới thời Pháp thuộc

Ảnh sưu tầm

NGUYỄN ĐĂNG TAM

LỄ BỘ THƯỢNG THƯ

Người Nam trung ngụ ở Vĩnh Long-Sa Đéc mà được làm quan đến chỗ trọng yếu tại triều đình, tưởng phải kể đến vị Lễ bộ Thượng Thư Nguyễn Đăng Tam.

Theo tài liệu của hai ông Nguyễn Văn Cứng và Nguyễn Văn Dần trong quyển “Sa Đéc nhân vật chí”, ông Nguyễn Đăng Tâm sinh ngày mùng 8 tháng giêng năm Mậu Thìn (1er Février 1867) tại làng Tân Phú Đông, tổng An Trung, hạt Sa Đéc tỉnh Vĩnh Long. Khi lớn ông nhập tịch về làng Mỹ Đức, tổng Thạch Bàn, huyện Phong Phú, phủ Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Ông nổi tiếng thông minh, thông thạo Hán văn và Pháp văn. Khi đã tốt nghiệp ra trường, ông được bổ làm giáo sư dạy tại trường Mỹ Tho. Ít lâu, ông xin rời ty giáo huấn, chuyển qua tùng sự ở sở Thương chính. Rồi lại xin chuyển ngạch, làm Thông ngôn ở Tòa sứ Trung kỳ.

Năm 1926, ngày 13 tháng 3, ông nghiễm nhiên là một vị đại thần, sung chức Thượng thư Bộ Lễ, kiêm Cơ mật viện Tham tá.

Điểm đáng khen ở ông là chẳng bao giờ ông quên đất Vĩnh Long từng là nơi chôn nhau cắt rún. Càng được vinh hiển ông càng tưởng nhớ nhiều đến Vĩnh Long, mà hằng quay về Nam lưu ý săn sóc đồng bào tỉnh nhà. Chính ông là ân nhân của

hội Vĩnh Long tương tế, giúp cho hội này làm được công to cho người xứ sở, tô điểm cho quyển “Vĩnh Long nhân vật chí”, lại giúp cho hai ông Nguyễn Văn Cứng và Nguyễn Văn Dần soạn thành quyển “Sa Đéc nhân vật chí” rất đáng thưởng lãm.

NGUYỄN ĐĂNG TRƯỜNG

NHÀ MÔ PHẠM LÃO THÀNH

Trong hàng mô phạm lão thành, có tiếng tăm nhất ở Vĩnh Long ngày trước, đáng kể nhất có Nguyễn Đăng Trường.

Ông sinh năm 1862, tại làng Tân Qui Đông, tổng An Thạch Hạ, hạt Sa Đéc, tỉnh Vĩnh Long.

Sớm biết theo trào lưu mới, ông bắt đầu học Pháp văn trong trường tỉnh Vĩnh Long từ năm 1877, năm năm sau thì thi đậu ra trường, bổ chức Giáo tập, dạy tại trường tỉnh Gia Định vào năm 1882. Rồi lần lượt đổi về dạy tại trường tỉnh Vĩnh Long, Sa Đéc.

Siêng năng mẫn tiệp, tận tụy với chức vụ đào luyện đám hậu tấn, ông lần thăng Đốc học, rồi làm Thanh tra các trường trong tỉnh Sa Đéc.

Suốt 20 năm phục vụ trong ngành giáo huấn, đến đầu năm 1922, ông về hưu dưỡng lão.

Trong năm 1919 ông đã thưởng thọ hàm Tri huyện, nên tục gọi là ông Đốc học Trường, hoặc ông huyện Trường. Thân danh ông vang dội xa gần.

Ông là nhà mô phạm lão thành, danh gia thế phiệt. Chẳng những tiếng tăm ông làm đẹp cho tỉnh nhà Vĩnh Long, mà khắp Nam Kỳ cũng đều nghe biết. Hàng môn sanh do ông đào luyện, được thành đạt kể có hàng trăm nhà tai mắt thượng lưu trong xã

hội về sau. Như quý ông: Bác vật Lưu Văn Lang, Bác vật Lương Văn Mỹ, Bác sĩ Lê Quang Trinh, Tiến sĩ Nguyễn Thành Giung, các vị tri phủ Nguyễn Xuân Hiến, Lê Bá Trung, Trương Minh Giản, Lê Quang Tường, Đinh Quang Hiến v.v... Khắp trong giáo giới, làng văn làng báo, đâu đâu cũng có môn sanh ưu tú của ông góp mặt. Ngày ông về hưu các môn sanh của ông từ khắp bốn phương kéo nhau về Vĩnh Long thiết tiệc long trọng, tỏ lòng nhớ ơn ông đã tác thành nhiều lớp, rày đã nên danh phận với đời.

Ông Hòa trai Nguyễn Văn Dần, tác giả quyển “Sa Đéc nhân vật chí” vốn cũng là một môn sanh ưu tú của ông, khi ấy có thơ cảm niệm:

*Công ơn giáo dục thuở nào khuây
 Nhờ có tôn sư khéo chỉ bày
 Luân lý đường xưa chằm dặt điểm,
 Văn tây cận đại sức mình gầy
 Quân sư đôi chữ ngàn thu để
 Tước lộc như ai cũng bởi tay
 Cái nợ ba sanh toan báo bổ
 Kính dâng trường thọ chúc mừng thầy.*

NGUYỄN ĐĂNG KHOA

Ông Nguyễn Đăng Khoa sinh năm 1864 tại làng Tân Qui Đông, tổng An Thạnh Hạ, tỉnh Sa Đéc. Cuộc đời ông, suốt 37 năm lăn lóc trong chính trường, tầm tiếng chẳng những vang dội vùng Vĩnh Long, Sa Đéc, mà ngoài Trung, Bắc cũng từng biết danh ông.

Vốn dòng dõi thư hương, ông nối được nghiệp nhà, học hành uyên bác, có tài thao lược, có tâm cơ, tánh tình lại hiền hậu. Xuất thân làm giáo viên. Rồi làm Thông ngôn. Lại được bổ từng sự quan Thống sứ Bắc kỳ tại Hà Nội. Trong nhiệm vụ nào, ông cũng tỏ ra thừa khả năng phụng sự.

Đến năm 1903 được thăng Tri huyện. Năm 1908 thăng Tri phủ. Năm 1916 thăng Đốc phủ sứ.

Từ khi thăng Tri phủ và Đốc phủ sứ, ông đã từng làm Quận trưởng, trấn nhậm các nơi:

Năm 1908 làm Quận trưởng Thủ Đức	(Gia Định).
Năm 1909 làm Quận trưởng Hố Môn	(Gia Định).
Năm 1913 làm Quận trưởng Cái Nhum	(Vĩnh Long).
Năm 1914 làm Quận trưởng Chợ Lách	(Vĩnh Long)
Năm 1916 làm Quận trưởng Ô Môn	(Cần Thơ)
Năm 1920 làm Quận trưởng Lai Vung	(Sa Đéc)

Trấn nhiệm quận nào ông cũng lưu để chính tích tốt, nên lúc ra đi người người còn thương mến, luyến tiếc.

Ông lại có tâm hồn khoáng đạt, thích thú thi họa cầm kỳ.

Những lúc rảnh việc quan, ông thường ngâm vịnh làm vui, thi ca được truyền tụng khá nhiều. Ấy cũng là điểm đặc biệt ở ông, trong hàng quan lại mà dạt dào nghệ sĩ tính, phong lưu tao nhã tuyệt vời, khó có ai hơn ông buổi ấy.

Ông còn giữ được tâm hồn cao quý hơn nữa bằng cách biết trì nhiệm cầu: Công thành danh toại thân nhi thối! Khi làm quan, ông cẩn thận dè lòng, sao cho không hổ tiếng thanh cần liêm chính. Lúc công danh đang phát đạt, thế mà ông biết rút lui, không quá đam mê vì bả lợi danh như bao nhà quyền quý khác. Đã thế, ông lại còn hồi đầu hướng thiện, phát tâm tu niệm rất sốt sắng. Thật là phẩm hạnh thanh cao.

Khi ông qui y đầu Phật, rửa sạch trần tâm, ông cũng rất mực kiến thành, trì chí cháy lòng, chán ngán những khi bồn ba vòng tục lụy.

Ông có bài thơ tỏ chí, khi phát bồ đề tâm mến cảnh Thiên:

Thế sự thôi thôi nghĩ ngán ngẫm,

Đã đành tụng lấy kệ Quan âm.

Then trời mây tạo đương rhen nhúm,

Lừa bá lộ Vương bố ninh hâm

Ngày cỡi xe mây dầu khiển hứng,

Tối nhoi đèn nguyệt mặc ca ngâm.

Công danh rày đã toan lòng bẽ,

Bước thử Bồng Lai thử mấy tầm

Tri huyện LÊ MINH THIỆP

**MỘT NHÀ MÔ PHẠM NỔI DANH
CÓ NHIỀU HUY CHƯƠNG NHỨT**

Xuyên tài liệu quyển : “Nhân vật chí tỉnh Vĩnh Long” xuất bản năm 1925, có đề cập đến ông Lê Minh Thiệp người có nhiều đức độ đáng mến, một đời phụng sự với lý tưởng thanh cao, góp công tô điểm nền văn hóa nước nhà trong thời bị trị.

Ông đã đào tạo cho một số thanh niên trở nên người tài giỏi thành danh với đời, do sự rèn luyện dạy dỗ của ông.

Xin trình bày vài nét đại cương về ông Lê Minh Thiệp. Ông sanh ngày 27 tháng hai năm 1886 tại làng Thiềng Đức tỉnh Vĩnh Long. Lúc nhỏ rất thông minh dĩnh ngộ, học ít hiểu nhiều, ông học cả hai thứ tiếng Hán tự và Pháp văn tại trường Bồn quốc vào năm 1882, đến năm 1885 thi đậu bằng cấp tốt nghiệp (Brevet Élémentaire), trong ít lâu ông được bổ làm giáo tập tỉnh Biên Hòa. Ngày 8 tháng 3 năm 1886 được chuyển về dạy tại trường tỉnh Vĩnh Long là nơi tỉnh nhà.

Ngày 8 tháng sáu 1904 kiêm chức Đốc học trường tỉnh Vĩnh Long hơn một năm, ngày 31 tháng tám 1917 kiêm chức Đốc học lần thứ nhì gần 2 năm, ngày 17 tháng 7 năm 1919 ông giữ chức Giám Đốc các trường trong tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 22 tháng 8 năm 1921 được ân thưởng chức Tri huyện hàm để tưởng thưởng công nghiệp của ông trong nhiều năm tận tụy với nghề nghiệp không ngại mệt nhọc, đem hết khả năng



Di ảnh Tri huyện LÊ MINH THIỆP

Một nhân vật được nhiều người cảm đức

phục vụ cho nhà trường đúng mức, làm gương mẫu cho các bạn đồng nghiệp noi theo với câu: siêng, cần, mẫn, cán, trung thành với chức vụ.

Ngày mồng một tháng chạp 1922 được tốt bậc trong sở giáo chức và về hưu dưỡng lão.

Quá trình ông Lê Minh Thiệp ra làm việc 37 năm, nhưng từ ngày đổi về tỉnh nhà là 36 năm, không đổi đi xứ nào khác.

Qua bao công lao hạng mã, ông được chánh phủ Tân triều tặng cho ông các khuê bài danh dự như sau:

Cuộc đời giáo chức của ông Lê Minh Thiệp có rất nhiều uy tín, nhờ đức độ cao nhã giàu kinh nghiệm trong nghề nghiệp, được lòng người trên kẻ dưới đều kính nể, vì thế mà ông được một phần thưởng xứng đáng đối với tuổi về chiều.

Ngày về hưu, ông được một số học trò cũ hay tin, qui tụ về Vĩnh Long, tiễn đưa ông về làng dưỡng lão an chi và chung đậu một số tiền to để làm quà kỷ niệm, nhớ ơn thầy đã đào tạo mình nên danh phận với đời, nên hợp nhau soạn một bài ca Bình bán, kể công đức dựng lễ vật tặng thầy, gọi chút tri ơn, giữa tình thầy trò keo sơn gắn bó. Bài ca ấy rất dài dòng chúng tôi xin miễn ghép vào đây.

Lịch sử giáo dục nước ta từ trước tới nay, từ một vị giáo tập lên tới Đốc học và được thăng Tri Huyện, thiết tưởng ít nơi nào được điểm phúc danh dự như ông Lê Minh Thiệp ở Vĩnh Long.

Ông đã làm vẻ vang cho tỉnh nhà nói riêng, miễn lục tỉnh Nam kỳ thời ấy nói chung. Trong ngành giáo giới cũng được thơm lây.

Ông Lê Minh Thiệp bình sanh giữ chữ thanh bạch. Khi về hưu rồi thì sống cuộc đời đạm bạc cơm tẻ ngày hai, yên vui với tuổi già.

Ông có một người con là thầy Lê Minh Mẫn, nổi nghiệp ông làm giáo chức, trước kia dạy tại trường Vĩnh Long, rõ là phụ giáo, tử giáo, toàn gia hữu giáo.

Câu chuyện ông Lê Minh Thiệp chúng tôi đã sưu tầm trình bày trong tác phẩm này, nói lên tinh thần cao đẹp của một nhân vật đất Vĩnh, đáng ghi vào lịch sử lưu lại cho thế hệ mai sau nhắc nhở, và hiện nay Vĩnh Long có tên đường Lê Minh Thiệp.

Ông NGÔ VĂN CÔNG

MỘT NHÂN VẬT NẶNG LÒNG VỚI QUÊ HƯƠNG

Thật ra đất Vĩnh Long từ xưa tới nay có lắm nhà hảo tâm, hào hiệp; với tình thần hoài bão quê hương, đứng ra khai phá, mở rộng đất đai làm cho tỉnh nhà trở nên trù phú, trong số nhân vật ấy, chúng tôi được biết ông Ngô Văn Công sinh trưởng tại xã Tân An, nay là xã Tân Giai, ông con nhà danh giá thế phiệt, thân sinh là cụ phó tổng Ngô Văn Lân, vị tiền hiền có công lập làng, mở ấp, ở xã Tân An ngày xưa, hầu hết đồng bào đất Vĩnh Long đều biết qua công nghiệp của cụ, chúng tôi đã nói ở phần trước.

Theo ký ức các bô lão thuật lại với chúng tôi qua những việc làm của ông Ngô Văn Công, cách nay trên mấy mươi năm. Ông đã đóng góp rất nhiều về nhân lực và tài lực, để phục vụ tỉnh nhà qua mọi công tác.

Đồng bào đất Vĩnh vẫn còn nhớ, trước kia đường vô ngưỡng cửa châu thành Vĩnh Long tại ngã ba Cần Thơ, lúc bấy giờ còn ảm thấp hoang vu, cây cối rậm rạp, từ nền Sơn Xuyên thẳng vô cầu Lộ, hai bên đường tre mọc phủ giăng, không có chút ánh nắng chen vào, đường trải đá đỏ độ 4 thước, người dân địa phương gọi là Lộ hàng Tre, nơi đây rất vắng vẻ, cách xa mới có một căn nhà, dân cư thưa thớt. Còn tại ngã ba Cần Thơ chỗ bến xe đò ngày nay, có một cây Đa cổ thụ cành lá sum sê, gốc rễ chằng chịt, từ ngã ba đi qua Cần Thơ đến cầu Tân Hữu hai bên vệ đường trồng mù u rợp bóng, phủ lá giao đầu một màu xanh kịt, cảnh trí âm u huyền vũ, âm khí nặng nề bao trùm trong



Di ảnh ông NGÔ VĂN CÔNG

cảnh vật. Vũng dương vừa khuất dạng, thì không có người qua lại. Quý bạn thử hình dung Vĩnh Long 50 năm qua và ngày nay thấy khác nhau xa biệt.

Lúc bấy giờ ông Ngô Văn Công, một điền chủ có nhiều uy tín. Ông đứng ra khai mở đất đai, phá dọn con đường hàng Tre chạy thẳng qua ngã ba Cầu Thơ được trống trải, sự giao thông dễ dàng, không còn cảnh sầm uất như trước nữa.

Ông đổ tiền bạc ra mướn nhân công đem đất chỗ này, lấp chỗ kia cho bằng phẳng, cao ráo, đầu tiên xây cất một rạp hát bội để cho những gánh hát đến hát, mục đích là qui tụ dân chúng đến ở quanh vùng càng ngày càng thêm đông đảo, nhưng ít lâu rạp hát đã đổ, nơi cuộc đất này mọc lên một dãy phố mấy chục căn, sự mua bán dần dần được phồn thịnh không còn chìm đắm trong cảnh hoang vắng nữa, đường sá được mở rộng ra.

Ông Ngô Văn Công đã đóng góp một phần lớn kiến tạo quê hương, chính khu đất nhà thờ, Ty thú y và công sở ngày nay cũng nằm trên phần đất của ông.

Theo lời đồng bào địa phương kể lại, ông là người giàu lòng bác ái, hay làm việc nghĩa, thích hoạt động, tánh bình dân và quảng đại, được lòng kẻ trên người dưới cảm mộ ân đức, trong thôn ấp có xảy ra việc gì nhờ đến ông sẵn sàng giúp đỡ tất cả.

Chính ngôi đình Tân Giai khi xưa nằm ở ngoài vàm rạch Cái Cá bị nước xoáy sụp lở, ông đứng ra đôn đốc gọi lòng hảo nghĩa của mọi người triệt hạ dời về chỗ mới ngày nay.

Đối với việc làm của ông Ngô Văn Công được tiếng vang nơi tỉnh nhà đáng cho đời nhắc nhở.

Chánh quyền tỉnh Vĩnh Long đã biết rõ công nghiệp của ông có công khai sáng kiến tạo quê hương, nên đã có dự án mở một con lộ đặt tên là lộ Ngô Văn Công gần đường Trần Công Lại. Để ghi nhớ công nghiệp người có công với non nước.

Xuyên qua Vĩnh Long xưa, nhận thấy tiến bộ rất nhiều về mặt chỉnh trang đô thị, từ con lộ số 4 đi Cần Thơ trước kia chỉ có 4 thước, nay nở rộng ra 30 thước bề ngang, Lộ hàng Tre nay là Lý Thái Tổ cũng mở rộng mười mấy thước. Cây có cội nước có nguồn, mới nảy chồi nức lộc, ngày nay mới được tốt đẹp như thế này, công lao ấy cũng do người khởi xướng đầu tiên, chính là công lao của các bậc tiền nhân đã dày công bồi đắp.

Riêng về sự nghiệp nhà cửa đất cát của ông hiện còn tại xã Tân Giai, và những sở đất tọa lạc tại đường Lý Thái Tổ và đường Nguyễn Huệ. Con của ông là Ngô Chí Bình nay ngoài 50 tuổi đang làm giám đốc một tư thực ở Sài Gòn, ông Bình cũng là một nhà đạo đức khả ái, ông đã nối chí phụ thân, hay lập công bồi đức giúp đời, hầu hết các giới tu hành ở đây đều nghe tiếng.

Thật ra cây lành trổ sanh trái ngọt, nói tới nhân vật đất Vĩnh, mà không nhắc qua công nghiệp của ông Ngô Văn Công thật là thiếu sót với lịch sử, trên tinh thần vô tư, chúng tôi chỉ trình bày qua phan đại cương cuộc đời của một nhân vật được nhiều người biết với việc làm trong thời quá khứ.

NGUYỄN VĂN HOÀI

VỊ BÁC SĨ GIÀU LÒNG THƯƠNG THẾ GIỚI NGƯỜI DIỄN

Không ai là không nghe nói đến Dưỡng trí viện ở Biên Hòa. Nói đến viện ấy, thương cảm thế giới người diên giam mình thâm nơi ấy, hẳn là phải nghĩ đến vị bác sĩ giám đốc người Việt đầu tiên của viện là Nguyễn Văn Hoài.

Ông sanh năm 1898 tại Long Châu, tỉnh Vĩnh Long. Giàu lòng thương người, ông chọn ngành y khoa Tây phương mà theo đuổi việc học với ý chí làm dịu bớt đau thương thể xác của con người trước bệnh tật. Tốt nghiệp ra trường khoảng năm 1919 ông được bổ nhậm ngạch y sĩ, phục vụ ở các vùng Tây Ninh, Trảng Bàng, Tam Bình (Vĩnh Long), Long Xuyên. Rồi thuyên chuyển về chẩn y viện Sài Gòn. Ít lâu, ông lại tạm rời nghề thuốc để sang Pháp, học tại đại học đường Sorbonne.

Năm 1930 ông trở về nước. Nhận thấy phần đông các vị bác sĩ đều từ chối không đảm nhận trách vụ cai quản nhà thương diên Biên Hòa, ông tự nhủ : “Ai cũng xa lánh cái thế giới ấy, càng tăng thâm đau thương cho cảnh sống dở chết dở kia biết mấy. Không ai chịu đến nơi ấy thì mình đến vậy”. Và ông tự nguyện dấn thân vào cái thế giới người diên, quyết tâm hiến trọn đời mình làm sao cho cái “địa ngục nhốt người diên” biến thành “thiên đường” cho người đi dưỡng trí.

Hòa mình với đám người đau khổ, ông thương xót họ vô biên và phục vụ tận tâm. Sự tận tụy và tình thương của ông đã khiến mọi người đều kính phục.

Dưới thời chánh phủ Trần Văn Hữu, đã viện lý do tiết kiệm ngân quỹ quốc gia mà toan bớt khẩu phần binh nhân đi. Ông đã mạnh dạn chống lại bằng những lời lẽ đầy bác ái nhân đạo:

- Họ là những người xấu số nhất, tâm đã rối, trí đã loạn rồi, nay lại làm cho bao tử họ thiếu ăn, để cho cơ thể họ suy mòn, ảnh hưởng không hay đến tâm trí họ thì có khác gì giết phứt họ đâu. Xin cấp trên tìm cách tiết kiệm ở những nơi khác.

Đại khái tâm tình, đạo đức của ông là thế. Lúc nào ông cũng tỏ lòng ưu ái binh vực nhân viên, nhất là người binh.

Ông nghiên cứu tất cả các tôn giáo, nhất là Phật giáo và quan tâm đến những gì dính líu đến siêu hình. Để rồi, ông càng tận tụy hơn lên, đem những điều hiểu biết của mình cứu vớt những linh hồn thống khổ trong viện dưỡng trí.

Đời ông, tâm tình phơi trải trong một bài thơ tựa là “Phong hóa chữ I” có những câu nói lên cuộc đời một người bác sĩ đầy lòng vị tha, không màng đến lợi danh, một người mà đời như chữ I.

Chữ I ngay thẳng

Chẳng vì ai :

Chẳng tùy ai;

Chẳng khuất ai ;

Mãi mãi ta theo ánh sáng...

Đến năm 1953, ông mất vào ngày 28 tháng 5. Tất cả những người hiểu biết ông đều sa nước mắt. Ngày phát tang, một rừng người đi đưa đám, tất cả nhân viên Dưỡng trí viện chịu tang, và những binh nhân quỳ xuống khóc, khi quan tài ông chậm chậm đi qua.

Có một thời gian Dưỡng trí viện Biên Hòa mang tên ông. Chẳng những rất xứng đáng riêng cá nhân ông, mà cũng vinh diệu cho Vĩnh Long nơi nảy sinh một vị bác sĩ đầy lòng từ bi bác ái.

Tạm kết phần nhân vật

Một dinh lớn như Vĩnh Long xưa, hẳn không phải chỉ có một số nhân vật như chúng tôi đã trình bày. Mà còn nhiều nữa. Vì cho đến sau này, Vĩnh Long vẫn càng ngày càng mở mang thêm ra, biết bao sắc thái đáng yêu, xuyên qua biết bao nhân vật ưu tú khắp trong các giới.

Tuy nhiên, tạm nêu vài nét điển hình như thế, tưởng cũng đủ được phần nào về khía cạnh nhân tài đất Long Hồ xưa đã góp công tô điểm non sông. Về các nhân vật xưa, ngay trong “Đại Nam nhất thống chí” vẫn còn ghi vài nhân vật nữa như sau, đều quê ở Long Hồ:

1. NGUYỄN VĂN HẠNH, người huyện Vĩnh Bình, khi đầu trung hưng, ông có công lao, làm đến Cai Cơ. Năm Minh Mạng thứ 9 (1828) Kinh lược biên vụ Nghệ An, rồi mất tại lý sở, được truy tặng Hộ quân Thống chế.

2. NGUYỄN VĂN CHỮ, người huyện Duy Ninh, làm đến Minh vũ Vệ úy. Năm Tân Dậu 1801 ông mất tại Qui Nhơn; tặng chức Chương Cơ, liệt thờ vào miếu Công thần ở Bình Định.

3. NGUYỄN VĂN KHOA, người huyện Vĩnh Bình, làm đến Chấn đạt vệ Cai cơ. Cũng mất ở Qui Nhơn và được tặng Chương Cơ, liệt thờ vào miếu Công thần ở Bình Định như Nguyễn Văn Chữ đã kể trên.

4. LÊ THỊ PHÚ, người huyện Vĩnh Bình. Năm 18 tuổi lấy chồng là Phạm Văn Đạo, sinh một con gái. Chồng bị bệnh mất. Bà mới 20 tuổi, thủ tiết nuôi con, không chịu cải giá. Năm Minh Mạng thứ 11 (1830) được sinh thưởng.

5. LIÊN THỊ TÁNH, người huyện Vĩnh Bình. Năm 19 tuổi cha mẹ gả cho Châu Đức Thành, chưa thành hôn thì Thành chết, bà chịu tang chế 3 năm, sau có người hào phú hằng đến cầu hôn mà bà vẫn kiên chí không chịu cải tiết. Năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) được sinh thưởng.

Ngoài ra, còn có những nhân vật xa xưa, từng có địa vị quan trọng ở Vĩnh Long, đáng kể như:

ĐOÀN VĂN PHÚ, Tổng đốc Long Tường (Vĩnh Long và Định Tường).

TRẦN NGỌC DIỆM, Án sát sứ Vĩnh Long.

BÙI HỮU LỄ, Ký lục Long Hồ dinh

TÔN THẮT TRỰC, Phó Lãnh binh Hà Tiên Vĩnh Long

LÊ VĂN PHÚ từng dẹp giặc ở Vĩnh Long trong năm 1845 v.v...

Thời cận kim, khi Đức Kỳ ngoại hầu Cường Để xuất dương vận động duy tân cứu quốc, bên cạnh Ngài từng có Trương Duy Toàn, anh em Lâm Ty, Lâm Cần theo sang Âu châu làm thông ngôn tiếng Đức, tiếng Anh, đều là người tỉnh Vĩnh Long, nhân tài đất nước nói chung. Lại khi Đức Kỳ ngoại hầu Cường Để bí mật về nước, vào Sài Gòn, rồi xuống Vĩnh Long, từng có quý ông Huỳnh Quang Thành, Lâm Bình (thân phụ Lâm Ty, Lâm Cần) v.v... đều là nhà hào phú, tai mắt thượng lưu nơi Vĩnh

Long, nhiệt thành ái quốc, đem hăng tâm hăng sức giúp cuộc vận động duy tân tự cường.

Chúng ta thấy trong quá khứ hãy còn nhiều nhân vật quan trọng, đã dày công tô điểm cho tỉnh Vĩnh Long.

Những nhân vật chưa được ghi chép đầy đủ vì sự khiếm khuyết của ngành sử học trong thời gian qua.

Chúng tôi tin rằng: với sự nghiên cứu của những nhà chuyên môn về sử học và sự tham gia của các bậc trí thức Vĩnh Long, lần hồi đưa ra ánh sáng tấm gương tranh đấu kiến quốc từ lâu chưa được nêu lên.

Phần thứ ba

VĨNH LONG

➤ **Di tích**

➤ **Huyền sử**

➤ **Giai thoại**

TRƯỚC KHI VÀO ĐỀ

Ngược dòng lịch sử.

Từ Thủy Chân Lạp đến Tây Sơn và chúa Nguyễn tranh hùng v.v... Mảnh đất ở miền Nam, tổ tiên ta đã dày công khai sáng, xây dựng, hy sinh biết bao xương máu để bảo vệ non sông, mưu hạnh phúc cho giống nòi với tinh thần bất khuất.

Những công trình kiến tạo kia, lần lượt bị bàn tay của người đời và thời gian tàn phá, hoặc theo luật đào thải của thời gian sụp đổ mất đi.

Kẻ hậu sinh muốn tìm lại những dấu vết của người xưa cổ kính, mang màu sắc dân tộc, còn lưu lại trên phần đất Vĩnh Long ngày nay.

Xưa kia, Vĩnh Long là một trong sáu tỉnh Nam Kỳ dưới thời Chúa Nguyễn, có quan Kinh lược đại sứ trấn nhậm, nghiêm nhiên là một Dinh, một Trấn của Nam Triều.

Những đền đài cổ vật còn lưu lại ít nhiều kỷ niệm. Đến lúc quân đội viễn chinh Pháp đánh chiếm tỉnh Vĩnh Long trong năm 1867, trên 80 năm đô hộ, cũng để lại cho dân tộc những trang sử kháng Pháp oai hùng.

Năm 1945, đất nước ta lại bị quân đội Phù Tang đến giày xéo chiếm đóng Vĩnh Long một thời gian, gây cảnh đau thương cho dân chúng.

Chạnh lòng non nước, hoài bão quê hương, muốn tìm lại chuyện xưa tích cũ, để bảo tồn những gì thiêng liêng cổ kính, chúng tôi không ngại gian khổ, khó nhọc, thân hành tận nơi quan

sát, tìm tòi nghiên cứu phần Lịch sử, Di tích, Huyền sử, Giai thoại, cốt làm sống lại hồn khí của tiền nhân.

Đất Vĩnh Long Sa Đéc được nổi tiếng là đất xưa văn vật, những di tích ấy đến nay trên một thế kỷ, vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt, chứng kiến bao cuộc thăng trầm biến đổi.

Hỡi ai có tinh thần tôn cổ, chạnh lòng non nước, thiết tha đến quê hương dân tộc. Hãy chung sức góp cùng chúng tôi ghi lại ít nhiều phần di tích của Vĩnh Long Sa Đéc, quay về với dĩ vãng, cảm niệm công nghiệp các đấng công thần còn lưu dấu.

DI TÍCH LỊCH SỬ

THÀNH, ĐỒN DẤU CŨ

THÀNH XƯA LONG HỒ

Năm Quý Dậu 1813, tháng 2, vua Gia Long truyền xây thành Vĩnh Long. Thành này, dấu cũ còn ghi sử sách.

Cửa hậu day ra sông Cổ Chiên, cửa tiền quay về phía Cầu Lầu. Ngày nay còn đường Cầu Lầu chính là con đường xưa trong thành để đi đến một cái cầu có từng lầu cao dựng ngoài thành và dùng làm nơi canh gác.

Rạch Long Hồ thuộc về phía tả thành. Cửa hữu thì nay còn di tích là một gốc đa tục gọi là “Cây đa cửa hữu”

ĐỒN XƯA TRẤN GIỮ SÔNG CỔ CHIÊN

Ngoài thành Vĩnh Long ra, xưa kia còn có hai cái đồn trấn giữ sông Cổ Chiên. Một thuộc xóm Vĩnh Tòng, ở về phía đông Bãi Tiên. Một ở xóm Vĩnh Mỹ Thành, ngay chỗ gọi là Vàm Tuần mà ngày nay đất phù sa đã bồi lấp mất.

Từ thành Vĩnh Long đến trước đồn Vàm Tuần do một con đường đất gọi là “đường yếm” có đào hố phía bờ sông và dùng để vận chuyển binh lương giữa hai nơi đó, hoặc mau lẹ cứu tiếp

nhau khi nguy cấp.

Hai cái đồn đã bị phá trong năm 1867 khi quân Pháp xâm chiếm Vĩnh Long ngày 30 tháng 6 dương lịch.

Điều nên biết thêm, chỗ lập đồn ở về phía đông Bãi Tiên ngoài cửa đà có sông lớn, nhiều cá sấu hoành hành thuở xưa, có con lớn bằng chiếc thuyền, rất hung dữ, xưa người trong vùng thường trồng rào cọc ngoài cửa đà để phòng bị. Từ lâu nay không còn có nạn ấy nữa.

BẢO TIỀN - BẢO HẬU

Khi Nguyễn Phúc Ánh về ẩn náu tại làng Long Hưng để mưu đồ phục quốc, các hào kiệt miền Nam lần lượt theo phò. Chọn Long Hưng làm căn cứ địa dưỡng quân chờ thời, chúa Nguyễn thảo luận cùng các tướng lãnh, đồng ý truyền cho binh sĩ đắp hai dãy pháo đài để ngăn phòng. Một dãy ở làng Long Hưng gọi là Bảo Tiền, một dãy ở làng Phong Hòa tức là Bảo Hậu.

Đắp xong Bảo Tiền Bảo Hậu, chúa Nguyễn còn truyền quân dân chuyển vận đá xanh xây căn trên mấy con kinh dẫn vào yếu điểm phòng thủ. Dấu tích những căn này còn tại Vàm Tắc, xã Long Hậu, và tại rạch Cái Bàng, thuộc xã Long Thắng.

Ngoài ra, tại xã Hòa Long, vàm rạch Ba Đình vẫn còn dấu tích ba pháo đài do cụ Nguyễn Công Trứ (khi ấy làm Án Sát) xây đắp, lúc cụ trấn thủ An Giang.

Những di tích kể trên, mặc dầu không còn nguyên vẹn, nhưng vẫn được các vị bô lão ghi nhớ, truyền tụng trong dân gian.

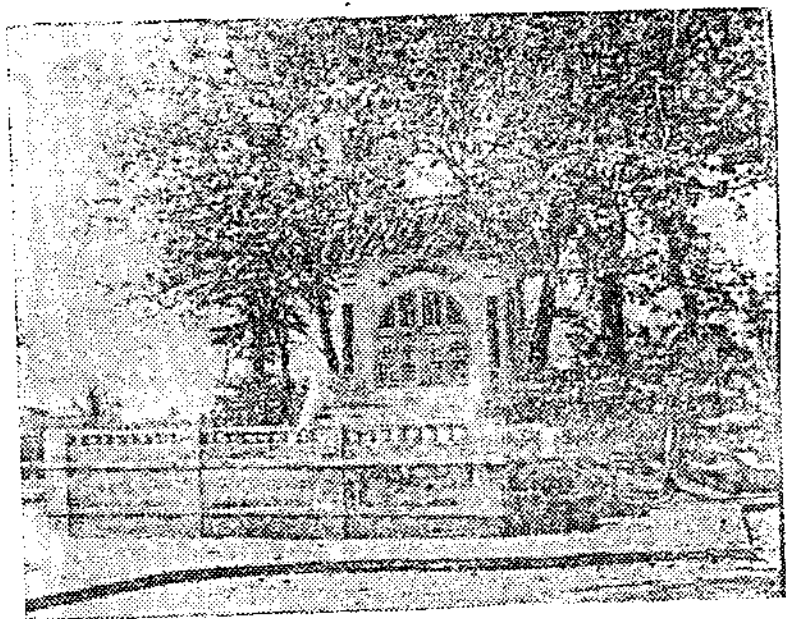
NỀN ĐỒN ĐỨC CAO HOÀNG

Theo tài liệu của ông Nguyễn Văn Dân trong quyển “Sa Đéc nhân vật chí”: Nền đồn của Đức Cao Hoàng giá ngự, vuông vức độ 6 công đất. Thuở ấy đắp rất cao, đến nay vì lâu đời quá nên cái nền ấy đã lỳ xuống, nhưng cũng còn cao hơn mặt đất đôi chút, nước không ngập được.

Thành đắp bằng đất làm nơi chứa Nguyễn đình trú trong vòng đồn, tại Hôi Oa (Nước Xoáy) thuộc địa phận làng Tân Long (sau chúa Nguyễn đổi tên là Long Hưng) vùng Sa Đéc.

Hướng Tây cận cái xẻo nhỏ, xuống ghe chống vô ra được. Hướng đông và hướng bắc đều cận ruộng tư điền. Hướng nam có cây da Bến Ngự và rạch Nước Xoáy.

Nền đồn xưa này, về sau nằm trong phần đất thuộc về nghiệp chủ Trương Văn Quảng. Ông Trương Văn Quảng cũng tự kính, không trồng trọt hoặc cất nhà cửa hay cho ai mượn đất ấy mà làm sự gì. Có lòng bảo tồn cổ tích như thế, kẻ cũng đáng khen ngợi.



Cây đa CỬA HỮU,

Gần cầu Cái Cá nay còn một nền đất cao và ngôi miếu nhỏ.

CÂY DA CỦA HỮU

Đây là nơi mặt thành Cửa Hữu ngày xưa, có trồng một cây da mà nay còn di tích.

Châu vi vùng cây da Cửa Hữu trước kia rộng lớn 4 công đất, bốn phía là ao vũng bùn lầy, đầy đặc những lục bình, rau mác và bèo.

Vào khoảng 1949, cây da chỉ còn một cội và ít cành lá lưa thưa che cái nóc miếu, ở xa trông lại như cái lọng to đã rách rã.

Đến nay, tại Châu Thành Vĩnh Long nơi nối giáp của 2 con đường Lê Văn Duyệt và Nguyễn Bình Khiêm cũ, di tích chỉ còn một ngôi cổ miếu kiến trúc trên một gò cao với cây cối mới trồng. Còn cây da thì theo luật đào thải, cả gốc lẫn cành đều tàn rụi từ lâu.

CÂY DA BẾN NGỰ

Tương truyền: Khi chúa Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đánh đuổi phải chạy xuống Vĩnh Long, bèn đến ẩn náu tại xã Tân Long (nay là xã Long Hưng) thuộc quận Lấp Vò. Hai chữ "Long Hưng" chính do chúa Nguyễn sau đó đặt tên lại.

Trong khi đình trú tại đây, chúa Nguyễn thường đến dưới cội da, cạnh mé rạch Long Hưng để câu cá. Nhân đó, dân chúng gọi nơi ấy là: Cây da Bến ngự!

Nay cội da đã bị đốn mất, nhưng gốc da to lớn vẫn còn ngả nằm bên mé rạch Long Hưng.

Muốn đến "Cây da Bến Ngự" phải đi đường thủy từ quận Sa Đéc (nay tái lập tỉnh) theo rạch Sa Đéc đến vàm Nước Xoáy, đến xã Long Hưng độ 13 cây số ngàn.

LĂNG MỘ NHÂN VẬT

LĂNG ÔNG BỎ HẬU

Ông Nguyễn Văn Mậu tự là Hậu, khi xưa từng cứu mang giúp đỡ Nguyễn Ánh khi thất cơ ẩn náu tại làng Tân Long (Long Hưng), nên được chúa Nguyễn trân trọng xem như ông bỏ (cha nuôi).

Lăng ông Bỏ Hậu được phái đoàn do vua Gia Long sai vào, xây cất trong năm Gia Long thứ 8 (Kỷ Tị 1809) tại xã Long Hưng, cách “Cây da Bến Ngự” độ hai ngàn thước. Lối kiến trúc không có chi huê mỹ, tuy nhiên cũng đánh dấu được giai đoạn ông Bỏ Hậu góp phần vào công nghiệp lập quốc của chúa Nguyễn.

Lăng nay hãy còn. Nhưng các chữ ở mộ bia đã mòn vì gió mưa soi tác.

Bà Đốc Phủ Phái ở Chợ Lớn mấy năm trước đây, vốn là chất gái của ông Bỏ Hậu. Và dòng dõi ông Bỏ Hậu hãy còn trong làng Long Hưng.

Về tiểu sử ông Bỏ Hậu, xin quý bạn đọc xem thêm ở chương Giai thoại: “Chuyện ông Bỏ của vua Gia Long”.

LĂNG HÀ TIÊN

Đời Hậu Lê, có ông Lê Nguyên Vinh làm chức Tổng Trấn Hà Tiên.

Ông được triều đình sắc phong Hữu Quốc doanh kỳ trấn Tổng binh, đã cai trị tỉnh Hà Tiên từ năm Giáp Ngọ đến Ất Hợi, trải 42 năm, mãn phần khi tại chức.

Thi hài ông được đem về Vĩnh Long an táng, tại làng Tân Sơn, nay là xã Tân Ngãi. Mộ ông được dân chúng gọi là Lăng Hà Nội.

Đến nay, lăng hãy còn tại nghĩa địa xã Tân Ngãi. Mỗi năm vào tiết Thanh minh, dân chúng có tổ chức tế lễ long trọng.

LĂNG ÔNG TRẦN CÔNG LẠI

Lăng ông Trần Công Lại, vinh thăng Đô Thống Chế trong đời Gia Long, ở ấp Long Huê, xã Long Thới (trong châu vi nhà dòng Cái Nhum) thuộc tổng Minh quận Chợ Lách.

Ông cũng là bậc công thần triều Nguyễn, và là người có đạo Thiên Chúa, mang tên thánh là Nicolas. Tiểu sử ông, xin xem ở phần II nhân vật, chúng tôi đã ghi chép rõ.

MỘ BA CÔNG THẦN TRIỀU NGUYỄN

Tại xã An Phước, quận Minh Đức (Cái Nhum cũ) có 3 ngôi mộ, truyền rằng đó là những vị đã hy sinh cho đất nước dân tộc khi kháng Pháp.

Khoảng 1882, trong cuộc chống quân Pháp xâm lăng, còn lưu tại xã An Phước:

- Hai ngôi mộ nằm dọc sông Mân Thít gọi là Lăng Ông



LĂNG QUAN ĐÔ ĐỐC

Tọa lạc tại làng Tân Ngãi, dưới cầu Cái Cam 500 thước.

Trần, Ông Nam, hoặc gọi là mộ Chưởng Bường và Chưởng Thoại.

- Một ngôi mộ dựa mé sông Cổ Chiên, của một vị công thần không rõ tên và chức tước, gọi là Mã Học.

LĂNG QUAN LỘN SEN TỨC KINH MÔN QUẬN CÔNG NGUYỄN VĂN NHƠN

Tại xã Tân Đông (Sa Đéc) có lăng Quận Công Nguyễn Văn Nhơn. Tiểu sử cụ, chúng tôi đã trình bày ở phần nhân vật.

Lăng này khi xưa ở gần bực sông tả ngạn Cừ Long Giang thường bị sóng đánh nước soi mà đất lở gần đến lăng, nên trong họ và Hội đồng Hương chính đem dời vào nơi xa ở về chỗ Cái Bè cạn. Lăng xây cất lại và ăn khánh táng vào ngày 17 tháng 3 năm Canh Thân 1920.

Muốn viếng lăng, phải đến ấp Khánh Thuận, làng Tân Đông (trước là Tân Khánh), tổng An Thạnh Hạ, cách tỉnh lỵ Sa Đéc hơn 8 cây số.

Giữa miếng đất rộng có rào bao phủ, hai ngôi mộ của vợ chồng cụ Quận Công nằm song song nhau. Trên tấm bình phong phía sau có khắc bài thơ của vua Thiệu Trị ngự chế trong năm Bính Ngọ 1846.

Trước cửa vào lăng, có đôi liễn:

"Tứ thế nhân luân thiên lũng ốc

Quốc gia trung hiếu lưỡng âm phong".

LĂNG QUAN ĐỒ ĐỐC

Trên đường quốc lộ số 4, đường vô Châu Thành tỉnh Vĩnh Long ngày nay. Du khách để mắt nhìn về mé trái là khu quân sự, cách đó không xa thấy một tấm bảng giăng ngang đề một dòng chữ: Lăng quan Đồ Đốc Đại Thần. Tiến theo đường mòn vô ruộng chừng 300 m, thấy ngay một ngôi miếu thờ mới vừa xây cất độ vài năm nay, cạnh bên có một ngôi mộ xưa rêu phong cỏ mọc và một gốc đại thọ cần cỗi ngả tàn phủ ngọn trên lăng không có ánh nắng, đó là Lăng quan Đồ Đốc theo phò Nguyễn Ánh trên đường tẩu quốc, và bỏ mình nơi đây, nhưng không rõ danh tánh ngài người sinh trưởng ở đâu, chết vào năm nào.

Theo sự dò hỏi và ước đoán của chúng tôi, lăng này có gần 200 năm.

Hiện nay các vị bô lão thân hào nhân sĩ địa phương có lập một cái Hội để cúng tế ngài hằng năm trong ngày sóc vọng.

Lăng này tọa lạc tại làng Tân Ngãi dưới cầu Cái Cam chừng 500m, đồng bào địa phương rất sùng kính, thường tới lui chiêm ngưỡng.

CHÙA, ĐỀN, MIẾU XƯA

CHÙA DI ĐÀ

TỤC DANH CHÙA TIÊN CHÂU HAY TÔ CHÂU

Tại huyện Vĩnh Bình xưa, Hòa thượng Hoàng Đức Hội đã cùng chư quý vị thí chủ xây dựng ngôi chùa thờ Phật A Di Đà, Thiện nam tín nữ rất sùng phụng, chùa được nổi tiếng tôn nghiêm.

Hơn nữa, quang cảnh chùa có thủy đạo bao quanh, am viện thanh u, nên thập phương bá tánh đến chiêm ngưỡng, còn gọi là chùa Tiên Châu, hoặc Tô Châu, lấy theo thắng tích mà đề cao.

Đốc phủ sứ Nguyễn Hữu Đức (1) có bài thơ vịnh chùa, được hầu hết khách văn chương tán thưởng:

- *Tiên Châu giăng trước Vĩnh Long thành,
 Đây rộn rục nhiều, đó vắng tanh.
 Khuất nửa cỏ cây nhà trắng trắng,
 Chia hai trời nước liễn xanh xanh.
 Cảnh người ngày tháng ba thăng mục,
 Chùa Phật hôm mai một tiếng kinh.
 Danh lợi vì đây lòng chẳng tưởng,
 Bốn mùa phong cảnh có ai tranh.*

(1) Ông Nguyễn Hữu Đức tục gọi Huyện Đức, vốn là ý trung nhân của nữ sĩ Trần Ngọc Lầu, xin xem Giai thoại cuộc tình duyên ở đoạn sau.

ĐÀN XÃ TẮC VÀ ĐÀN TIÊN NÔNG

Cũng như mọi tỉnh thành khác ngày xưa, tỉnh Vĩnh Long cũng có hai đàn Xã Tắc và Tiên Nông, để cầu nguyện phong đăng hòa cốc, quốc thái dân an, vui hưởng thanh bình khi nghiệp nông sum mậu, non nước thanh trị.

Đàn xây vào năm Minh Mạng thứ 17 (Ất Vi 1836), nằm trong địa phận huyện Vĩnh Bình. Đàn Xã Tắc ở về phía tây tỉnh thành, còn đàn Tiên Nông ở về phía đông.

MIẾU HỘI ĐỒNG VÀ MIẾU THÀNH HOÀNG

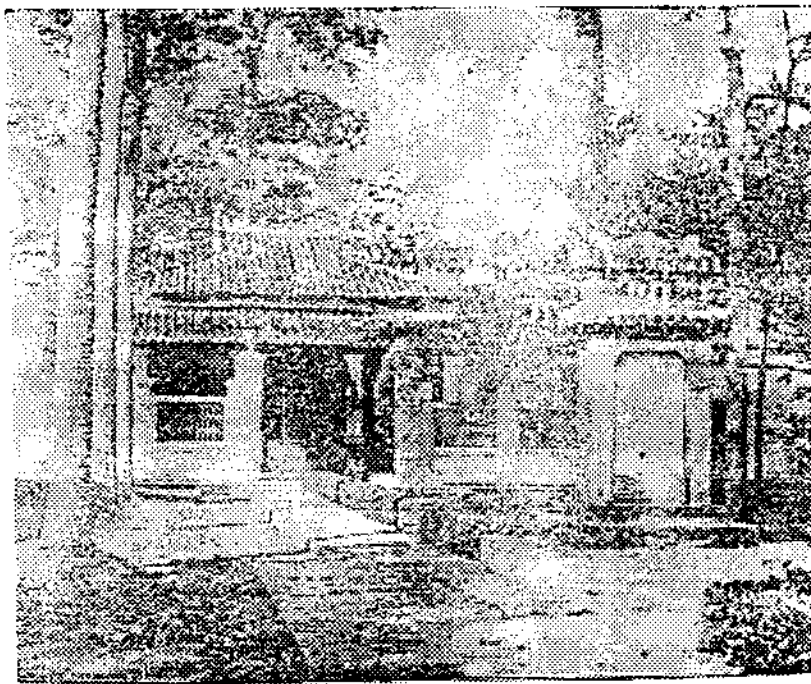
Cũng trong năm Minh Mạng thứ 17, đồng thời với khi xây dựng đàn Xã Tắc và Tiên Nông, nhà vua cũng cho xây miếu Hội Đồng ở phía đông tỉnh thành Vĩnh Long.

Đến năm Thiệu Trị thứ 2 (Nhâm Dần 1842) xây miếu Thành Hoàng, trong địa phận huyện Vĩnh Bình, ở về phía nam tỉnh thành.

MIẾU NGHĨA TRUNG

Miếu Nghĩa Trung tục gọi là miếu Âm Nhon tọa lạc tại ấp Phước Hanh, xã Phước Hậu, thuộc quận Châu Thành. Miếu này xây dựng trên một phần đất châu vi rộng 2.000 thước vuông, dùng làm nghĩa địa chôn cất chiến sĩ Việt Nam bỏ mình trong thời kháng Pháp.

Trước miếu có bia gạch bề ngang 1m50 bề cao 2m, trên



VĂN THÁNH MIẾU

Phía trong là đền thờ Đức "Khổng Phu Tử"

nóc nhỏ khắc “Nghĩa Trung Miếu” quanh năm có người trông nom hương khói và tế tự.

MIẾU QUỐC CÔNG

Đây là đền thờ Tổng Phúc Hiệp, một công thần triều Nguyễn Ánh. Tiểu sử ông chúng tôi đã trình bày ở phần nhân vật.

Miếu tọa lạc tại trung tâm tỉnh lỵ Vĩnh Long, thuộc xã Long Châu, quận Châu Thành, dựa bên đường mang tên ông năm xưa

Điều nên biết thêm, khi xưa cũng có ngôi đền thờ gọi là đền thờ Tống Quốc Công. Ấy là ông Tống Phúc Kinh, là Lưu thủ dinh Long Hồ, khi mất được truy tặng Tả phủ Quốc Công. Năm Minh Mạng thứ 3 (Nhâm Ngọ 1822) gia tặng Phù Chính trung đẳng thân, liệt tự vào miếu Hội Đồng. Dân thôn Trường Xuân cảm mộ công đức, lập đền thờ, (cụ Tống Phúc Hiệp, Tống Phúc Hòa đều là dòng dõi cụ Tống Phúc Kinh này).

Miếu thờ Quốc Công Tống Phúc Hiệp thì ở trung tâm tỉnh lỵ Vĩnh Long, như đã nói trên. Còn miếu thờ Quốc Công Tống Phúc Hòa thì tại Châu Thành Sa Đéc.

ĐỀN THỜ LÂM THAO QUẬN CÔNG CHÂU VĂN TIẾP

Tiểu sử Châu Văn Tiếp sau khi mất được truy tặng Lâm Thao Quận Công chúng tôi đã thuật ở phần nhân vật.

Đền thờ ông được xây dựng từ năm Giáp Dần (1794) tại xã Tân Long Hội, thuộc quận Minh Đức (Cái Nhum cũ) và hiện nay đền thờ vẫn còn.

VĂN THÁNH MIẾU

Theo tài liệu trong “Địa phương chí tỉnh Vĩnh Long”, nhất là do tài liệu “Miếu Văn Thánh ở Vĩnh Long” của ông Thượng Tân Thị (Phan Quốc Quang) đăng ở tạp chí “Đại Việt” số 5 ngày 1 er Décembre 1942:

Dấu tích xưa ở Vĩnh Long, chỉ còn một tòa miếu Văn Thánh là cũ hơn hết. Ấy là do lòng nhiệt thành và công vận động của vị Đề Học Nguyễn Thông đứng ra xây cất, để thờ đức Khổng Tử và các bậc hiền triết là môn đệ của đức Khổng. Khởi công trong năm Giáp Tí 1864 và hoàn thành cuối năm Bính Dần 1866.

1) Chánh điện: Thờ đức Khổng Tử, hai bên Tả ban, Hữu Ban thờ Tứ phối, Thập triết.

2) Hai miếu nhỏ hai bên: Tả vu, Hữu vu thờ Thất thập nhị hiền.

3) Văn Xương Các: Phía trước và bên tả Văn Thánh miếu có xây dựng tòa Văn Xương Các. Tầng trên lầu thờ 3 vị Văn Xương Đế Quân. Tầng dưới lầu, căn giữa để một cái khánh sơn son phết vàng, để bài vị thờ cụ Võ Trường Toản và hình cụ Phan Thanh Giản. Phía ngoài cái khánh có khắc một đôi liễn:

“Hoàng phong xử sĩ thanh cao lão

Tự hiệu thư sinh tiết liệt thân.”

Nghĩa: Câu trên nói về cụ Võ Trường Toản là một ông già thanh cao, ở ẩn dạy học, không chịu ra làm quan, được vua Gia Long cho là “Sùng đức xử sĩ”. Câu dưới nói về cụ Phan Thanh Giản, vốn là bề tôi tiết liệt, khi gần chết, dặn ghi trong tấm triện là “lão thư sinh” (người học trò già) mà thôi.



TÒA VĂN XƯƠNG CỐC

*Là nơi thờ cụ Phan Thanh Giản và cụ Võ Trường Toản
Trước sân có hai cỗ súng đồng của thời xưa.*

Lúc sanh tiền, cụ Phan Thanh Giản khi làm Kinh lược sứ, trấn ở Vĩnh Long, vẫn thường cùng cụ Đề học Nguyễn Thông nhóm họp các bậc văn nhân thi sĩ tại miếu Văn Thánh, đọc sách, làm văn.

Đời vua Duy Tân, có quan Thượng thư bộ Học là Cao Xuân Dục đi viếng các trường học trong Nam, đến Vĩnh Long vào yết miếu Văn Thánh, đề hai đôi liễn:

“Xuân thu hà đẳng càn khôn, đạo tại ngũ kinh song nhật nguyệt;

Thù tứ biết thành vũ trụ, đồ qua lục tỉnh nhất cung tường.”

Nghĩa: “Đời Xuân Thu trời đất bậc nào, đạo ở năm kinh đôi nhật nguyệt;

“Sông Thù, Tứ (1), côi bờ riêng đó, đường qua sáu tỉnh một cung tường.”

Sau này, để trông nom việc cúng tế hằng năm và tu bổ miếu môn, tránh sự sụp đổ, làm mất di tích của tiền nhân, những bậc kỳ lão trong xã có thành lập một hội lấy tên là “Hội Chấn Hưng Văn Thánh Miếu”. Mỗi năm Xuân Thu nhị tế: Mùa xuân, tế vào ngày Đinh, thượng tuần tháng hai âm lịch. Mùa Thu, tế ngày Đinh, khoảng hạ tuần tháng 8 âm lịch.

Trước miếu, có tấm bia đá trên trăm năm, ghi bài ký của cụ Phan Thanh Giản đã khảo từ xưa. Dưới đây, chúng tôi xin sao lục bản dịch của Thượng Tân Thị để cùng tường lãm:

BÀI KÝ VĂN THÁNH MIẾU VĨNH LONG

“Trời giúp dân ở hạ giới, nên khiến cho có kẻ lên làm vua

(1) Sông Thù, sông Tứ là hai con sông ở về nước Lào, quê hương của đức Khổng Tử, nay thuộc tỉnh Sơn Đông.

để cai trị, có kẻ ra làm thầy để dạy dỗ. Lòng trời biết thương yêu dân, ban ân huệ cho dân, thật là châu báu. Duy sự cai trị thì chỉ thấy ở lúc bấy giờ, mà sự dạy dỗ thì lưu truyền đến muôn đời. Phải có sự dạy dỗ, rồi sự cai trị mới có chỗ thi thố được. Ấy vậy sự dạy dỗ, nơi sự cai trị dân rất yếu thiết, không thể bỏ một ngày mà không có vậy.

“Lớn thay! Đạo đức Khổng Phu Tử. Vì trời đất lập ra “Tâm”. Vì sanh dân lập ra “Mạng”. Vì thánh trước nối sự học đã dứt. Vì muôn đời mở ra cuộc thái bình, cho nên các đời vua thờ phượng cúng tế, không bao giờ bỏ hẳn.

“Hoàng triều ta kính thầy trọng đạo. Xét theo đời xưa bày ra cách dạy. Ban đầu ở kinh đô có lập một tòa đền gọi là “Đại Thánh Điện”, thể chế rất tôn nghiêm. Vài trăm năm trở lại đây, kính chuộng đạo học, nuôi dạy nhân tài chẳng ít. Trị và dạy cả hai đều tốt sáng rõ ràng ở nơi đó.

“Xứ Nam Kỳ lục tỉnh, địa thế xa cách, gần ba ngàn dặm, và lại mở mang sau hết. Đức Hiến Tông Hoàng đế ta trị vì năm Ất vị thứ 25 (1715) quan Trấn Thủ dinh Trấn Biên (Biên Hòa) là Nguyễn Phan Long, quan Ký lục Phạm Khánh Đức lập ngay ở phủ Phước Long một tòa miếu vũ, thờ đức tiên sư Khổng Tử, rồi từ đó mỗi khi gặp tiết xuân thu hai lần cúng tế, thì ở Gia Định có phái bên văn một quan lớn đi với Đốc Học và các thân sĩ đến đó hành lễ.

“Qua triều vua Minh Mạng năm thứ 6 (1827) mới lại cất riêng thêm một tòa văn miếu nữa, ở về huyện Bình Dương mà các trấn lúc bấy giờ đều chưa có. Song mỗi lần đến kỳ thi khóa, học trò ở các trấn tề tựu về đó như mây nhóm, áo khăn chỉnh chiện, tụng đọc nghề nga; và như có gặp nhằm lễ “Thích điện” (1) các trò cũng đều được đến dự. Đường cả non cao, có chỗ tới

(1) Theo Kinh Lễ “Thích” là Thích thể; bỏ rau “Điện” là điện tộ; dâng lựa “Thích điện” tức là bỏ rau dâng lựa. Lễ dâng tiên sư.

lui chiêm ngưỡng. Kịp đến sau lục tỉnh sửa đổi tên lại, thì bốn tỉnh Vĩnh Long mới chọn được một sở đất ở tại làng Tân Sơn để cất miếu thờ. Cây ngói đã sẵn sàng, kể có việc đình hoãn lại. Đến năm Tự Đức thứ 12 (Kỷ Vị 1860), tỉnh Gia Định, Biên Hòa và Định Tường nối nhau thất hãm, những sĩ phu trong ba tỉnh ấy lánh nạn chạy qua bốn tỉnh với các hạt An Giang, Hà Tiên.

“Lúc bấy giờ việc binh mã rộn ràng gấp rút, các trò đều liệng bút theo quân, khiến cho sự học hành lần lần bê trễ. Đến năm thứ 135 (Nhâm Tuất 1863) quan lãnh Đề học Nguyễn Thông mới qui tụ các sinh viên lại mà dạy học và tập bài. Cụ Phan lựa được một miếng đất ở về hướng Nam cách xa tỉnh thành chừng hai dặm, thuộc về địa phận làng Long Hồ, mặt tiền ngó xuống sông dài, mặt hậu nương theo đất gò. Bên tả bên hữu có vườn tược thanh mậu, địa thế thật là thanh vắng. Chọn được ngày lành tháng tốt, bấm với quan thượng ty, bèn dựng miếu thờ đức Tiên sư Khổng Tử. Năm thứ 17 (Giáp Tý 1864) tháng trọng đông khởi công, qua rốt mùa thu năm nay (Bính Dần 1866) hoàn thành. Phàm những đồ thờ với các món để dùng chế tạo đều xứng tốt cả.

“Lại ở phía ngoài tường, bên tả gần sông, có dựng một cái thư lâu, để làm nơi chứa sách, cho tiện lúc hội hiệp đọc sách làm văn.

“Còn về số tiền chi phí mượn thợ làm và để ruộng cúng là bao nhiêu, thì đã ghi ở sổ riêng. Công việc làm đã xong xuôi rồi, quan Tổng đốc bốn tỉnh Trương Văn Uyên, Bố chánh sứ Nguyễn Văn Nhã và Án Sát Sứ Võ Doãn Thanh có đứng xin cấp trong miếu 20 tên phu để coi sóc giữ gìn, và mấy mẫu ruộng tư điền khỏi đóng thuế, để dùng vào việc cúng tế.

“Ôi! Hái chái ngôi hầu, muôn đời tôn chuộng, xem trông bất chước, có chỗ sẵn sàng. Mà sự dạy dỗ của thánh nhân, bất

đầu nên cho mình, rồi sau mới nên cho vật. Còn sự học hành của chúng ta, thì gốc ở nơi mình mà **phải** ra sức làm cho nên việc. Lại có kẻ văn chương thật rõ rệt mà **chẳng** quan tâm đến sự dạy dỗ cho đời, tuy có giỏi, cũng không ích.

“Lại nghe: đức Khổng phu tử, việc làm ở sách Hiếu tử khen chê các nước hầu ở sách Xuân Thu, mà sự làm chuộng về nhân luân thì lại ở sách Hiếu kinh, cho nên cái “đức tốt”, cái “đạo gốc” chẳng ngoài nơi đó. Gần đây sự học chưa có được gì cho lắm, không lấy chi giúp ích cho đời, nên kính đọc những chỗ nghe như thế. Các học trò thờ đức Thánh Nhân, cũng nên biết thờ về chỗ đó”.

Năm Tự Đức thứ 19 (Bính Dần 1866) sau tiết Trùng Dương 3 ngày. Kẻ hậu sinh Phan Thanh Giản lạy kính làm bài ký (Bản dịch của Thượng Tân Thị).

Ngày nay, du khách viếng tỉnh Vĩnh Long, tiến sâu vào thành phố, đặt chân trên đường liên tỉnh Vĩnh Long - Vĩnh Bình, ắt không khỏi nặng lòng hoài cổ khi yết miếu Văn Thánh. Tuy đã trải nhiều lần tu bổ, ngôi miếu mất đi phần nào nét kiến trúc cổ kính, nhưng nó vẫn là một di tích đáng quý, tượng trưng tinh thần bảo vệ đạo đức và thuần phong mỹ tục.

Nhất là phía trước Văn Miếu nay hãy còn trí hai cỗ súng đồng, như gợi cho các thế hệ sau nhớ về dĩ vãng, không quên công khổ của tiền nhân về đủ mọi mặt: văn hóa, quân sự v.v... bảo tồn đất nước này.

Điều nên biết thêm, khoảng đường từ Cầu Lầu lên tới Văn Thánh, ngã tư Long Hồ, mang tên con lộ là lộ Văn Thánh. Rõ là nét tiêu biểu đặc biệt của đồng bào đất Vĩnh, sùng phụng đạo đức, bảo tồn cổ tích, trong tâm khảm không quên những gì



Bức tượng ĐỨC KHỔNG TỬ
Thờ tại VĂN THÁNH MIẾU

*Đức trí soi đường giúp thế nhân,
Danh lừng bốn biển tiếng xuyên sơn.
Tứ kinh lưu hậu soi tâm tục,
Vạn kiếp thần dân vẫn nhớ ơn.*

là tinh hoa dân tộc đáng được đề cao.

Cụ Đỗ Minh Giám tục gọi là Nhiều Tầm, ngày trước đã từng cảm khái cảnh Văn Thánh miếu xuê xoang thanh nhã:

*Bấy lâu đàn hạnh lạnh mùi hương,
Cám cảnh tổng làng rắng sữa dương.
Trên Thánh chín từng an điện bệ,
Dưới hiên bảy chục kính phong sương.
Xưa còn gió ngổ lay cờ đế,
Nay hết nhện rường bủa lưới vương.
Sáu tỉnh xô bồ cơn gió bụi,
Vĩnh Long phong tục giữ như thường.*

Từ khi Vĩnh Long có Văn Thánh, đàn mạnh không còn lạnh mùi hương, như lời cụ Nhiều Tầm đã tán dương. Mỗi khi nhắc đến Vĩnh Long, không ai không ca ngợi nơi đây đã có nền văn, với Văn Thánh miếu, đề cao thanh giá sĩ phu, sùng Nho trọng Đạo.

Lại một điều đáng gia nhận. Chúng tôi đến Vĩnh Long sưu tầm tài liệu, vào chiêm ngưỡng Văn Thánh miếu, thấy cây cối xanh mướt có nhiều sinh khí. Khoảng 12 giờ trưa mà trước sân cỏ còn đượm hơi sương. Quả là nơi có vượng khí.

Theo lời cơ bút, Vĩnh Long sau này sẽ là nơi xuất thánh, do con sông và cuộc đất linh thiêng, thiết nghi cũng hữu lý.

Khoảng năm 1903, ông Phó Tổng Bình Long là Tổng Hữu Định có đứng ra sửa sang lại một lần.

Nay, con đường từ Cầu Lầu đi vô ngã tư Long Hồ mang tên là đường Văn Thánh. Còn người đứng ra xây dựng miếu Văn Thánh là cụ Đốc Học Nguyễn Thông thì sau này có trường Trung học công lập mang tên Nguyễn Thông tưởng niệm xứng đáng.

MỘT CUỘC THỦY PHÁ VĨ ĐẠI

DO ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC CON KINH MỚI

ĐỐI VỚI RẠCH CÁI CÁ VÀ XÓM BÚN

XÓM CHÀI LƯỚI XƯA

Khi người Pháp đã tổ chức xong nền hành chánh tỉnh Vĩnh Long, liền bắt đầu cho đào kinh, mở đường. Các con kinh mới Bocquét, Lộc Hòa, Đội Hồ, Phó Tế và kinh Ruột Ngựa (Canalde Ceinture) tục gọi kinh Cụt, ngày một tập trung nước ở mương, xẻo, rãnh và nước trên ruộng đưa xuống, nên lần lần làm con rạch Cái Cá (1) sâu rộng ra. Chớ kỳ thiệt trước kia rạch Cái Cá cạn nhỏ hẹp và cùng ở khoảng Đình thần xã Tân An bây giờ.

Theo tài liệu của ông Nguyễn Phú Toàn: Vàm rạch Cái Cá thuở xưa, nước chảy xuôi xa sông Cổ Chiên tại trước nhà thờ Thiên Chúa Vĩnh Long. Còn phía ngoài vàm là xóm Chài, xóm Lưới (châu vi độ chừng 20 mẫu tây) nối liền với xóm Bún bằng một đường nước lợ ngang qua đước (khe luông). Khi chánh quyền Pháp cho khai thông đường nước nầy và đắp đập rạch Cái Cá, ngăn nước bể của sông Cổ Chiên nhờ sự tập trung của các kinh, chảy ra đưng ngang với giọt nước của sông này đùa vào, phải quyền với nhau mà vận xoáy, tạo ra một cuộc thủy phá gồm ghê. Làm mất một xướng xe hơi của Tô Kiên Đức qua con lộ trước Thánh đường Thiên Chúa Vĩnh Long, và gần hết con đường xóm Bún chạy ngang đình Thần.

(1) Rạch Cái Cá là rạch Thiên nhiên trước kia nhỏ hẹp sau bị nước xoáy lở lớn.

Lúc ấy có một thi sĩ tức cảnh đề thơ:

*"Dòng thì xoáy, vực thì xây
Đào độn ai đâu quấy nước này.
Để rác chảy xuôi rồi lộn ngược
Tai bèo trôi đến cũng vẫn quây.
Trào sôi Hà bá hồng đau bụng
Trắng dọi Hằng Nga cũng chóng mày.
Mấy sợi kinh luân dầm dũ rồi,
Thái công đến đó đứng khoanh tay".*

(VÔ DANH THỊ)

Đồng thời Xóm Chài lưới cũng chịu chung số phận, chìm xuống đại giang, mà lại còn kéo luôn con lộ Cái Cá nằm trước nhà thờ và dinh Tỉnh Trưởng năm 1967 là đường Nguyễn Trường Tộ thâu ngắn lại.

DẤU XƯA BẾN TÀU LỤC TỈNH VÀ NAM VANG CŨNG BỊ ẢNH HƯỞNG LÂU

Bờ sông Cổ Chiên chạy dài xuống vàm sông Long Hồ cũng chịu ảnh hưởng, sụp lở lần hồi, phải ba lượt cất đi làm lại cầu tàu Lục Tỉnh và Nam Vang. Trước tiên là cầu sắt lốt ván (Eiffel), đóng ngay tại đường Hoàng Cung (Citadelle) nay là đường Hưng Đạo Vương, rồi cũng bị nạn nước mà lở hư đời xuống ngay đường Hùng Vương (Tribunal cũ). Cây cầu thứ nhì theo số phận cầu trước, nên rút lại phải làm cầu đúc, nay hãy còn.

Trên bờ cầu tàu cũ và đầu tiên, thuở xưa có cất một cái nhà tròn bằng gạch ngói, dùng làm nhà xác và nhà mổ, phía

ngoài sở giếng nước lọc của tỉnh Vĩnh Long.

Thuật lại cuộc thủy phá trên đây của tỉnh nhà thuở xa xưa, cụ Nguyễn Phú Toàn (vị nhân sĩ đã trên 75 tuổi) lại luyến tiếc:

Cuộc thủy phá đã làm mất đi một quang cảnh thanh lịch của bến tàu Vĩnh Long. Nơi đây trước kia là chốn kỳ ngộ của khách thừa lương vui đùa, nào trên cầu (phía bảy ngõ), nào trên lộ, khi dưới bóng xoài, khi dựa mình vào súng đồng lỗi thời phế bỏ, khi ngồi trên bực thạch thả câu.

Náo nhiệt là lúc tàu Nam Vang và Lục Tỉnh cập bến. Hơn nữa là những buổi lễ Tết Việt Nam, hoặc lễ Chánh Chung của Pháp, có cuộc đua ghe và chứng thủy lục với các trò chơi khác. Những lúc ấy thì quang cảnh thiên hạ dập dề “Ngựa xe như nước, áo quần như nêm”, phường phất cái màu phồn hoa đô hội của bến Chương Dương trên bờ sông Bến Nghé ở Thủ đô Sài Gòn ngày nay.

Đương thời qua hơn nửa thế kỷ rồi, dòng nước vừa hòa dịu, nhưng ngoảnh lại cuộc tang thương mà hồi tưởng bao nhiêu công tốn của hao vì đời dạt, vì tiêu điều nhà cửa sự nghiệp.

Các tai hại vừa đơn kể, thuộc về địa phận thôn Bình Ninh và cũng là vùng “Cửa Hậu” của Hoàng Cung (Thành Nội) xưa vậy.

CẦU LẦU TRÊN ĐẤT VĨNH VỚI DI TÍCH XÓM LÒ RÈN XƯA

Ngày nay cây Cầu Lầu không còn nữa, vì đã theo thời thượng mà sửa sang thay đổi cho hợp trào lưu, thành cây cầu đúc, như hầu hết các cây cầu hiện thời. Tuy nhiên, danh từ Cầu Lầu vẫn là danh từ đặc biệt riêng của Vĩnh Long. Vì chỉ nơi đây đã có cây Cầu Lầu nhất đáng ghi lại dấu vết của kinh thành Vĩnh Long thuở nào.

Về xa xưa, khi xây cất thành Vĩnh Long, điều hệ trọng là nghĩ ngay đến việc thiết lập các địa điểm canh gác nghiêm mật. Do đó Cầu Lầu hình thành. Cầu bắc cao trên giữa dòng rạch, để vừa làm vọng canh, vừa qua lại, hai bên cầu có thang trèo lên và xuống. Dưới lót ván cho bộ hành đi, giữa có 4 cây cột cao lên, lót sạp độ 6, 7 thước, lợp ngói âm dương làm nóc. Bốn bên có lỗ châu mai.

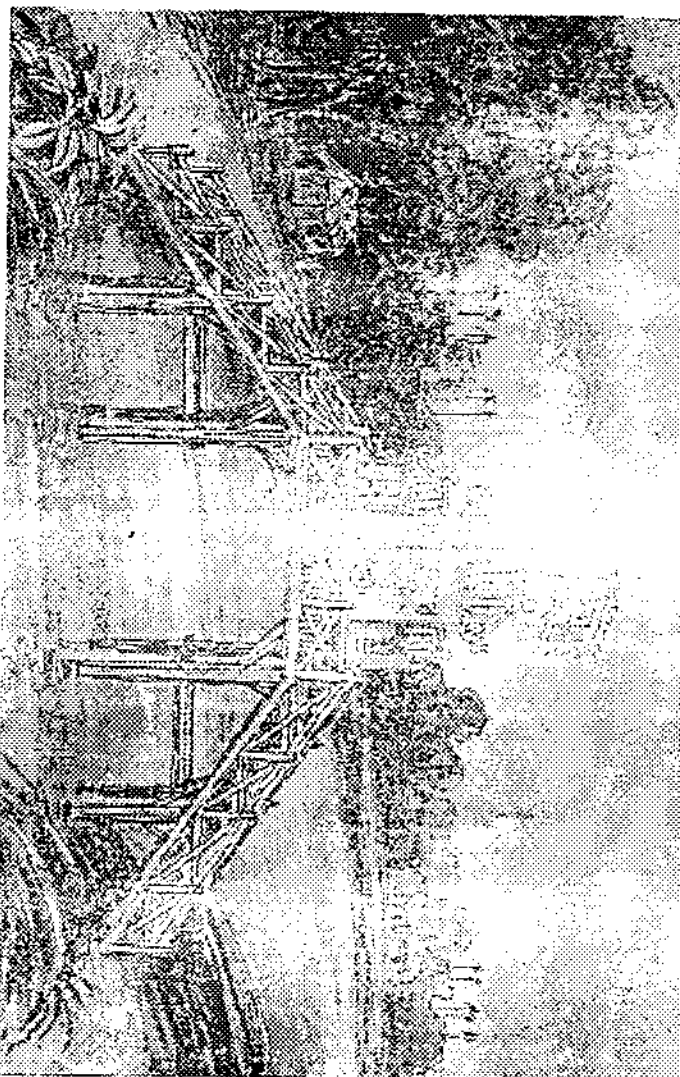
Tại Cầu Lầu (đường đi Vĩnh Bình) và Cầu Lộ đường đi Cần Thơ và Sa Đéc), thuở cựu trào là hai cửa vào thành Vĩnh Long, vốn là nơi quan yếu nhất, cho nên được đặc biệt bố phòng như một vị trí chiến lược hệ trọng. Chẳng những đó là nơi để quân lính lên vọng lầu đứng canh chừng lực quân địch từ ngã tư Long Hồ kéo sang, mà cũng tiện dòm ra sông Long Hồ ngăn ngừa thủy quân địch đổ bộ.

Còn bên kia rạch Cầu Lầu nổi dài kêu là rạch "Cá trê" chỗ cất chợ Cầu Lầu hiện giờ, khi xưa là xóm Lò Rèn. Chính chỗ xóm Lò Rèn này, thuở cựu trào chuyên làm đồ binh khí cho

Cây Cầu Lầu thời xưa trên đất Vĩnh

(Ảnh

tượng
trung)



Hi hữu xưa nay một chiếc cầu.
Khen ai trí khéo tạo nên lầu.

Thời gian biến đổi nay đâu nữa,
Thế sự thăng trầm cuộc bể dâu.

quân binh đóng trong Hoàng Cung. Con rạch “Cá trê” thì chảy vào làng Phước Hậu đến Vòng Cô Hồn; ruộng vườn trong vùng này nhờ nó và các ngõ ngách của nó gọi nhuận mà thanh mậu.

Nhưng đến khi người Pháp đến chiếm Vĩnh Long ít lâu, Cầu Lầu bị phá đi, sau này làm lại cầu đúc (bê tông cốt sắt, béton armé). Và cố nhiên Xóm Lò Rèn kia càng bị kẻ xâm lăng triệt hạ ngay. Lại nữa, khi tân trào đào kinh Bocquet và các con kinh quanh vùng như kinh Lộc Hòa kinh Đội Hổ, kinh Phó Tế và kinh Ruột Ngựa (Canal de Ceinture) tục gọi kinh Cụt, thì con rạch “Cá trê” cũng dần bị lãng quên.

Trong cuộc tuần hoàn, vạn vật đều không thoát khỏi luật đào thải của Hóa Công và bàn tay nhơn tạo qua các thế hệ cứ nối tiếp nhau tô tô điểm điểm cảnh vật, bày rồi lại xóa, xóa lại bày, để phù hợp với guồng vận chuyển của cơ huyền diệu.

Vòng đời có cảnh vật vĩnh viễn tồn tại nguyên hình mãi mãi đâu!

Nay, từ Cầu Lầu chạy lên ngã tư Long Hồ là lộ Văn Thánh. Mé dốc cầu chạy trở xuống dãy nhà quan cư (Bungalow) là đường Gia Long.

Hoàng cung xưa trên đất Vĩnh

CỬA TIỀN CỦA HẬU CÒN LƯU DẤU THỦY TRƯỞNG VÀ THÀNH QUÊ

Vì Vĩnh Long xưa là một dinh lớn, nghiêm nhiên như kinh đô của miền Tây, nên Thành nội Vĩnh Long được nhân dân khi ấy gọi là Hoàng cung. Bởi tất cả thành nào của triều đại xưa đều có trang trí (để phòng trị) đền điện, cung thất chỗ xưa đến ngự, hoặc dùng cho Khâm mạng đại thần.

Trong bóng tịch dương của thành Vĩnh Long xưa mà dân chúng gọi là Hoàng cung, cách nay trên một thế kỷ, nhìn vào ký ức, kẻ hậu sinh cũng độ được cái công trình vĩ đại: Phát xuất những cung điện lâu đài cổ kính trong một thành lũy kiên cố, nhưng vẫn chẳng tránh được sự tàn phá của thời gian và cuộc thăng trầm của thời thế.

Vị trí Hoàng cung nằm trong bốn thôn Long Hồ, Long Châu, Bình Minh và Bình Lữ bao bọc, thuộc Tổng Bình Long, phủ Định Viễn xưa.

Năm Bính Thân 1836, tháng giêng, vua Minh Mạng xuống chỉ thiết lập Thủy Trường dài theo mé sông Long Hồ (từ vàm vô gần kho dầu hăng Shell bây giờ) và bạy ụ ghe “Ô” ghe “Lê” ở cửa tiền Hoàng cung (nằm trong khoảng hai đường Đồng Khánh và Trương Vĩnh Ký, trước kia là đường Thất Kiều và đường Bonard).

Một vị nhân sĩ của Vĩnh Long là cụ Nguyễn Phú Toàn,

biệt hiệu Nhập Vương Thị (chữ Nhập và Vương gồm lại là chữ Toàn) cảm vịnh cửa Tiền:

*Thất Kiều, Đồng Khánh cội tân đường.
Dấu vết cửa Tiền nét hiển dương.
Bảy rạch ghe Ô: cầu, cống lấp
Một vuông đất Thánh án thành tường.
Xóa nhòa tiềm thức thù thôn tính
Che khuất linh hồn hận kỷ cương.
Thủ đoạn thực dân qua mắt Bụt,
Luân hồi vay trả quả tương đương.*

Nếu ở về cửa Tiền Hoàng cung có Thủy trường đáng kể, thì ở cửa Hậu cũng có “Thành Quì” cũng làm tăng vẻ tôn nghiêm khá ái.

Nguyên khi cụ Phan Thanh Giản lãnh chức Kinh lược Sứ miền Nam, trấn đóng ở Vĩnh Long, cụ thích hoa quì, nên trong thành và ngoài thành đều trồng toàn thứ hoa quì cao khiết. Do đó, nhân dân gọi là Thành Quì, lâu ngày thành tên.

Yêu thích hoa quì, đủ rõ lòng cụ Phan trung nghĩa biết bao. Vì hoa quì luôn luôn hướng dương, tác dạ phô trương sáng soi trước vầng nhật. Chính nhà chí sĩ Nguyễn Trường Tộ cũng từng mượn hoa quì mà tỏ dạ trung nghĩa trong hai câu:

*“Nhật nguyệt tuy vô hồi chiếu xứ
Quì hoa tự hữu hướng dương thâm”.*

Nghĩa:

Mặt nhật dù không quay dọi lại
Lòng quì vẫn hướng dương mà.

Vùng Cửa Hậu thuộc địa phận thôn Bình Minh xưa có con rạch Cái Cá trên vàm có mấy xóm phồn thịnh, như xóm Lưới, xóm Bún và xóm Đập. Nhưng từ khi nước ta thuộc Pháp, vàm kinh bị nước xoáy lở, nơi đây dân làng đắp đập cản nước, nên một ngôi đình thần nằm nóc của cự xã Tân Giai phải dời vào cuộc đất liền vào khoảng 1924. Đến 1962 nửa đêm phát cháy nơi chánh điện và hiện giờ trong làng đang tái tạo. Ngôi đình này rất cổ và lớn nhất trong tỉnh Vĩnh Long (xin xem huyền sử về đình Tân Giai). Một nhân sĩ đất Vĩnh Long là Ông Nhập Vương Thị cảm xúc trước sự tồn vong của cảnh vật, vùng Cửa Tiền, Cửa Hậu đã tiêu sơ vì thế cuộc tuần hoàn, ông không ngại lời tha thiết:

*Bước đến Cổ Chiên trước bến tàu,
Thành Quì, Cửa Hậu lại hoàn châu
Bãi lầy, cầu ngô, lầu Thanh Biện,
Vực hằm, đường treo, vọng linh hầu.
Đổ bộ binh Tây cường chiếm đoạt,
Chống ngăn quan Trấn thuyết đương đầu.
Thực dân gieo thảm ghi từ đấy,
Xích Bích mơ màng cuộc bể dâu.*

Tóm lại, thành Vĩnh Long hay Hoàng Cung cũ có 4 cửa trấn theo bốn phương; đông, tây, nam, bắc. Nay còn rõ ràng di tích ở Cửa Hữu (cây da) thuộc hướng Nam, cửa Tiền ở hướng Đông, cửa Tả hướng Bắc, cửa Hậu hướng Tây. Chung quanh ba phía có hào thành ở ngoài, bờ thành ở trong; rạch Long Hồ thế cho hào thành phía Bắc. Khi thuộc Pháp, bờ thành bị san bằng: một phần làm nền cho các công thự mới, cho trại lính tập và

lính Mã Tà, cùng xây nền chợ Vĩnh Long; phần khác làm đường giao thông ngang dọc trong châu thành. Đại khái là đường Trưng Nữ Vương, nguyên đường Nữ Trinh (Sainte Enfance) từ nhà thờ Thiên Chúa xuống đất Thánh, đại lộ Phan Thanh Giản (Poincaré cũ), đường Lê Văn Duyệt (Pasquier cũ), đường Gia Long và Tổng Phúc Hiệp (Salicetti cũ).

Vuông đất Hoàng cung xưa, còn sót lại thì được dùng trước tiên làm mô vật sùng cho lính tập, kế đó làm trường đua ngựa, gần đây là Vận Động Trường.

Trước cuộc tang thương biến cải, dù ngày nay cảnh sắc mở mang có rõ ràng hơn, khách chạnh lòng hoài cổ chẳng khỏi cảm thấy hồn man mác. Nhập Vương Thị cảm đề Hoàng Cung thất thía:

*Thành nội Hoàng cung nhứt nguyệt soi
 Long Hồ, Vĩnh Trấn tiếng còn roi
 Võ an bá tánh oai tiền tuyến
 Bình Định sơn hà trí vách voi
 Bốn cửa vách đồng chia sức giặc
 Một vuông lũy sắt dựng bình trời
 Tang thương thay đổi trường đua, vận,
 Đào phải luật công, vật vĩa rời.*

KHOẢNH TRẠCH ĐIỀN và CHỢ TRƯỜNG XUÂN

Phía sau miếu thờ Hữu phủ quốc công Tống Phúc Hiệp, giữa khoảng đường Lý Thường Kiệt và Hùng Vương cũ, xưa kia là khoảnh “Trạch Điền” của quan triều đặt ra, để hằng năm trong tiết xuân hợp tế Thần nông. Điều nên biết, miếu Tống quốc công nằm ở phía ngoài cửa tả Hoàng cung cũ. Khoảnh Trạch Điền cũng nằm trong vị trí ấy.

Khi phát động lễ Hạ Điền trong tiết xuân, vị quan đầu tỉnh bốn thân cầm cày, cày nhiều luống trên khoảnh Trạch Điền, cho các thôn xã tiếp nối cuộc lễ, xuống cày vừa làm mùa, cầu được trọn năm phong đăng hòa cốc.

Đã có đàn Xã Tắc, có khoảnh Trạch Điền, tự nhiên phải có vùng chợ búa phồn thịnh. Cuộc buôn bán thịnh vượng nhất khi xưa, đáng kể là vùng chợ Trường Xuân.

Theo tài liệu khảo cứu của vị nhân sĩ cao niên ở tỉnh Vĩnh Long là Nguyễn Phú Toàn: Cận bên công sở xã Long Châu bây giờ và trong vuông đất phố làng, cập với mang cá cầu Thiêng Đức, chính là địa điểm vùng chợ Trường Xuân trước kia. Gọi là chợ Trường Xuân, có lẽ lấy tên ấp sinh quán của Hữu Phủ quốc công Tống Phúc Hiệp, vì Tống Quốc Công sinh tại Nam Định, ấp Trường Xuân.

ĐÌNH KHOA LỊCH SỬ KHÔNG CÒN NỮA CHÙA BỬU TÂM KẾ TIẾP DỰNG LÊN

Đình Khoa xưa kia nằm sát bờ sông Cổ Chiên, day mặt qua làng Bình Phước mé kia sông, phía sau là lộ Cổ Chiên, chung quanh trí nhiều khẩu đại bác thần công, có hào lũy bao bọc. Ngôi đình này vừa là chỗ thờ phượng, vừa là nơi chiến lược, và cũng là chốn khao quân (nên gọi Đình Khoa) khiến tướng tại địa phương này.

Lại một điều, cũng chính nơi đây ngày trước Nam Triều đời vua Minh Mạng đã bắt Linh mục Phan Văn Minh về hành quyết.

Sau ngày Pháp đến chiếm tỉnh Vĩnh Long, ngôi Đình Khoa bị triệt hạ đem về cất Tòa Bố đầu tiên, nay là khu trường trung học Tổng Phước Hiệp, như chúng tôi đã tường thuật ở bài "Tìm hiểu về miếu Công Thần". Tính ra, từ năm bắt đầu tạo lập là năm Gia Long thứ 16 (Đinh Sửu 1817). Bia truyền tại Đình Khoa khi xưa, có đôi liễn biểu trưng ý nghĩa tạo lập:

*"Phò Lê, Nguyễn, bát thập nhị niên gian,
chiến thắng tượng tân thiên dĩ bắc;
Bình Chiêm, Lạp, bách thiên dư chiến trận,
danh phiêu lân các hải nhi nam".*

Từ khi ngôi đình triệt hạ, cuộc đất bỏ trống chỉ còn trơ cái nền và mấy gốc dương cổ thụ chứng kiến bao cảnh thăng trầm của đất nước, và cuộc đất này cũng bị ngọn thủy triều của sông Cửu Long dồn xuống sông Cổ Chiên, chảy siết nên bị lở, những

mô sủng đồng, tiền đồn án ngữ trước đình theo bờ sông đều bị sụp lở trôi theo dòng nước.

MỘT NGÔI CHÙA ĐƯỢC THIẾT LẬP

Bảy năm sau một cảnh chùa được tạo lập trên nền Đình Khao mang tên “Bửu Lâm tự”, vị trụ trì đầu tiên là tu sĩ Nguyễn Văn Ngà, đồng bào địa phương gọi là Đạo Ngà, người có công tu dựng, trọn đời phụng sự Phật Pháp. Đức độ của ông được xa gần mến phục.

Chuyện xưa chép rằng một hôm, ông cùng đệ tử bơi xuống qua sông Cổ Chiên. Gặp cơn sóng to gió lớn, ông niệm Hồng danh chư Phật, cầu ơn trên gia hộ cho ông lướt sóng bình yên. Lúc bấy giờ ông mong ước:

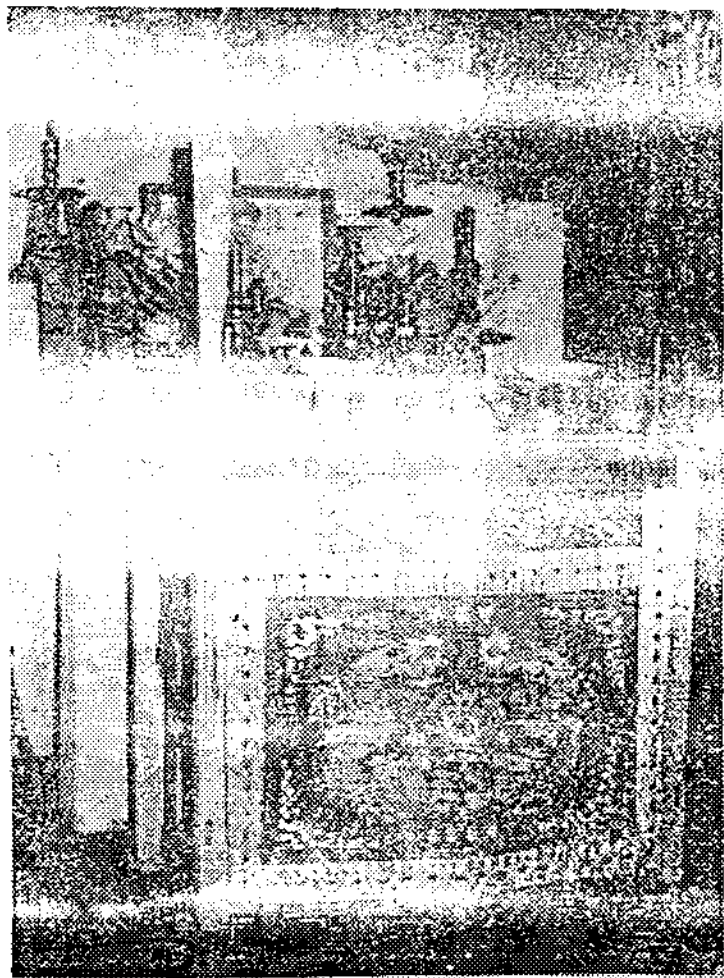
- Phải chi có thêm cây dầm nữa bơi cho mau, thoát tai nạn.

Tương truyền lời ông than vừa dứt, dưới sông bỗng lộ lên một cây dầm. Ông không chút kinh hãi, nắm lấy vật linh kỳ bí, phù trì. Nhờ đó hai thầy trò ông vào đến bờ an nhiên vô sự.

Đêm ấy, thọ trì đầu hôm trên chánh điện xong, ông lui gót trở xuống liêu, lại bị một con rắn cắn sưng cả mình. Ông vẫn thản nhiên bảo các đệ tử:

- Âu cũng là quả nghiệp kiếp nầy phải trả. Đúng Ngọ ngày mai thầy liêu đạo. Các đệ tử ở lại ráng tu hành lập công bồi đức giúp đời, vun trồng nền đạo hạnh. Người tu luôn luôn phải chịu cam go thử thách trả quả.

Đám táng của ông long trọng, xa gần đều đến tiễn đưa, ai ai cũng đều mến tiếc, một vị chân tu sớm dứt nghiệp trở về bên kia thế giới...



*Đây là Cây Dầm thiêng và chơn dung nhà Sư thờ tại chùa Bửu Lâm,
nơi nền Đình Khao xưa*

KỶ VẬT NGÀY XƯA CÒN LƯU DẤU: CÂY DẦM THIÊNG CỨU MẠNG NHÀ SƯ

Cây dầm ước nguyện của ông được thờ tại chùa. Chúng tôi có đến tận nơi quan sát, nghe vị trụ trì tường thuật một đôi câu chuyện dưới đây:

Khi xưa đồng bào quanh vùng có bệnh hoạn thường đến chùa khấn nguyện trước ngôi tam bảo, xin mài đầu ngọn dầm hòa với nước đem về uống, những người thành tâm được linh ứng, tật bệnh tiêu trừ, tà ma xa lánh. Thành ra ngọn dầm lại khuyết một phần không có nguyên vẹn như xưa.

Sau này trong bốn đạo muốn bảo tồn di tích của thầy tổ, đem dựng trước bàn Phật và cột dây kiềm lại không cho bá tánh đá động đến vật ấy nữa.

Chúng tôi xin ghi lại những điều mắt thấy tai nghe, và đồng thời xin chụp một bức ảnh cây dầm thiêng để ghép vào tác phẩm này, làm chứng tích cho việc sư tầm của chúng tôi.

Theo lời trụ trì đương kiêm kể lại, ngày ông Đạo Ngà viên tịch rồi, người nối tiếp là vị Yết ma pháp danh Như Ngươn. Chẳng bao lâu Yết ma Ngươn đi nơi khác. Một môn đệ của ông Đạo Ngà là cư sĩ Nguyễn Văn Sang đến ở, phụng tự lửa hương ngôi tam bảo.

Kế tiếp, vị khác là một đạo sĩ tu núi tên Hồ Văn Qui về trụ trì, sửa sang ngôi chùa lại, chuyên cứu bệnh cho đồng bào địa phương, được hai mươi năm, ông bỏ xác tại đây.

Thời loạn lạc Nhật đảo chánh Pháp, thanh niên tiền phong nổi dậy, dân chúng đều đứng lên kháng Pháp. Quân đội Pháp đi ruồng bố ngoài lộ Cổ chiền, vương phải lựu đạn chết một viên

Thiếu úy Pháp. Chúng tức giận phóng hỏa cả xóm gồm 21 căn nhà, luôn cả ngôi chùa Bửu Lâm.

Đến năm 1961, cư sĩ Mai Văn Nghiệp là người trong vùng đứng ra mở cuộc lạc quyền, trùng tu ngôi tam bảo lại cho đến sau này.

Chúng tôi đến viếng cảnh cũ người xưa đã gợi bao kỷ niệm, hình bóng của bậc tiền nhơn, hồi tưởng lại cái gì thiêng liêng cổ kính. Rõ là thế sự tuần hoàn, vật đổi sao dời, dinh hư tiêu trưởng thành trụ hoại không.

Hầu chuyện với vị trụ trì hiện tại, tiếp xúc với các bô lão địa phương, bàng hoàng cảnh cũ Đình Khao không còn nữa, ngôi chùa Bửu Lâm còn lưu dấu những kỷ niệm năm xưa.

HOÀI CẢM :

*Phưởng phất xa đưa ngọn khói trầm
Đình Khao cảnh cũ rất thương tâm.
Trước kia rộn rịp người lui tới.
Non nước bây giờ khách viếng thăm.
Cảnh cũ người xưa đã khuất bóng.
Tưởng công tông tổ mấy trăm năm.
Chắp tay vái lạy trời mây thăm.
Phù hộ muôn dân buổi cát lành.*

Đình Khao nay không còn nữa. Tuy nhiên, ngày nay trên đường Vĩnh Long đi Chợ Lách, dựa mé sông Cổ Chiên có bến dò mang tên gợi niềm lưu luyến ấy. Đó là bến dò Đình Khao, được coi như là một thắng cảnh của tỉnh Vĩnh Long. Vì nơi đây hằng ngày du khách dập dìu, kẻ buôn người bán tấp nập, dân cư trù phú.

Sự Tích

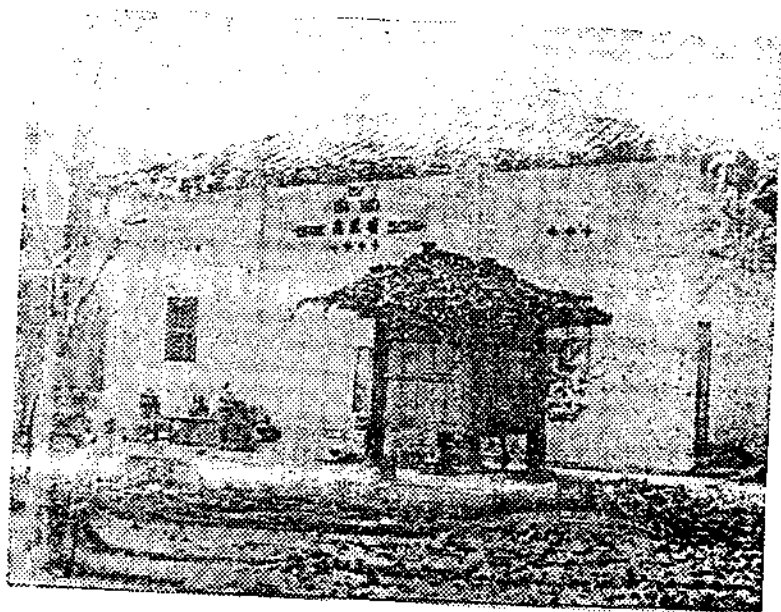
MIẾU CÔNG THẦN TRIỀU NGUYỄN

THỜ 85 LÁ SẮC NHÀ VUA PHONG TẶNG

Một buổi sáng, theo chân một bạn giáo chức nhà ở Vĩnh Long, chúng tôi đến chiêm ngưỡng miếu Công Thần. Miếu này tọa lạc tại ấp Thanh Mỹ, thuộc xã Long Đức, quận Châu Thành. Từ thị xã vô tới nơi chừng 3 cây số ngàn. Vị trí miếu nằm mé tả ngạn, cách bờ sông Cổ Chiên 100m, day mặt ra rạch Cái Sơn Bé. Trước miếu có trí một cây sùng thần công đại bác của thời xưa. Chung quanh có những gốc dương cần cỗi, cảnh vật trở nên u tịch cổ kính.

Nơi miếu có một ông Từ coi sóc. Hành lễ rước chánh điện xong, chúng tôi quan sát di tích, luống những băng khuâng. Kìa trên án thờ, một chiếc hộp tròn lớn chạm trổ long lân qui phụng, sơn son phết vàng, lâu ngày tróc nước sơn coi ra vẻ cũ kỹ, bên trong đựng 85 lá sắc của nhà vua phong tặng 85 vị khai quốc công thần đã giúp vua Gia Long thống nhất đất nước.

Nguyên lúc sơ khởi tạo lập, mang tên theo dân gian truyền tụng là “Đình Khao”, có từ năm Gia Long thứ 16 (Đinh Sửu 1817), kiến trúc theo lối Đông phương, kèo cột bằng gỗ lim, rui mè bằng trai chạm trổ rất khéo. Gọi là “Đình Khao” vì có nghĩa là chỗ khao quân th. ờng công các chiến sĩ thời xưa.



CÔNG THẦN MIẾU

Thờ 85 vị Công Thần dưới triều nhà Nguyễn.

ĐÌNH KHAO BỊ TRIỆT HẠ

Đến năm Đinh Mão (1867) quân Pháp tiến chiếm Vĩnh Long. Trong khi tổ chức nền hành chánh ít lâu, Pháp cho dân phu vô dờ ngôi đình cổ kính này về, lấy vật liệu xây cất Tòa Bố đầu tiên tại tỉnh. Từ đấy những dấu vết của Nam triều bị phá tan. Nào những mô sủng đồng đặt dọc theo bờ sông Cổ Chiên và Vĩnh Tòng, chúng tháo gỡ san bằng cả, không muốn thấy một dấu tích của Nam triều. Với tinh thần tồn cổ, gợi lại cái gì thiêng liêng cổ kính của tiền nhân, chúng tôi lấy làm đau lòng nghĩ đến gót chân của ngoại bang giày xéo, thôn tín nước ta. Nỗi hận mất nước đã ghi sâu vào lòng người dân Việt, trên một thế kỷ chưa nguôi...

Nhìn cảnh cũ người xưa đã khuất bóng, lòng ngậm ngùi cho vận nước đổi thay.

Từ ngày dỡ ngôi đình cổ kính này, 85 lá sắc phong cho 85 vị công thần phải dời về thờ nơi đình Thành Hoàng Thiêng Đức trong ít lâu.

BÀ TRƯỞNG THỊ LOAN ĐỨNG TÁI LẬP MIẾU CÔNG THẦN

Cho đến năm 1915, ông Đốc Phủ Phạm Văn Tươi ngồi chức Quận Trưởng quận Châu Thành Vĩnh Long, kêu gọi lòng háo nghĩa của đồng bào tại tỉnh, cảm niệm công nghiệp tiền nhân, chung đậu kẻ ít người nhiều dựng ngôi miếu để thờ riêng 85 vị khai quốc công thần triều Nguyễn ấy. Bấy giờ, có bà Phủ Y nhũ danh Trương Thị Loan (con gái ông Bá hộ Nộn) vốn là

điền chủ phú hào ở xã Long Châu, đứng ra xin quản xuất việc xây cất miếu nầy. Bà đến ngay tư dinh của vị Đại Úy chưởng quân cơ binh lính tập, thọ ngũ đẳng bội tinh, quyền Chánh Tham Biện Vĩnh Long khi ấy là ông Loyis Pétillot, trình bày công tác xây cất miếu, với sự hợp tác của bà Đốc phủ Phạm Văn Tươi nhũ danh Lê Thị Danh. Thượng cấp chấp thuận. Do nghị định số 1.793 ngày 27.4.1918 của Nam Kỳ Soái Phủ, miếu Công Thần được tạo lập.

Lúc tiền bạc đất đỏ, lúa 0\$20 một gia, số tiền trên 4.000\$ do bà Trương Thị Loan đài thọ, kể cũng đáng ngại. Riêng về cuộc đất một mẫu tọa lạc tại miếu, do vị điền chủ Nguyễn Văn Kỳ ở làng Thiềng Đức hỉ cúng. Tổn phí trang trí bên trong thì do sự đóng góp của nhân dân.

Khi hoàn thành ngôi miếu tân tạo, mọi người cử một ban quản trị để lo việc phụng tự khời hương tế lễ hằng năm, để bảo tồn di tích là hộp sắc 85 vị công thần ngự trị nơi đây.

Mỗi năm tại miếu nầy có cúng 8 lệ:

- 1.- Lệ Bào Ông và Thượng Nguyên vào ngày rằm tháng giêng âm lịch.
- 2.- Lệ Xuân Tế cầu an vào ngày 14, 15 và 17 tháng 2 âm lịch.
- 3.- Lệ Hạ Điền vào ngày rằm và 16 tháng 5 âm lịch.
- 4.- Lệ Trung Nguyên vào ngày rằm tháng bảy âm lịch.
- 5.- Lệ Thu Tế nhằm ngày rằm và 16 tháng 8 âm lịch.
- 6.- Lệ Thượng Điền và Hạ Nguyên vào ngày rằm và 16 tháng 10 âm lịch.

7.- Lễ Lập Miếu vào ngày 15, 16 tháng chạp âm lịch.

8.- Lễ Tết Nguyên Đán vào ngày 25 tháng chạp âm lịch.

Chúng tôi được biết, trong niên khóa 1966-67 này, ông Nguyễn Văn Bá là đương kim chánh Chủ Hội.

Với niềm hoài cổ, chúng tôi sưu tầm qua sự tích miếu Công Thần để hiến quý bạn đọc hiểu qua vài di tích còn lưu dấu tại Vĩnh Long ngày nay, hầu nhắc nhở công nghiệp người xưa đã hy sinh xương máu, giành từ tấc đất chống xâm lăng, bỏ mình vì non nước. Ngày nay chúng ta là con cháu của các Ngài, đang sống trên mảnh đất này, nên noi gương ấy để bảo vệ quê hương, mưu hạnh phúc cho giống nòi.

Có như thế, chúng ta mới không tủi hổ, phụ ơn công nghiệp của tiền nhân.

HUYỀN SỬ

HỮU PHỦ TỔNG QUỐC CÔNG

HUYỀN THOẠI

Du khách viếng Vĩnh Long, dạo qua đường Tổng Phước Hiệp đến khoảng công sở xã Long Châu, ắt trông thấy ngôi đền thờ Hữu phủ Quốc công Tổng Phước Hiệp ở ngang đấy. Miếu mạo nguy nga, khói hương tôn sùng không ngớt.

Tương truyền từ sau khi ông mất đi (có điều gì thì đến miếu thờ khẩn nguyện.)

Khoảng năm 1867, sau khi cụ Phan Thanh Giản tử tiết, quân Pháp đã chiếm đóng Vĩnh Long và tổ chức guồng máy hành chánh, lòng dân đất Vĩnh Long hã y còn vương nỗi ngậm ngùi căm hận. Khí thiêng non nước hã y cũng lay động đến anh linh các vị tiền nhân đã từng vị quốc vong thân, nên dân gian ai cũng hã lòng khi nghe biết chuyện Hữu phủ Tổng Quốc công trưng trị quân Pháp vô lễ đã dám ngạo mạn Ngài.

Tương truyền: Quân đội Pháp chiếm đóng Vĩnh Long, chúng nhận thấy đồng bào Vĩnh Long tôn thờ tín ngưỡng Tổng Quốc công thái quá, chúng mở lời nhạo báng, cho rằng dân ta lạc hậu, nặng óc dị đoan mê tín. Đồng bào ta có người phản đối ngay:

- Không, chúng tôi thờ Tổng quốc công, do lòng thành của chúng tôi vì đây là nhân vật có công nhiều đối với việc mở mang đất Vĩnh Long và bình định trị an. Ấy là lẽ đương nhiên, có gì gọi là lạc hậu, mê tín, dị đoan đâu. *

Người Pháp cười nhạo:

- Người sống còn chẳng làm gì được, huống chi là cái xác chết khô đã non trăm năm rồi, còn thờ với thiêng liêng hiển hách thế nào được chứ?

- Các ông quan niệm thế nào tùy ý. Có điều xin chớ xúc phạm đến sự tín ngưỡng của đồng bào chúng tôi. Nếu các ông cứ giữ thái độ ngạo mạn vô lễ trước miếu thờ Tổng Quốc công, chẳng những các ông đã tự làm giảm nhân cách các ông - hạng người thường tự phụ là văn minh sẽ bị thần thiêng quả trách chớ chẳng không.

Chúng cười lạt bỏ đi, và sau đó vẫn giữ thái độ kiêu ngạo.

Một hôm, có 5 tên quân Pháp nghênh ngang kéo đến miếu Quốc công. Chúng chia nhau lục lạo khắp nơi, phá phách chẳng kiêng nể gì. Một tên cỡi ngựa chạy nghênh ngang qua lại trước đền thờ, nhún vai phát lộ những cử chỉ, dùng lời lẽ khiếm nhã vô lễ. Đồng bào ta ở gần đó, hầu hết bất bình thái độ xấc xược kia.

Thình lình nghe tiếng ngựa hí vang. Ai nấy giật mình nhìn xem có chuyện lạ gì không.

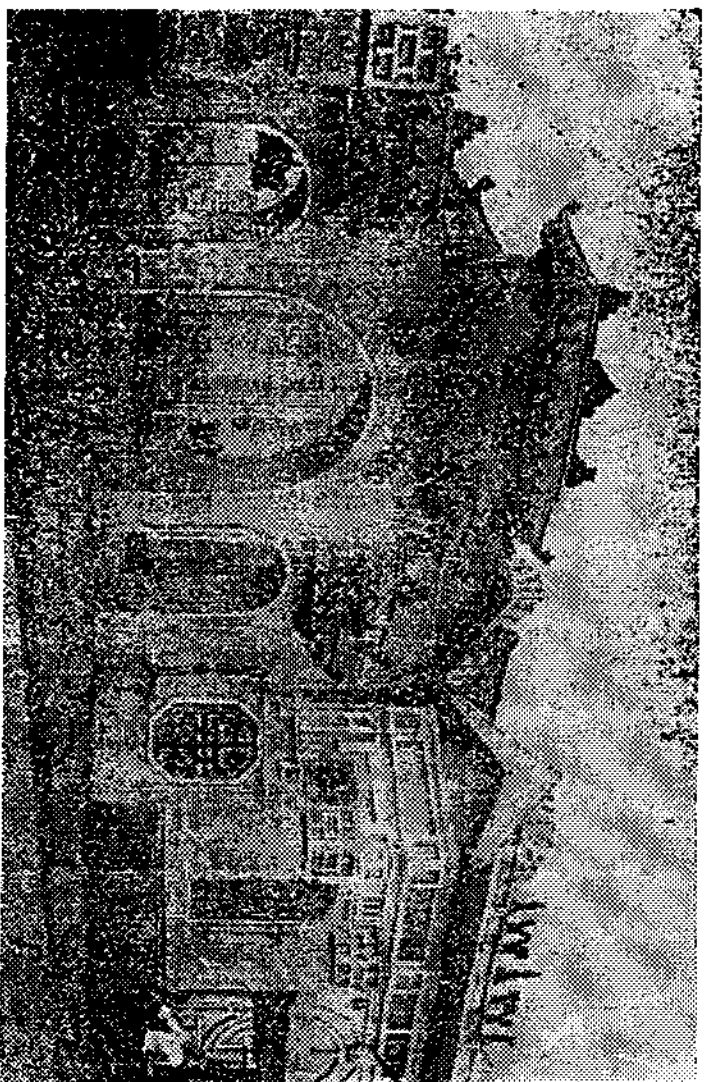
Quả nhiên. trong khoảnh khắc, ngựa lồng lên, nhảy dựng hất tên thực dân Pháp vô lễ kia té nhào xuống đất. Gã trơn trắng mắt, trào máu họng nằm ngay đó.

Dân chúng vừa ngạc nhiên lại có người tin tưởng ở sự linh thiêng hiển hách của Quốc công. Ai nấy thở phào nhẹ nhõm, nhìn nhau như thẩm bảo:

- Có như thế mới được. Quả là một sự trừng phạt đích đáng.

Nhưng cũng có người cho đó chỉ là một tai nạn rủi ro? Và

MIẾU TỔNG QUỐC CÔNG



Thờ Quan Lưu Thủ Tổng Phước Hiệp

bọn thực dân Pháp thấy đồng bạn chết một cách bất ngờ, chúng cũng hơi ngán phần nào. Một tên khác liền nhảy lên ngựa điệu võ dương oai nữa xem sao.

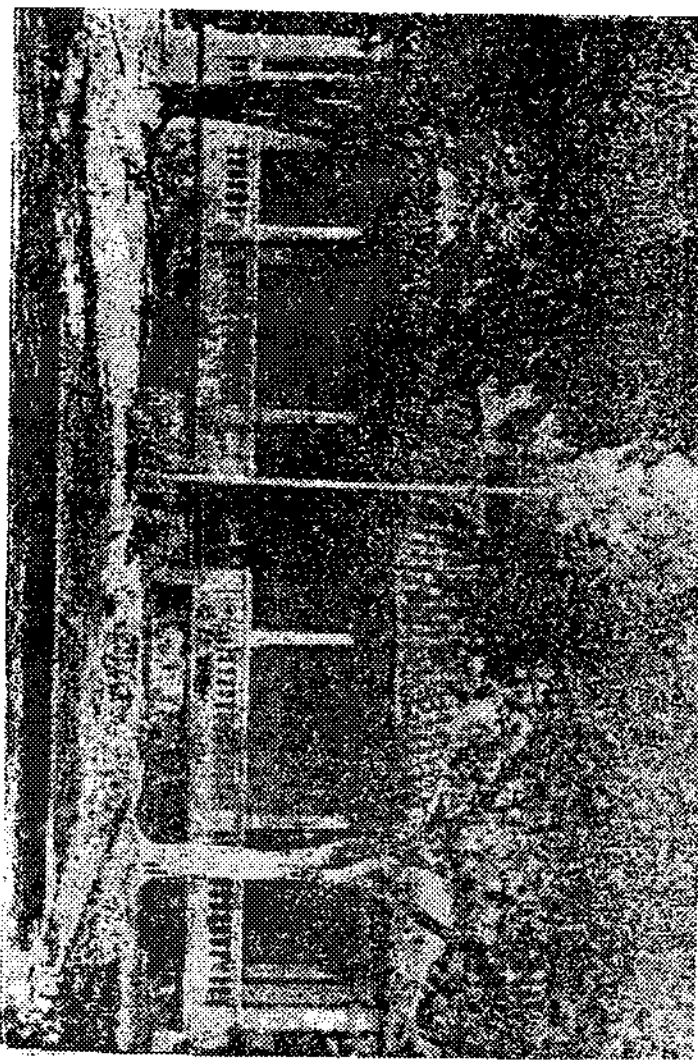
Dường như để trả lời cho đám thực dân Pháp bất kính kia biết, thành linh ngựa cất vó nhảy dựng lần nữa, hí vang rân. Rồi nhanh như cắt, gã thực dân thứ hai cũng bị ngựa hất té nhào, gãy răng bể đầu, thương tích trầm trọng. Đồng thời, các tên thực dân còn lại bỗng dưng kinh hoàng phát chạy như có ai đánh đập bất thần.

Từ ấy về sau không một tên thực dân nào dám vô lễ trước miếu Quốc công nữa.

Bởi có những câu chuyện trên, nên miếu cụ Tổng quốc công nghiêm nhiên được dân chúng đặc biệt sùng kính. Mỗi khi có điều chi không giải quyết được, đôi bên “nguyên, bị” thường đem nhau đến miếu cụ mà tuyên thệ hấn hoi.

Nhất là mấy ngày Tết, dân chúng tấp nập đi dâng hương nơi miếu cụ quốc công. Quang cảnh không kém gì lăng cụ Tả quân Lê Văn Duyệt ở Gia Định.

**Đình
Tân
Giai
cổ
kính
nhất
ở
Vĩnh
Long**



Sông sông bao đời trái nắng mưa

Cánh Đa nọ, với mái đình xưa

Trời gian tuế nguyệt cùng sông núi

Rộn rịp bốn mùa khách sớm trưa

*Giai thoại***ĐÌNH TÂN GIAI****MỘT NGÔI ĐÌNH CỔ KÍNH TỪ THỜI GIA LONG**

Nơi phần di tích, chúng tôi đã nhắc đến “Đình Khao cổ kính”. Song trên đất Vĩnh, hãy còn lắm ngôi đình mang nhiều sắc thái độc đáo lạ kỳ. Như ngôi đình tại vàm Cái Cá khi xưa kẻ cũng đáng ghi lại một vài nét điển hình, để các thế hệ sau được biết đến phần nào. Vả lại, ngôi đình này cũng là ngôi đình lớn nhất trong tỉnh Vĩnh Long.

Vào đời Gia Long, nhận thấy dân chúng địa phương rất nặng lòng tín ngưỡng, chính quyền tán thành công cuộc xây dựng một ngôi đình thần. Đình tọa lạc trên vuông đất công điền, nằm sát mé sông Cổ Chiên, tại vàm Cái Cá, mặt tiền hướng về phía bờ sông. Dân chúng đều hoan hỉ, tới nơi sùng phụng, tưởng niệm đất nước, tiền nhân, khói hương chiêm bái không ngớt. Đặc biệt là những ngày đáo lệ Kỳ Yên, đủ mọi tầng lớp nhân dân hội họp cung thỉnh sắc thần, cực kỳ long trọng tôn nghiêm hơn cả các nơi.

Trải qua cuộc binh biến, nhất là khoảng Pháp, Việt giao binh, ngôi đình vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt, biểu dương tinh thần dân tộc. Chạnh lòng hoài cổ, thời gian gần đây có quý ông Phó tổng Ngô Văn Lân, hương cả Tổng Hữu Viên là thân phụ ông Tổng Hữu Trung có công lập làng Tân Giai, các vị kỳ lão trong làng cùng nhau đứng ra lo việc tu bổ ngôi đình, nối tiếp phụng thờ.

Đến năm 1924, vì bị dòng nước sông Cửu Long đổ xuống sông Cổ Chiên, làm lở mé hữu ngạn sông này, từ trên Vàm Tuấn Bắc Mỹ Thuận chạy xuống vàm Cái Cá và sông Long Hồ, ảnh hưởng đến ngôi đình. Quý vị hương chức hội tề bèn lo việc dời ngôi đình vào trong giữa đất liền của làng Tân Giai, gần mé rạch Cái Cá, cầu Kinh Cụt.

Lúc bấy giờ có một nhân vật là ông Ngô Văn Công, cùng quý vị đương niên trong làng đứng ra đốc lo xây dựng ngôi đình lại rất nguy nga, 5 nóc, bên trong chạm trổ theo lối Đông phương, trang trí lộng lẫy, tăng vẻ tráng lệ hơn trước bội phần. Đồng bào cũng tăng lòng sùng bái, hằng năm quý tế linh đình. Vào ngày 5 tháng 7 dương lịch 1962 khoảng nửa đêm, ngôi đình bỗng phát cháy nơi chánh điện, lửa bắt ngọn bủa lên tới nóc. Dân chúng tỉnh giấc, đổ xô đến cứu chữa. Kiểm điểm lại đã hư hao một phần lớn.

Đồng bào chẳng khỏi xôn xao bàn tán. Vì nhớ lại, trước khi ngôi đình bị cháy, đã có một điềm rất lạ xảy ra rồi. Theo người địa phương kể lại: Trước đó ba tháng, vào khoảng trung tuần tháng 2 dương lịch năm 1962, có một bầy rái cá kéo lên đi vòng chung quanh đình. Liên tiếp ba đêm như thế. Có người rình rập lam bầy để bắt, nhưng không được. Sau bầy rái cá đi mất không thấy đến nữa. Kế xảy ra việc đình cháy chỉ còn trơ lại bốn cây long trụ, luôn cả hộp sắc thần ngay giữa điện đều ra tro.

Sở dĩ ai ai cũng thắc mắc hoài nghi điềm lạ, vì xưa nay trong khoảng khúc sông này không hề có rái cá xuất hiện bao giờ.

Huống chi, theo truyền thuyết THT : Lúc chúa Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đuổi ngặt, chính đã gặp loài rái xuất hiện cản đường, cứu chúa thoát nạn. Đến khi thống nhất non sông, nhớ đến loài thủy quái đã cứu nạn cho, vua Gia Long phong tặng cho là Lang lại đại tướng quân, hằng năm quý tế nơi bài văn tế vẫn có lời nhắc nhở.

Hiện nay, để đáp ứng niềm sùng kính của nhân dân địa phương, ông Phan Văn Ngưu, Hội Đồng xã đương kim Chủ tịch xã Tân Giai, quý vị trong ban hội hương đã nhiệt thành đứng ra trông nom tái thiết ngôi đình lần thứ nhì. Trước để bảo tồn cổ tích, sau nữa làm nơi tôn nghiêm thờ phụng trong làng, gọi tinh thần yêu nước thương nòi, nhen nhúm lửa thiêng nơi lòng đồng bào không quên đất nước tiền nhân.

Chúng tôi đã đến viếng ngôi đình cổ kính này, giữa lúc công cuộc tái thiết bắt đầu. Tắc lòng miên man hoài cảm, luật tuần hoàn của tạo hóa, tang thương biến cải, vật đổi sao dời, mà ảnh hưởng đến nơi thờ phụng một vị linh thần ngự trị nơi đất linh thiêng.

Huyền thoại

BÃI TIÊN

NƠI TRUYỀN TỤNG THUỞ XƯA TỪNG CÓ TIÊN NỮ GIÁNG TRẦN

Đối diện với dinh Tỉnh trưởng và Tòa Hành chánh Vĩnh Long cũ, bên kia sông Cổ Chiên là chùa Tiên Châu, người cổ cựu ở đây thường gọi là chùa Bãi Tiên. Sao gọi là chùa Tiên Châu và Bãi Tiên? Về ngôi chùa Tiên Châu, chúng tôi đã trình bày ở phần di tích, nay xin nói đến Bãi Tiên.

Tên tục của Bãi Tiên vốn gọi là cù lao Táng. Vào thuở cựu trào xa xưa, cù lao Táng là một trong bốn cù lao lớn từ Cái Tàu thượng xuống Vĩnh Long (khoảng Cửu Long giang).

- 1) Cù lao Kim vùng Đất Sét
- 2) Cù lao Qui vùng quận Sa Đéc
- 3) Cù lao Phụng Cái Tàu hạ
- 4) Cù lao Táng trước dinh Tỉnh trưởng Vĩnh Long

Cù lao Táng còn gọi là cù lao An Thành, có dân cư của hai làng Bình Lương và An Thành, nay sáp nhập là xã An Bình. Khi trước, cồn có bãi lầy, cảnh vật u nhàn, chưa ai đến lập gia cư nhiều.

Đêm kia, trăng trong sáng tỏ. Một người trong vùng nhân có tâm sự u buồn, thức giấc mở cửa bước ra sân, băng khuâng lặng ngắm trời trăng mây nước, trầm mặc suy tư. Đang lúc

miên man nghĩ ngợi, bỗng nghe như có tiếng động lờ lờ xào như có ai giội nước ào ào ngoài bãi lầy xa xa, người ấy giật mình phóng tầm mắt nhìn xem và chẳng khỏi ngạc nhiên tự hỏi thăm:

- Chỗ này lâu nay vắng vẻ, càng về đêm càng lặng ngắt như tờ, cơ sao đêm nay lại có tiếng động dị kỳ?

Chưa hết thắc mắc băn khoăn tự hỏi, người ấy càng ngạc nhiên khôn xiết tả, đứng lặng người nhìn sững một cảnh tượng huyền ảo đang biểu diễn trước mặt. Phải chăng chàng hoa mắt nhìn lầm? Không! Rõ ràng sự thật còn ngỡ chiêm bao. Phía ngoài bãi lầy chàng chợt trông thấy một đoàn thiếu nữ kiều diễm thướt tha qua lại. Vài nàng xòa tóc, trề tràng xiêm y, gieo mình xuống tắm ánh trăng vàng long lanh mặt nước. Trời! Người tiên hay tục? Trên hòn cù lao Tảng gần như hoang vu này, bao nhiêu dân cư nường nấu chàng còn lạ gì những ai ai. Chắc chắn không phải là đoàn thiếu nữ trên cù lao này rồi. Lại càng không lẽ tiểu thư nhà ai mà đêm khuya vắng lại kéo đến chốn này.

Người đầu xinh đẹp như tiên. Tiên nữ đó chăng? Hay dám yêu tình hồ mị?

Chàng liêu lĩnh rón rén toan bước đến gần. Ô hay! Vụt chốc cả đoàn giai nhân bỗng dần dần biến dạng đầu mất cả. Thế rõ là tiên nữ, hoặc yêu tinh, quyết chẳng phải người phàm tục rồi. Chàng vừa lo ngại, vừa băn khoăn thích thú đã được chứng kiến cảnh tượng không dễ gì thấy được trong đời.

Đêm ấy, chàng trở vào nhà, lòng vẫn hồi hộp, nao nao không sao yên giấc được. Rạng ngày chàng giữ kín trong lòng, không vội thổ lộ cho ai biết chuyện chàng đã mục kích, quyết sẽ bí mật khám phá xem sao.

Khuya hôm sau, chàng rón rén ra sân, tìm chỗ kín đáo ẩn núp, nhìn trộm. Trăng trong vằng vặc, cảnh vật phong quang. Hốt nhiên, dưới ánh trăng vàng, dần dần xuất hiện đoàn thiếu nữ đi qua. Và lạ chưa, dường như đoàn giai nhân mỹ nữ kia linh tinh biết có kẻ tục dòm ngó hay sao, nên chỉ trong chốc lát vụt tan biến trong không, chẳng còn tìm đâu ra tăm bóng.

Nếu là yêu tinh, dễ gì chàng đã được yên thân. Thôi vẫn là đoàn tiên nữ giáng trần, không còn ngờ gì nữa. Rạo rực trong lòng, khó giữ kín miệng được, chàng đem thổ lộ chuyện đã trông thấy cho người trên cù lao nghe biết. Ai nấy đều tỏ vẻ không tin. Cùng nhau quyết rình xem để rõ hư thật thế nào.

Mấy đêm sau, không ai thấy gì, tỏ vẻ chế giễu chàng thanh niên ấy đã si tình, bịa chuyện nhảm. Chàng thở dài, phân trần:

- Tôi đặt điều làm chi chứ? Các anh các chị không tin, thì cứ kiên nhẫn rình xem, chắc sẽ có ngày cũng được trông thấy tận mắt như tôi.

Suốt mấy đêm sau, đều chẳng có chi nữa hết. Và cũng là lúc tối trời, không trăng, càng rình uổng công. Nhưng, qua tháng sau, đến độ trăng tròn, về khuya, một đôi người trong vùng còn tò mò theo dõi rình rập bóng dáng tiên nữ lâm phạm, quả nhiên được toại nguyện. Có điều về sau, đoàn tiên xuống nhón nhờ trên bãi, chắc đã biết có mắt phạm soi bói, nên thoát hiện thoát ẩn, không tha thướt phô dáng kiều lâu như đêm nào chàng thanh niên đã chứng kiến đầu tiên.

Lại thêm có vài ngư ông đưa tin, có nhận thấy nhiều dấu chân lạ trên bãi. Do đó, dân chúng trên cù lao càng tin chắc có sự huyền diệu tiên nữ giáng trần phía ngoài bãi lài. Lâu

ngày truyền tụng, đặt tên chốn ấy là Bải Tiên, thành danh cho đến ngày nay.

Về điểm này cần nhấn mạnh, tuy câu truyện Bải Tiên có vẻ huyền thoại hoang đường, nhưng hầu hết các vị bô lão địa phương mà chúng tôi đã đến tiếp xúc để thu thập tài liệu, ai cũng nhắc nhở đến chuyện Bải Tiên, như chúng tôi đã kể.

Vả lại, ngay trong “Đại Nam nhất thống chí”, đoạn nói về chùa Tiên Châu và Bải Tiên, cũng ghi rõ vài nét huyền sử lý kỳ thú vị

Huyền thoại về

SÔNG LINH

CHIỀNG TRỐNG DẬY VANG TRỜI

Xem qua lịch sử Việt Nam ai cũng biết rằng con sông Cổ Chiên ở Vĩnh Long vẫn là con sông lịch sử. Nơi đây, thường có cuộc giao tranh đẫm máu giữa quân nước ta với đoàn quân xâm lăng Chân Lạp, Xiêm La và giữa Nguyễn Phúc Ánh với Tây Sơn.

Tương truyền: Thuở xa xưa, con sông ấy thường hiển hiện những điều quái dị. Những hình ma bóng quế chập chờn trên sóng nước, thường khiến các ghe thương hồ qua lại phải rợn người. Xảy có một vị pháp sư chẳng biết từ đâu đến, bảo cùng dân chúng quanh vùng:

- Dừng sợ. Ấy là những anh linh tử sĩ căm hờn uất hận vì thảm tử trong các cuộc thủy chiến, nên hồn oan chẳng siêu sinh được. Nay hãy lập đàn tràng cầu siêu, tức khắc âm khí nặng nề sẽ tiêu tan cả.

Dân chúng nghe hữu lý, cùng nhau chung đậu tiền bạc mua hương đăng trà quả bày cuộc điệu tế. Quả nhiên, từ ấy về sau hồn ma bóng quế tan biến không còn nữa. Nhưng lạ thay! Cũng từ ấy người ta lại nghe dòng nước chảy siết hơn, văng vẳng từ dưới đáy sông đưa lên như có tiếng trống, tiếng chiêng vang rền âm ỉ.

Thoạt tiên có vài ba người nghe thấy như thế, nhưng còn

ngờ ảo tưởng, sợ mình nghe lầm, nên bảo nhau:

- Các ông có nghe thấy tiếng động gì ở dưới sông chẳng?
Tôi nghe có điều là lạ...

Nghe câu hỏi có vẻ ướm lý, đúng như sự thắc mắc của mình, người khác phụ họa:

- Phải rồi. Chính tôi cũng nghe có tiếng động hơi lạ. Dường như tiếng chiêng khua, trống giục thì phải.

- Đúng đấy. Tôi cũng nghe ra như thế.

Một truyền mười, mười truyền trăm, dần dần quanh vùng đều chú ý câu chuyện. Và hằng đêm ai nấy đều lắng tai nghe ngóng thử. Quả là tiếng nước chảy dưới sông, như chiêng trống vang động. Bèn thì thầm bảo nhau:

- Lạ thật. Vừa dứt điều kỳ dị ma quái, lại có chuyện như ba quân đang xô xác chiến đấu trên sông nước. Phải chăng anh linh các tử sĩ vẫn còn uất hận? Chiêng khua, trống giục, gợi nhớ thuở tranh chiến liên miên? Trên dòng sông này, đã trải biết bao cơn thủy chiến hải hùng!

Rồi từ đó, có người lại thử đề nghị:

- Nghe ra dưới sông nước chảy như có tiếng trống chiêng, âu là hãy đặt tên sông là Cổ Chiêng nhỉ.

Cổ là trống. Chiêng là cái chiêng, tiếng Hán là chinh.

Thấy người đưa ra ý kiến hay hay, lâu ngày dân gian gọi mãi tên ấy, mà con sông thành tên là Cổ Chiên.

Huyền thoại về con sông Cổ Chiên là như thế. Vì sông linh, thường nghe có tiếng chiêng, tiếng trống vang trời giữa

thình không, trời nước minh mông.

Tuy nhiên, nếu huyền thoại thật có như thế, thì ta phải viết đúng tên sông là Cổ Chinh (theo tiếng Hán Việt cả) hoặc gọi Cổ Chiêng thì chữ “chiêng” phải có chữ g mới đúng, thay vì Cổ Chiên. Nhưng từ lâu, trên các sách báo đều thấy viết là Cổ Chiên. Hoặc giả đó cũng có ý nghĩa gì khác nữa chăng?

Vả lại, về mặt chữ Hán, sách “Đại Nam nhất thống chí” viết là Cổ Chiên. Thế thì ý nghĩa vẫn khác xa huyền thoại. Chúng tôi ghi lại đây một đoạn huyền thoại như trên, gọi là góp thêm một ý nghĩa thú vị, tưởng cũng chẳng phải vô bổ.

VŨNG LINH OAN KHỐC

TỨC CÂU CHUYỆN TÊN VIỆT GIAN TỔNG ĐỐC LỘC
TÀN SÁT DÂN CHÚNG VŨNG LIÊM XÚA

Khói lửa chiến tranh gieo đau khổ cho dân tình không xiết kể. Nhất là từ năm 1867, tháng bảy về sau, quân Pháp đã chiếm luôn ba tỉnh miền Tây, cảnh tàn sát hãi hùng thường diễn ra từng giai đoạn. Các nhóm nghĩa quân lần lượt nổi dậy. Và cứ mỗi lần quân đội Pháp bị tấn công, chúng lại truyền lệnh cho các tay sai của chúng trả đũa bằng cách đốt phá xóm làng đã có dấu vết của nhóm kháng chiến.

Trong những cuộc tàn sát dã man của quân đội Pháp và tay sai của chúng, oan khổ ác liệt nhất là cuộc tàn sát ở Vũng Liêm.

Địa danh “Vũng Linh” như thế nào? Ấy là vùng quận Vũng Liêm ngày trước.

Nguyên khi nhóm nghĩa quân Cầu Vồng nổi lên kháng Pháp trong năm 1872, vị chủ quận Vũng Liêm khi ấy tên là Thực bị giết. Chính quân Pháp lập tức bổ tên Đốc Phủ Sứ Tôn Thọ Tường đến thay. Lãnh tụ kháng chiến vùng Cầu Vồng là Đốc binh Lê Cẩn và Nguyễn Giao từng đánh phá dữ dội, đốt chợ quận, giết các tay sai của Pháp cũng nhiều. Mặc dầu tên Đốc Phủ Tôn Thọ Tường ngồi chức chủ quận Vũng Liêm đã khéo chiêu dụ dân chúng, nhưng xem ra cũng không dập tắt được ngọn lửa thiêng nơi lòng những con dân Việt yêu nước. Viên Tham Biện Pháp là Alix Salicetti, từng nổi danh cáo già trong trường chánh trị, bấy giờ cũng phải “ngán” Vũng Liêm.

Thế rồi một hôm Tham Biện Salicetti bỗng tiếp nhận được một lá thư của nhóm nghĩa quân Cầu Vồng xin quy thuận, đặt điều kiện: Yêu cầu chính vị Tham Biện hãy đích thân đến địa điểm của nghĩa quân quy thuận, mà chứng kiến, làm lễ. Tham Biện Vĩnh Long Salicetti chấp thuận ngay. Nhưng tên Đốc phủ Tường can ngăn:

- Không nên đâu. Quan lớn chớ quá tin chúng nó mà mang hại. Coi chừng chúng nó trá hàng, phục kích.

Tham Biện Salicetti cười nhạt:

- Chúng nó đã khiếp sợ thật sự đấy thôi. Ông chủ quận đừng đa nghi. Bản chức phải đến chứng kiến cuộc quy thuận ấy, hầu sau này sẽ còn chinh phục được các nơi khác, đặc sách hơn.

Đúng ngày hẹn, nhằm 15 Février 1872, Salicetti thân đến vùng Cầu Vồng. Nghĩa quân phục kích, giết chết Salicetti tại đó.

Tin đưa về quận, Đốc phủ Tường than:

- Ta liệu không sai. Thế này e cấp trên sẽ đổ trách đến ta chớ chẳng không.

Liên báo cáo lên cấp trên và xin phái quân đội đi dẹp nhóm nghĩa quân Cầu Vồng. Cấp trên sai ngay lên Tổng đốc Trần Bá Lộc đem binh đến Vũng Liêm đánh dẹp.

Vào thời ấy, dân gian nghe đến tên Trần Bá Lộc thì căm ghét vô cùng. Vùng nào có bàn tay Tổng đốc Lộc sắp xếp, luôn có sự đàn áp thẳng tay.

Một ngày cuối mùa xuân, tên Tổng đốc Lộc kéo binh đến làm cỏ cả một vùng đã vấy máu Tham biện Salicetti. Vừa nghe tiếng kèn trận, dân chúng trong vùng đều hải hùng. Tiếp thêm

tin loan truyền: “Tên Tổng đốc Lộc tới! Tên Tổng đốc Lộc tới!” mọi người linh cảm chuyện chẳng lành, xót xa cho số phận mình chẳng biết may rủi thế nào.

Vừa tới nơi, không cần đếm xỉa gì tới dân chúng, tên Tổng đốc Lộc ra lệnh:

- Vùng này đã chứa chấp bọn phiến loạn, đáng tội trừ diệt hết đi. Hãy cứ bắn phá nát tan, đốt hết nhà cửa xóm làng cho ta!

Tiếng súng nổ rền tứ phía. Lửa đỏ cháy lan, từ nhà này sang nhà khác, hừng trời. Dân chúng chết điếng. Ở lại trong nhà thì chết cháy, liều mạng chạy ra ngoài thì ngã gục vì súng đạn chong vào. Còn người nào sống sót, không bị chết thiêu, không bị bắn ngã, thì rồi cũng bị đám quân của tên Tổng đốc Lộc chặn bắt và giết chết tất cả. Thấy người chết lấp cả “Vũng Linh”.

Sau cuộc tàn sát của tên hung thần Trần Bá Lộc, cảnh hoang vu ghê rợn nơi “Vũng Linh” đè nặng tâm tư người dân đất Vĩnh. Một vùng âm khí nặng nề, thê lương áo não, đêm đêm nghe như có hằng trăm, hằng ngàn tiếng ma kêu quỷ khóc. Những người yếu bóng vía ở gần vùng ấy, không sao chịu nổi cảnh oán hờn phát phưởng trong không đòi mạng, lớp phát bệnh mà mất, lớp người bỏ xứ mà đi.

Cho đến mấy mươi năm sau, mặc dầu làng xóm tái lập, dân cư tứ xứ đến sanh cơ lập nghiệp đông đảo, nhưng mỗi khi nghe nhắc chuyện “Vũng Linh oan hồn đầy dẫy”, người người đều chẳng khỏi thở dài.

Tương truyền thuở ấy chưa có tên đất Vũng Liêm. Về sau, do hai chữ “Vũng Linh” nói trại ra, thành tên Vũng Liêm lưu dấu tích đến ngày nay.

Huyền thoại

GỐC SAO NƠI CÂY DA BẾN NGỰ THIÊNG LIÊNG

Nơi chương trình bày về di tích, chúng tôi đã nói về cây da Bến Ngự. Nay thuật lại đoạn huyền thoại về sự thiêng liêng nơi gốc da này, chúng tôi xin nói rõ hơn.

Chỗ cây da vốn gần bến nước. Nguyên xưa kia tại cội da ấy, còn có để một gốc sao rất to lớn, châu vi phải hai người ôm mới giáp. Khi Đức Cao hoàng đình trụ tại Long Hưng, thường mỗi buổi chiều mát, Ngài đều đến ngồi trên gốc sao ấy, dựa bên cội da, mà câu cá giải khuây, nên tục gọi chỗ ấy là cây da Bến ngự.

Đến khi thống nhất non sông, Ngài lui về Huế lên ngôi vua, chốn cũ Bến Ngự xưa trong Nam này, vẫn lưu dấu tích. Cội da ngày một tốt tươi. Gốc sao thì lần lần xiêu lệch xuống sông, rồi ngấm tuốt dưới lòng sông, ngay gốc thân cây da.

Mấy mươi năm gần đây, gốc sao ở dưới nước càng thêm tươi tốt.

Ngày kia, một người chài lưới bàn tính với vợ con:

- Gốc sao tốt quá. Hai mẹ con bẫy kềm thuyền, để tao lặn xuống mò, tìm cách vớt lên, đem bán cho đám thợ thuyền, dùng làm cong đà ghe thì vững chắc vô cùng kiếm được khá tiền.

Người vợ xưa tay, khuyên dứt chồng:

- Ấy chết, đừng tính bậy không nên. Tôi nghe đó là dấu

tích xưa của hoàng đế lưu lại, ai cũng có lòng trọng muốn giữ gìn để làm chút kỷ niệm xưa. Minh làm nhăng, đồ khỏi mang họa.

Người chồng cười lạt:

- Sợ cóc gì. Của quý bỏ hoài cũng uống. Minh nghèo, nhờ đó mà kiếm được chút đỉnh, tội gì làm ngơ. Có phải của riêng ai đâu mà ngại.

Liền hăm hở nhảy tòm xuống nước, lặn mò gốc sao. Vừa mò đụng, tay chưa kịp tra dây để cột chặt kéo lên, người chài lưới bỗng la bài hãi:

- Ủy trời! Đau chết đi thôi. Tôi biết tội tôi rồi. Xin thiên địa quỷ thần tha cho. Tự hậu tôi không dám phạm tới nữa.

Hai mẹ con ngồi trên thuyền thấy điều quái dị, há hốc mồm kinh ngạc, nhìn sửng cảnh tượng người chồng đang vật mình, vật mảy, niếng lảm nhảm vái van, mặt mày nhăn nhó, nước mắt, rùng rùng. Dân chúng quanh vùng nghe la bài hãi đã đổ xô ra xem. Có người thấy thế buột miệng nói to:

- Chết rồi! Thành Tám đó phải không? Sao mầy nhè chỗ linh thiêng mà dám xâm phạm chớ? Bị thần linh quở phạt đó. Bà con mau cứu nó lên giùm.

Người thợ chài lưới tên Tám không ngớt lảm nhảm van xin, khẩn cầu các đấng khuất mắt tha thứ. Chồm xồm á ngại, đôi ba người nhảy đại xuống, đến gần anh Tám mà lôi đi khỏi chỗ ấy.

Dem nhau lên bờ, xem lại bàn tay của anh Tám như bị ai vặn bẻ treo sưng vù. Anh Tám kêu la rên rỉ, chập lâu mới hết kinh hoàng. Mọi người xúm lại hỏi han tự sự. Anh Tám thú thật mình đã động lòng tham toan vớt lấy gốc sao, nhưng lạ thay, tay

vừa đụng gốc thì bị văng treo đau đớn quá.

Một người trong đám cười khì:

- Hay là vộp bể? Hoặc là anh đụng chạm phải vật gì đó chẳng?

Một người khác nạt:

- Đừng giễu cợt phạm thượng. Chắc chắn là thần linh quả đấy. Ghê thật!

Anh Tám khê gật đầu, tán thành mấy lời của người vừa nói mà rằng:

- Đúng. Chính tôi có cảm giác rờn rợn như có đấng khuất mặt ra tay hành phạt tôi vậy, từ nay biết sợ tôi xin chữa.

Trong đám người nghe, không phải ai cũng đều tin mấy lời của anh Tám. Sau đó, lắm kẻ háo kỳ lên ra tay vớt thử gốc sao xem thế nào. Té ra ai cũng bị chung cảnh tượng như anh Tám. Hơn nữa, ai biết tỏ vẻ hối hận, được an toàn ngay. Bằng như ai ngoan cố, thuốc thang gì cũng chẳng khỏi, đến rớt biết sợ, làm gà vịt đem cúng tại gốc da ấy mới lành mạnh được.

Tiếng đồn cây da Bến Ngự linh thiêng, ngày một truyền xa. Cho đến thời gần đây cũng đã nhiều tay nhà nghề chực lấy lên cho được, nhưng vẫn gặp nhiều quái dị khiến phải dậm ra hoài nghi lo ngại mà bỏ cuộc. Do đó, gốc sao bên cây da Bến Ngự được tồn tại, làm chứng tích của một bậc vua chúa trong khoảng thời gian thất thế, lưu lạc đến đất Vĩnh.

Gốc sao vẫn còn tươi tốt mãi ở giữa lòng lạch Nước Trảy. Cây da thì xanh mướt, tàng che ra đến nửa sông, xuống khe qua lại nhiều khi bị nhàn nhá vướng, nhưng ai cũng kính nể.

Huyền thoại
GIỮA ĐÊM KHUYA
TẠI DÒNG SÔNG MÂN THÍT

Tương truyền, nơi con sông này nhằm ngày lành tháng tốt, nửa đêm thanh vắng, nghe tiếng kêu la thúc giục ba quân vang dậy, kẻ hiếu kỳ rình rập xem coi, tai nghe như có muôn binh gào thét giữa chiến trận, đêm càng khuya, lại càng vắng vắng tiếng xa hơn nữa, rồi lần lần âm thanh mất dạng trong sương mù.

Oan hồn yếu tử chăng? Sự căm hờn uất hận của các chiến sĩ bị oan ức chăng?

Những chuyện kỳ quái trên đây, là truyền thuyết do một số kỳ lão địa phương thuật lại, chúng tôi xin ghi chép đoạn huyền thoại này để hiến quý bạn đọc, chẳng riêng gì xứ ta, hầu hết các nước trên thế giới đều có những chuyện huyền thoại và thần thoại, thần bí.

GIẢI THOẠI

SÚNG CÀ LĂM

(NHỮNG MÔ SÚNG ĐỒNG NGÀY XƯA
ĐẶT TẠI VÀM SÔNG CỔ CHIÊN)



Vĩnh Long còn lưu lại những cổ đại bác và thần công, khi xưa án ngữ theo bờ sông Cổ Chiên

Vĩnh Long là một dinh lớn trong ba dinh của miền Nam thuở xưa, và là một tỉnh lớn trong 6 tỉnh của miền Nam từ đời vua Minh Mạng phân định, cố nhiên Vĩnh Long rất chú ý đến sự bố trí chiến lược phòng thủ. Do đó, về mặt quân sự, Vĩnh Long cũng tổ chức châu đảo ngang với hành

chánh, hầu lo việc nội an ngoại trị sao cho xứng danh tỉnh quan trọng vào bậc nhất miền Tây khi ấy. Nào xây thành trì kiên cố, lòng lũy nguy nga đến mức được dân gian gọi là Hoàng cung, nào bắc cầu có lầu làm vọng gác để canh chừng tục gọi Cầu Lầu, Cầu Lộ v.v... Nơi nào cũng đều trí súng đại bác thần công cẩn thận. Cho đến nay vẫn còn lưu dấu vết các nơi trí súng, và nhiều cổ súng mặc dầu đã lỗi thời, nhưng hãy còn tồn tại. Chẳng

đồng” thường trở chứng, bắn không có kết quả. Người ta bèn trình trọng cho rước lương y điều trị, y như trị bệnh cho một người nào.

Tuy nhiên, chớ vịn vào các sự kiện ấy mà cho rằng tiền nhơn chúng ta dở tệ. Không, dù thiếu ý thức về khoa học, văn minh cơ khí, nhưng tinh thần chiến đấu của dân tộc ta đã biểu lộ dũng cảm phi thường. Đến khi chiến bại trước lực lượng cơ khí của quân xâm lăng, ý chí bất khuất của tiền nhơn ta từng khiến quân địch phải nể nang, kính phục.

Từ tháng 6 dương lịch, năm 1867, chiếm xong Vĩnh Long quân đội Pháp triệt hạ các tiền đồn, phá hết các mô súng, tháo gỡ mấy cỗ đại bác đem trồng mé cầu tàu để làm trụ cột đỡ tàu. Như chúng ta đã thấy ở Lăng Tô, cột cờ Thủ Ngữ Sài Gòn cũ còn những cột súng dựng theo bờ sông. Đó là những đại bác thần công thuở xưa của ta chống tàu giặc.

Ngày nay tại Vĩnh Long, Định Tường còn di tích ấy, gợi niềm hoài cảm tiền nhơn biết mấy về việc đã ráng chế tạo những vũ khí thô sơ trong tình trạng còn kém cỏi hiểu biết khoa học. Giữ nước không nổi trước khí giới tối tân của quân xâm lăng tàn bạo, tiền nhơn chúng ta đành ngậm hận, toàn dân căm hờn tức giận, ôm ấp trong thâm tâm ý chí cứu nước, liên tục tranh đấu đòi lại chủ quyền, đáng cảm khái muôn vàn.

VÙNG NƯỚC XOÁY LONG HÙNG VÀ CON SÔNG LONG HỒ

Năm Đinh Vị 1787, tháng 10, dân chúng Hồi Oa (Nước Xoáy) xôn xao vì một tin loan truyền quan trọng:

- Thánh giá sẽ ngự đến vùng này trong nay mai.

Các vị bô lão tỏ vẻ lo ra:

- Nếu thế, nơi này ắt sẽ chẳng khỏi xương họa binh đao. Nguyễn Ánh từ Xiêm kéo về đây, quân Tây Sơn dọ tin đích xác, sớm tối sẽ dân binh đến đánh chớ chẳng không. Phải liệu làm sao?

Nhiều người đưa ý kiến:

- Không ngại. Đấng trượng phu thấy nguy thì cứu thì giúp, há có sợ gì nguy hiểm. Đợi khi Nguyễn Ánh đến đây, chúng ta xét thấy đáng, thì cùng nhau gắng sức khuông phò. Bằng như xét chẳng ra gì, chúng ta sẽ liệu cách đối phó chẳng muộn. Hãy cứ bình tĩnh chờ xem tình thế biến chuyển ra sau.

Ai nấy đều khen phải. Chẳng mấy ngày, binh sĩ của Nguyễn Ánh rần rộ đến Hồi Oa, an ninh hạ trại, xây đồn đắp lũy. Chiêu dụ nhân tâm, Nguyễn Ánh chiêu dụ dân chúng trong vùng, các vị bô lão và các nhân sĩ địa phương dần dần cùng có cảm tình, hết lòng ủng hộ.

Vì sao chỗ ấy gọi là Hồi Oa (Nước Xoáy)? Nguyên tại đó có Tiền Giang và Hậu Giang giáp nối, cùng các sông rạch khác chảy dồn vào đấy, nước chảy xoáy vòng lại, nên mới đặt tên là

Nước Xoáy, tên chữ là Hồi Oa.

Nguyễn Ánh truyền xây đắp thành đất tại đây. Hai bên tả hữu thành đều có lập đồn phòng thủ. Phía tả giao cho hai vị tướng lãnh Huỳnh Văn Khánh và Tống Phúc Ngạn coi giữ. Phía hữu do Nguyễn Văn Trượng và Tô Văn Đoàn canh chừng.

Binh Tây Sơn vẫn thường tiến đánh. Nhưng các tướng của Nguyễn Ánh vẫn cầm cự được. Tuy nhiên, nhiều trận giao phong dữ dội, đôi bên đều tổn thất nặng nề. Để yểm trợ binh sĩ trong trường xung sát, Nguyễn Vương khiến làm thêm súng đại bác bằng gỗ, lấy hột cau khô làm đạn bắn nã. Đồng thời, các tướng Tôn Thất Huy, Lê Văn Thước, Tôn Thất Hội và Nguyễn Duy Nhuận chia nhau tấn công tứ phía. Do đó, binh Tây Sơn núng thế phải rút đi.

Dân chúng lần lần theo về rất nhiều. Nguyễn Ánh thu dụng cả, chia ra làm đôi: Một nửa là hương binh, một nửa cho theo trong quân đội đi đánh dẹp.

Đáp lại lòng thương mến của dân chúng Hồi Oa, nhất là cảm thấy đây là chốn hưng vượng để phát thành nghiệp cả, Nguyễn Ánh nhóm họp các bô lão trong vùng mà tuyên bố:

- Từ lúc ta đến đây, phong quang càng ngày càng rạng vẻ, dân chúng thuần phác nhiệt thành ủng hộ ta, thật đáng cảm kích. Quả đây là hưng vượng, giúp ta gây nên cơ nghiệp. Vậy để lưu niệm, ta đổi tên Hồi Oa lại là Long Hưng. Chư vị nghĩ thế nào?

Các bô lão đều rập nhau tán thành:

- Chúa thượng đã tưởng đến, vinh hạnh cho vùng đất xứ sở chúng tôi. Tên đất do chúa thượng ban cho, chúng tôi xin ghi

lấy, để tưởng nhớ mãi mãi.

Nguyễn Ánh hân hoan, truyền bày tiệc thết đãi các bộ lão và cho mở hội để dân chúng liên hoan trong dịp đổi tên mới. Từ ấy, vùng Hối Oa (Nước Xoáy) mang tên là làng Long Hưng.

Để kỷ niệm, Nguyễn Ánh lại đặt tên cho những làng xã quanh đấy đều mang một chữ “Long” ở trước, như: Long Ân, Long Thắng, Long Hậu.

Bấy giờ, con sông Long Hồ trước kia vốn mang tên cũ từ thuở xa xưa là con sông Tầm Vồ. Khi nghe Nguyễn Ánh đã đổi tên Hối Oa lại là Long Hưng, và khi thành Vĩnh Long đã nghiêm nhiên được coi như Hoàng cung, đêm đêm người ta lại nghe các thôn nữ chèo ghe cất giọng hát:

“Tầm Vồ rày đã đóng đô,

Xin quan đổi lại Long Hồ cho xinh”.

Dần dần hai câu hát đến tai Nguyễn Ánh. Ông mỉm cười, bảo cùng các quan:

- Hay đấy. Chắc là câu hát của một vị ẩn sĩ nào, nhân thấy đã đặt tên cho nhiều nơi mang chữ “Long”, nên cũng theo đó mà xin đổi tên sông Tầm Vồ ra Long Hồ. Xét rất chí lý. Ta nên nghe theo.

Các quan cũng phụ họa:

- Hoàng thượng phán bảo rất phải. Một nơi hoàng cung, lẽ đâu lại mang tên là Tầm Vồ quê kệch. Đổi ra Long Hồ hay hơn.

Một lệnh truyền ra. Hai chữ Long Hồ từ ấy lưu truyền đến ngày nay, thay cho Tầm Vồ gợi nhớ thuở Chân Lạp còn ghi dấu vết.

CÂU CHUYỆN ÔNG BỒ GIÚP VUA GIA LONG TRÊN ĐƯỜNG BÔN TÀU VÀO NAM

Trên bước đường gian nan tẩu quốc khi thất thế, về nương náu tại làng Tân Long (Nước Xoáy), Nguyễn Phúc Ánh gặp một vị ân nhân đã tận tình phụng dưỡng ông, khiến cảm kích đến tôn xưng người ấy là Ông Bồ của mình, tức coi như là cha nuôi.

Ông Bồ của chúa Nguyễn, chính tên là Nguyễn Văn Mậu, kêu là Hậu, quê quán làng Tân Long (nay là Long Hưng) làm Tri châu (thâu các sắc thuế) trong làng và làm đến chức Trùm Cả.

Khoảng năm Đinh Vị (1787) chúa Tây Sơn là Nguyễn Lữ đã chiếm Gia Định và tóm thâu nhiều nơi trong Nam. Nguyễn Phúc Ánh từ nước Xiêm trở về, dung thân tạm nơi một góc trời Nước Xoáy.

Ông Nguyễn Văn Mậu vốn là nhà hào phú trong làng, tuổi cả, đức cao lại hiền lành, hay giúp người hoạn nạn, trợ kẻ khó nghèo. Trong làng, người người thấy đều mến yêu lòng bác ái của ông.

Ngày kia, có người thưa nhỏ nhỏ cùng ông:

- Thưa ông Trùm Cả, ông có hay chuyện quan trọng mới xảy ra trong làng ta chăng?

Ông Trùm Mậu ngạc nhiên:

- Chuyện chi quan trọng vậy chú em?

-Thưa ông, có người dẫn lính đến ngụ nơi làng ta, ông liệu sao, không khéo làng ta sẽ mắc họa binh đao chớ chẳng không.

-Chà, có chuyện như thế sao? Người ấy hiện giờ ngụ ở nhà nào? Để ta coi thử diện mạo người rồi sẽ liệu.

Ông Mậu bèn theo gót người làng, đến tận nơi trú ngụ của Nguyễn Phúc Ánh mà xem xét. Thoạt trông thấy vị thiếu niên mặc y phục theo trong hoàng phái, dáng nho nhã, ông Mậu khen thầm:

- Đây là một vị Vương đang lúc phong trần, mai sau thanh vân đắc lộ, quyết chẳng ai hơn nổi đâu!

Bèn ra mặt, bái kiến Nguyễn Ánh, Nguyễn Ánh kính ông tuổi tác, vội vàng nghiêng mình đáp lễ, ân cần hỏi:

- Lão trượng là ai?

Ông Mậu tỏ thật tên họ và chức nghiệp, Nguyễn Ánh cảm khái:

- Chúng tôi truân chuyên lưu lạc đến đây, chắc đồng bào cảm thông mà giúp đỡ cho tôi chứ?

Ông Mậu khẳng khái nhận lời:

Từ hôm ấy, ông Mậu xuất tài sản chu cấp cho binh sĩ của Nguyễn Ánh, và vận động người trong làng theo về ủng hộ.

Mỗi ngày, tự nhà ông nấu sẵn cơm cháo, cho ghe chở nướm nượp ra đến vàm Nước Xoáy, cách nhà ông độ 3 cây số, tiếp tế quân đội Nguyễn Ánh. Ròng rã ba tháng, ông tận tình giúp đỡ đủ mọi mặt.

Nguyễn Phúc Ánh niệm ơn ông, lại xét ông là bậc trưởng thượng, trung cương nghĩa khí, lòng dạ đáng thương, bèn cung kính tôn ông làm ông Bô, tức là ông như cha nuôi. Ông Mậu thấy thế cả kinh:

- Xin Vương gia chớ quá hạ mình. Kẻ hạ dân không dám vọng tưởng đến như thế.

Nguyễn Ánh cảm động:

- Bô chớ ngại. Xét ra rất xứng đáng cho tôi kính là Bô, xin đừng từ chối mà phụ lòng tôi mến chuông, cảm đức.

Ông nghe câu nói, càng dốc lòng lo cho chúa.

Trong quân gia ai nấy cũng đều tôn xưng ông là bậc cha nuôi của Nguyễn Ánh, kính trọng tột cùng. Ông chẳng biết lấy chi đáp lại cho cân, nên nguyện xin dâng người con gái út của ông cho Nguyễn Ánh dùng làm Tấn nhân, hầu hạ chúa. Nhưng nàng ấy phản đối ý cha, giả điên cho đến chết (xin xem chuyện Người con gái giả điên...)

Về sau, Nguyễn Ánh thống nhất non sông, lên ngôi hoàng đế, hiệu Gia Long, nhà vua vẫn niệm ơn ông Bô Hậu, sắc phong trước Đức hầu.

Khi vua Gia Long mới lên ngôi, có người trong Nam nghe được tin ấy, chạy bay đến nhà ông Mậu mà tỏ chuyện:

- Mừng cho ông sắp vinh hiển to rồi.

Ông nghiêm trang:

- Chuyện chi đáng mừng?

- Ông chưa hay gì sao? Đương kim hoàng đế chính là người

đã táng trọng ông làm ông Bô khi trước đó.

- Thật chẳng?

- Ông cứ cho người dò hỏi thì biết.

Ông nghe tin ấy, lòng cũng mừng cho Nguyễn Ánh đã đắc vận. Riêng ông, ông không tin tưởng lắm rằng vua Gia Long sẽ chẳng quên ơn ông. Đến khi có sắc chỉ của triều đình đưa vào, tặng phong ông tước Đức hầu, bấy giờ ông mới biết công mình nuôi giúp chẳng uổng, mắt xanh nhận xét chẳng lầm người.

Người trong làng thấy đều khen phục ông tinh tường, biết chơn chúa trong cơn lưu lạc phong trần.

Năm Gia Long thứ 8 (1809) ông mãn phần. Vua Gia Long có chỉ truyền sai một phái đoàn trong Công Bộ vào xây lăng ông và người con gái của ông rất trọng hậu. Lăng ấy nay hãy còn, nhưng các chữ ở mộ bia đã phai mờ.

Bà Đốc Phủ'Phải ở Chợ Lớn mấy mươi năm trước đây, chính là chất gái của ông Bô của vua Gia Long vậy. Nơi làng Long Hưng dòng dõi ông cũng còn nhiều.

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI GIẢ ĐIÊN TỪ CHỐI SÁNH DUYÊN CÙNG CHÚA NGUYỄN ÁNH

Đây là một giai thoại rất lý thú giữa một cô gái tại Long Hưng và Nguyễn Ánh trên đường lưu vong, đến nay các bà lão ở hai tỉnh Vĩnh Long - Sa Đéc thường nhắc đến.

Trời đã về khuya, cô gái con ông Trung Cả Nguyễn Văn Hậu tự là Mậu, vẫn ngồi không tay trên bàn, áp má vào lòng bàn tay, mắt nhắm nhắm nhìn hoa đèn, bàng hoàng tư lự. Từ hồi chiều, thân phụ cô ta đã gọi cô mà bảo:

- Cha xem Nguyễn Ánh sau này sẽ lên ngôi, trị vì thiên hạ. Từ lâu cha đã thi ân cho người, nên người tỏ lòng kính trọng cha là ông Bô (cha nuôi) (1), khiến cha càng cảm thương người, đang khốn bước phong trần. Hiện nay, quốc mẫu vẫn còn nơi Phú Quốc, bên mình người vắng vẻ không người hầu hạ. Ý cha muốn gả con cho người hôm sớm an ủi, mai sau, ắt con nhờ phận được cao sang, vinh hiển. Con nghĩ thế nào?

Cô đã thở dài, lắc đầu không nhận:

- Chẳng nên đâu cha!

- Sao vậy? Ngài thường tỏ dạ rất tin yêu cha. Vả lại, ngài cũng thường tỏ ra có cảm tình với con. Một khi cha đánh tiếng đưa con châu hầu ngài, nhân duyên ắt thành tựu tốt đẹp, có trở ngại chi đâu?

(1) Chúng tôi đã nói trong bài "Ông Bô của vua Gia Long".

- Đành rằng ngài không chê phận con thấp hèn, nhưng tính đến chuyện sánh đôi với ngài, coi sao cho phải? Bấy lâu con vẫn có lòng thương mến ngài như tình anh em mà thôi.

Thấy thân phụ có vẻ không vui, cô nói thêm:

- Vả chăng, ai cũng biết cha con ta đã hết lòng nâng đỡ ngài cơn khốn đốn. Ấy là một nghĩa cử cao đẹp, nên giữ cho trọn vẹn cao cả. Nếu nay gây thêm cuộc nhân quyền, chỉ cho khỏi thiên hạ xầm xì cha con ta cố tình mua chuộc cảm tình của ngài, hòng nhờ nhờ về sau. Như thế, tổn thương đến nghĩa cử của cha đã từng thi thố. Xin cha chớ giận con, xét lại thật chẳng nên đâu.

Thân phụ cô không nói gì nữa, nhưng có ý phiền muộn. Cô lui vào phòng, nằm trăn trở lo ra, đêm khuya vẫn không yên giấc, nên choàng dậy khêu ngọn đèn, ngồi trầm mặc sầu tư, tác lòng buồn bã vô cùng.

Từ ấy cô có ý tránh mặt Nguyễn Ánh. Thân phụ cô lại rầy bảo:

- Con không thuận thì thôi, cần gì phải tránh mặt. Không khéo Nguyễn Ánh hiểu lầm, cha con ta còn ra gì nữa.

Cô khóc nói:

- Xin cha yên lòng. Con nguyện giữ sao cho Nguyễn Ánh sẽ cảm phục cha con ta mãi mãi.

Một hôm, Nguyễn Ánh thỉnh linh gặp mặt cô, khẽ nghiêng mình thi lễ với cô và nói:

- Sao lâu nay hiền muội ra chiều ủ dột, chẳng buồn hầu chuyện cùng ta như trước? Có điều gì phiền giận ta chăng?

Rồi không đợi cô đáp, Nguyễn Ánh lại nói:

- Ta mang ơn thân phụ hiền muội rất nhiều, suốt đời chẳng dám quên. Hiền muội có biết lòng ta chẳng? Ta vẫn hằng mong được nghe câu nói tiếng cười của hiền muội, ta cảm thấy sáu muộn lạ!

Cô nghe nói, giựt mình nghĩ thầm: người này đã yêu ta chẳng? Biết có thật lòng hay không? Hay đang lúc cô đơn, hiu quạnh, người gheo nguyệt trên hoa giải muộn đó thôi?! Dầu sao ta quyết không thể đáp lại tình yêu ấy được, phải giữ vẹn vẻ nghĩa cử của cha ta đã đối với ngài. Ấy mới là để tiếng tốt muôn thuở được.

Rồi nghĩ rằng tại mình, nên khiến Nguyễn Ánh ít có lúc đắm say mà chột nhả, cô bèn giả điên, thường lấy bùn, lấy lọ bôi đen mặt. Lại làm những điều quái dị, tóc tai đã dượt, trông hình dáng vô cùng thiếu nã.

Nguyễn Ánh ngẩn ngơ, thâm thương tiếc cho một đóa hoa đồng nội chẳng may lọt sắc phai hương. Thân phụ cô cũng chẳng hiểu thâm ý của cô, tưởng cô đã ưu tư đến nỗi mất trí, lòng cũng đau xót thầm cho con gái mình bạc phước.

Trước cô còn giả điên, chẳng dè sau đó cô hóa ra điên thật. Hẳn là tâm trí cô rối loạn nhiều ý nghĩ ngang trái, tâm sự mang mang nên phải quẩn trí mà thành tâm bịnh, phát cuồng. Những lúc tỉnh say, say tỉnh, lòng cô hẳn vô cùng khổ sở. Chẳng bao lâu cô bịnh nằm vùi, nhắm mắt lìa trần trong lúc xuân xanh đang độ.

Nguyễn Ánh càng lấy làm thương tiếc, than thầm. Về sau, khi đã lên ngôi hoàng đế chẳng những ông phong thưởng ông Bô Nguyễn Văn Hậu rất trọng, mà cũng truyền cho quan địa phương xây cất ngôi mộ của người con gái ấy, lưu niệm muôn đời.

ĐỨC ĐỘ CAO NHÃ CỦA VỊ THƯỢNG QUAN TIẾP NGƯỜI ĐỒNG HƯƠNG

Xem tiểu sử cụ Phan Thanh Giản, hẳn ai cũng công nhận cụ là bậc anh tài của miền Nam nói chung, vùng Ba Tri (xưa kia thuộc Vĩnh Long, nay thuộc Bến Tre) là nơi sanh quán của cụ nói riêng. Vì cụ học giỏi có tiếng, thi đỗ tiến sĩ, lại là người duy nhất của miền Nam làm đến Kinh lược sứ Nam kỳ. Nói rằng duy nhất đường đường một bậc thượng quan, vì từ sau khi vua Minh Mạng bãi bỏ chức Tổng trấn Gia Định thành (người đầu tiên được bổ làm Tổng trấn cũng là người miền Nam là cụ Kinh môn quận công Nguyễn Văn Nhơn (1) thì chức Kinh lược sứ là chức vụ cao cấp nhất của bậc đại thần.

Cao khoa hiển hoạn đến như thế, nhưng cụ Phan trước sau cư xử với đời một cách nhũn nhặn tốt bậc, chớ không như ai hữu tài bất đức thường cậy thế mà hách dịch hét ra lửa. Câu chuyện dưới đây là nét điển hình tiêu biểu đức độ cao nhã của cụ Phan, đáng được cho đời ngưỡng mộ phong thái hòa ái của bậc cha mẹ dân xử thế cực kỳ lịch sự.

Tương truyền: Một hôm có những vị bộ lão vào bậc cô bác, đàn anh của cụ Phan, ngồi ghé lên thăm cụ. Bấy giờ cụ Phan có tư dinh ở lối trường trung học Tống Phúc Hiệp cũ.

Đến trước tư dinh cụ Phan, các vị bộ lão bị quân lính gác cửa chặn lại nạt:

(1) Xin xem tiểu sử ở phần nhân vật.

- Mấy ông đi đâu?

Một vị bô lão tiến ra nói:

- Chúng tôi là dân Bến Tre, đồng hương với cụ Kinh lược sứ, muốn vào thăm cụ.

Tên quân canh nắm các vị bô lão từ đầu chí cuối. Thấy ai nấy ần mặt luộm thuộm lời thô, gã có ý khinh, vội xua tay lắc đầu:

- Cụ Thượng đi công cán chưa về. Các ông vô không được đâu. Về đi, đừng chờ đợi mất công.

Các vị bô lão vừa buồn vừa thẹn, nuốt giận trở xuống ghe, bảo nhau:

- Chúng ta nghe đồn quan Kinh lược khiêm tốn từ ái lắm, chắc không phải tiếng đồn ngoa đâu. Nhưng không dè cụ dùng phải tên gác cửa hống hách khi người quá. Để xem cụ Phan sẽ có thái độ nào.

Giữa lúc ấy, cụ Phan đi công cán trở về. Tên gác cửa vào trình:

- Bẩm cụ, hồi sáng nầy có các vị bô lão tự xưng là dân Bến Tre, muốn vào thăm cụ.

Cụ Phan niêm nở :

- Các ông ấy đâu? Đó là các người đồng hương của ta. Mau ra mời vô đây.

Tên gác cửa gãi đầu gãi tai, ngập ngừng:

- Bẩm cụ... bẩm cụ...

Cụ Phan giục:

- Cứ ra mời vào mau đi.
- Bấm cụ, không nên đâu.
- Sao vậy?

- Các vị bô lão ấy phục sức lôi thôi quá. Con sợ họ làm mất thể diện cụ, không xứng cho cụ tiếp rước chút nào. Nên con đã từ chối khéo, để họ rút đi rồi.

Cụ Phan nghiêm mặt:

- Chết nổi! Người thấy các vị ấy đi về hướng nào?

Tên gác cửa dậm lo:

- Dạ dạ... con thấy họ đi xuống phía bờ sông Long Hồ. Chắc là họ đã từ xa ngồi ghe tới đây.

Cụ Phan hồi hã:

- Mi làm cho ta phải mang tiếng với các người đồng hương của ta rồi. Lui mau để ta liệu. Sau đừng xác xược đuổi người ta như vậy nữa.

Tên gác cửa thấy cụ có sắc giận, sợ hãi cúi đầu vái chào rồi lui ra ngoài làm phận sự. Cụ Phan lật đặt khăn áo chỉnh tề sửa soạn ra đi. Người nhà ái ngại:

- Tướng công còn đi đâu nữa?

- Ta đi đón rước các người đồng hương có lòng tới thăm ta!

Cụ liền hăm hở ra đi: Quân hầu lặng lẽ theo sau xa xa hộ vệ, không dám hó hé thừa bắm tiếng nào.

Theo sự chỉ dẫn của người quanh đó, cụ Phan thẳng tới một chiếc ghe có 5 vị bô lão đã lên tư dinh cụ xin vào thăm hồi

sáng.

Trong khoang, 5 vị bô lão đã thay áo, cùng nhau ngồi đánh chén, nhâm nhi đàm luận chuyện đời. Cụ Phan lên tiếng:

- Tôi đã đến đây. Các ông cần gặp tôi có chuyện chi gấp chẳng! Xin mời lên tư dinh cùng nhau đàm đạo cho phỉ tình đồng hương gặp gỡ.

Các vị bô lão không ngờ cụ Phan lòng dạ tốt đến thế. Lại thấy cụ khăn áo chỉnh tề, ra vẻ trịnh trọng quá, các vị bô lão rụt rè:

- Rất cảm ơn quan lớn hạ cố. Chúng tôi mến tưởng quan lớn, nên định kéo nhau đến thăm chớ chẳng có chuyện chi. Tiếc vì người gác cửa cho biết quan lớn đã đi vắng, chúng tôi đành trở xuống ghe!

Cụ Phan vỗ vế:

- Tôi đã rầy tên gác cửa. Các ông tha lỗi cho. Có gì quý bằng tình người đồng hương. Xin các ông lên nhà tôi, trò chuyện cho vui.

Các bô lão băn khoăn:

- Chúng tôi đã phận dân, quan lớn hậu tình, thật chúng tôi cảm kích hết sức. Nhưng quan lớn mặc lễ phục trịnh trọng, chúng tôi đâu dám lên.

Cụ Phan tươi cười:

- Có gì mà ngại. Được rồi, các ông chờ tôi một chút.

Liền trở về nhà, thay khăn áo mặc đồ thường phục, xuống mời bạn đồng hương.

Trong khi cụ Phan xây lưng trở lên nhà, định thay khăn áo, thì dưới ghe các vị bô lão thì thầm với nhau:

- Quả thật tiếng đồn không sai.

- Tuy nhiên, chúng ta có nói sợ quan lớn mặc lễ phục, ngại mà không dám theo gót. E khi làm phật lòng cụ lắm.

Còn đang bàn luận xa gần, xảy thấy cụ Phan lại trở xuống rước. Cả 5 vị bô lão đều sung sướng, cảm phục đến ứa nước mắt, rập nhau vái chào mà nói:

- Chúng tôi không ngờ quan lớn cư xử tốt quá. Thật đáng là bậc cha mẹ dân. Quả là người không quên căn cội; tưởng nhớ quê hương mà thương đến người đồng hương với mình, thật không ai có đức độ khả ái như quan lớn.

Cụ Phan cũng xúc động tâm tình:

- Xin cảm ơn các ông không chê. Còn gì hân hạnh cho tôi bằng được các ông mến tưởng đến.

Bèn đưa nhau lên nhà. Cụ Phan đãi đằng người đồng hương trọng hậu. Và sau đó, cụ căn dặn người nhà và tên gác cửa tuyệt đối chớ phụng lòng người đồng hương của cụ mà ngăn trở, chớ kể giai cấp, không nệ tuổi tác trẻ già, cứ là người đồng hương thì phải mau vào bẩm cho cụ biết, để cụ tiếp rước. Hoặc giả gặp khi cụ đi vắng, hãy cứ cầm mấy người ấy ở lại chơi, chờ cụ về.

Dân chúng nghe biết chuyện cụ cư xử tốt đẹp với người đồng hương, thấy đều mến phục cụ vô cùng.

Lúc bấy giờ quân lính thấy cụ trọng đãi các ông lão từ xa đến, buổi đầu, bị chúng khinh rẻ không cho vô cửa, sau được

chủ mình kính nể cho là thượng khách, họ rỉ tai với nhau, các ông nầy chắc có lẽ là ông già Ba Tri mà mình đã nghe danh từ lâu, từ đây về sau chúng mình chớ nên lấp lửng với mấy ông ấy, có ngày phải rơi đầu.

Câu chuyện ông già Ba Tri được đồn rộ trên đất Vĩnh ngày xưa, từ trong cơ ngũ cho đến ngoài dân gian, là do quân lính ngán sợ đồn ra.

Theo sự suy luận của chúng tôi, các cụ ấy không phải là ông già Ba Tri.

Ông già Ba Tri có một giai thoại đặc biệt, đi bộ từ Bến Tre ra Kinh đô Huế dâng sớ lên nhà vua, đầu cáo một vị quan sở tại, xử hiếp về vụ một cái đập nước và cái chợ đầu trong, đầu ngoài gò đó.

Sở dĩ danh từ ông già Ba Tri được truyền tụng đến ngày nay, do sự kiên nhẫn bền chí, không quản đường xá xa xôi, cả ngàn cây số, dầm băng rừng lướt bụi, lên đèo xuống ải, đến gặp nhà vua dâng sớ, ông được đặc kiến rồi trở về mất một năm trời, vì thế người đời tặng cho ông là ông già Ba Tri không phải là quá đáng.

TÁM CHỮ GIẾT NGƯỜI

HAY LÀ CÂU CHUYỆN CỤ PHAN THANH GIẢN
PHÊ BÌNH TIẾN SĨ ĐẠO VÀ CỬ TRỊ

Nói đến cụ tiến sĩ Phan Hiển Đạo và cụ cử Phan Văn Trị, tưởng không còn ai là chẳng biết hai bậc danh sĩ của đất Định Tường và Cần Thơ ấy (1). Thế nhưng, một mẩu chuyện đau thương xảy ra giữa cụ tiến sĩ Đạo và cụ Phan Thanh Giản, không mấy ai dè...

Theo tài liệu ở mục “Văn chương giai thoại” trong tuần báo “Thế giới tân văn” do ông Phan Văn Thiết chủ trương, khoảng năm 1945, có ghi chuyện “Tám chữ giết người” như sau:

Khi cụ Phan Thanh Giản đảm nhận chức vụ Kinh lược sứ Nam Kỳ, tư dinh ở tại Vĩnh Long. Một hôm, cụ tiến sĩ Đạo từ Định Tường xuống thăm cụ Phan.

Nghe báo, cụ Phan ra rước vào. Câu chuyện hàn huyên xong, lại bàn đến chuyện nạn nước tai dân. Cụ tiến sĩ Đạo than thở khôn cùng về việc quân đội Pháp xâm lăng, biết bao giờ đòi lại được chủ quyền. Cụ Phan cười nhạt, chẳng nói chẳng rằng, viết vào giấy 8 chữ: “Thất thân nhi nữ hà dĩ vi tình?” Nghĩa: Con gái đã bị chúng lấy, còn gọi là trinh được sao?

Chết nổi! Cụ Phan ám chỉ chuyện gì thế? Cụ tiến sĩ Đạo tái mặt, ngờ là cụ Phan có ý chê khí tiết của mình, buồn bực

(1) Xin xem tiểu sử cụ Phan Hiển Đạo ở quyển “Định Tường xưa” và tiểu sử cụ Phan Văn Trị trong “Cần Thơ xưa”

cáo từ lui ra ngay.

Ít lâu, cụ tiến sĩ Đạo mất tại Chợ giữa (xã Vĩnh Kim) tắc lòng vẫn ngậm ngùi vì tám chữ của cụ Phan đã viết. Chẳng hiểu giữa hai cụ đã có điểm chi xích mích mà nên nổi.

Tiếc thương cụ tiến sĩ Đạo, dân gian bấy giờ truyền tụng một bài ca dao:

*Lớp sau Thanh Giản tiếng đồn
Là Phan Hiển Đạo với Tôn Thọ Tường
Ông thời nho nhã văn chương,
Ông thời thi phú tốt đường diệu công.
Ông về thác Vĩnh Kim đông,
Ông ra giúp nước bụng đồng tương tri.
Một còn một thác trọn nghi,
Nghìn thu bia tạc Nam Kỳ danh nho.*

Cũng như tiến sĩ Đạo, cụ cử Trị cũng đã có lúc đem thơ mình đến Vĩnh Long vào trình cho cụ Phan Thanh Giản xem, đàm đạo văn chương.

Theo tài liệu của ông Diên Hương trong quyển “Thi pháp”.

Cụ Cử Trị đưa thơ cho cụ Phan xem, nhờ phê bình. Cụ Phan xem qua bài thơ **“Con mèo”**:

*Mấy tầng đài các sải chơn leo.
Nhảy lẹ chi hơn bằng giống mèo.
Chợt ngoảnh mặt hùm nhìn trực thị.
Chi cho lũ chuột dám vang reo.
Vút nanh sẵn có vàng khè sắc,*

*Vần vện dành không bụi đóng meo.
Trăm tuổi hồn dầu về chín suối,
Nhúm lông để lại giúp trò nghèo.*

Cụ Phan ngỡ là cụ Cử Trị có ý kiêu ngạo. Cụ cử Trị chẳng nói gì, lại trình bài thơ **“Hột lúa”**:

*Giã từ đồng mộng dạo xa chơi.
Thiên hạ ai mà chẳng biết hơi,
Cời giáp vàng kia phơi chồn chồn,
Bày du ngọc nọ rạng nơi nơi.
Ông cha giúp nước đù ghe thuở
Dòng giống nuôi dân biết mấy đời.
Vì thế liễu mình cơn nước lửa,
Người dà có thấu, hỡi người ơi!*

Cụ Phan Thanh Giản cả cười, phê cặp luận “Lúa chẳng có ông cha”. Rồi dưới hai câu thúc kết, cụ Phan phê nữa: “Nhữ hà oán triều đình chi chi thâm?” Nghĩa: Sao người oán triều đình dữ vậy

BÀI TRUYỀN DỤ KHỊ CỦA TÊN ĐỐC PHỦ TÔN THỌ TƯỜNG

Xem qua đoạn sử về hai vị hào kiệt Lê Cần và Nguyễn Giao lãnh đạo kháng chiến ở vùng Cầu Vồng (phần Danh nhân) chúng ta thương cảm hai vị ấy bao nhiêu, lại càng phải mỉm cười chua chát trước những lời truyền thị của tên Đốc Phủ Tôn Thọ Tường bấy nhiêu!

Sau khi nhóm nghĩa quân Cầu Vồng giết quan Chủ quận Vũng Liêm tên Thực, người Pháp lập tức bổ tên Tôn Thọ Tường đến thay thế. Đối phó với tình hình gay go lúc bấy giờ, tên Đốc phủ Tường liền làm bài truyền dụ khị dân chúng hãy theo tân trào. Rằng:

*Ra lời truyền thị tỏ với nhân dân.
Làm người phải biết giả chân
Chớ khá nghe lời huyền hoặc.
Xưa sáu tỉnh súng đồng, giáo sắt
Ô lê tàu hải rõ ràng,
Thành tỉnh pháo đài nghiêm nhặt,
Bộ công, thủy chiến, thủy kiềng như rồng,
Chẳng trọn ngày trúc chẻ ngói tan!
Xứ Gia Định là đầu sáu tỉnh,
Sau những đại đồn Lãnh Định,
Cùng là Mỹ Quý, Tháp Mười*

Có lương có súng sẵn đông người
Làm hết sức cũng không nên dánh.
Chẳng những là thiên mạng.
Cũng hiệp với nhân mưu.
Nên triều đình trước đã hòa lưu,
Sau Kinh lược cũng đành giao cát.
Thiếu chi kẻ anh hùng lỗi lạc
Cũng phục tùng mà hộ quốc tì dân
Còn như người minh triết bảo thân
Thì thoát độn mà an sanh lạc nghiệp.
Có chẳng phường đạo kiếp,
Bày ra cuộc mộ duyên,
Ấy là chước kiếm tiền
Ấy là mưu trốn nợ.
Kiếm chỗ vắng mà bắt linh đòi lương tử mỗ.
Khoe tài trong rừng bụi, khen cho hay múa gậy vườn hoang.
Lừa hờ cơ mà phát cờ giống trống nhện nhàng.
Muốn địch với quan binh, ví chẳng khác bắc cầu qua biển cả.

Bắn một hiệp chết nghiêng chết ngã.
Chạy tư bề trốn ngược trốn xuôi.
Việc ấy hãy chưa nguôi,
Gương còn treo trước mắt.
Hể một người làm giặc,

Thì lụy đến họ hàng,
Xóm làng hư hại.
Luật xưa để lại,
Phép nước không tha.
Đầu này việc lang sạ.
Cũng noi theo luật lệ.
Chớ thấy rộng dung mà lờn dễ
Rộng dung thì thương thừa dân lành.
Một hai lần dạy đã đình ninh,
Sau cứ phép chớ rằng lảm lỡ.
Việc sưu lính thuở xưa sao chẳng nhớ?
Xóm làng hư vì lệnh giảng ngũ đình.
Một làng hơn nửa đạo binh,
Binh lính lại nhiều bề tân khổ.
Lúc xưa hàng dân bộ,
Một trăm người đóng góp cả trăm.
Đào vong diên báỉ rầm rầm,
Lúc trước hoang nhà lấm nổi!
Mấy năm nay đã khởi.
Ăn mặc đã rõ ràng.
Lính quân phép đã nhẹ nhàng.
Giá lúa đăng ngung.
Ruộng vườn thông thả,
Bốn mươi tám này xâu dân xã,
Mười sáu ngày nay đã giảm cho

Trong dân gian sưu thuế nhẹ không lo.
Ngoài ruộng đất mềm lúa tốt.
Thuở trước hũy mùa màng sùì sụ
Mấy năm chữ điền địa phong thâu.
Việc dân cần kiệm làm đầu,
Hay cần kiệm chẳng giàu cũng đủ,
Đất sáu tỉnh lắm người hiền ngổ,
Ruộng đất mềm dân đủ lễ văn.
Có nghiệp hằng ất có lòng hằng,
Lời hiếu thị phải toan ghi dạ.
Muốn cho đặng an trong làng xã,
Thì phải lo giữ kẻ gian tà.
Hễ thấy ai bày mẹo nghịch ra.
Bắt lấy nó mà ngăn ngừa trước.
Nếu lòng ta thế nhược,
Chúng nó tới hùng hào,
Thì phải liệu mưu nào cầm lại đó,
Mà báo quan tập nã.
Như vậy mới khỏi điều di họa.
Chi cũng không hơn chước giữ mình.
Lũ hoang đảng đã chẳng dám khinh.
Mà nhà nước lại càng thêm trọng.
Lẽ phải chẳng ta đã suy đong
Lời thiệt hơn kể lại rõ ràng,
Khuyên các tổng, các làng làng,
Đều khá hết lòng, hết dạ,

*Nếu đem lòng khi trá,
Mà làm meo dị tưng,
Lời ta dặn dẫu chẳng rền lòng,
Họa sau tới khôn bề cần rùn.*

Qua những lời truyền dụ khí của tên Tôn Thọ Tường, các thế hệ sau hẳn đều coi đây như là bằng chứng tố cáo một tên tay sai có hạng của tân trào, dua bợ thực dân, lúc nào cũng sẵn sàng làm đẹp lòng chủ và xui giục đồng bào hãy cúi mình khom lưng, hầu chủ mới như mình. Tên họ Tôn đã tán dương vô lực của kẻ xâm lăng là vô địch, ca tụng nhờ tân trào mà đất nước được tốt đẹp hơn trước. Lại gọi những ai kháng Pháp là những “Kẻ hoang đàng”, tâm địa lên Tôn Thọ Tường đã hoàn toàn bộc lộ, muôn đời khó tránh công luận chê khinh!

Trong khi bài truyền của tên Đốc Phủ Tường chuyển đi khắp các làng, tổng, thì những nhân vật đang quyết liều mình chống xâm lăng, cứu quốc, họp nhau bàn tán. Đốc binh Lê Cẩn, người chỉ huy nghĩa quân Cầu Vồng lên tiếng:

- Cái thằng Tường ấy giỏi cho nó bợ đỡ Tây, khuyến dụ đồng bào cúi mình cam phận làm nô lệ. Các ông nghĩ sao? Riêng tôi, chí quyết hy sinh cứu quốc mà thôi.

Nguyễn Giao bắn khoả, tỏ ý lo ngại:

- Tôi sợ e dân chúng sẽ nghe theo lời truyền ấy mà ngã lòng chẳng?

Một vị bô lão yêu nước, cười khi nói:

- Chú em còn nhỏ chưa thấu được cho tường tận lòng dạ đồng bào. Không đâu. Tôi chắc dân chúng đều sẽ khinh khi

người đã viết lời truyền kia, ngoài những kẻ vong bản thì chẳng kẻ.

Rồi tăng hắng lấy giọng, vị bồ lão nghiêm trang:

- Các chú em còn nhớ bài hịch của quan Tướng Nguyễn Tri Phương chớ? Này, tôi đọc lại cho các anh em có mặt đây thấy đều nghe:

“Từng nghe rằng:

“Trị nước lấy an dân làm trước, chẳng dặng dưng nên thấy việc dùng binh.

“Ra quân tua thệ nguyện hy sinh, có như vậy mới đồng lòng thảo tặc...

Giọng trầm hùng của vị bồ lão khiến ai nấy đều cảm khái. Đốc binh Lê Cẩn hiên ngang:

“Những phường bán nước buôn dân chí sá kể. Chúng ta hãy cứ noi lời huấn dụ của cụ Kinh lược Nguyễn Tri Phương là hơn”

Ai nấy đều tán thành, ánh mắt ngời tia thông minh biết đâu là chân nguy, lòng định một dạ hy sinh cứu nước trước nanh vuốt quân xâm lăng. Với tinh thần bất khuất của dân tộc V.N. đồng đứng lên chống Pháp để đòi lại chủ quyền từ ấy đến nay đã liên tục không ngừng.

CỤ NHIÊU TÂM BỒN CỘT BÁ HỘ NON VÀ ÔNG HUYỆN THIỀNG

Cụ Nhiều Tâm có một người bạn làm tri huyện, tên Lê Chí Thành, tục gọi ông huyện Thiềng, người ở Chợ Lách, ít học, làm cai tổng rồi thăng lên tri huyện, già mà nhiều hầu non. Các nàng hầu của ông huyện đã non thì thật là non, có cô mới 15, 16 tuổi, bởi thế cha của họ có người chỉ mới dưới 40, còn kém ông huyện đến vài chục tuổi. Nhận thấy thế, cụ Nhiều Tâm cảm nổi lổ lảng cha già con trẻ mà lộng bút:

Cuộc đời thấy vậy đứng dừng dừng

Cha trẻ con già ngộ quá chừng.

Nọ nọ ông gia khờ khịt mặc

Nầy' nầy chàng rể rụng trơ răng.

Tham vui chịu lận thương vì lão

Khéo gả làm chi lạ cái thằng

Chuyện ở giữa đường ai chẳng nói,

Nói chơi dẻo hỏa đũa cần răn.

Ông huyện Thiềng có rất nhiều hầu thiếp như thế, nên cô nào cũng toan dành phần. Được ông huyện yêu mến nhất có lẽ là hai người vợ thứ: một gán ở Cồn Cao. Một ở Chày Đạp. Mà Chày Đạp ở gần châu thành Vĩnh Long hơn, mỗi khi đi tỉnh thì ông huyện thường ghé Chày Đạp, còn Cồn Cao vì trái ngổ đường nên ông huyện ít tới thăm. Người vợ thứ Cồn Cao bèn van nài cụ Nhiều Tâm làm một bài thơ tỏ tình cùng ông huyện. Cụ Nhiều Tâm nhận lời viết:

*Đem thân chen chúc phận lâu son
 Đêm nhớ ngày trông những héo don
 Cửa kín Cồn Cao hơi gió vắng,
 Phao tuôn Chày Đập dấu xuân môn
 Đã trao cái phận mảnh mảnh chỉ,
 Bao nữ cầm cân dốc dốc đòn.
 Kìa hỡi trên cao ai có thấu,
 Công bằng hai chữ giữ vuông tròn.*

Xem qua bài thơ gá cho người vợ lẽ Cồn Cao, cố nhiên ông huyện Thiêng biết ngay cụ Nhiều Tâm đã bỡn cợt mình.

Ngoài ông huyện Thiêng thường bị cụ Nhiều Tâm nhấc khéo còn có ông Bá hộ Nọn ở xã Long Châu, thuộc châu thành Vĩnh Long, giàu có lắm. Vẫn nghe tiếng cụ Nhiều Tâm, nên ông Bá hộ Nọn có lòng muốn kết giao. Tuy nhiên, cụ Nhiều Tâm vốn sẵn tính khảng khái, ngạo mạn, ít khi chịu cầu thân nơi quyền quý hám lợi.

Một hôm kia, ông Bá hộ gặp cụ, lấy làm mừng mà ân cần hỏi thăm cụ làm ăn ra sao. Cụ đọc một bài tuyệt:

*Thấy anh tôi nghĩ lại tôi buồn.
 Tôi khó anh giàu đã hóa muôn.
 Anh vậy, tôi vậy, trời khiến vậy.
 Chúc cho con cháu vậy luôn luôn.*

Chẳng nói thì ai cũng biết, bài này xác là tại chữ “muôn” hiểu ngầm ra là “muông” (thú). Lại thêm hai câu tam tứ bình dị mà sâu sắc lạ.

Nhà ông bá hộ Nộn lại có rước về một thầy Huế để dạy chữ Nho. Thầy ấy ỷ tài khinh người. Cụ Nhiều Tâm nghe thấy thế đã thăm bực mình, có ý lừa bịp để trừng trị kẻ hợm mình một keo cho bỏ ghét.

Cụ bèn khăn áo chỉnh tề đến thăm ông bá hộ. Được tiếp rước niềm nở, lại được giới thiệu cho biết ông thầy dạy chữ nho, cụ mỉm cười, ra vẻ khiêm cung, xưng phục thầy ta dữ lắm. Chẳng chút nhún nhường, thầy ta vênh váo. Cụ thấy thế liền nhỏ nhẹ xin thầy ra đề cho cụ học làm thơ.

Thầy ngao mạn:

- Làm thơ à? Thôi chẳng bỏ mua cười.

- Xin thầy cứ ra đề cho tôi làm thử.

- Đã bảo mà còn... Biết ra đề gì cho ông làm thử được bây giờ. Cao không tới, thấp không thông, mất thì giờ lại thêm bực chớ chẳng ích gì.

Cụ Nhiều Tâm vẫn từ tốn nài nỉ. Thầy ta càng được thể tự thị tài cao, lên mặt vênh râu:

- “Cục cứt!” Đó, thơ thần gì thì thơ thần đi.

Chẳng chút giận hờn, cụ Nhiều mỉm cười:

- Vâng. Tôi xin bái lãnh tôn ý. Nghe đây.

Cụ tăng hắng rồi nghiêm trang ứng khẩu:

“Bao tử là cha, mẹ ruột dỗi.

Mới nghe câu đầu, thầy ta gật gù mà rằng:

- Khá đấy. Ráng thử coi nào.

Cụ tủm tủm cười:

“Đề không nên chõ đề mây trôi.

Thầy ta thoáng biến sắc. Cụ Nhiều Tâm liếc mắt thấy nhưng vẫn đọc luôn:

“Chặt chân chẳng nở thầy nhằm đạp,

“Bịt mũi mà qua đã gớm rồi.

“Chẳng chó bắt mèo ngồi giữa mắt,

“Có tong cùng chốt rước tràm môi.

Rồi giơ tay chỉ bá hộ Nọn, cụ Nhiều Tâm gật đầu cười, đọc tiếp:

“Lăn thay cho lão ngồi câu quệt.

“Chấp chứa làm chi những giống hôi.

Chẳng hiểu nét mặt thầy ta ra sao nhỉ, khi cụ Nhiều Tâm đọc dứt bài! Thật là một bài học chua cay thấm thía cho những ai hay tự phụ.

Vài điểm đặc biệt của đồng bào đất Vĩnh

Tinh thần hiếu cổ

thích chơi đồ xưa và trồng hoa kiểng

Đọc sách, trồng hoa, chơi kiểng, sưu tầm đồ cổ ngoạn, vẫn là thú vui tao nhã thanh lịch vào bậc nhất trên phương diện di dưỡng tánh tình. Độc đáo là thú trồng hoa kiểng, vừa đẹp mắt lại vừa chứng tỏ nghệ chơi cũng lắm ông phu. Nếu chẳng phải trang hào hoa phong nhã, không là tay sành điệu vun trồng, khó mà có được giàn kiểng coi cho mỹ quan và làm đẹp mặt chủ nhân ông, thú chơi phong lưu ấy.

Sinh thời, cố nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, từng múa bút đàn văn, nhưng đến tuổi xế chiều lại đam mê thú trồng hoa kiểng, đặc biệt là thích sưu tầm các loại hoa lan, tạo cảnh thân tiên bên dòng suối Đa Mê trên Đà Lạt. Nhà văn Phú Đức Nguyễn Đức Nhuận cũng "nghiện" cái thú thưởng ngoạn hoa lan, mặc dầu ông tạo riêng một vườn cảnh nào, mà lòng say mê thì chẳng ai hơn, sự tìm hiểu về các loại hoa lan cũng chẳng kém gì cố nhà văn Nhất Linh như đã nói trên.

Mà chẳng riêng gì văn nhân thi sĩ mới yêu hoa, thích kiểng. Nhà thanh lịch nào mà chẳng có ít ra một đôi gốc kiểng, trang hoàng trước sân nhà?

VIẾNG VƯỜN MAI BẾN NGỰ

Nghe nói Vĩnh Long có lắm nhà hiếu cổ, thích chơi kiếng, chúng tôi tìm đến ông Phan Đình Minh là người được đồng bào đất Vĩnh nhắc đến nhiều nhất.

Trên đường Quốc lộ 4, qua đò Mỹ Thuận, phía Vĩnh Long từ bến đò đến khỏi chợ Tân Hòa chừng 500 thước, du khách trông thấy ngay dãy nhà vách gạch năm căn, day mặt ra lộ, cảnh ngã ba đường đi Sa Đéc.

Quang cảnh toàn thể gia cư và vườn tược nầy cực kỳ khả ái. Cạnh nhà có hồ sen trắng, chung quanh có hàng dừa xiêm nghiêng mình soi bóng. Vườn kiếng trước sân nhà có hơn 40 gốc, mỗi gốc đều uốn nắn rất nghệ thuật và hồn nhiên. Đặc biệt là cặp bạch mai, huỳnh mai, sen trắng, anh đào, đủ loại hoa xinh, hương thắm. Nơi cửa ngõ thì thả loại dây leo hoa giấy trắng, đỏ, rợp mát lối đi. Trước là huê viên, sau nhà là vườn cây ăn trái. Vuông đất trên 4 mẫu.

Ngôi vườn kiếng và gia cư trên đây, mang danh là “Vườn mai Bến Ngự”. Chủ nhân ông là một vị công chức ở thủ đô hồi năm 1967 : Phan Đình Minh. Vì công vụ buộc ràng, ông Minh phải có mặt nơi Thủ đô, nên hằng tuần ông chỉ về thăm nhà - trong những ngày nghỉ, du khách vẫn thường được ông niềm nở tiếp đón, gieo vào lòng du khách những ấn tượng sâu đậm tình cảm khó quên nhau.

Chúng tôi đến viếng vườn kiếng của ông Minh vào một chiều thứ bảy, do sự hướng dẫn của ông Thái Văn Trước, cũng

là vị công chức hồi hưu, nhà ở gần đây. Ông đã hân hoan đưa chúng tôi đi ngoạn cảnh trong vườn.

Chúng tôi trầm trồ:

- Vườn đẹp thật. Ông mệnh danh cho tên vườn là “Vườn mai Bến Ngự”, ý nghĩa ra-sao?

Chủ nhân mỉm cười:

- Chỉ với mục đích nhắc nhở lại khi vua Gia Long bôn tẩu vào Nam, thường có mặt nơi gọi là Cây đa Bến Ngự ở Long Hưng Sa Đéc, gợi tình thần hiếu cổ.

Vui câu chuyện, chúng tôi lại hỏi:

- Tại đất Vĩnh có bao nhiêu mà thích chơi kiểng?

Ông Thái Văn Tước rước lời mà đáp:

- Thú chơi kiểng ở đất Vĩnh rất nhiều, đã có từ xưa tới nay cũng như truyền thống. Một lối chơi thanh lịch, kiên nhẫn, chịu khó, nhiều công phu nuôi dưỡng mới có được những cây độc đáo và vô giá. Đây, tôi xin kể cho ông biết những bậc tiền bối chơi kiểng, sửa kiểng có tiếng nhất Vĩnh Long. Đầu tiên phải kể là ông Huỳnh Bá Tảo, khắp nơi đều nghe tiếng, và lăm vườn kiểng của các nhà khác đều do óc thẩm mỹ của ông Huỳnh Bá Tảo trình bày. Ấy là bậc tiền bối trong nghệ thuật chơi kiểng của đất Vĩnh. Còn hậu bối thì đáng kể có quý ông:

1. Hai Thông ở Thiêng Đức.

2. Ba Diệu ở Cầu Ông Me.

3. Sáu Bộ ở Bến Đò.

4. Tám Nghĩa ở Cái Sơn.
5. Hai Trứ ở Cái Sơn bé
6. Cả Khánh xã Long Hồ.
7. Xã Long ở Cái Đôi.
8. Hương sư Sang ở Long Thanh.
9. Phan Nhứt Tân ở Tân Hòa.
10. Chín Võ ở Long Thanh.

Ông Tước lại mỉm cười, giải thích thêm:

- Có nhiều nhà khác song các nhà kể trên đây còn những gốc kiểng xưa rất quý. Chơi kiểng không phải là giàu mà chơi được, phải yêu thích, có óc thẩm mỹ mới hăng say tìm kiếm đổi chác với nhau. Đó là thú tiêu khiển thanh lịch.

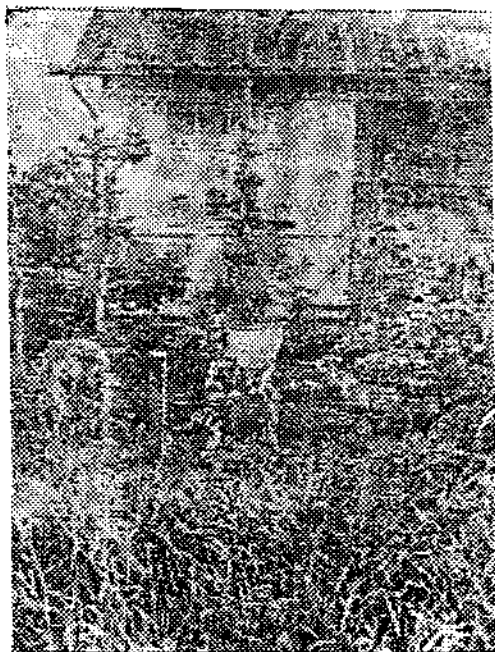
Nghe ông Tước nói, chúng tôi chẳng khỏi thâm cảm mến ông. Đúng vậy. Thật ra chúng tôi đã có nghe và biết rằng:

Người chơi kiểng và quý kiểng nhất là ở Vĩnh Long xưa kia, có lẽ là ông Tám Nghĩa, nhà ở Cái Sơn lớn. Mặc dù không giàu có, nhưng con người thanh lịch, thích chơi hoa kiểng và hiếu khách, nên ông được xa gần biết tiếng.

Du khách viếng Vĩnh Long mà không đến thưởng ngoạn giàn kiểng của ông Tám Nghĩa là một điều thiếu sót, cũng như đến Cần Thơ mà không viếng Vườn Thầy Cầu độ nào (1).

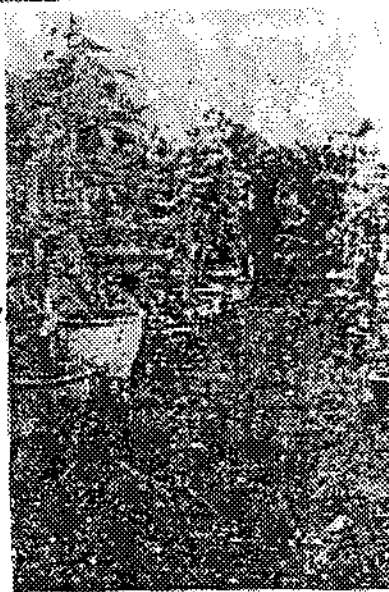
Vườn kiểng của ông Tám Nghĩa rộng lớn đẹp đẽ, gồm đủ các loại cây: mai, cằng thẳng, kim quít, bùm sùm, mai chiếm thủy, có những cổ thụ trên thế kỷ. Dưới bàn tay khéo léo chăm

(1) Xin xem quyển "Cần Thơ xưa" có nói về ngôi vườn này.



**Vườn kiếng
của ông
Phan Đình Minh
tại làng
Tân Hòa
mang tên :
Vườn Mai
Bến Ngự**

*Về dặm trời Xuân mai Bến Ngự,
Nước Mê Kông thay nước Hương Giang
Hạt đen lá nỡn hoa vàng,
Chúa Vua yêu mến dân quan yêu vì*



sóc, uốn nắn tuyệt mỹ, ngôi vườn kiểng của ông danh tiếng đồn xa, trăm trổ khen ngợi chủ nhân ông, đã dày công tu tạo nơi tiêu khiển đầy hứng vị thanh cao nhã đậm.

Năm 1967 ông Tám Nghĩa đã qua đời. Số kiểng của ông do bạn ông là Thái Văn Tước đem về trồng lại, lưu giữ ở “Vườn mai Bến Ngự” mà chúng tôi đã kể. Và cũng chính với sự hợp tác của ông Tước mà vườn hoa kiểng của ông Phan Đình Minh khởi sắc.

Nhân đây, tưởng nên nói rõ về ông Tước, nhân vật sành thú chơi kiểng, từng được báo chí nhắc nhở đến nhiều qua mấy bài tường thuật vào dịp triển lãm hoa kiểng ở Thảo cầm viên, khoảng cuối năm 1966. Bên cạnh các giàn kiểng của chủ nhân ông thanh lịch rải rác ở khắp nơi Trà Vinh, Gia Định, Sa Đéc, Bình Dương, Thủ Đức và 8 quận Đô thành, giàn kiểng của ông Tước đã được hoan nghinh tán thưởng.

VĨNH LONG ĐƯỢC CHIẾM GIẢI NHẤT TRIỂN LÃM VỀ KIỂNG

Bao nhiêu giàn kiểng do ông chăm sóc, ông đều tận dụng công phu sửa theo lối họa thể thủy mặc mà rất thiên nhiên theo chiều hướng của nó, không thấy dấu cắt, uốn nắn chi. Do đó Ban giám đốc cuộc triển lãm gồm toàn các vị kỹ sư canh nông, các văn nhân thi sĩ đến thưởng thức và tham dự cuộc chấm thi, đều không ngần ngại trao giải nhất về tay ông Tước! tưởng thưởng huy chương danh dự và một ngân phiếu 10.000\$.

Phải chăng đó là một vinh dự cho tỉnh Vĩnh Long chứ không riêng gì cá nhân ông Tước, trên phương diện tưởng thưởng khách

phong lưu lối chơi thanh chơi lịch, phần thưởng vật chất đã khích lệ ông Thái Văn Tước thêm cố gắng sưu tầm và nghiên cứu hơn lên trong nghệ thuật sửa kiểng cho đến mức tinh vi tuyệt hảo.

Mà phần thưởng tinh thần kia mới thật là nguồn ai ủi vô biên cho người ẩn dật, mừng rằng trên đời chẳng thiếu chi người tri âm, tri kỷ nhỉ.

Giữa lúc chúng tôi đang trầm mặc nghĩ ngợi, ông Tước vui vẻ nói thêm:

- Tỉnh này còn lưu trữ lại những vật xưa của quý. Có món đồ hằng 5, 7 trăm năm còn nằm trong đất Vĩnh. Kiểng vật cũng thế, có nhiều gốc kiểng trên một thế kỷ, tuy cần cố nhưng tiêu biểu cho sự trường tồn bất diệt.

Tôi khê gật đầu, tán thưởng những lời ý vị thâm trầm. Ông Tước rần rở bảo tiếp:

- Ông nên đến Vĩnh Long tìm những nhà có đồ xưa quý xem qua cho biết.

Rồi ông kể:

NHỮNG NHÀ CHƠI ĐỒ XƯA

- 1) Ông phủ Võ Văn Châu.
- 2) Ông cả Khánh ở Cầu Ông Me.
- 3) Ông phủ Lê Văn Nuôi.
- 4) Ông Sáu Hạt ở Xóm Bún.
- 5) Thầy Bảy Khiết ở cầu Cái Cá.
- 6) Ông Mạnh ở xã Long Châu.
- 7) Ông Hàm Lãi ở Tam Bình.

Đại khái nhà ông cả Khánh, nhà thầy Bảy Khiết, nhà ông phủ Võ Văn Châu còn giữ những món đồ xưa vô giá, như mấy cặp lục bình, tô kiểu, chén ấm, long, từ đời nhà Thanh, nhà Minh, Khang Hy, Càn Long, Gia Vũ v.v...

Và còn nhiều nơi khác nữa, có thể nói tỉnh Vĩnh Long còn lưu niệm qua những kỷ vật-xưa nhiều hơn hết ở các tỉnh miền Nam.

Ông Tước vừa kể những nhà chơi đồ xưa trên đất Vĩnh cho chúng tôi ghi chép, và đồng thời chúng tôi cũng được ông thầy Bảy Khiết hướng dẫn đến như người anh ruột của thầy là ông Sáu Hạt vào một buổi tối, để xem những cổ chứng bày một cách lộn lầy nơi nhà. Xem qua những món đồ xưa của ông Sáu Hạt hiện nay, thì chúng tôi trực nhớ vào khoảng năm 1937 chúng tôi có dịp xuống chơi ở Vĩnh Long, một buổi sáng chúa nhật cùng một người bạn đến viếng nhà ông phán Lê Văn Nuôi, ông tiếp đón niềm nở, ông để cho chúng tôi tự tiện xem kho tàng cổ vật của ông.

Gian lâu đồ cổ lúc ấy đáng giá mấy trăm ngàn đồng (thời bấy giờ rất lớn)

CÂY VÀNG LÁ NGỌC, CỔ LỤC BÌNH XƯA VÔ GIÁ

Chúng tôi đặc biệt chú ý đến “Cây vàng lá ngọc” cao độ sáu tấc tây, cây là nhánh bằng vàng ròng còn lá bằng ngọc bích, mài mỏng, với cặp lục bình cổ cao một thước tám đứng oai vệ trên một cái sập bằng cẩm lai. Sự đẹp đẽ hùng tráng với nước men trắng xanh của chiếc lục bình, cùng mấy dòng chữ nho xanh sẫm, kẻ không rành thường thức như chúng tôi cũng trầm trồ khen ngợi.

Chủ nhân cho biết, những bảo vật này khi xưa của một

quan đại thần trong gia tộc, từ kinh đô đem về đây trải qua mấy đời, ông có công gìn giữ để lưu niệm của tiền nhân. Chúng tôi đưa mắt quan sát từ món đồ nhận thấy.

Trên lục bình, chép trọn bài phú “**Đăng Vương Các**” của thi sĩ Vương Bột. Vương Bột là ai? Đăng Vương Các là gì?

Vương Bột sanh đời thịnh Đường, mới 16 tuổi đã nổi danh thi sĩ và Đăng Vương Các là một cái đền của một vị vương cất nơi danh thắng tỉnh Giang Tây bên Trung Hoa.

Nhân nước thuận gió xuôi, chàng đi một đêm tới bến, gặp hội nhà vương đãi yến thi sĩ trên lầu Đăng Vương Các để làm thi phú chơi. Chàng dự cuộc làm bài phú tán dương lầu đẹp cảnh xinh, được các thi nhân thán phục; đặc sắc có câu:

Lạc hà dữ cô lộ tề phi,

Thu thủy cộng tràng thiên nhứt sắc.

Năm xưa, tạp chí Nam Phong có dịch bài phú ra quốc âm, và chúng tôi còn nhớ nghĩa hai câu thi này:

Cò bay ráng lượn đua nhau

Long lanh đáy nước in màu trời xa

Tài cao mà mạng yếu, tục truyền Vương Bột lên hai mươi tuổi chết dưới Động Đình Hồ. Những đêm trời trong trăng sáng, hồn chàng hiện lên thơ thần trên mặt hồ và thỉnh thoảng ngâm hai câu thi trên đây mà chàng thích nhất.

Một cụ đồ nho, bạn vong niên của chúng tôi, có thuật giai thoại sau đây, sự thật có hay không, chúng tôi không dám quả quyết, song câu chuyện có phần hay hay và làm vinh dự cho dân tộc Việt Nam mình.

Thuở Trạng Mạc Đình Chi sang sứ bên Tàu, tài ứng đối

của ngài làm cho vua quan Tàu kính phục. Việc sứ xong, một đêm trắng ngài cùng vài quan Trung Hoa thả thuyền dong chơi trên Động Đình Hồ.

Tư bề phẳng lặng. Nhưng kìa, xa xa, trên sóng lăn tăn, một bóng trắng lơ mờ hiện ra, nhẹ nhàng như mây khói lướt trên mặt hồ. “Hồn ma Vương Bột” mấy quan Tàu thì thâm bên tai Trạng Việt.

Rồi hai câu thi bất hủ âm u, xa vời, nhẹ nhẹ xé màn không gian rót vào tai thánh giả:

Lạc hà dữ cô lộ tề phi,

Thu thủy cộng tràng thiên nhứt sắc.

Quan Tàu tấm tắc khen lấy khen để. Riêng Trạng Việt im lặng một giây, rồi bỗng cất giọng sang sảng lên bảo rằng:

- Hay gì mà hay! Hai chữ “dữ” và “cộng” có đứng vào đây làm gì, xóa quách đi có được không? Này nhé:

Lạc hà cô lộ tề phi,

Thu thủy tràng thiên nhứt sắc.

thế mới là tuyệt diệu cho!

Quan Tàu lại phen nữa khen lấy khen để. Hồn ma Vương Bột gật đầu rồi biến mất theo gió theo sương. Và từ ấy, không còn ai thấy hồn chàng hiện lên ngâm câu “Lạc hà...” trên mặt hồ Động Đình nữa.

Vĩnh Long ngày nay còn lưu dấu vết của người xưa, làm nổi bật phong quang của thế hệ trẻ tiếp nối truyền thống.

Lại nữa, tìm hiểu địa hạt chơi kiếng và đồ xưa của đồng bào đất Vĩnh, chúng ta cảm thông ngay sự cao đẹp với tinh thần hiếu cổ của dân tộc Việt Nam nói chung, đồng bào Vĩnh Long nói riêng. Bao giờ còn lưu dấu những cảnh vật, huê viên, thì còn phưởng phất nét oai hùng cao đẹp của non sông gấm vóc.

TÂN PHONG SỈ KHÍ ĐẤT VĨNH

- XUYÊN QUA TÌNH THẦN BẤT KHUẤT
CỦA ĐỒNG BÀO CỒN TÂN PHONG.
- NƠI CÓ MỘT NGUỒN LỢI THIÊN
NHIÊN ĐỘC ĐÁO

Vào khoảng tháng 5 âm lịch, du khách viếng Hậu Giang, đến bến đò Mỹ Thuận ắt thấy đầy dẫy ốc gạo bày bán. Dập dìu người qua lại mua từng giỏ, từng bao. Ấy là một nguồn lợi thiên nhiên về thủy sản của tỉnh Vĩnh Long, phát xuất đặc biệt tại cù lao Tân Phong, thuộc quận Chợ Lách.

Cồn Tân Phong nằm giữa dòng sông, Cồn nầy dài khoảng 3 cây số ngàn, ngang 1km 500.

Ốc gạo nằm giữa dòng sông nước chảy, thường có quanh năm. Sinh sản rất mau và nhiều. Từ sơ sinh đến trong vòng 3 tháng thì ăn được. Từ tháng 3 đến tháng 6 âm lịch là ốc ngon. Trong khoảng tháng 5 ngon đặc biệt.

Đồng bào ở cù lao Tân Phong hành nghề bắt ốc về ban đêm, sáng đem qua bán ở Cái Bè. Đoàn người bắt ốc lặn xuống đáy sông, lấy tay cào ốc vô rổ, rồi chuyển qua cho tốp khác đem vào bờ, phần đông là phụ nữ chực sẵn để chuyển vận.

Lối bắt ngoài sâu, mỗi người có một cây vợt bằng dây gai, cầm sào trước mũi ghe, rồi lặn xuống xúc ốc đem lên. Người địa phương thường gọi là đoàn người bắt ốc là “cồng cộc”, mỗi lần lặn xuống, được cỡ 10 lít. Ngành xúc ốc gạo nầy, đem lại

một số lợi tức trên 500.000\$ cho các xã Tân Phong, Vĩnh Bình, Phú Phụng, Bình Hoa Phước, đều thuộc quận Chợ Lách.

Đồng bào Cần Tân Phong đã nổi tiếng về ngành xúc ốc gạo, mà thuở xưa còn đặc biệt được chú ý vì tính khí cang trường, tinh thần bất khuất. Nhất là từ sau khi Vĩnh Long thuộc Pháp, một số đông dân chúng có lòng yêu nước, chí kiên cường quyết ngậm hận, chờ thời quật khởi, đem nhau ra Tân Phong mà ở. Để giữ vững tiết tháo, đồng bào Tân Phong lớn nhỏ đều một lòng một dạ, thà cam vất vả chứ không màng bảo lợi danh cá nhân của thực dân. Cho đến nỗi các sĩ phu có khí tiết đến ẩn náu nơi đó, ai nấy cũng đều vui vẻ trong việc xúc ốc làm kế sinh nhai độ nhật. Rồi dư thời giờ, kẻ có học ra công dạy bảo lại cho người thất học, đùm bọc với nhau trong tình thương yêu chí thiết, lòng yêu nước sâu xa nồng đượm.

Thuở ấy, trên cồn Tân Phong chỉ có độ 1300 nóc gia. Với tinh thần đoàn kết rất cao, tất cả đồng bào trong 1300 gian nhà ấy, đều coi nhau như một nhà, và tất cả mọi người cùng chung một lòng: Không phục vụ quân xâm lăng dưới bất cứ hình thức nào.

Lâu ngày, có lẽ bọn thực dân cũng để ý đến họ, nên thường cho nhân viên dò xét kín. Họ vẫn biết như thế, và vẫn thản nhiên không sợ sệt gì. Thực dân có làm khó dễ điều gì, họ phản đối ngay:

- Chúng tôi lương thiện làm ăn, xin hãy để chúng tôi được tự do sinh sống. Bao giờ chúng tôi có làm điều gì phạm pháp, tha hồ các ông bắt bớ, bắn giết gì cũng đành.

Thấy trăm người như một, đều cùng một khẩu khí ấy, chính quyền thực dân chùng như cũng kiêng sợ, không dám ra tay

đàn áp gì, nhưng lúc nào cũng chực rình, hễ thấy họ có gây rối gì thì sẽ bắt bớ ngay. Nhưng rình rập vô ích. Ngoài sự hành nghề xúc ốc gạo sinh nhai, quanh năm suốt tháng không hề thấy họ có hành động gì khả nghi cả.

Đặc biệt một điều là đồng bào ở Tân Phong cũng ương ngạnh không chịu đóng thuế. Nhà cầm quyền dọa nạt, bắt buộc phải đóng thuế, họ phản đối ngay bằng những câu răn rỗi:

- Các ông xem đó, chúng tôi đều là dân nghèo khổ, đem nhau đến đây để mong nhờ nơi nguồn lợi thiên nhiên của trời cho mà sống. Đầu tắt mắt tối để chạy miếng ăn còn chưa đủ, lấy gì mà đóng thuế?

Thét rồi chính quyền thực dân cũng đành phải làm ngơ cho họ về khoản thuế khóa.

Hơn nữa, dân cư còn Tân Phong còn rất mực khảng khái, bất khuất không chịu phục tùng dưới chế độ áp bức nào cả. Họ luôn sẵn sàng bình vực người cô thế, tố cáo kẻ cường quyền bất công, dù khi bị hăm hại đến thế nào họ cũng không sờn lòng nghĩa dũng.

Diễn hình là việc dân chúng Tân Phong đã cương quyết tố cáo một tên Hương Quản đã hối mại quyền thế, bức bách dân quá sức. Do sự đồng lòng của dân chúng Tân Phong, rốt lại lẽ phải thắng. Tên Hương Quản chuyển nơi khác.

Phải biết rằng oai quyền của một vị Hương Quản thời ấy rất ghê gớm, thét ra lửa chớ chẳng vừa. Thế mà dân chúng Tân Phong đã vì công lý mà khảng khái chống đối cường quyền hà lạm. Thật ít có nơi nào chứa chan nghĩa khí như thế.

Lại nữa, hãy còn biết bao nhân vật có thể nói là ưu tú

chẳng hạn, như học giả, kỹ sư, bác sĩ đều phát xuất nơi cồn này, nhưng phần đông họ sống với nghề tự do, không xu phụ quyền thế, chẳng cầu cạnh công danh.

Dân ở đây dường như họ đã sống theo truyền thống.

Thật là một mức sống hào hùng, đẹp đẽ. Chúng tôi nhắc lại đây dân phong sĩ khí ở cồn Tần Phong ngày xưa, để người ngày nay nhận thấy chỗ đáng mến, đáng thương của một thiểu số đồng bào nặng lòng yêu nước ấy. Họ đành cam chịu đủ mọi đắng cay, gian lao vất vả mà không nhục tinh thần, với ý chí ngấm chống đối chế độ vơ vét của thực dân Pháp của cường hào ác bá. Quả đáng phục ý chí sắt đá của họ.

Ngày nay, đồng bào ở cồn Tần Phong đã thịnh vượng hơn xưa. Vẫn có một số đồng giữ nghề xúc ốc gạo. Trên cồn thì trồng hoa màu, chanh, cam, quýt. Một ấp nhỏ bán chanh thu lợi hằng năm độ 500.000\$, trái cây cỡ 10 triệu.

Tinh thần của đồng bào Tần Phong khi xưa đã là đáng ngợi, mà sức cần lao nhẫn nại để mưu cầu một đời sống cao đẹp, vượt hơn xưa của đồng bào Tần Phong ngày nay, thật đáng nêu lên làm nét điển hình của toàn thể đồng bào đất Vĩnh hiền hòa nhưng khảng khái, vô cùng đáng mến

Phần thứ tư**VĨNH LONG*****Xuyên qua các tôn giáo***

- THIÊN CHÚA GIÁO
- PHẬT GIÁO
- TỊNH ĐỘ CƯ SĨ
- THIỀN LÂM PHẬT GIÁO
- DU TĂNG KHẮT SĨ
- PHẬT GIÁO HÒA HẢO
- CHI BỘ THÔNG THIÊN HỌC
- TRÚC LÂM THIỀN ĐIỆN

Sinh hoạt Tôn giáo trên đất Vĩnh

Miền Nam xưa nay vẫn có tiếng là nơi rất trọng đạo nghĩa. Cho nên, Vĩnh Long cũng như tất cả các tỉnh miền Nam cũng nổi bật về Tôn giáo.

Hoạt động trong phạm vi Tôn giáo của đất Vĩnh gồm có:

TÔN GIÁO CHÍNH THỨC

1. Phật Thầy Tây An
2. Thiên Chúa Giáo
3. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
4. Hội Tin Lành Việt Nam
5. Hội Phật Học Nam Việt
6. Hội Tịnh Độ Cư Sĩ
7. Hội Lục Hòa Tăng
8. Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo
9. Cao Đài Giáo
10. Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Việt Nam
11. Tịnh Độ Tông
12. Chi Bộ Thông Thiên Học

Thanh hành nhất là Phật Giáo, kể đó là Hòa Hảo, Thiên Chúa, Cao Đài.

Đặc biệt, tín đồ Phật giáo khi xưa, đông nhất là vùng Sa Đéc, có đến hàng trăm ngàn Phật tử. Và chẳng đất Vĩnh Long Sa Đéc ngày trước chính là nơi đã phát sinh giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương, tại Tòng Sơn mà đức Phật Thầy Tây An là giáo chủ khai sáng.

CÔNG GIÁO

Tìm hiểu địa phận Đạo giáo tỉnh Vĩnh Long

Xưa

CÁC DÒNG TU, CÁC CƠ SỞ CÔNG GIÁO

Để tìm hiểu Đạo giáo trên đất Vĩnh xuyên qua các tôn phái, chúng ta cần phải biết sự tiến triển của Công Giáo, địa phận Vĩnh Long Xưa qua mọi khía cạnh.

Từ xưa, vị Linh mục Philipphê Phan Văn Minh đã được phong danh Á thánh Minh do sắc phong của Tòa Thánh. Và biết bao tu sĩ Công giáo đã chan hòa công sức mảnh đất Vĩnh, vun bồi nền Đạo ngày một vững đẹp.

Trong khi đi sưu tầm tài liệu, chúng tôi xin chân thành cảm tạ: Cha Antôn Nguyễn Văn Thiện, đương kim đức Giám Mục địa phận Vĩnh Long, quý Linh Mục Trương Thành Thắng, Linh Mục Tôma Đỗ Minh Tâm, có lòng chỉ dẫn, giúp đỡ cho chúng tôi những tài liệu phổ biến, đáng kể nhất là tài liệu Linh Mục Phan Văn Minh.

Về phần các tông phái khác đã từng hoạt động trên đất Vĩnh ngày xưa, nền Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương khai nguyên cho Phật Giáo Hòa Hảo hiện nay, Giáo Hội Tăng Già Du Tăng Khất Sĩ Việt Nam, Thiền Lâm Phật Giáo, Tịnh độ cư sĩ, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày qua các giáo phái ấy trên tinh thần vô tư.

THIỆN LÂM PHẬT GIÁO TIỀN CHÂU CỔ TỰ

MỘT NGÔI CHÙA CỔ NHẤT Ở VĨNH LONG

Về ngôi chùa Tiên Châu cổ tự, chúng tôi ghi phần nào ở mục Di tích trong quyển này. Để quý bạn đọc hiểu biết thêm vận tường, chúng tôi chẳng quản khó nhọc, tốn kém, lại thân đến viếng tận nơi để trình bày đầy đủ rõ ràng hơn. Ngôi chùa này nằm mé tả ngạn sông Cổ Chiên, đi qua một chiếc đò, đối diện với dinh Tỉnh trưởng. Vị trí đứng trên một khu đất rộng rãi và u tịch, day mặt ra sông Cổ Chiên chừng 100 thước. Trước sân, hai bên có hai cây bồ đề rợp lá. Mặt tiền chùa kiến trúc uy nghi như tòa Bửu tháp, trên thờ Đức Phật tổ Thích Ca, bệ sâu từ cửa chùa chạy ra hậu tổ chừng 60 thước. Bên trong chánh điện thờ cốt Phật Di Đà to lớn, hai bên trần thiết bộ Thập điện, mé ngoài thờ đức Hộ Pháp và Tiêu diện, cạnh bên có treo một đại hồng chung xưa khắp những dòng cổ tự. Trong qua thật là uy nghi cổ kính. Trước ngôi Tam bảo, cột chạm rồng sơn son thếp vàng lâu ngày phai lợt kém phần rực rỡ. Mé sau hậu tổ thì thờ các vị tổ sáng lập ngôi chùa. Kế một nhà khách nối liền thờ cốt Di-Lặc cao độ 1 thước.

Sau chùa có những ngôi tháp cũ kỹ, rêu phong cỏ mọc, nép mình trong cảnh thanh u tĩnh mịch.

Chúng tôi đến viếng chùa vào một buổi trưa, cùng với anh Vương Kim Liêng, một giáo chức ở đây. Hân hạnh gặp được vị Giáo thọ Giác Hoàng tuổi độ trên 30, đương kim trụ trì và một cư sĩ ngoài 60 tuổi đến chơi, kể lại với chúng tôi một ít lịch sử

ngôi chùa:

Chùa này vốn trước day mặt ra bãi Tiên, theo lời truyền tụng thuở xưa nơi đây có tiên nữ giáng trần mà chúng tôi có nói trong đoạn Huyền Sử.

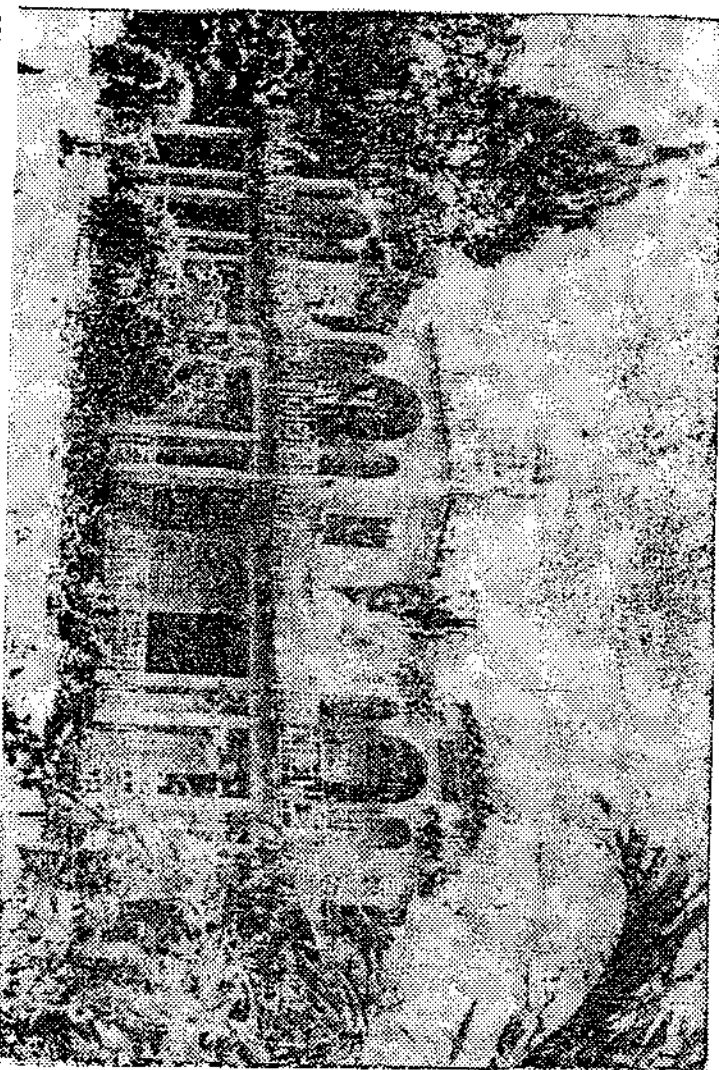
Theo sự dò hỏi, sưu tầm bên ngoài và tìm trong Đại Nam Nhất Thống chí ghi rõ, ngôi chùa này đã có dưới thời vua Thiệu Trị nguyên niên, năm 1832 đến năm 1967 là 135 năm. Những di tích còn lại là mấy vị Phật cổ và đôi tấm biển xưa hiện nay tại chùa, và gần đây mấy rặng sao xanh cao vút mới vừa bị triệt hạ để làm chùa, gốc còn đó, làm chứng tích cho việc tra cứu của chúng tôi.

Theo lời các vị cao niên địa phương kể lại: Vị tổ đầu tiên ngôi cổ tự là đại lão Hòa thượng Đức Hội ở huyện Vĩnh Bình, có công gây dựng ngôi Tam Bảo, nức tiếng khắp vùng, xa gần đều ngưỡng mộ, thời gian cổ hòa thượng viên tịch, thì có vị hòa thượng Huỳnh Văn Luông đạo hiệu Tào Minh nối tiếp phục vụ Phật pháp, rồi đến vị Giáo thọ Bảo Đồng thay thế trông nom, vị này viên tịch không có vị tăng nào đảm đương, một cư sĩ tên Huỳnh Văn Quý con của Hòa Thượng Huỳnh Văn Luông đứng ra trông nom tạm, lần lượt kể truyền người nối thay nhau lo Phật sự với tấc lòng thành.

Ngược dòng lịch sử của ngôi chùa Tiên Châu đã trải qua nhiều vị gìn giữ, nhưng rất tiếc lâu ngày không ai nhớ rõ giai đoạn diễn biến.

Sau này các Phật tử quanh vùng thuật lại với chúng tôi một giai thoại, cách nay trên mấy chục năm, một vị giáo thọ tên Đặng Văn Khánh là một nhà đạo hạnh, có nhiều đức độ,

Tiên Châu Cổ Tự



*Hùng vĩ trang nghiêm cảnh Phật Đà,
Bồ đề cần cỗi, mái râu hoa.*

*Tuyệt sương mấy độ mai thay lá,
Cổ tự Tiên Châu, tuổi đã già.*

trước tu tại chùa Vĩnh Tràng Mỹ Tho, sau ông về làm trụ trì ngôi cổ tự này trên 20 năm, từ ngày ông giáo thọ về hết lòng lo việc đạo, công phu sám sám hằng bữa, ngày ngày ông ra vườn làm rẫy, trồng hoa, lúc nào cũng có mặt ông tại chùa luôn.

Hạnh đạo của ông ai thấy cũng cảm mến.

Lúc bấy giờ chùa quá nghèo, người ở thì đông, không có đủ lương thực độ qua bữa. Tương truyền một đêm có cốt Phật Di Lặc thờ trong chùa hiển linh, báo mộng kêu gọi bốn đạo bên chợ hãy qua xem cảnh tượng khó khăn, Tăng Ni ngụ tại chùa đang lâm vào cảnh thiếu thốn, cơm không đủ ăn, đèn hương không có. Quý thiện tín nghe tiếng vô hình mách bảo nhiều lần trong lúc về đêm. Sáng qua tận nơi chiêm bái, quả thấy cảnh đói khổ diễn ra, động lòng ra tay hộ trợ tận tình.

TIÊN CHÂU 1945 VẪN ĐƯỢC BẢO TỒN

Theo ký ức các vị Phật tử kể: khoảng năm 1945 quân đội Pháp đến chiếm Vĩnh Long sau ngày quân đội Nhật rút đi, chúng nổ súng từ dưới tàu chiến dàn ở sông Cổ Chiên bắn nã lên bờ, đạn bay vô chùa tới tấp, nhưng chỉ trúng cột kèo, còn các tượng Phật tuyệt nhiên chẳng xây sát gì. Những dấu vết tàn phá ấy nay vẫn còn.

Tiên Châu cổ tự vừa là ngôi chùa xưa nhất trên đất Vĩnh, vừa là nơi danh thắng có tiếng từ lâu. Chẳng những các bậc đại đức, cao tăng từng mến chuộng cảnh trí thanh tịnh, mà các tao nhân mặc khách thời thường vẫn hằng lui tới lấy đây làm nơi đi dưỡng tánh tình, ngâm vịnh làm vui tâm thần mộ đạo chán

trần, đặc biệt là bài thơ vịnh chùa Tiên Châu của ông Đốc phủ Nguyễn Hữu Đức, giới văn nghệ thấy đều tán thưởng cho là kiệt tác (chúng tôi đã ghi lại ở đoạn di tích).

Xem qua phong cảnh, chiêm ngưỡng di tích đầy vẻ truyền kỳ, trong khói hương tôn sùng, du khách hẳn đều sẽ chung lòng cảm phục, miên man hoài cổ suy kim.

Nơi đây, sự thờ phượng vẫn theo lối cổ truyền, vị trụ trì là Giáo thọ Giác Hoàng, hiện nay vẫn là người khả kính, khả ái, có thể nói, du khách nặng lòng tín ngưỡng, đến Vĩnh Long không thể không tìm đến viếng cảnh Tiên Châu cổ tự, cũng như Văn Thánh miếu, Miếu Công Thần, miếu Tổng Quốc Công là những nơi danh, thắng tích, truyền tụng đã lâu đời.

Vì Tiên Châu quả là:

“Tiên Châu giảng trước Vĩnh Long thành

.....

“Bốn mùa phong cảnh chẳng ai tranh (1)

Tưởng nên ghi thêm cho đầy đủ, ngoài chùa Tiên Châu trên đây, Vĩnh Long còn có những ngôi chùa có tiếng như sau:

- Chùa Giác Thiên, 1967 thuộc về G.H.P.G.T.N.
- Chùa Long Viễn, 1967, thuộc giáo hội Lục Hòa Tăng
- Chùa Long Phước, 1967, thuộc G.H.P.G.T.N.
- Chùa Long Khánh, 1967, thuộc Lục Hòa Tăng

(1) xin xem toàn bài ở phần Di tích.

- Chùa Bửu Lâm, chỗ nền Đình Khao 1967 thuộc Bửu Sơn Kỳ Hương

- Chùa Hội Đức ở Tân Ngãi 1967 thuộc Lục Hòa Tăng

- Chùa Cô Ba Sàng 1967 thuộc Bửu Sơn Kỳ Hương

- Chùa Phước Viên,,Chùa Ni xã Long Hồ 1967 của G.H.P.G.T.N

- Chùa Hưng An, 1967, thuộc Tịnh Độ cư sĩ

- Chùa Long Quang 1967 thuộc Lục Hòa Tăng

- Chùa Trúc Lâm Thánh Đức Thiền Điện, 1967 thuộc cư sĩ.

Về Cổ Sơn Môn thì có chùa Kỳ Viên tại xã Long Thạnh và rải rác các nơi 7 quận trong tỉnh có rất nhiều chùa xưa; am cốc, tịnh xá, thánh thất, cũ và mới, tự do hoạt động truyền bá giáo lý cho mỗi tôn phái. '

Chúng tôi chỉ kể đại cương các chùa lớn để cùng tường lãm.



HƯNG AN TỰ

Chi hội tịnh độ Cư sĩ Vĩnh Long

TỊNH ĐỘ CƯ SĨ PHẬT HỘI VIỆT NAM HƯNG AN TỰ TẠI VĨNH LONG

Nói đến chùa xưa miếu cổ và các giáo phái hiện hữu trên đất Vĩnh Long như đã trình bày.

Chúng tôi thấy cần nên đề cập đến Tịnh độ cư sĩ Phật học hội Việt Nam, là Hội Phật của người tu tại gia, cư sĩ, tu theo Tông Tịnh Độ.

Hội này được sáng lập đến năm 1967 đã trên 30 năm do đức Tôn sư Minh Trí, người gốc ở Sa Đéc, trước thuộc Vĩnh Long, ngài đã liễu đạo vào năm 1956. Sau này Hội hoạt động mạnh mẽ, tín đồ lên đến gần triệu người. Tôn chỉ của Phật Học Hội là thực hiện chủ nghĩa từ bi, và bác ái của nhà Phật, giúp đời, âm thầm làm Phật sự, với lòng vị tha.

Hội chủ trương với mục đích cao cả ấy, khuyến khích mọi người mở rộng tình thương, tận dụng khả năng, đem tài đức của mình giúp người theo phương tiện, không danh, không lợi.

Đức Tôn sư đề xướng “Phước Huệ Song Tu” để dẫn dắt thiện nam tín nữ.

Hội quán Trung ương là Hưng Long Tự, tại đại lộ Nguyễn Tri Phương Saigon cũ, và các tỉnh các hòn đảo Phú Quốc, Côn Sơn, Hòn Đá Bạc, từ vùng cao nguyên Cà Mau đến Bến Hải đều có Tỉnh Hội, Chi hội Tịnh Độ cư sĩ.

Các nơi đều có mở phòng thuốc Nam hốt thuốc trị bệnh cho đồng bào nghèo, phòng châm cứu, phòng trị đau mắt, trên tinh thần từ thiện và sự tình nguyện của các Đông y sĩ phục vụ cho Hội trường lấy tiền.

Sau này tại Vĩnh Long có ngôi Hưng An tự ở đường Đồng Khánh là chi hội của Tịnh Độ cư sĩ, do ông Phủ Võ Văn Châu và chư bốn đạo đứng trông nom, ngôi này kiến trúc theo kiểu Lưu Bồng trên có lầu bát giác xem rất cổ kính uy nghi. Thời gian qua có mở phòng thuốc trị bệnh cho đồng bào trong vùng, mỗi ngày con bệnh đến thỉnh thuốc tấp nập. Trong mấy năm gần đây vì thiếu người trông nom nên Chi hội không hoạt động mạnh như trước nữa, những ngày rằm, sóc vọng, ngày vía thì cũng hành lễ cúng như các chùa trong tỉnh.

Đặc biệt đạo kỳ của Tịnh Độ cư sĩ khác hơn những đạo kỳ của các tôn giáo bạn, trên cột trụ trước sân chùa phát phối, một đạo kỳ chữ Nhứt, màu đỏ nằm trên nền vàng, tròn trắng, bao quanh bởi một vòng tròn, tiêu biểu cho sự trì danh hiệu đức Phật A Di Đà đến “Nhứt tâm bất loạn”.

Hội Phật học Tịnh Độ cư sĩ Việt Nam được đồng bào các giới biết nhiều, vì Hội này gần gũi những người nghèo khổ nhiều hơn, những vụ hỏa hoạn, thủy tai, tật bệnh, nơi nào có thì có ban Từ thiện của Hội đến an ủi, không phân biệt màu da chủng tộc, tôn giáo đảng phái gì cả.

Mặc dầu đức tôn sư Minh Trí đã liễu đạo, nhưng các tín đồ của ngài vẫn tiếp tục trên con đường hoằng pháp, hành giới luật, đi đúng với thuyết của ngài chủ trương tu thân và độ thế.

Xuyên qua các Tỉnh Hội, Cai Hội của Tịnh Độ cư sĩ ở khắp các miền Tiền Giang và Hậu Giang, chúng tôi có dịp viếng qua, nhận thấy các nơi trên đã phát triển mạnh, nhất là Tỉnh Hội Sa Đéc, là nơi tỉnh của Đức Tôn sư ra đời lập đạo càng thêm khởi sắc.

Hầu hết các tín đồ cư sĩ Tịnh độ đều hướng về chữ Nhứt tâm.

NGÔI TRÚC LÂM THIÊN ĐIỆN

ĐỀN THỜ ĐỨC DI LẠC THIÊN TÔN

Vĩnh Long năm 1967 có rất nhiều chùa, Hội Phật Học, Thất Cao đài, Thánh đường, nhà giảng, am cốc, tịnh xá dựng lên càng ngày càng thêm. Đặc biệt có ngôi Trúc Lâm Thiên Điện, một nơi thờ đức Di Lạc thiên tôn, ngôi nầy cất trên một vuông đất rộng rãi, chung quanh có trồng nhiều loại cây ăn trái. Chánh điện xây theo hình bát giác, day mặt ra đường Thủ khoa Nghĩa, bên kia đường là đền Phật Mẫu đối diện.

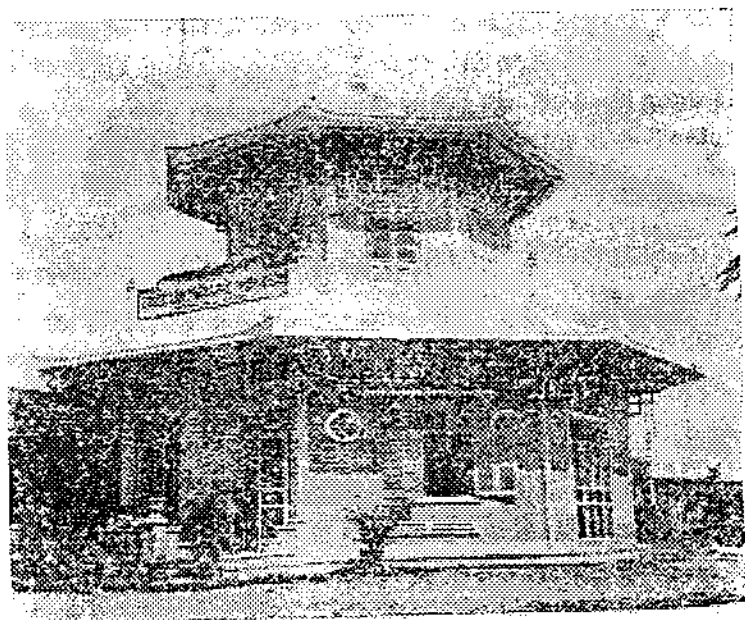
Bên trong điện, chính giữa trang trọng một pho tượng Di Lạc cao độ 2m đắp y vàng rực rỡ, trông qua thật là uy nghi. Đôi môi ngài nở nụ cười hoan lạc, mắt ngài sáng đầy tinh thần,

Khung cảnh tôn nghiêm hòa ái. Bao tấc lòng thành kính của con nhà phật tử đều hướng về đây. Quanh năm suốt tháng, khói hương ngút tỏa. Hoa quả dâng cúng hằng ngày. Đêm đêm tụng kinh lễ bái.

Chúng tôi đến viếng với niềm lâng lâng cảm mộ. Một đạo hữu ân cần cho chúng tôi biết qua: giai thoại, tương truyền theo cơ bút giáng ở các nơi từ trước, đất Vĩnh Long là đất lành trở sanh cây quý. Đạo giáo hoàng khai.

Bâng khuâng trong hương khói trang nghiêm, miên man cảm khái, vị đạo hữu ấy trầm giọng nói tiếp:

- Hôm nay Vĩnh Long mà có ngôi Trúc Lâm Thiên Điện, chính là cơ vận chuyển cho đạo tâm Nguyễn Văn Các, pháp



**ĐỀN THỜ ĐỨC DI LẶC
TRÚC LÂM THÁNH ĐỨC THIÊN ĐIỆN**

danh Thiện Đức, đứng ra mua đất khởi dựng đầu tiên. Với lòng háo nghĩa của chư đạo tâm, kẻ ít người nhiều, đồng chung lo ngôi điện nầy được thành tựu vào năm 1962, trong số giúp đỡ ngôi Trúc Lâm cũng nhờ một phần lớn là ông Nguyễn Xuân Liêm hết lòng đôn đốc.

Khi hướng dẫn chúng tôi đi quan chiêm khắp trong ngoài ngôi Trúc Lâm Thiền Điện, vị đạo hữu ấy bồi ngùi hồi tưởng những khúc gay go thử thách, cho chúng tôi biết thêm được một câu chuyện nghi ngờ trong cửa Đạo như sau:

Dưới thời chính phủ Ngô Đình Diệm, khi ban tổ chức dự định cung nghinh kim thân đức Di Lặc từ Sài Gòn về Vĩnh Long an vị, nửa chừng bỗng xảy ra việc ngăn trở, nhân viên công lực đến canh giữ ngôi Trúc Lâm Thiền Điện. Quan khách hay tin, sự tới lui cũng giảm bớt. Người trong cuộc ai ai cũng băn khoăn, việc xảy ra bất ngờ ngoài ý muốn của ban tổ chức. Nhưng mọi việc rồi cũng trôi qua suôn sẻ.

Giữa lúc khảo đảo sóng gió ba đào, mới biết sức dẻo dai bền chí của con nhà đạo tâm, có đủ nghị lực chịu nổi hay không, hoặc nửa chừng bỏ dỡ. Nhờ sự thử thách ấy mà ngày nay Trúc Lâm Thiền Điện được thêm phần hưng thịnh.

Bước thăng trầm đã xảy ra nơi cửa đạo trong thời gian qua, gọi lại ai cũng cho đó là cơ thử lòng. Có như vậy mới biết lòng người đen trắng, ai hy sinh ai chẳng hy sinh.

Đã hiểu qua lịch sử của ngôi Trúc Lâm Thiền Điện, chúng tôi muốn tìm hiểu thêm về sự thờ cúng hành lễ nơi đây ra sao?

Vị đạo hữu là người trong cuộc đã tiếp chuyện chúng tôi, sốt sắng giải bày:

- Sự thờ cúng nơi đây rất tự do. Khi tụng kinh nhà Phật. Khi thì đọc kinh Cao Đài. Mỗi tháng nhằm ngày vía thì cũng dâng lễ, cúng bái như các nơi trang nghiêm khác. Đặc biệt là mỗi năm có giáng cơ một lần vào ngày thiêng liêng định. Trong ngày giáng cơ, do một em bé 9 tuổi làm đồng tử, cầu ơn trên lâm đàn dạy đạo. Năm đầu, đồng tử chấp cơ xuất khẩu. Qua năm sau, tổ chức thiết đàn giáng cơ, có thêm đọc giả và hai ban điển ký, ghi lại lời đọc giả cùng một lượt.

Cả hai phương diện đạo và đời đều đi đôi với nhau. Các đạo tâm hằng trọn lòng phụng sự hy sinh, thực hành câu đạo cứu đời, thực thi lời Đức Chúa, Đức Phật đã dạy các đệ tử nên giúp đỡ kẻ đau yếu, tật bệnh, đói rách.

Có lẽ quý vị trong ban hành sự Trúc Lâm Thiền Điện, cả nhân vật trong đạo lẫn ngoài đời đều đồng cảm niệm như trên, nên việc làm thật đáng khích lệ phần nào. Vì ngôi Trúc Lâm Thiền Điện hiện đang xây cất dãy mé sau, tầng dưới để làm phòng thuốc Nam và chỗ cho bệnh nhân nghỉ, tầng trên lầu thì để các vị cư sĩ tham thiền tu.

Xuyên qua bao điều đã thực hiện được, ngôi Trúc Lâm Thiền Điện đã có tiếng vang khắp gần xa. Do đó, tuy mới tạo nên 5, 3 năm nay, nhưng các nhà đạo tâm ở Thủ Đô cũng như các tỉnh khi đến Vĩnh Long cũng ghé qua, viếng nơi này với niềm sùng kính.

TỔNG KẾT SƠ LƯỢC VỀ PHẦN TÔN GIÁO

Sưu tầm khảo cứu sơ lược qua các tôn giáo, chúng tôi đã nêu lên một ít về lịch sử giáo phái có mặt ở Vĩnh Long, của thời quá khứ. Nhận thấy mỗi tôn giáo trên đã phát huy truyền bá giáo lý qua bằng mọi hình thức.

Nơi thì mở trường dạy học. Nơi thì thuyết pháp, giảng đạo, in kinh sách ấn tống, làm việc phước thiện thí thuốc v.v...

Mục đích chung là phụng sự, giúp đời, hướng dẫn con người làm lành, lánh dữ.

Thực thi lời của các đấng Giáo chủ di giáo tự ngàn xưa, mở rộng lòng từ bi, bác ái, thương người mến vật.

Ngược dòng lịch sử, trải qua bao thời đại biến cố, nước non lăm lăm đổi chủ. Tôn giáo đều chịu ảnh hưởng của sự diễn biến, của mỗi thời kỳ, đạo có lúc suy lúc thịnh, không một đạo giáo nào tránh khỏi sự xáo trộn.

Riêng về đạo giáo ở Vĩnh Long, có một vài tôn giáo trải qua nhiều điều điều đứng của thời quá khứ.

Vào năm 1967, Vĩnh Long là nơi phát nguyên nhiều về Đạo, có tòa Giám mục, có Thánh Thất Cao Đài, có Tỉnh hội Phật giáo Hòa Hảo, có Tịnh xá Du Tăng Khất sĩ, chùa Thiền Lâm, chùa Cổ Sơn Môn, Chi Hội Tịnh Độ Cư sĩ, Phật giáo Thống Nhất, Tỉnh Hội Phật học, Trúc Lâm Thiền Điện và nhiều Chi phái khác v.v...

Một tỉnh nhỏ nhưng đạo giáo rất thịnh hành dĩ nhiên phải có lắm người bốn phương lui tới chiêm ngưỡng.

Phần thứ năm:

VĨNH LONG VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

- QUA CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
- VĨNH LONG TÂN CỰU GIAO HÒA
- VĨNH LONG THƠ MỘNG XUYỀN QUA BẢY QUẬN

Vĩnh Long qua các bộ môn Văn hóa Nghệ thuật

Nếu Hà Tiên khi xưa từng nổi tiếng là nơi văn học, do Mạc Thiên Tích chấn chỉnh nền văn hóa, thì Vĩnh Long cũng chẳng kém chi phong khí nho văn, khi cụ Phan Thanh Giản ngồi chức Kinh lược sứ miền Nam, cụ Nguyễn Thông làm Đề học Vĩnh Long. Vả lại, khi họ Mạc suy sụp, nhóm Chiêu Anh Các phân tán, nền văn học Hà Tiên cũng dần dần sút kém, trong khi Vĩnh Long hưng khởi dẫn đầu ba tỉnh miền Tây buổi bấy giờ.

Từ lúc Vĩnh Long bắt đầu thiết lập “Nền Văn” và miếu Văn Thánh, hằng năm sĩ phu khắp miền Tây đều tựu về đó nhóm họp, đàm luận văn chương, giải bính kinh sách, gây nên học phong sĩ khí đáng ngợi.

Về văn học, không ai là chẳng nghe tên, biết tiếng các tao nhân mặc khách đất Vĩnh như: Đỗ Minh Giám, tục gọi Nhiều Tâm, Đỗ Văn Sỏi hiệu Bổng Dinh, Nguyễn Hữu Đức, nữ sĩ Trần Ngọc Lầu, Tống Hữu Định...

Thời gần đây, ông Thượng Tân Thị Phan Quốc Sang đã từng ngồi dạy học ở Vĩnh Long, khét tiếng văn chương từ điệu. Chính ông Thượng Tân Thị là tác giả 10 bài “Khuê phụ thán”, thác lời Nguyễn Hoàng Phi khóc than thân thế đức vua Thành Thái và Duy Tân, bị thực dân Pháp lưu đày ở đảo Réunion; và sau đó ông còn làm tiếp thêm 10 bài nữa, bộ y nguyên vận 10 bài trước, đề là “Tục Khuê Phụ thán”. Ngoài ra, ông Thượng

Tân Thị cũng nổi tiếng học giả, từng viết những bài sưu khảo trong tạp chí “Đại Việt” do Hồ Văn Trung tức nhà tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh chủ trương, và là dịch giả quyển “Nam kỳ lục tỉnh địa dư chí”.

Ông Mạnh Tự Trương Duy Toàn (thân sinh ký giả Thiệu Võ Trương Duy Khánh) là ký giả lão thành nổi tiếng.

Đặc biệt hơn cả, là ông Hà Trai Nguyễn Văn Dần, dày công sưu khảo viết nên hai quyển “Vĩnh Long nhân vật chí” và “Sa Đéc nhân vật chí”, tô điểm cho tỉnh nhà rạng vẻ. Chính ông Nguyễn Văn Dần còn là cựu Hiệu trưởng trường Nguyễn Xích Hồng ở Saigon khi trước, và là Hội trưởng Hội “Vĩnh Long tương tế” từ năm 1925.

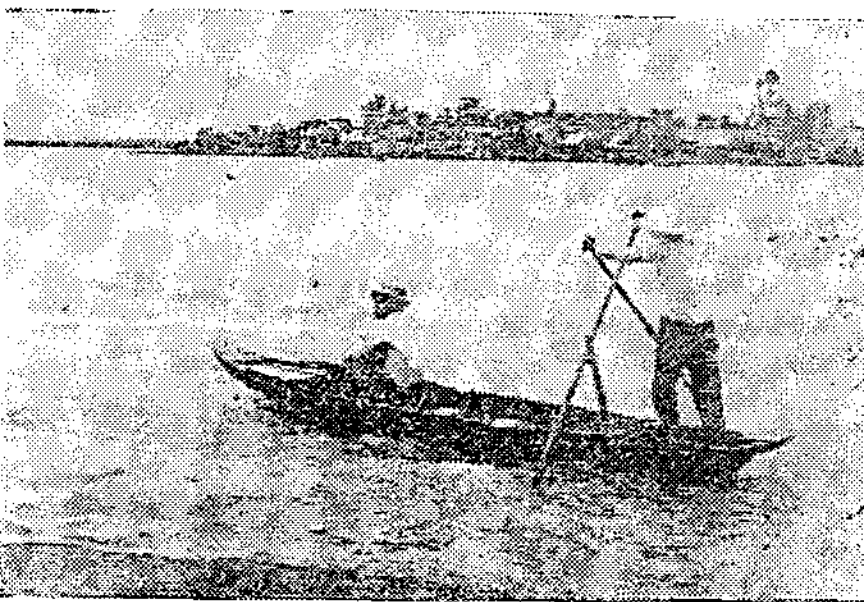
Ngoài ra, các ông Nguyễn Phú Toàn bút hiệu Nhập Vương Thị, Lê Ngũ Bá, Bùi Văn Khánh, Bùi Văn Triều, Lương Tử Mạnh, Hiếu Tân Nguyễn, Phan Tần, đều là trang văn học có tiếng tăm.

Gần đây, nhà thơ trẻ Chung Văn A cũng đã rước được lời khen ngợi trong văn học giới, dưới bút hiệu Việt Chung Tử (vì ông họ Chung, nên ví mình như Chung Tử Kỳ của đất Việt), hoặc ký tắt ba chữ tên là C.H.G.V.A (với ẩn nghĩa dí dỏm “Chẳng hề gần với ai”).

Ông đã xuất bản được nhiều tập thơ: Cung tim, Tim về tình thương, Tuổi học trò, Dấu chân du mục.

Tại Tòa Hành chánh sau này, chúng tôi được biết ông Dương Văn Tường, hiệu Bích Thủy cũng là người văn học khá ái lắm người biết. Bạn Duy Lương, một phái viên trẻ tuổi hoạt động nhiều, đã từng cộng sự với các nhật báo lớn ở Thủ đô, nay bạn trở về làm việc tại tỉnh nhà.

Nhà biên khảo Huỳnh Minh
Một buổi trưa trên dòng sông Long Hồ



*Nước nguồn tụ hội sóng giao duyên,
Lơ lửng sông xanh một chiếc thuyền
Cảnh tịnh thần tiên thơ mộng quá,
Này đây có phải lối đào nguyên?!*

Về bộ môn sân khấu, Vĩnh Long từng có lắm nhơn tài đóng góp đặc sắc nhiều hơn nơi nào cả. Riêng ông Tống Hữu Định vẫn là người có công nhất trong sự sáng tác tuồng hát là vở tuồng cải lương đầu tiên được đưa lên sân khấu trình diễn.

Ông Tống Hữu Định vốn xuất thân là một vị Phó tổng, tổng Bình Long, tục gọi ông Phó Mười Hai. Có tài văn chương, sẵn dạ yêu mến nghệ thuật, ông họp bạn đồng điệu trao đổi ý kiến, rồi sáng chế ra điệu ca, ra bộ, đặt đề bài ca cho hòa rập với dàn đờn thêm vui tai thích ý người mộ điệu ca cầm.

Đồng thời, có ông Trần Quan Quờn, tục gọi là ông Kinh Lịch Quờn, nổi tiếng là bậc ưu tú về cổ nhạc, sáng tác lắm bài bản được hoan nghênh. Có thể nói, Vĩnh Long là nơi đã xuất phát nghệ thuật ca kịch, cùng với các nghệ sĩ ở Sa Đéc, Mỹ Tho đã đẩy mạnh sân khấu cải lương tiến triển.

Được tuyên trưng nhất buổi bấy giờ, là bài ca Tứ đại oán diễn tả về Bùi Kiệm trong thơ Lục Vân Tiên của cụ Nguyễn Đình Chiểu. Bài ca Tứ đại mệnh danh là “Bùi Kiệm thi rớt trở về”, có lẽ hầu hết giới mộ điệu kịch nghệ không ai không nghe biết đến ít nhiều.

Ca sĩ hữu danh ở Vĩnh Long thì nổi tiếng nhất từ xưa có nữ ca sĩ Bảy Ngọc. Thuở xuân xanh, thính sắc lương toàn, nữ ca sĩ Bảy Ngọc vang lừng tên tuổi. Nay đã cao niên, nhưng bà Bảy Ngọc vẫn hằng được người đời nhắc nhở trong lãnh vực sân khấu kịch trường. Soạn giả nổi tiếng có Năm Mãn với vở tuồng Phật Tổ Thích Ca đắc đạo, vở Tôn Tản hạ san của đại ban Tân Thịnh thời bấy giờ, những vở tuồng trên đây rất ăn khách được khán giả 3 kỳ để lời khen ngợi, anh có biệt tài soạn về tuồng Phật.

Hậu bối có kịch sĩ Duy Lâm, nhạc sĩ Bửu, danh ca Út Trà Ôn (1), nữ ca sĩ Thanh Tùng với làn hơi thiên phú và độc đáo làm say lòng khách mộ điệu cầm ca, cô đã từng vô địch phổ trương tài nghệ góp công tô điểm nền ca kịch nước nhà nói chung, tỉnh Vĩnh Long nói riêng.

Trong giới văn nghệ sĩ Vĩnh Long xưa và sau này có rất nhiều người tài giỏi, nhưng chúng tôi chỉ nêu lên một ít danh ca tượng trưng, để đánh dấu giai đoạn sơ khai từ năm 1916 và lớp trẻ hiện đại của tỉnh nhà đang nối tiếp phát triển trên đường văn nghệ.

Đây xin ghi lại bài ca ra bộ đầu tiên xuất phát tại Vĩnh Long cách nay trên 50 năm, tác giả chính là ai, không ai biết rõ. Có lẽ đó là bài ca do công trình tập thể của các nhạc sĩ và soạn giả đất Vĩnh.

Bài Tứ đại ấy như sau:

LỚP NHÚT:

Bùi Kiệm (ca) : Khi từ khi Kiệm thì rớt trở về.

Bùi Ông (ca) : Bùi ông mắng nhứt nhứt trề.
Trách quả chàng ham bẻ vui chơi.

Bùi Kiệm (ca) : Kiệm thưa, tài bất thắng thời
Có lẽ nào con không lo bề công danh
Tuổi con hãy còn xuân xanh
Ơn mẹ cha con chưa lâm đền.

(1) Út Trà Ôn một danh ca tên tuổi ở quận Trà Ôn trước kia, nay quận này đã sáp nhập về tỉnh Vĩnh Long, thế thì anh là người của Vĩnh Long vậy.

Bùi Ông (ca) : *Bùi Ông nghe tiếng nỉ non mới vuốt ve
khuyên Kiệm:*

"Thôi con ở lại nhà, đừng hôm sớm với cha"

LỚP XANH DÀI I

(Đối lớp Bùi ông vô - Nguyệt Nga ra)

Bùi Kiệm (ca) : *Đêm khuya, vừa lồi canh ba,*

Chốn thư phòng Kiệm đang trăn trở

Bỗng nghe trên lầu ai than thở

Kiệm muốn tường cho ra duyên cớ

Bước lên xẩy thấy một trang má đào

(đang tụ mây)

Tóc bở rối chẳng dài

Kiệm xem nhan sắc ai tày

Kiệm làm màu giả cất tiếng ho

Nguyệt Nga (ca) : *Nguyệt Nga đang ngồi so đo*

Nghe tiếng ho, gượng làm vui đứng dậy

Tôi chấp tay chào thầy

Đêm tăm tối thầy đến chi đây?

LỚP XANG DÀI II

Bùi Kiệm (ca): *Kiệm phân, từ lầu bước thang mây*

Trở về nhà, nghe cha nói lại

Rằng chốn gia đình sẵn nuôi một gái

Bút nghiên rành lại thêm biết phải

Bụng tôi sờ mó, đến hôm nay mới tỏ tường

(thiệt tình cờ)

Ngó lên chính giữa bàn thờ

Khen ai khéo họa bức tang đồ,

. Xin cảm phiền nàng cho tôi xem.

Nguyệt Nga (ca) : *Nguyệt Nga bèn đứng lên*

Bùi Kiệm (ca) : *Kiệm liếc xem rõ trong duyên có*

Chậm rãi phân liên

Tượng nầy sao lại giống anh Vân Tiên?

LỚP XANG VẤN I

Ta nghe, chàng đã qui thiên

Nàng tội gì thờ cho uống kiếp

, Thôi thì như vậy

Đó với đây gá nghĩa trăm năm

Lẽ trời đã định phân

Thôi khép nép chi hồi nàng

LỚP XANG VẤN II

Nguyệt Nga (ca) : *Nguyệt nga cất tiếng khóc than*

Tử cho phận hồng nhan

Cúi xin thầy suy đi tình lại

Phận nầy xin cam bề

Giữ cho vẹn chữ trinh

Chứng có thần linh

Xin xét soi cho phận nầy

LỚP HỒI THỦ

(Ngoài Nguyệt Nga, Bùi Kiệm, thêm Bùi ông)

Bùi ông (ca) : Ông, Bùi ông, bước tới phân trần
 Hai ơi, sao hồng xét số phần
 Thằng Cử của tôi ời thôi rất bảnh
 Ngôn ngữ chàng như lưu
 Sách mấy pho sử kinh cũng thạo
 Song bởi cháu chưa tường
 Nên bụng cháu chưa thương

Nguyệt Nga (ca): Nguyệt Nga xin, bảy bữa làm chay
 Cho Vân Tiên phí lòng
 Rồi đây, đó với đây kết mối tơ hồng
 Cùng thầy cử, động phòng sánh duyên

Bài ca tuy là xưa, lời lẽ không văn hoa bóng bẩy, nhưng đầy ý nghĩa, mang màu sắc dân tộc, được phổ biến trong giới bình dân khắp chốn.

Sợ thời gian xóa mờ, lãng quên, chúng tôi xin trích theo nguyên văn, hiến quý bạn đọc tìm hiểu lời thú vị thanh cao, trong lúc trà dư tửu hậu, ngâm nga tiêu khiển giải muộn cơn sầu, thiết tưởng không đến đâu là vô bổ.

Đó là tác phẩm kỷ niệm của tập đoàn Văn Nghệ Sĩ lớp người trước đất Vĩnh Long. Quay về dĩ vãng ngót nửa thế kỷ nay, bài ca vọng cổ của nhạc sĩ Sáu Lầu khai sinh từ năm 1917 tại Bạc Liêu đã để tiếng, lịch sử trong giới cầm ca còn nhắc nhở.

TRẦN NGỌC LẦU

NỮ SĨ TIỀN PHONG CỦA VĨNH LONG
CÓ TÀI XUẤT KHẨU THÀNH THƠ

Bà Trần Ngọc Lầu, có tên khác nữa là Ngọc Dung hay Ngọc Bích, người ở tỉnh Vĩnh Long, tục danh là cô Ba Lào.

Thân mẫu của bà mất sớm. Thân phụ là Trần Xuân Sanh, vốn trang tài tuấn, từng lều chõng ứng thí đồ Thủ khoa, khi tục huyền gặp phải người vợ sau không hiền, gia đình lấm cợn sóng gió. Ít lâu, kế mẫu của bà về ở Tam Bình, thuộc tỉnh Vĩnh Long, rồi có gia đình khác.

Khoảng năm 1867, sau khi sáu tỉnh Nam Kỳ đều thuộc Pháp, bà theo cha quá Mỹ Tho tìm sinh kế. Ngày tháng lẩn trôi, nhờ cha dạy dỗ, bà cũng thích văn chương, được người đời khen tặng trang nữ sĩ.

Hoa có sắc hương, tránh sao khỏi ong bướm rấp ranh, bà đã có lúc phải cau mày với những kẻ tin đi nói lại:

*Cái giọng đôi ba thiếp đã từng,
Trau tria vẽ bướm ghẹo hoa xuân
Thử lòng ả Trác ai kìa chớ,
Khảy điệu chàng Tương thiếp bảo đừng
Rờ vảy hàm rồng khen lớn mặt
Cấp non nhảy biển găm quen chơn
Làm thỉnh chẳng nói cho rằng ngộ,
Nói lại càng mang tiếng sẽ sùng.*

Nhưng ngày xuân thấm thoát qua, bà vẫn phải chán nản nhiều:

*Nằm đêm nghĩ lại rất than thầm,
Tài bộ như vậy đáng mấy trăm
Khôn khéo dễ thua người vịnh tuyết
Thông minh chẳng kém mặt thân cầm
Văn chương Tống Tín coi nhiều bợn
Từ điệu Như Hoành ngó vắng tăm
Chí dốc noi gương theo họ Mạnh,
Kén lừa cho gặp khách tri âm*

Mạnh Quang chí dốc kén lừa bạn trăm năm, là Lương Hồng vắng dạng. Và nhìn lại thân phụ đã già rồi, bà rất đau buồn cho số kiếp má đào bạc phận.

Điều nên biết, từ nhỏ, bà đã cùng một bạn trai là Nguyễn Hữu Đức yêu nhau. Ông Nguyễn Hữu Đức, ý trung nhân của bà cũng là một khách tài hoa, văn chương lỗi lạc. Nhưng về sau ông Đức đã phụ bà để cưới vợ giàu, khiến bà cười đau khóc hận.

Lại nữa, vì mến tài văn hóa của bà, chính ông Cai tổng Lê Quang Chiêu ở Phong Điền (Cần Thơ), cũng đã gắn bó tình duyên với bà, thi văn trao đổi tâm tình rất mặn mà, danh đồn bay khắp lục châu, văn nhân thi sĩ tìm đến để thử tài.

Lúc bấy giờ ở Bến Tre cũng có một nữ sĩ tài hoa từng phun châu nhả ngọc trên chốn văn đàn, nữ sĩ ấy chính là bà Sương Nguyệt Anh, ái nữ của cụ Tú tài Nguyễn Đình Chiểu. Có lần vua Thành Thái ngự giá sang Sài Thành, giữa bọn tùy tùng lộng lẩy xa hoa, trong khi lương dân rên rỉ lầm than, bà

không ngại tỏ nỗi căm giận trong mấy vần thơ dưới đây;

Ngàn thu may gặp hội minh lang.

Thiên hạ ngay nay trí mở mang.

Tắc đất ngọn rau tràn dưới mắt,

Đai cơm, bầu nước chật ven đường

Vui chi Thánh đế trên xe ngựa,

Xót dạ thần dân chốn lửa than.

Nước mắt có cùng Trời đất biết

Biển dâu một cuộc nghĩ mà thương

Bà trách ai nỡ lòng ngắt ngưỡng trên xe ngựa, không nghĩ tới đất nước bị xâm lăng và nhân dân cơ cực, người ta nói rằng, bài thơ này đã lọt vào tai vua Thành Thái, khiến nhà vua hổ thẹn và tìm cơ chấm dứt cuộc du hành.

Hạng nữ lưu như bà Sương Nguyệt Anh lấy bút lười mà can được nhà vua, lời nói lịch sử ấy, đã đánh thức sĩ phu trong nước, nhìn đến quê hương bị trị, chẳng nên vui chơi mà quên ngọn rau tắc đất, quên bốn phận công dân đối với non sông quốc thổ.

So sánh giữa hai nữ sĩ Vĩnh Long và Bến Tre đều là trang tài hoa lỗi lạc, nhưng đồng chung một cảnh ngộ. Bà Sương Nguyệt Anh gầy gánh cuộc tình duyên ở buổi đầu. Bà Trần Ngọc Lầu bị tình phụ bạc, hai cảnh trái ngang, nhưng thật là tình hoa xứ sở, thi văn của hai bà rất lưu loát, nào kém hạng râu mày, riêng về bà Trần Ngọc Lầu, khi ông Nguyễn Hữu Đức mất, bà ngẩn ngơ đến gần như lạc mất hồn thơ, không thiết gì đến việc làm thơ nữa! Nhứt là bài thơ chót của bà khóc ý trung nhân Nguyễn Hữu Đức, thật vô cùng cảm khái:

*Phụng Lãm ơi! Người ở chốn nào
 Ba mươi sáu tuổi một đời sao?
 Tưởng câu công tháp mồ hôi đổ
 Nhắc chuyện tri âm nước mắt trào
 Chôn khối văn tình trời đất nhẽ
 Đứt dây cầm nguyệt ruột gan bào
 Cảnh đời vật đổi xem buồn nghiêng
 Nhạn nhớ chừng mây, cá nhớ ao!*

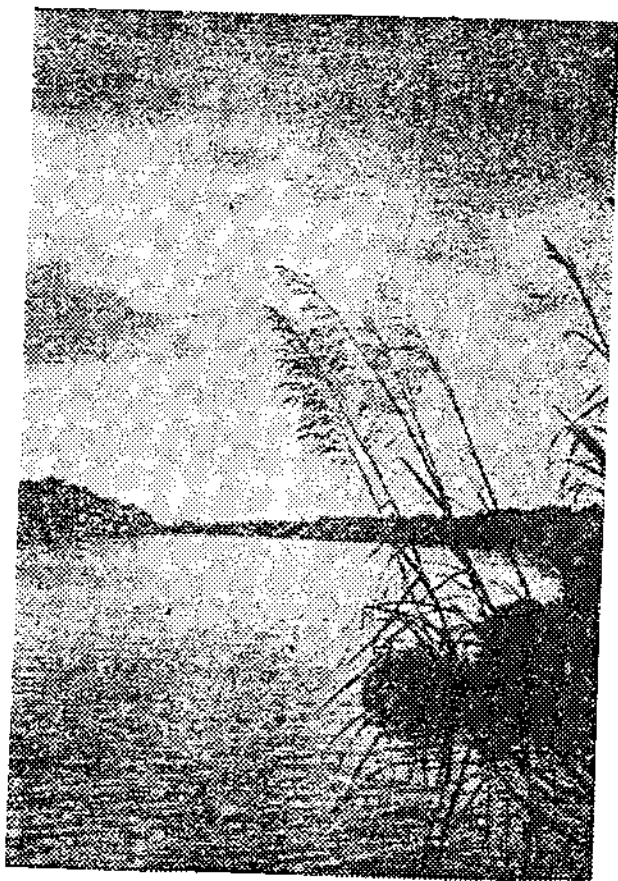
Thời gian trôi qua, cuộc đời bà gặp lắm cảnh thăng trầm, vẫn kiên gan chịu điều thử thách. Đến năm bà trên 70 tuổi, bệnh mất, các thi văn hữu đương thời đều lấy làm thương tiếc.

Thơ của bà thiên về tình cảm, lời thâm trầm, ý vị đậm đà. Những bài thơ còn được truyền tụng, phần lớn là thơ xướng họa giữa bà với ông Nguyễn Hữu Đức, tâu đậm duyên dáng thiên tình sử, giữa giai nhân tài tử trong làng hàn mặc.

Hiện nay thi văn của hai bà cũng còn lưu lại ít nhiều trong tủ sách ở Việt Nam.

Hai bà đã từng góp công tô điểm cho nền văn học nước nhà không ít, thời bấy giờ, bà Sương Nguyệt Anh có đứng ra làm chủ bút tờ “Nữ giới chung” (Saigon), tờ báo phụ nữ đầu tiên ở nước ta.

Tiết liệt đoan trang, chồng chết sớm, bà Sương Nguyệt Anh một mực thủ tiết thờ chồng. Lại có một tinh thần yêu nước rạt rào, thật xứng đáng là con cháu bà Trưng bà Triệu. Gương ấy đáng cho đời xưng tụng là nữ sĩ tiên phong của miền Nam văn vật.



CẢNH ĐẸP HẬU GIANG

*Gió đùa hoa lá cảnh xôn xao
Trời nước xanh xanh lẫn một màu
Đáy bích tung tăng đàn cá lượn
Bên cồn hiu hắt, khóm vi lau...*

Tân cựu giao hòa

Đẹp Vĩnh Long qua Thi Ca

Vĩnh Long đã là đất văn vật nổi tiếng từ xưa, cho nên tao nhân mặc khách miền Tây đều hướng về Vĩnh Long với tấm lòng mến mộ cảnh lịch người thanh. Chẳng những Vĩnh Long có nhiều di tích cổ đáng trân tàng, cảm niệm, mà bao nhiêu thi văn lưu lại để nói về Vĩnh Long, hầu hết cũng chan chứa niềm yêu chuộng nơi đây nhả thú phong lưu.

Ông Phan Trường Thọ, tự Long Giang cảm đề phong cảnh Vĩnh Long chẳng phải ngoa chút nào:

*Nhân vật phiên ba tự cổ danh
Vĩnh Long phong cảnh tuyệt trần thanh
Giang đầu nhứt thể đơn Hồng Lạc
Tiên đảo song chu bích thụ hoành
Đăng ảnh quang liên tinh nguyệt ảnh
Điểu thỉnh ca xướng quản huyền thỉnh
Văn lâu khách quá dư ngâm cảm
Vô hậu xanh xuân tự hữu tình*

Nghĩa:

*Từ xưa nhân vật nổi danh nhiều
Phong cảnh Vĩnh Long đẹp mỹ miều
Phẳng lặng Cổ Chiên sông nước dịu
Mơ màng Tiên đảo cỏ cây đều
Đèn lò ánh rạng trăng sao chiếu*

*Chim trời giọng hoa khúc nhạc thiều
 Văn miếu khách qua thừa cảm xúc
 Sau mưa xuân dậy ý tình lưu*

Sông Cổ Chiên lặng buồn muôn thuở, phô vẻ đẹp trầm hùng. Chùa Tiên Châu phong quang như Bồng đảo, Thiên thai, gợi thú tứ cho biết bao tâm hồn đa sầu đa cảm:

*"Khuất nửa cổ cây nhà trắng trắng
 "Che đôi trời nước liễu xanh xanh.*

Hầu hết cảnh vật Vĩnh Long đều chan chứa ý tình quyến rũ, mơn man lòng khách luyến lưu, khiến lâng lâng tắc lòng hoài cổ, ưu kim:

*"Danh vọng ví dây lòng chẳng tưởng,
 "Bốn mùa phong cảnh có ai tranh.*

(Thơ Nguyễn Hữu Đức)

Nhất là những lúc thừa nhân đạo qua Văn Thánh Miếu, ai mà chẳng bồi hồi trầm tư mặc tưởng, lắng nghe lòng dào dạt niềm cảm cực. Cảm khái nhất, nếu ta biết rằng xưa nhìn thấy Miếu Văn thánh, mái đổ tường xiêu vì trải cơn Pháp Việt giao tranh, sau đó tan trào ngánh mắt, không tưởng gì đến miếu ấy, danh sĩ Tống Hữu Định đã phải than dài:

*Chùa hư miếu đột dọ nào yên
 Trời đất hay chẳng chút nghĩa thiên
 Trong điện vuông tròn con bóng dọi
 Ngoài hiên to nhỏ ngút mây chuyền
 Dấu xưa nhìn đó lòng thêm tủi
 Tích cũ thấy đây dạ lại phiền*

Biển hoạn đưa bơi tài mấy kẻ

Nữ nào ngơ lấp mắt tai riêng

Rồi thì ông xướng suốt việc lạc quyền, sửa sang Văn Thánh Miếu lại. Đến khi Miếu Văn Thánh phục hồi phong độ cũ, ông cũng chính là nhân vật đạ vui reo hơn hở:

Lửa hương ngui ngút khắp trong nền,

Miếu Thánh mừng nay mới dựng bên

Án điện vẽ vang, vui phận dưới,

Cung trường rực rỡ phụng người trên

Rừng nhu thăm thẳm công che dầy

Mùi đạo dăm dài nghĩa há quên

Chiêm ngưỡng văng lai đà có chỗ

Kẻ công người của giúp thì nên

Chưa thỏa lòng mừng tràn dầy, ông lại thêm tỏ tác lòng sùng nho trọng đạo đến cao độ:

Năm canh thao thức giấc nào an,

Bồi đắp riêng cho chốn hạnh đàn.

Mái bắc rồng mây dầy rực rỡ,

Hè nam cá nước mới xinh xang.

Lửa Tần trăm dặm rừng chi hết,

Cung Hồn muôn năm cội chẳng tàn.

Một thuở vững bền cơ nghiệp cả,

Cũng như bốn biển giúp tình hoan.

Qua nhiều thăng trầm, Văn Thánh Miếu trùng tu, hai cỗ sùng thần công của ông cha ta xưa lại cũng được đem vào sân

Miếu để lưu di tích, khiến đồng bào đất Vĩnh càng cảm thấy mến yêu quê hương hơn cả bao giờ.

Chưa có thể dùng võ lực chống cường quyền xâm lược được, thôi thì đành mượn lấy văn chương để nói lên chút nào tactic lòng nhớ nước thương quê. Do tâm trạng ấy, Vĩnh Long đã nổi tiếng văn vật từ xưa, bấy giờ càng thêm nổi tiếng phong lưu tài điệu. Những trang tài tuấn như Tống Hữu Định tục gọi Phó Mười Hai, Trần Quan Quờn tục gọi Kinh Lịch Quờn, phó trương tài nghệ ca cầm soạn tuồng hát, đặt bài ca, gói ghém tâm tình cho khuây tặc dạ thương nòi xót giống, gương giữ lấy chút văn hiến, truyền thống từ hơn bốn nghìn năm non nước Tổ. Đêm đêm, tiếng hát câu hò lại vang dội khắp thành thị, thôn quê đất Vĩnh, làm sống lại phong khí Vĩnh Long văn hiến.

Đáng chú ý nhất là những câu ca dao truyền tụng, nhắc nhở đến tài danh các bậc nho lưu xưa, đêm đêm hằng đồng vọng nơi bến nước, sông hồ:

*“Vĩnh Long có cặp rồng vàng,
Nhất Bùi Hữu Nghĩa, nhì Phan Huân Thần”.*

Hoặc:

*“Vĩnh Long có bốn rồng vàng,
Lộc họa, Sang đàn, Nghĩa phủ, Lễ thi”*

Còn nói về kinh tế đất Vĩnh, dân chúng ăm no hoan lạc, có thể nói rằng dân gian đã thốt lời tiêu biểu nhất:

*“Vĩnh Long gạo trắng nước xanh,
Ruộng vườn tươi tốt dân tình hiền lương”.*

Và đây, ngoài Miếu Văn Thánh, mà bao nhiêu tao nhân mặc khách đã ca tụng như đã kể trên, Vĩnh Long còn nổi bậ

với bao nhiêu điều đáng biết qua những cuộc hưng vong trị loạn. Chúng ta hãy nghe cụ nhân sĩ đất Vĩnh là Nguyễn Phú Toàn, hiện nay đã 75 tuổi, nhưng rất tráng kiện, đã Vịnh đề với mối chân tình tha thiết yêu quê hương xứ sở:

*Kinh thành thuở trước, tỉnh bây giờ,
 Chúa Nguyễn đương oai thượng ngọn cờ.
 Bốn mặt dài kiêu ban huấn lệnh,
 Hai dòng Long, Cổ chứa mưu cơ.
 Bãi Tiên chùa cũ công phu sáng,
 Văn Thánh miếu đường nhắc nếp xưa.
 Bô lão ai đâu xin kính hỏi,
 Hoàng cung kinh lược phải đây chưa?*

Phong cảnh miền Tây xuyên qua hình ảnh Vĩnh Long đáng yêu là thế. Thảo nào khi quân đội Pháp chiếm đoạt ba tỉnh miền Tây, cụ Cử Trị đã phải phẫn uất, náo nùng khi nghe tiếng kèn lạ vang dội ngày lại ngày lúc thất thủ Vĩnh Long:

*Tò le kèn thổi tiếng năm ba.
 Nghe lọt vào tai dạ xót xa.
 Uốn khúc sông Rỗng mù mịt khói,
 Vẳng hoe thành phụng ủ sầu hoa.
 Tan nhà cảm nỗi câu ly hận,
 Cắt đất thương thay cuộc giãng hòa.
 Gió bụi đòi xiêu ngã cỏ,
 Ngậm cười hết nói nỗi quan ta.*

Cụ Bùi Hữu Nghĩa - một danh sĩ của miền Tây mà ca dao đất Vĩnh hằng truyền tụng như trên, có lần bị giam ở Vĩnh Long, vì tính khảng khái, cảm ngâm biểu lộ tâm chí hùng hào:

*Nhượng chẳng là nhượng kẻ cày voi,
 Lục lục thường tài cũng một mồi.
 Mờ mịt bởi mây che bóng nguyệt,
 Âm thâm vì trống lấp hơi còi.
 Kìa câu kích kỷ kinh còn tục,
 Nọ kẻ khi nhân thánh hỡi roi.
 Lẩn thẩn hết suy thì đến thời,
 Ngày qua tháng lại bước đường thôi.*

Dù khi thất thế, cụ Bùi Hữu Nghĩa vẫn tin tưởng ở luật trời “Lẩn thẩn hết suy thì đến thời”. Cá nhân đã vậy, mà một quốc gia dân tộc cũng vậy, hết loạn thì đến trị, hết suy thì tới thanh lễ đương nhiên. Hiểu lẽ doanh hư tiêu tướng máy tạo cơ trời, Nguyễn Liên Phong đã vịnh cảnh Vĩnh Long tuyệt diệu trong quyển “Nam kỳ phong tục nhân vật điển ca” của ông, tập II trang 70:

*Vĩnh Long địa cảnh rộng thênh thênh
 Thuở cụt trào ta chốn tỉnh thành
 Miếu thánh ngày nay còn hiện tại
 Quốc công thờ trước dấu anh linh
 Mười ba tổng, tục đều trung hậu
 Trăm mấy thôn người biết học hành
 Thế cuộc hiệp tan, tan lại hiệp
 Mau như mây nổi giữa trời xanh.*



MỘT CẢNH VƯỜN QUÊ Ở VĨNH LONG

Vui thú điền viên, gác lại, danh
Lánh xa mùi tục, chốn đô thành
Sớm chiều thông thả dùa trăng gió
Một mảnh vườn con, một mái tranh

Phải rồi. Thế cuộc hiệp tan, tan hiệp có mấy hồi đầu, thấm thoát biến hiện mau như mây nổi giữa trời xanh mà thôi. Bởi thế, ngày nay đất nước đã lại trở về ta, thực dân Pháp đã cuốn gói xuống tàu về non nước họ. Để giữ lấy nền văn hóa đất nước muôn đời, người dân Vĩnh Long cũng như bao đồng bào ở các tỉnh khác khắp nước non nhà, đều hăng hái bắt tay xây dựng. Đầu đầu cũng thấy cảnh tân cựu giao hòa, một mặt bảo tồn văn hóa dân tộc, một mặt vẫn theo kịp trào lưu tiến hóa trên thế giới. Vĩnh Long phong cảnh ngày nay càng khởi sắc, qua mấy vắn trác tuyệt của thi nhân đất Vĩnh hiện đại:

*Tuy không đồi núi nhấp nhô,
Không làn suối bạc, chẳng hồ nước xanh.
Mông lung vài nét đụn thanh,
Vĩnh Long trông vẫn hữu tình đáng yêu.*

Và:

*Ở đây tân cựu dung hòa
Hồn nhiên lẫn chất xa hoa nhịp nhàng
Bốn mùa cảnh trí thanh quang
Tôn nghiêm cổ tích, khang trang thị thành
Khách du lưu luyến đất lành,
Ra về còn giữ mối tình tương tri*

Vĩnh Long thơ mộng, Vĩnh Long cổ kính



Thượng tọa Giác Huệ

xuyên qua 7 quân, tìm tòi nghiên cứu những chuyện xưa tích cũ từng địa phương, ghép vào quyển nhật ký, những sự việc đã có trên phần đất xưa, di tích, lịch sử, tôn giáo.

Nói lên tình quê hương dân tộc qua những bài thơ dưới đây:

Vĩnh Long cảnh đẹp người xinh,

Quyện lòng du khách gọi tình nước non!

Đây là hai câu thơ mở đầu của Thượng tọa tỏ lòng triu mến quê hương qua bao hình ảnh cổ kính và khen ngợi sự xinh đẹp của người Vĩnh Long.

(1) Thượng tọa Giác Huệ cũng là một thi sĩ đã từng xuất bản những tập thơ "Giác Huệ thi tập" được giải nhất, "Đường xa xứ lạ" "Thăng nét mực Tàu", và đã từng cộng sự với nhiều nhật báo giữ mực Thơ đạo và truyện ngắn v.v...

1. QUẬN CHÂU THÀNH

Có ai về đến Vĩnh Long?

Cho tôi ngăn gởi đôi dòng: nhớ thương!

Nhớ: Long Hồ, nắng hai sương,

Nhớ thuyền, đung đỉnh ngược đường Cổ Chiên.

Thương cụ Phan lấy bút nghiên,

Chống quân xâm lược, đoạt miền: Đông, Nam.

Thêm vào đấy, những danh lam,

Tân kỳ, cổ kính, lòng: làm sao quên?

Miếu "Tống quốc công", hương ngút tỏa,

Tám lăm (85) lá sắc, miếu công thần

Ngàn năm "Văn thánh" trơ sương, tuyết

"Dì Lặc" tươi cười, rạng ý dân.

'Ba chục thước ngang đường Nguyễn Huệ

Đến trường Sư phạm, tạo tài nhân

Quán cơm xã hội, bên: chay, mặn

Du khách ít tiền có thể ăn

Nước ngọt, dân tình: lòng chất phác

Theo nhiều tôn giáo, để tu thân

Cao Đài, Hòa Hảo, Thông Thiên Học

Công giáo, Tin lành, với Tứ ân.

Phật giáo hồng khai kha khá mạnh

Nhất là Khất sĩ Minh Đăng Quang

Đầu tiên khai mở, sau lan rộng

Bến Hải, Cà Mau rộn riếng vang

2. QUẬN BÌNH MINH:

Ba cần phát xuất nhiều tôm cá
 Chim, chuột, bắp dư, buổi (1) bận, cam
 Du khách thương hồ, hay ngoại quốc
 Về rồi, vẫn nhớ món chim ram (2)
 Sông hậu, hai bờ cây trái thanh,
 Nói liền chiếc Bắc đò tình duyên
 Phần đông tín ngưỡng theo Tôn giáo (3)
 Hoa Việt thêm vào Việt gốc Miên
 Minh Đăng Quang giáo chủ, hạnh tu hiền.
 Cũng không khởi vương vào vòng lao lý.
 Gương khát sĩ
 Hạnh hóa duyên
 Ngon đèn thiền.
 Tim đã lụn
 Thế rồi, năm tháng qua vùn vụt
 Khất sĩ vùng lên rải ánh vàng

-
- (1) Buổi tại quận Bình Minh có 5 thứ buổi danh tiếng. Buổi thanh trà, buổi dây, buổi bánh xe ruột đỏ, buổi khương bình Tịnh, buổi 3 roi, có sự tích một tên tá điền ăn cắp giống buổi ngon của chủ đem về trồng, bị bắt đánh 3 roi, ngày nay danh từ buổi 3 roi được phổ biến trong toàn tỉnh.
 (2) Chim Ram, hay là chim quay, sản vật đặc biệt của Vĩnh Long, bán từ tháng chạp đến tháng 3 rất nhiều tại Bắc Mỹ Thuận và Bắc Cái Vồn.
 (3) Phật giáo Hòa Hảo tại quận Bình Minh hầu hết 80%

Dem đạo từ bi, thay oán hận

Danh, hư, tiêu, trường, luật tuần hoàn

3. QUẬN TAM BÌNH:

Tam Bình giáp giới Trà Vinh.

Sống về ruộng rẫy, dân tình hiền lương.

Ngày xưa giặc Pháp nhiều như ong.

Tình nhà, đem đổi tình thương giống nòi.

Máu hồng tươi khắp Vịnh, Voi.

Xác chồng lên xác, quyết xoay thế cờ.

Lâu đài, Phật Tự, đền thờ

Cũng không đổi được đôi giờ tự do

Dòng xanh lơ lửng con đò

Bao giờ trời được câu hò nước non?

Trăng vàng khi khuyết, khi tròn

Bao giờ nô lệ hết còn trên vai?

Tuốt gươm thiêng, bỏ chiếc cày

Chặt xiềng lệ thuộc, xây đài vinh quang

Hôm nay, non nước huy hoàng

Cù lao mía mọc, trên đàng Triều Châu

Việt, Miên dạ hết lo âu

Ăn cây trái ngọt, thở bầu tự do

4. QUẬN CHỢ LÁCH:

Quận Chợ Lách nhiều vườn cây ăn trái

Giáp Cái Mơn, Kinh Xáng một con đò

Thất Cao Đài, nhà thờ trời rất to
 Dòng họ Đạo Cái Nhum lòng kính nể
 Linh mục Phan Minh nhà đạo chúa
 Cam lòng tử đạo tại Đình Khao
 Tân Phong ốc gạo nhiều như gạo
 Tựa thể Ba Càn có ốc cao

5. QUẬN TRÀ ÔN :

Nước ngọt quanh năm, nhiều Cá Cháy
 Sùng Nho, Sùng Đạo, sống hiền lương
 Có Lãng Thống chế tên Điều Bác
 Phò hộ dân cư được cát tường
 Hòa thượng Khánh Anh làm Pháp chủ
 , Dịch Kinh, lãnh đạo cả Tăng Ni
 Từng đem rặng rở cho Tam Bảo
 Giáo hội Tăng già vẫn nhớ ghi

6. QUẬN VŨNG LIÊM:

Đất cá phì nhiêu cây trái ngọt
 Nửa phần làm ruộng, nửa làm vườn
 Nghĩa quân yêu nước từng ra sức
 Phục kích giết Tây, ở dọc đường
 Danh tiếng : Huyện Xây, Trần Thị Thọ
 Khinh tài, trọng nghĩa, giúp người nghèo
 Bắc Nam từng biết, triều đình tặng:
 "Háo nghĩa khả gia," nước nhớ ơn.

7. QUẬN MINH ĐỨC:

*Sinh hoạt đủ ngành người tập nập
Chuyên về ruộng rẫy, sống quân bình
Những cô thôn nữ bên dòng nước
Mơ bóng tình quân, hưởng thái bình*

Tóm lại:

*Vĩnh Long tiền ruộng, bạc sông
Mái chèo khoan, nhất, bóng hồng thướt tha
Nụ cười, chào khách gần, xa
Hẹn ngày trời hát bài ca thanh bình*

(Lưu niệm ngày dừng chân nơi 7 quận Vĩnh Long

Thượng tọa GIÁC HUỆ

Một vài cổ tục trên đất Vĩnh còn duy trì

LỆ KỶ YÊN TẾ THẦN

Xưa nay đình chùa khắp trên lãnh thổ Việt Nam nói chung, vẫn là nơi thờ phượng các vị công Thần, tiền hiền có công khai hoang dựng nước lập làng, tiêu biểu cho hậu thế nhớ đến công nghiệp của người xưa. Hằng năm mỗi lệ Kỳ yên cúng tế, dân làng tụ đến chiêm ngưỡng. Hương chức hội tề có mặt thường xuyên trong những buổi tế lễ rất long trọng, vài vị cao niên nhất trong làng:

Chánh bái, Bồi bái, kế hiền nguyện hương trước linh thần khi thỉnh sắc về, hoặc hàm sắc để tại đình. Một vị Chánh bái áo rộng xanh, quỳ đọc lá sắc, ở sau thì 12 vị hương chức hội tề đứng đầu, có nhạc ngũ âm, có học trò lễ dâng hoa dâng rượu, nhứt bộ nhứt bái. Trước bàn linh thần tế một con heo sống đặt trên tờ, và những mâm xôi hai ché rượu, có chỗ vật trâu tế thần chớ không tế heo, tùy theo tập tục của địa phương. Có chỗ rước hát bội đến hát cúng ba thứ nơi Võ Ca Đình cho linh thần xem hát, và nhơn dân trong làng đến cúng bái thưởng lãm. Các làng kế cận cũng đến dự đông đảo với niềm hân hoan, quang cảnh thật tưng bừng náo nhiệt.

Chúng tôi có dịp dự ngày Kỳ Yên của làng Tân Giai khánh thành trong tháng tư dương lịch năm 1967, nhận thấy nơi đây còn giữ đúng nghi lễ cổ truyền.

Mặc dầu các đình khác chỉ cúng đơn giản, còn lệ hát phải bỏ. Đặc biệt, đình Tân Giai từ trước đến nay, vẫn liên tục làm

đúng lễ và được viên mãn bình yên, không xảy ra chi cả. Đồng bào dân chúng rất tin tưởng sùng kính và hãnh diện Vĩnh Long còn giữ được truyền thống cổ tục của tiền nhân.

CỔ TỤC ĐUA GHE TRÊN ĐẤT VĨNH

Thời xưa tại Long Hồ dinh, nhằm ngày mừng năm tháng năm có cổ tục đua ghe để tưởng niệm ông Khuất Nguyên (1) can Vua không được, ông hủ mình nhào xuống sông chết. Sau này, nhà Vua nhớ ơn mới ban chiếu chỉ khắp trong nước tưởng niệm người trung liệt. Lúc bấy giờ triều đình ta cũng hưởng ứng truyền khắp các trấn trong Nam kỳ Lục tỉnh đúng ngày nói trên mở hội đua ghe.

Tại Long Hồ dinh cũng được sắc chỉ của Triều đình Huế, bèn tổ chức cuộc đua ghe trên sông Cổ Chiên rất long trọng. Các tỉnh miền Tây, thuộc Long Hồ Dinh cũng đem đủ loại ghe: ghe ô, ghe lê, xuống đến dự lễ, cuộc đua ghe rất sôi nổi và hào hứng. Dân chúng quần điều áo đỏ lũ lượt kéo đến xem, hai bên bờ sông tấp nập, dưới ghe đậu có hàng theo số thứ tự. Ban giám khảo là vị quan lưu thủ ngồi đài dựng dựa bờ sông, chọn những tráng đinh vạm vỡ, có sức mạnh, bốn người chèo một chiếc ghe, theo để kiểm soát các ghe về tới mức đoạt giải. Những ghe nào về nhứt, về nhì, về ba thì được ban giám khảo thưởng tiền, thưởng vải, thưởng heo sống v.v... Riêng về ở miền Tây có tỉnh Vĩnh Long ngày xưa có thú đua ghe rất hào hứng.

(1) Khuất Nguyên đang đương canh độ, điều Khuất Nguyên chi Nịch thủy nghĩa là tiết đang đương điều Khuất Nguyên chết dưới đáy nước. Sự tích này của Trung Hoa có ghi rõ trong Ấu học tầm nguyên.

Dưới thời Pháp thuộc đến chiếm tỉnh Vĩnh Long, sau này những ngày lễ Chánh Chung của Pháp cũng còn áp dụng tập tục đua ghe của ta, nhưng cũng có đôi phần cải cách.

Trên tinh thần hiếu cổ, chúng tôi cần gởi những phong tục xưa của tiền nhân qua những lối chơi thú vị và cũng nhắc nhở tưởng niệm anh linh nhà trung liệt Khuất Nguyên, sự tích này tất cả người Việt Nam đều biết.

TẬP TỤC QUA SỰ MUA BÁN TRÁI CÂY Ở VĨNH LONG NGÀY XƯA

Vĩnh Long được nổi tiếng đất đai trù phú, cây trái oằn sai bốn mùa. Nước ngọt, khí hậu mát mẻ hơn các nơi, quanh năm suốt tháng điều hòa, vì thế mà cây trái ở vùng này rất thanh mậu hơn các nơi khác.

Theo các nhà vườn ở địa phương cho chúng tôi biết qua tập tục mua bán trái cây như sau:

Thời xưa các loại trái cây như xoài, quýt, cam, bưởi, măng cầu, sa-bo-chê, người mua một chục là 24 trái, với giá tiền tùy theo sự ưng thuận giữa người bán và người mua. Có chỗ bán một chục 20 trái, đó là mua tại nhà vườn cũng như ở các chợ đều bán y như vậy. Sau này từ năm 1955 trở lại đây. Nhà vườn bán thu hẹp một chục còn 16, còn bạn hàng bán cho khách qua đường theo Cầu Bắc một chục 14 hoặc 12 tùy theo sự trả giá ưng thuận.

Ở Sa Đéc và Long Xuyên hiện nay có chỗ còn bán 18 và 16 mỗi chục, không thay đổi. Còn ở Định Tường thì mỗi chục là

14. Trên đây, chúng tôi cần nêu lên những điểm đặc biệt qua sự mua bán về các loại trái cây ở đất Vĩnh khi xưa. Nơi nào còn giữ được nếp xưa, thì nơi ấy còn phưởng phất sự cao đẹp của non sông đất nước.

Sau này vì cây trái ở nhà vườn phần nhiều bị ảnh hưởng về sự khai hoang, nên phải bị thất mùa không được sung túc như trước. Vì thế việc mua bán cũng thay chiều đối hướng, tập tục ấy phải lui vào trong dĩ vãng không còn giữ được lề lối theo xưa.

Tìm hiểu phong tục tập quán

CON NGƯỜI và XÃ HỘI NGƯỜI VIỆT GỐC MIÊN

MỘT VÀI QUẬN TRONG TỈNH VĨNH LONG

1) Tính tình và tư tưởng: Theo sử sách Trung Hoa, chúng ta có thể hiểu được rằng, từ xưa người Miên vốn thật thà, thẳng thắn, không nói dối, không ăn trộm, hiền hậu, chất phác. Tư tưởng luôn luôn hướng về nhân ái, đạo đức, chịu ảnh hưởng Phật giáo rất nhiều. Hiện nay người Việt gốc Miên vẫn còn, dấu có sự thay đổi cũng chỉ trên phương diện hình thức và sinh hoạt nghề nghiệp.

2) Tổ chức gia đình: Cách đây khoảng hai trăm năm, gia đình người Việt gốc Miên còn theo chế độ mẫu hệ. Hiện nay đã chuyển quyền phụ hệ, tuy nhiên cũng còn sót lại chút ít tàn tích của chế độ mẫu hệ chẳng hạn như trai gái cùng một họ có thể lấy nhau, chỉ trừ anh em ruột, anh em một cha thì không được lấy nhau. Phần nhiều sự phân công trong gia đình thì người đàn ông lo việc đồng áng, xã hội: người đàn bà lo việc trong nhà và dạy con. Con cái trai gái như nhau, quyền lợi như nhau. Tuy nhiên người đàn ông vẫn có quyền hơn người đàn bà ở chỗ kính trọng và khả năng hoạt động.

3) Tổ chức xã hội: Vì ảnh hưởng địa lý ở cái miền đất đai rộng, phì nhiêu, ruộng đất cày cấy một mùa không đủ để ăn quanh năm. Thứ hai nữa là người Việt gốc Miên hiện cư trú rải

rác từng miền, tụ họp thành từng sóc. Do đó các vấn đề tổ chức xã hội không đặc sắc mấy. Mặt khác cũng một phần nào do ảnh hưởng của xã hội người Kinh chi phối: đồng thời ảnh hưởng Phật giáo Tiểu thừa Theravada rất mạnh. Bởi vậy có thể nói tổ chức xã hội người Việt gốc Miên là một tổ chức xã hội Phật giáo, tiểu thừa, Theravada. Mỗi sóc hoặc mỗi ấp đều có một ngôi chùa có sư trụ trì. Tất cả dân làng trong ấp đều chịu sự điều khiển của nhà chùa, mỗi ấp có một ông chủ tịch mà người Miên gọi là ADhipati Watt; mỗi ấp lại chia ra từng quờn, mỗi quờn có một quờn trưởng.

QUAN NIỆM VÀ TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI VIỆT GỐC MIÊN

Quan niệm của người Việt gốc Miên cũng như người Kinh, Thượng, Thái tất cả các dân ở bán đảo Đông Nam Á này đều tin tưởng có Thượng đế, có thần linh, có linh hồn, ma quỷ. Do đó họ kính trọng tiền nhân, thờ cúng, làm phước và ăn ở có lòng vị tha. Ngoài ra họ cũng có các thứ mê tín như bùa dấu, bốc phệ, thờ cúng ma quỷ (Kmospri), thờ tiên (Théwada).

Về Tôn giáo người Việt gốc Miên hầu hết theo đạo Phật Thévaradam các tu sĩ thì gọt tóc, cạo lông mày, mặc áo màu vàng và ăn mặn, chỉ kiêng 10 thứ thịt không dùng, đại để những con vật này: chó, rắn, voi, ngựa, người, rùa, chó sói, hổ, beo và sư tử là những con vật mà những người theo đạo Phật Theravada không được ăn. Còn những người Phật tử Theravada cũng coi nhà chùa là nơi thờ phụng, cầu nguyện. Vì vậy tàn cốt của ông bà thân thích họ đều gửi ở nhà chùa trong những ngôi tháp. Hằng năm đến ngày kỵ hoặc những ngày lễ lớn, họ đến đó cầu

siêu cho linh hồn người chết. Hoặc giả những người giàu có thì lại mời sư về nhà làm lễ và tổ chức ăn uống mời bà con thân thích đến ăn uống. Đại đa số gia đình người Việt gốc Miên không có bàn thờ riêng ông bà mà phần nhiều qui thuộc nhà chùa. Bởi vậy những ngày lễ ở chùa rất quan trọng.

Những ngày lễ trọng trong một năm có thể kể những lễ sau đây:

1) Lễ Beân Chaul Chnam Thmei: Lễ Beân Chaul Chnam Thmei là Tết của người Việt gốc Miên cũng như các dân tộc chịu ảnh hưởng Phật giáo Theravada. Tết này cũng tương tự như Tết nguyên đán Việt Nam, nhưng có một điều đáng chú ý là thời gian có thể xê dịch từng ngày từng giờ, từng phút để cử lễ. Thời gian lễ này được ấn định vào Khe-chètte khoảng trung tuần tháng tư dương lịch. Lễ Beân Chnam Thmei cũng thường gọi là lễ “chịu trỗi” và quan trọng nhất của người Việt gốc Miên cũng như người Khmer nói chung.

2) Lễ Visakha Bochea: Lễ này kỷ niệm ngày sinh và nhập Niết bàn của Đức Phật. Lễ được cử hành vào ngày Benhbô-khe. Visakha khoảng ngày rằm tháng 6 âm lịch.

3) Lễ Chaul Vassa: Lễ này là lễ Nhập hạ của chư tăng, lễ được cử hành vào ngày 14, Rằm khe ASAT hay khe Dutiyasat (năm nhuận) sáu ngày lễ Visakha Bochea 59 ngày hay 89 ngày.

4) Lễ Sen Duant hay Prochum Bind: Lễ này là lễ cầu siêu cho các bậc tiền nhân cũng tương tự như ngày Thanh minh của các dân tộc Kinh, Hán, (Trung Hoa và Việt Nam). Thời gian hành lễ được ấn định từ ngày 16 khe Phatrabuth đến ngày mồng 1 khe Hassuj (vào khoảng 19 hay 16 tháng 8 đến hết ngày 1 hay

2 tháng 9 âm lịch). Quan trọng nhất trong thời gian này là 29 hoặc 30 Khe Phatrabuth đến ngày mồng 1 Khe Hassuj. Thời gian cử lễ, tính sau ngày lễ Vissakha Bochea 133 ngày hay 163 ngày (nhuần).

5) Cheanh Preah Vassa và Lôiprodipe: Cheanh Preah Vassa là lễ xuất hạ; sau lễ Nhập hạ ba tháng tức là lễ Lôiprodipe là lễ kỷ niệm Đức Phật Thích Ca giáng thế và giảng đạo cứu mẹ. Lễ này trọng đại nhất đối với chư tăng. Thời gian lễ được ấn định vào rằm hay mười sáu khe Hassuj (khoảng rằm hay 16 tháng 9 âm lịch). Thời hạn hành lễ kéo dài suốt một ngày một đêm (sau ngày lễ Sissakha Bochea 148 ngày hay 178 ngày nếu như năm nhuần).

6) Lễ Kathina: Lễ Kathina là lễ dâng áo cà sa và tứ vật dụng lên chư Tăng. Đặc biệt lễ này thời gian cử lễ bất cứ ngày nào trong vòng 29 ngày sau lễ xuất hạ và trước ngày lễ OK Ombok.

7) Lễ OK Ombok hay là Thvay Prahchane: Lễ này là lễ cúng Trăng, thời gian cử lễ được ấn hành vào ngày 14, rằm, 6 Khe Kadaka (khoảng 14, 15, 16 tháng 10 âm lịch), sau ngày lễ Sissakha Bochea 178 ngày hay 208 ngày (nếu năm nhuần). Lễ này có ý nghĩa là kỷ niệm Đức Bồ Tát đã sống kiếp Bồ Tát (Somboondita) và được các chư Tiên đem lọng che cho ngài.

8) Lễ Meakha Bochea: Lễ Meakha Bochea là lễ kỷ niệm Đức Thích Ca qui tụ các Thánh Tăng để khuyên răn về giới luật, đồng thời cũng có ý nghĩa nhớ đến Đức Phật Thích Ca tiên đoán ngày Nhập Niết bàn. Thời gian cử lễ một ngày một đêm và được ấn định vào ngày Penh Bo khe Meakha (khoảng 15 hay 16 tháng giêng âm lịch).

PHONG TỤC VÀ TẬP QUÁN CỦA NGƯỜI VIỆT GỐC MIÊN

Trong phong tục và tập quán của người Việt gốc Miên có nhiều điểm đặc biệt, tuy nhiên vì khuôn khổ bài khảo cứu này, chúng tôi chỉ trình bày cùng quý vị hai vấn đề có tính cách tiêu biểu cho tập tục của họ là hôn nhân, mai táng và y phục.

1) Hôn nhân: Thông thường người con trai đến cưới hỏi người con gái, sau khi cha mẹ bên người con gái bằng lòng mới được làm lễ cưới. Tuy nhiên trước khi làm lễ cưới người con trai phải ở làm công cho nhà gái những đôi ba năm. Tình tiết hôn nhân cũng có thể tóm tắt làm ba giai đoạn:

a) Đi hỏi: Người con trai hoặc gia đình có con trai sẽ nhờ một người có tuổi, có tín nhiệm với gia đình cha mẹ người con gái để qua làm mai, làm mối mà người Việt gốc Miên gọi là “xua”. Lần này chưa cần có lễ vật.

b) Lễ hỏi: Sau khi hai bên ưng thuận, thì gia đình người con trai sắm lễ vật đến làm lễ hỏi, người Miên gọi là “Son nui”.

c) Lễ cưới: Sau đó định ngày cưới nhau, ít khi có tục lễ đưa dâu; anh em họ hàng chỉ đến chia vui, ăn uống hôm làm lễ cưới. Trong buổi lễ cưới có tục “buộc tay” nghĩa là họ hàng dùng chỉ để buộc tay cho đôi trai gái ấy thay vì lời chúc tụng.

Sau khi cưới hỏi xong thì tùy từng gia đình có thể về nhà trai hoặc nhà gái, chứ không nhất luật là gái phải về nhà trai, hay trai phải ở nhà gái.

2) Mai táng: Tập tục mai táng của người Việt gốc Miên do ảnh hưởng giáo phái Phật giáo Theravada, nói chung tập tục mai táng của họ là hỏa thiêu. Tuy nhiên những người bất đắc kỳ

tử như chết bắn, chết chìm, chết dịch hoặc là đang ít tuổi thì đem chôn nơi xa với hòm cỏ như tập tục người Việt Nam.

NGHỆ THUẬT CỦA NGƯỜI VIỆT GỐC MIỀN

Trong các ngày hội lớn, lễ trọng của người Việt gốc Miền cũng tổ chức những buổi ca, nhạc, vũ rất nhiều đặc sắc về dân tộc tính của họ. Phần nghệ thuật này hiện nay người ta còn thấy:

1) **Ca:** Lối hát của họ cũng có vần có điệu, tương tự như ca dao và thơ của người Việt Nam. Lối hát thường có hai nhịp: nhịp mau và nhịp chậm mà người Miền thường ưa thích nhất là lối hát “azay” và bài ca “chuyện cây đờn với hai dây”.

2) **Múa:** Đặc biệt là điệu múa “Lam thôn” mà cũng gọi là Romtvong. Điệu múa này gồm cả trai gái có y phục sắc sỡ và nhảy theo nhịp sống. Điệu múa này cũng giống như điệu múa sạp của các dân tộc thiểu số ở Trung Châu Bắc Việt, miền thượng du Bắc Trung Việt và ở Nam Dương. Tuy nhiên những đặc sắc nghệ thuật người Việt gốc Miền chịu ảnh hưởng Ấn Độ và Thái Lan nhiều hơn.

3) **Nhạc và nhạc khí:** Nhạc của người Việt gốc Miền còn nhiều màu sắc dân tộc, nghệ thuật của Âu Mỹ đã lan tràn đến với họ, nhưng chưa được hòa hợp mà vẫn còn hai loại nghệ thuật riêng biệt.

Nhạc khí thì hiện nay còn có bộ nhạc ngũ âm: Dương cầm sắt, dương cầm đồng, dương cầm cây, dương cầm tre và trống, tạo thành một bộ nhạc ngũ âm. Nhìn vào những nhạc khí này

người ta có thể suy nghĩ được rằng nghệ thuật người Việt gốc Miên có chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp nghệ thuật La-Hy.

NGÔN NGỮ VÀ GIÁO DỤC

Ngôn ngữ và giáo dục của người Việt gốc Miên hiện nay cũng có rất nhiều đặc sắc.

1) Ngôn ngữ và văn tự. Theo giáo sư Cheng Chin Ho trong một đề tài nói về các nước Ấn Độ hóa ở Đông Nam Á. Vấn đề này giáo sư đã đề cập đến những nước đó có những yếu tố chung như sau:

- Quan niệm Ấn Độ về vương quyền cùng việc tế lễ đạo Hin du và Phật giáo.
- Dùng tiếng Sanscrit để làm tác phẩm văn nghệ.
- Các chuyện thần thoại đều bắt nguồn từ các chuyện cổ Ấn Độ như các thứ anh hùng ca Epics hoặc các thứ truyền thuyết Puranas.
- Áp dụng những cổ luật của đạo Hindu nhất là Manava Dhamashastra gọi tắt là thần Manu.

PHẦN PHỤ LỤC

LỄ CHỊU TUỔI (Beân Chaul Chnam Thmei)

Nhân dịp tìm hiểu con người và xã hội người Việt gốc Miên, chúng tôi căn cứ vào một vài tài liệu nói về nghi lễ của người Việt gốc Miên của thế hệ mới Vĩnh Bình tập san xin trích dẫn ra

dẫn ra đây để giúp quý vị độc giả dễ nhận định thêm:

A) SỰ TÍCH BEÂN CHAUL CHNAM THMEI

Thuở xưa, có một vị vua tên là Thoma Balar Komar trị vì xứ Banarès, một hôm có một vị Đại Thánh (Mahapruma) từ Tiên cảnh giáng trần đặt ba câu đố cho nhà vua giải đáp với điều kiện: nếu vua Thoma Balar Komar trả lời đúng thì Mahapruma sẽ cất thủ cấp của mình mà dâng cho nhà vua; bằng không thì nhà vua phải dâng thủ cấp của ngài cho Đại Thánh Mahapruma ; với thời gian trong 7 ngày phải giải đáp cho xong.

Ba câu đố ấy như sau: loài người có ba cái duyên vậy:

- 1) Sáng duyên ở đâu?
- 2) Trưa duyên ở đâu?
- 3) Chiều duyên ở đâu?

Từ đó nhà vua sinh ra lo âu, mất ăn mất ngủ. Một hôm ngài bèn hạ lệnh triệu tập tất cả triều thần họp tại hoàng cung để tìm kế giải đáp; nhưng không ai có thể giải đáp được! Đến ngày thứ sáu vua phải quyết định từ bỏ ngai vàng, trốn vào một khu rừng âm u để giấu mình, cốt ý là không cho đại thánh Mahapruma tìm thấy. Trong cuộc hành trình này vì đường xa, vì đi không quen cho nên quá mệt mỏi, nhà vua bèn hạ lệnh cho các quan và Ngự lâm quân dừng lại và nghỉ đêm ở dưới gốc cây to lớn, cành lá sum sê. Đêm càng khuya cảnh rừng càng vắng lặng, càng u minh huyền diệu hơn; nhưng các cận vệ vì mệt mỏi cho nên ai nấy đều thiêm thiếp ngủ chỉ có một mình nhà vua thao thức mãi không thể nào nhắm mắt được vì ngài nhớ đến vợ con và thần dân của ngài: Giữa lúc đó, chợt có một con chim

đại bàng ở trên cây to lớn kia dặn dò các con rằng:

- Sáng mai, mẹ đi xa đến xứ Banarès để tìm mối vì mẹ có nghe mai này là ngày nhà vua Thoma Balar Komar đúng kỳ hẹn phải trả lời ba câu đố của Đại Thánh Mahapruma, nếu giải đáp không được thì sẽ bị chặt đầu.

Nghe chuyện đó, các chim con tọc mạch hỏi lại chim mẹ:

- Những câu hỏi ấy ra sao, mẹ có thể cho chúng con biết được không?

- Con người có ba cái duyên: Vậy sáng duyên ở đâu? trưa duyên ở đâu và chiều duyên ở đâu?

- Thưa mẹ, mẹ có cách nào giải đáp không?

- Sáng duyên ở trên mặt, vì sáng thức dậy thì ai cũng phải rửa mặt; trưa duyên ở trong thân, vì người ta phải tắm rửa vào lúc trưa; tối thì duyên lại ở dưới chân vì khi đi ngủ, người ta phải rửa chân.

Nhà vua nghe lời chim mẹ giải đáp cho chim con, ngài mừng rỡ vô cùng, bèn đánh thức các cận vệ và cấp tốc hồi loan.

Sáng sớm hôm sau, Đại Thánh tới Hoàng cung để nghe lời giải đáp của vua Thoma Balar Komar, nhà vua chỉ việc nói lại y như lời chim đại bàng giải đáp tối hôm qua, Đại Thánh phải chịu thua và cắt đầu của mình dâng cho nhà vua.

Sau đó thân nhân của Đại Thánh được tin, bèn kéo nhau đến Hoàng cung, xin nhà vua cho phép được đem thủ cấp của Đại Thánh về làm lễ và chôn cất. Được nhà vua bằng lòng, các thân nhân của Đại Thánh mới lấy đầu Đại Thánh bỏ vào một cái mâm bạc rồi rước đi vòng quanh núi để gọi là làm lễ tưởng

nhớ, rồi đem cất trong núi Keilas, và về sau, các con của vị Đại Thánh đều đi tu tại một ngôi chùa gần đó, cũng từ đó mỗi năm đến ngày ấy, con cháu cứ vào núi lấy thủ cấp của vị Đại Thánh đem về làm lễ và rước vòng quanh núi Préach Suméru suốt ba ngày đêm. Hằng năm, năm nào cũng vậy, biến thành cái tục, truyền mãi đến ngày nay tức là Beân Chaul Chnam Thmei của người Khmer, người Việt gốc Miên cũng như của những dân tộc có ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ hoặc Ấn Độ như Miến Điện, Thái Lan, Lào...

Kết luận: Ngày nay chúng ta thấy người Việt gốc Miên có mặt ở các tỉnh Hậu Giang, Ba Xuyên, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Châu Đốc, cũng còn duy trì phong tục cổ truyền của họ.

Trích trong Nguyệt San Xã Hội
(Tài liệu của Thạc Nhân)

Phần thứ sáu

- VĨNH LONG QUA CÁC NẸO PHỐ PHƯỜNG NĂM 1967
- SINH HOẠT CÁC NGÀNH: KINH TẾ, GIÁO DỤC, XÃ HỘI, Y TẾ 1967 V.V...
- VĨNH LONG KẾT LUẬN BẰNG THI THƠ NON NƯỚC MẾN YÊU.
- VÀI CẢM NGHĨ VỀ CUỘC DỰNG TƯỢNG ĐỒNG CỤ PHAN.

Đây Vĩnh Long qua các nẻo phố phường 1967

Từ miền trên xuống, hoặc từ miệt dưới lên, đường nào ranh giới tỉnh Vĩnh Long cũng lại chính là hai khoảng bến đò: Bến đò Mỹ Thuận và bến đò Cần Thơ. Nếu bạn từ miền trên xuống ngồi xe Saigon đi Vĩnh Long, đi theo quốc lộ 4, trải qua các chận lớn đáng kể: cầu Bến Lức, cầu Tân An, ngã ba Trung Lương, Long Định, Cai Lậy (Khiêm Ích), Cái Bè (Sùng Hiếu), An Hữu (Giáo Đức) rồi thì đến bến đò Mỹ Thuận; bước xuống đò sang sông, từ phía bên kia đã là ranh giới Vĩnh Long.

Là người Việt Nam, dù bạn ở phương trời nào, hẳn cũng đều nghe tiếng bến đò Mỹ Thuận. Nếu thường xuôi ngược qua ngưỡng cửa Hậu Giang - Vì đây là trục giao thông chánh từ Saigon về Hậu Giang, dừng chân trên bến đò Mỹ Thuận, bạn ắt cảm thấy lòng lâng lâng rộn rã niềm yêu mến Hậu Giang xuyên qua các tỉnh miền Tây.

Bến đò Mỹ Thuận của Vĩnh Long là ngưỡng cửa đưa vào miền sông Hậu, không những chỉ nổi tiếng vì là mối giao thông của các trục giao thông chánh nối liền Thủ đô với các tỉnh Hậu Giang, mà còn được luôn nhắc đến qua hương vị của những món quà thổ sản mời mọc du khách có dịp dừng chân giây phút ở nơi đây. Một nhà văn đã không tiếc lời đề cao bến đò Mỹ Thuận của Vĩnh Long rất xác đáng:

“Ngày nay danh từ “Mỹ Thuận” đã được gắn liền với hoa quả miền Nam, và những món ăn đặc biệt của vùng “đồng bằng sông sâu nước chảy”... nào là “ổi Mỹ Thuận”, “xoài Mỹ Thuận”, nào là “ốc gạo Mỹ Thuận”, “chim Mỹ Thuận” v.v...

“Quý vị sẽ có dịp thưởng thức: Chim muông tháng giêng, tháng hai, xoài tháng tư, ốc gạo tháng năm, măng cụt tháng chín cũng như mận quanh năm và ổi bốn mùa... để rồi khi từ già Vĩnh Long, dư vị của những thức ấy sẽ còn nhớ mãi nơi lòng du khách, cũng như những hình ảnh đẹp khó phai mờ trong tâm trí của những ai đã viếng Vĩnh Long, dù chỉ một lần”.

Trước kia, vì bến đò Mỹ Thuận còn hẹp, ít chuyển phà, nên tình trạng kẹt xe thường xảy ra. Quang cảnh các loại xe nhỏ, lớn đậu giăng giăng nút mắt, bộ hành tấp nập dập dùi, trông thật đông vui chẳng kém gì phiên chợ Tết. Cố nhiên là hành khách xe đò chẳng khỏi đôi chút bực mình chờ đợi, nhưng trong niềm vui cũng tạm bớt nỗi phiền. Gần đây, hai bên bến đò, phía Định Tường cũng như phía Vĩnh Long đều sửa chữa lại rất mỹ quan, đường nơi rộng thêm ra, lề tráng xi măng hẵn hoi, lại thêm nhiều chiếc phà lớn đưa xe qua lại nhanh chóng hơn trước bội phần. Lại nữa, trong tương lai, chiếc cầu tối tân bắc ngang sông Mỹ Thuận thành hình, chừng ấy Vĩnh Long chắc chắn càng thêm xuê màu.

Dừng chân nơi bến đò Mỹ Thuận từ nãy giờ đã lâu rồi nhỉ. Kia xe đã xuống đò qua phía bến Vĩnh Long đi xuôi một con đường chừng 600m thuộc xã Tân Hòa, nơi mé tay mặt bạn trông thấy một sân kiểng, mang tên là vườn mai Bến Ngự của ông Phan Đình Minh, một khung cảnh xinh đẹp có nhiều gốc cổ thụ trồng trong chậu đủ loại, du khách đi ngang qua không khỏi liếc mắt nhìn cảnh vật. Từ đây bạn trở lên xe để vào viếng châu thành đất Vĩnh, chỉ có cách lối 10 cây số nữa thôi.

ĐƯỜNG VỀ HẬU GIANG TÁCH ĐÔI HAI NGÃ

Vừa nút đoạn đường bến đò, gặp ngay hai ngã đi: một ngã

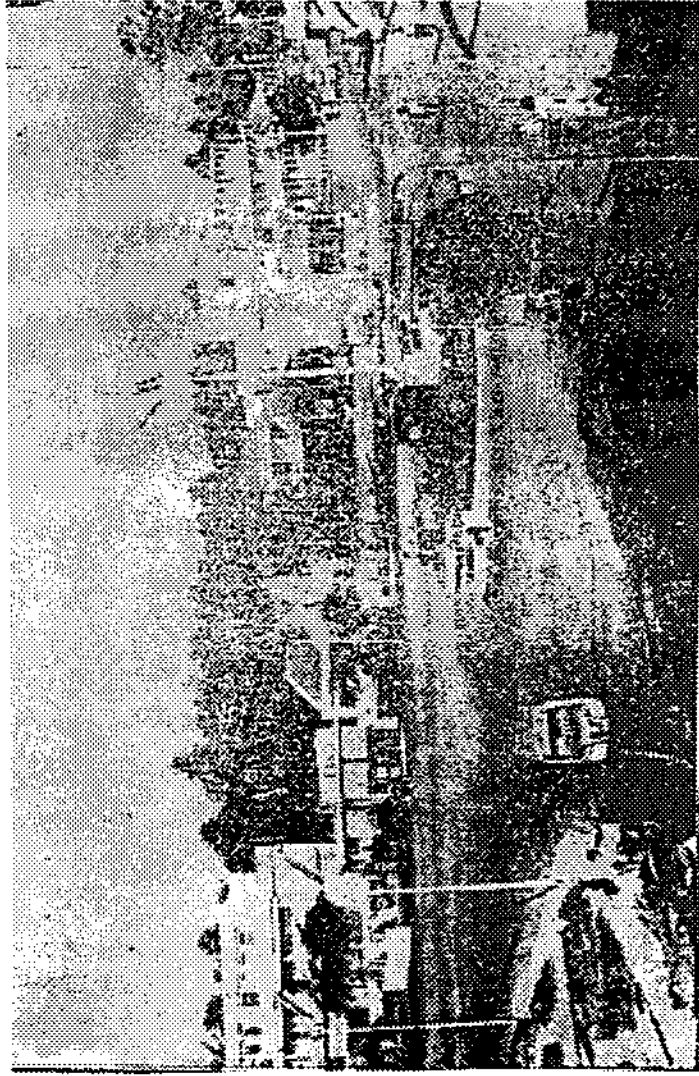
Ngưỡng

cửa

vào

Châu

Thành



Đây là công trường Nguyễn Huệ rộng 30 thước ngang, nằm trên quốc lộ số 4 cạnh bên là bến xe dò,

Vĩnh Long ngày nay.

quẹo tay mặt, dõi theo đường liên tỉnh 8, chạy dài từ bến đò Mỹ Thuận rẽ qua Sa Đéc đến bến đò Vàm Cống đi An Giang. Một ngã rẽ tay trái đến Vĩnh Long, Cần Thơ.

Xe lăn bánh bon bon trên đường Công lộ 4. Bạn chú ý nhìn về phía tay mặt, phi trường Vĩnh Long sẽ khiến bạn bồi hồi, vì nơi đây chính là “Nền Văn” thuở xa xưa, thuộc xã Tân Sơn (nay là Tân Ngã). Di tích Nền Văn chính là nơi để khắc kỷ với các tỉnh miền Tây (An Giang, Hà Tiên) hội về mà hành lễ dưới sự chủ tọa của quan Kinh lược Khâm Mạng đại thần, hoặc quan Tổng trấn, năm năm đáo lệ hưởng ứng với lễ tế Nam giao ở Đế Đô (Huế).

Ông Nhập Vương Thị cảm đề di tích “Nền Văn” cũ ở chỗ sân phi trường Vĩnh Long cũ:

*Cựu trào sáng tạo khoảnh Nền Văn
 Nay đặt phi trường chấn đắp ngăn
 Mấy mẫu ruộng vườn cày guồng đồng
 Một sân trạm diễn sáng vẫn giần
 Đâu bay chim sắt vô may chuyển
 Mưa nắng cơ toàn lướt dặm băng
 Khoa học gian vui đắc quả
 Thời gian thâu đoạt bước quan san.*

Qua khỏi phi trường, không mấy chốc xe thẳng đến công trường Nguyễn Huệ, đây là nơi ngưỡng cửa của thành phố. Quẹo tay trái, xe từ từ vào bến.

Xuống xe, hẳn bạn còn bận dừng chưa muốn dời chân tiến vào lòng thành phố, vì khu vực công trường Nguyễn Huệ khá

xinh tươi còn đang quyến rũ đôi mắt bạn.

Bạn còn ngỡ ngàng trước ngã ba đường chẳng? Phòng chỉ dẫn Vĩnh Long ở đối diện công trường, với lối kiến trúc khá đẹp mắt, với những nhân viên lịch thiệp và nhã nhặn, sẽ niềm nở đón tiếp bạn, nếu bạn cần đến.

Con đường Nguyễn Huệ rộng thênh thang kia, có biết bao điều đáng cho bạn lưu tâm quan sát, trước khi đi dạo châu thành. Nằm trên đại lộ Nguyễn Huệ này, phía tay mặt gồm có khu chợ Tân Bình, trung tâm Tu nghiệp công chức, ký túc xá nam sinh.

Ngó qua phía tay trái, bạn sẽ chẳng khỏi tấm tắc khen thắm hai ngôi trường Trung học Kỹ thuật và Sư phạm đều mang vẻ mỹ lệ của lối kiến trúc tối tân, với những dãy lầu ngang dọc, xây cất trên một vùng đất rộng, được mệnh danh là “Khu văn hóa Vĩnh Long”.

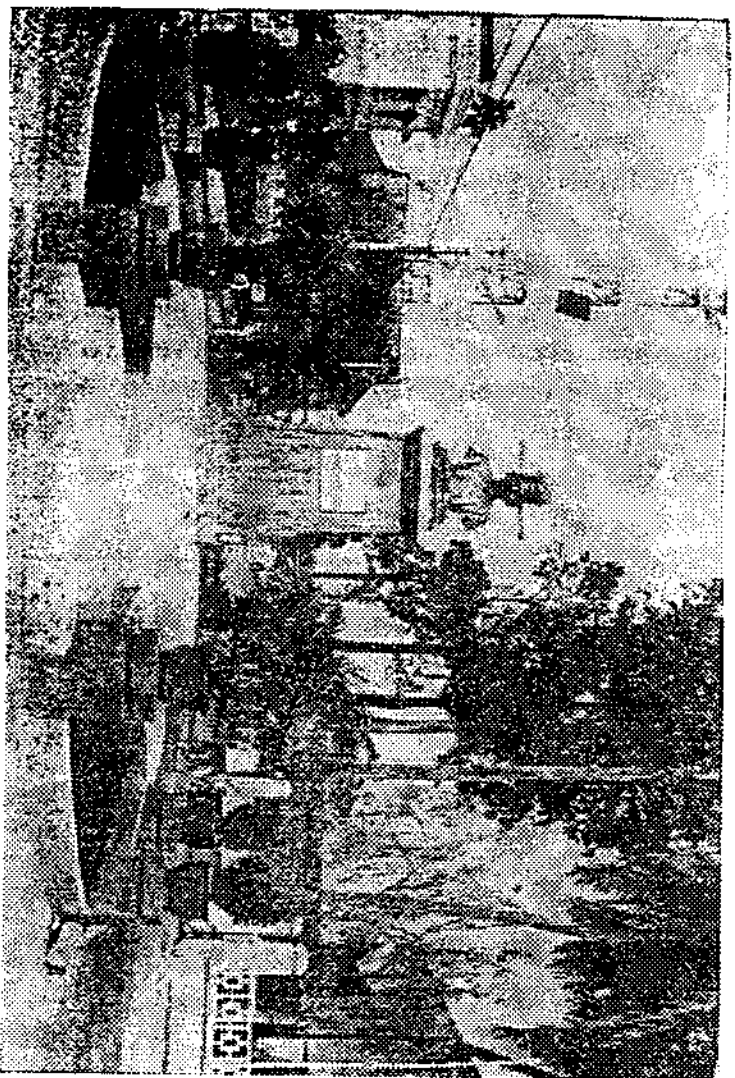
Tiếp nối khu Văn hóa là một Vận động trường vĩ đại có cửa cổng mỹ quan và tường cao kiên cố bao quanh.

Đối diện với khu văn hóa và vận động trường là một loạt 30 biệt thự song lập đồng dạng xinh xắn, đầy đủ tiện nghi. Ấy là nơi dành cho gia đình công chức, quân nhân trú ngụ, với giá mướn vừa phải.

Tiến xa hơn, độ một quãng vài trăm thước về phía Phong Dinh, bạn sẽ trầm trồ “Khu phố Cầu Vồng” chiếm một diện tích 36 mẫu, chia thành nhiều kiểu khu: Hành chánh, Thương mại, Gia cư, cách nhau bởi những con đường trải đá rộng rãi. Quả là một công trình kiến thiết đại quy mô, đáng tán thưởng; một khung cảnh trù mật, ngoạn mục, đáng ca ngợi.

Hơn nữa, khu vườn “Phước Thọ” nằm trên cuộc đất xây

**Công
trường
Phan
Thanh
Giản
tại
ngã tư
Hùng
Vương
Lê
Lai.**



Tượng đồng cụ Phan Thanh Giản, muốn đời chổi rặng khắp non sông.

Vĩnh Long ngày nay

dựng “khu phố Cầu Vòng”, sẽ khiến bạn băng khuâng trầm mặc, tìm lại thơ thời cho tâm hồn sau những ngày giờ vất vả vì cuộc sống, qua khung cảnh được thuần không khí trong lành phối hợp giữa vẻ mộc mạc của đồng quê và nét kiêu diễm của những công trình nhân tạo. “Khu vườn Phước Thọ” nổi tiếng về các loại cây quý cũng như về công phu xây đắp”.

Một phần khu vườn Phước Thọ này được dùng vào việc thiết lập vườn ươm để cung cấp cây giống không những riêng cho Vĩnh Long mà còn chung cho cả tỉnh Hậu Giang. Và nơi đây, còn là địa điểm tân tạo trường “Kỹ thuật nông thôn, trường nữ trung học và câu lạc bộ Sĩ quan”.

Ngoài ra, một nhà thờ công giáo khởi công xây cất từ năm 1965 và nay đã hoàn thành, càng làm tăng vẻ lộng lẫy mà trang nghiêm cho khu vực mới này.

Và bạn biết chăng? Khoảng đất vận động trường ngày nay, thuở cựu trào vốn là mô vật sùng cho lính tập, đến khi Pháp chiếm thì là nơi trường đua ngựa đấy.

Xem qua cảnh vật trên đại lộ Nguyễn Huệ và dõi nhìn khoảng đường Công lộ 4 xa thăm thẳm suốt 36 cây số, trải qua các nơi thị tứ có tiếng như Phú Quới, Song Phú xưa là Ba Càng quận lỵ Bình Minh, rồi thì đến bến dò Cần Thơ, sang bên kia sông là ranh giới Phong Dinh, tưởng đã thỏa mãn lòng bạn phần nào. Giờ xin mời bạn quay gót trở vào châu thành Vĩnh Long, dạo ngắm các phố phường.

CHÂU THÀNH VĨNH LONG XƯA

Lững thững trên đại lộ Nguyễn Huệ thênh thang lộng gió,

trở về đến công trường Nguyễn Huệ khang trang, rẽ vào đường Hùng Vương tức là đường vào Châu Thành. Qua cầu lộ là rạch Cái Cá, chỗ mặt thành Vĩnh Long hồi xưa. Vô trong, mé bên trái là Bệnh viện Nguyễn Trung Trực, ty Cảnh sát, ty Quản thú, quán cơm Xã hội v.v... Giữa khoảng đường Hùng Vương, ngã tư Lê Lai, bạn sẽ thấy tình chiêm ngưỡng tượng đồng cụ Phan Thanh Giản đã được dựng lên tại đây, ghi lại công nghiệp cụ Phan đối với đất Long Hồ thuở cựu trào.

Thẳng ra rạch Long Hồ, quẹo xuống đường Gia Long là sông Cổ Chiên. Mơ mộng nghiêng mình bên sóng nước biếc của dòng sông Cổ Chiên buồn muôn thuở, có Long Châu Lữ Quán, công quán, khu dân sinh, gợi cho bạn nhớ lại khung cảnh của các trà thất hoặc nhà hàng ca nhạc thủ đô.

Vĩnh Long ngày nay đã vươn mình tiến bộ vượt bậc. Hầu hết các đường phố đều đã mở rộng lộ giới. Những phố xá, nhà cửa hai bên đường trong châu thành như các đường Phan Thanh Giản, Gia Long, Tống Phước Hiệp, Bạch Đằng, Nguyễn Văn Nhà, Chi Lăng, Nguyễn Bình Khiêm v.v... ngày trước lụp xụp, kiến trúc thô sơ, mà nay thì chỉnh trang, kiến thiết lại trông đẹp mắt vô cùng.

Nhất là đường Lý Thái Tổ trước kia nhỏ hẹp với các dãy nhà lá hai bên, nay đã được mở rộng 12 thước ngang, phố lầu xây cất buôn bán tấp nập, phồn thịnh nghiêng nhiên là một đại lộ chẳng kém bất cứ đại lộ nào. Các con đường lớn khác trong tỉnh như: đường Văn Thánh (khu Cầu Tàu), Lê Minh Thiệp (khu Thiên Đức) Trương Vĩnh Ký, Châu Văn Tiếp, Võ Tánh, Trần Công Lại, Đồng Khánh, Lê Văn Duyệt v.v... cũng đều đã thay đổi bộ mặt mới huy hoàng.

Ngày nay đã vậy, hình ảnh khi trước ra sao? Nếu bạn nặng lòng hoài cổ, băng khuâng cảm cựu, ắt chẳng khỏi lòng tự hỏi lòng và bản khoăn muốn biết. Chúng tôi xin mạo muội trình bày từng chi tiết, theo tài liệu của ông Nguyễn Phú Toàn:

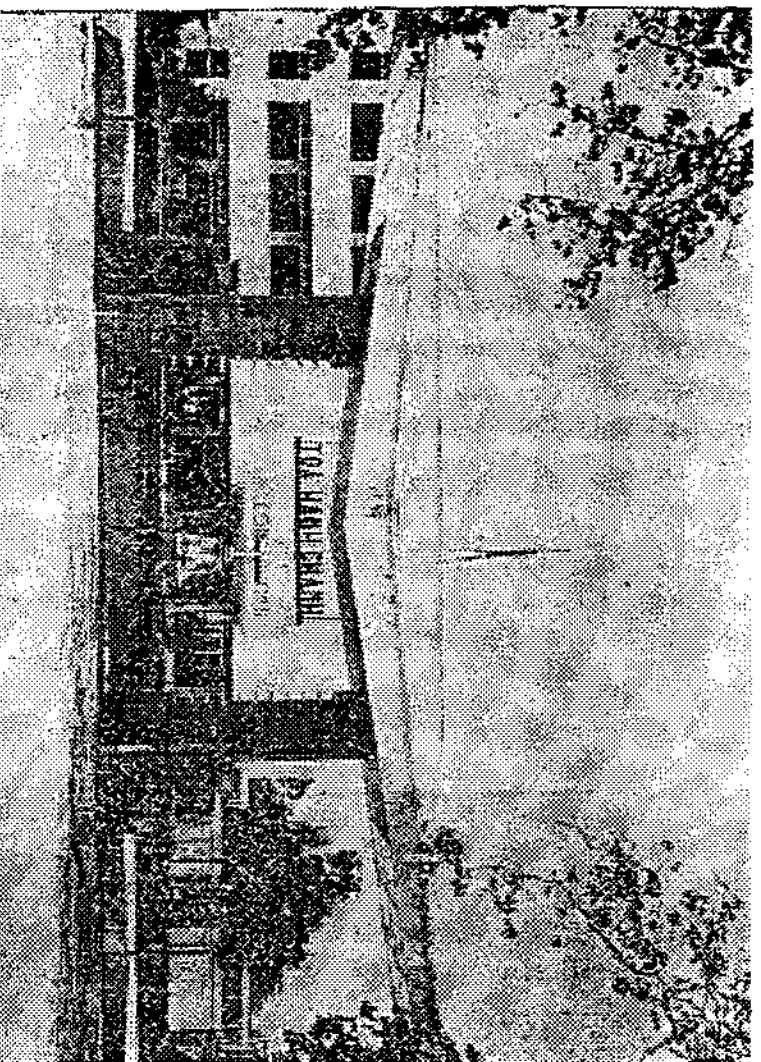
- Tại góc ngã tư đường Thoại Ngọc Hầu, Trương Vĩnh Ký và Nguyễn Thái Học, trước kia có miếu Thành Hoàng và chùa Cô hồn, nhưng về sau có lẽ vì vấn đề tài chánh, nên phải thu xếp, rồi gom về thờ chung trong chùa ông Quan Đế ở đường Cường Để.

- Cầu Lộc trước kia cũng bắc ngang qua rạch Cái Cá nhưng theo chiều thẳng của đường Lý Thái Tổ qua đường Thoại Ngọc Hầu, ngoài chỗ giáp mối với đường Cường Để (Cầu Lầu cũ) chớ không queo vào đại lộ Phan Thanh Giản như hiện giờ.

- Khi quân Pháp chiếm thành Vĩnh Long (1867), Tòa Bó (Hành chánh) đầu tiên xây cất trong vuông đất trường Trung học "Tổng Phước Hiệp" ngày nay. Một thời gian sau, Tòa bố dời về gần dinh Tham Biện (khoảng đường Nguyễn Trường Tộ).

Bờ sông Long Hồ, khoảng năm 1910 về trước, dù khi ấy đã có sở trường tiền (tức Ty Công chánh) và nhà "Đoan" (Douanes et Régies tức Ty Thuế gián thu và công quản), nhưng việc xây cất Công quán (Bungalow) công sở xã Long Châu với những phố lầu và phố trệt thì chưa thấy xuất hiện. Nếu có thì rải rác hai bên lộ từ Ty Công quản sắp vô Cầu Lầu. Khoảng mé sông, từ Ty Công chánh trở ra Cầu Quán tại vàm Long Hồ còn trống trải, dành để cho khách thừa lương hưởng gió ngoạn cảnh, và trẻ em nô đùa dài theo bậc thạch; dựa theo đây có cái cầu tàu của người Huê kiều (chú Hí) kế bên là bến đò Thiêng Đức

Cửa giữa và tòa hành chánh



Tòa Hành chánh Vĩnh Long ngày nay nằm trên một khu đất rộng rãi, bên ngoài nhìn vào rất mỹ quan.

Vĩnh Long ngày nay

đưa người qua lại. Chính nơi đây, hiện nay đã hình thành khu Dân sinh.

Ngày xưa, đâu đã có được xe hơi và đủ loại xe gắn máy như bây giờ. Đặc biệt chỉ có xe do ngựa kéo. Bến xe song mã và độc mã (Mylord, Calèche, Tilbury), đặt dài theo đường Salicetti (tức đại lộ Gia Long ngày nay) từ sở trường tiền lên đến bến tàu Lục tỉnh.

Thuở trước, du khách muốn dạo quanh châu thành Vĩnh Long qua khắp nẻo đường, lộ trình đặc biệt có ba lối gọi: Đi Vòng Lớn, Vòng Giữa và Vòng Nhỏ.

1) Đi “Vòng Lớn” tức là bắt đầu đi thẳng lên Cầu Vòng, queo qua cầu Tân Hữu, xuống đại lộ Nguyễn Huệ vòng qua Công trường Nguyễn Huệ theo đường Lý Thái Tổ vào trung tâm thành phố.

2) Đi “Vòng Giữa” là xe chạy về ngã Cầu Lầu qua cầu, vô Văn Thánh, đến làng Long Hồ, tới ngã ba Ông Me, queo tay phải lên hướng Cầu Vòng, quanh về ngã Lò heo (đường Bùi Hữu Nghĩa) rồi theo đường Đồng Khánh queo ra chợ Vĩnh Long.

3) Đi “Vòng Nhỏ” tức là từ bến xe đường Salicetti (Gia Long) chạy theo sông Cổ Chiên, qua hết các cầu tàu, các đường Cái Cá, lên cầu, queo ra đường Xóm Bún, vòng qua đình Tân Giai, về đường Lý Thái Tổ, rồi qua cầu Lộ, đổ xuống đường Thoại Ngọc Hầu, ngang đường Thành Hoàng (nay là đường Nguyễn Thái Học) đến đường Thất Kiều (Sept ponts, nay là Đồng Khánh) rồi theo đường Tống Phước Hiệp trở về bến xe.

Đại khái các nẻo đường trong châu thành Vĩnh Long xưa và nay là thế. Bạn thỏa thích dạo xem các phố phường xưa nay,

nếu còn háo hức muốn tìm hiểu thêm từng di tích một, xin quý bạn xem lại ở phần Di tích, chúng tôi đã trình bày rõ về: Thủy trường, Thành Quỳ, Hoàng cung, Cầu Lầu, Xóm Bún, Xóm lò rèn, Đình Khao miếu Công Thần, miếu Văn Thánh v.v... chắc rằng quý bạn cũng sẽ được hài lòng, thỏa niềm tìm hiểu phần nào về cảnh vật Vĩnh Long xưa nay thay đổi ra sao.

Đã dạo khắp châu thành đất Vĩnh, cố nhiên bạn không thể không tìm hiểu thêm về mọi ngành sinh hoạt của Vĩnh Long. Nếp sống của đồng bào đất Vĩnh xuyên qua các ngành kinh tế, giáo dục, y tế và chương trình xây dựng nông thôn, nói lên sự hưng vượng của tỉnh hiện nay, và mong tương lai hứa hẹn lắm sự vượt tiến huy hoàng.

KINH TẾ

Theo bảng thống kê của Vĩnh Long năm 1967 có đến 90% dân số sống về nghề nông. Dứt mùa lúa, họ trồng rẫy, chăn nuôi, dệt chiếu hoặc chài lưới, đương thúng rổ bán để kiếm thêm lợi tức cho gia đình. Một số ít vì thời cuộc nên tản cư ra quận lỵ hay tỉnh lỵ lo việc buôn bán hoặc làm công tại các xí nghiệp, tiểu công nghệ hay các hiệu buôn bán lớn.

Lúc sau này, một số người có vốn liếng đã khai thác các thửa ruộng lúa của họ thành những miếng vườn xanh tươi trồng cây trái như cam, quýt, dứa, xoài, ổi v.v... thâu một số huê lợi đáng kể.

a) NÔNG NGHIỆP: Diện tích ruộng cày cấy chiếm trên 70% diện tích chung của tỉnh gồm độ 146.124 mẫu. Số lúa sản xuất hàng năm trên 220.000 tấn.

Giống lúa Tàu hương được tiếng nhất trong tỉnh về phẩm chất thơm ngon. Lại nữa, nhờ sự phổ biến giống lúa Ba người và thể thức canh tác tân tiến, nông gia bắt đầu làm ruộng hai mùa kể từ năm 1958.

Nhất là nhờ sự hai công trình thủy nông: thiết lập đập An Đức (thuộc quận Châu Thành) và lập An Trường (thuộc quận Bình Minh), thêm hàng ngàn mẫu ruộng hoang đã được khai thác, càng tăng năng xuất đáng kể.

Về vườn tược, có đến 17.224 mẫu được khai thác, các loại hoa màu rất dồi dào.

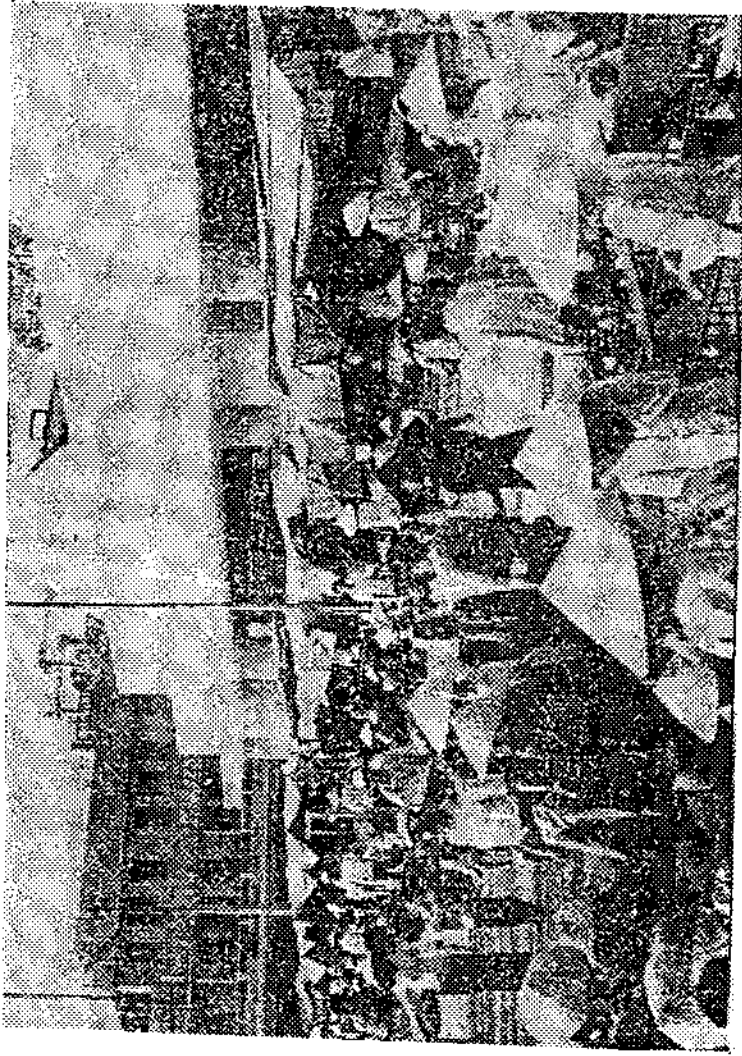
ĐỒ RÂY:

Thơm:	22 mẫu sản xuất hàng năm	132 tấn
Củ sắn	20 mẫu sản xuất hàng năm	200 tấn
Đậu trắng	36 mẫu sản xuất hàng năm	29 tấn
Khoa mỡ	50 mẫu sản xuất hàng năm	250 tấn
Đậu nành	58 mẫu sản xuất hàng năm	40 tấn
Đậu phộng	120 mẫu sản xuất hàng năm	108 tấn
Rau cải	122 mẫu sản xuất hàng năm	976 tấn
Khoai mì	267 mẫu sản xuất hàng năm	2.670 tấn
Đậu xanh	310 mẫu sản xuất hàng năm	217 tấn
Bắp	400 mẫu sản xuất hàng năm	480 tấn
Khoai lang	570 mẫu sản xuất hàng năm	3.420 tấn

CÂY ĂN TRÁI

Chôm chôm	6 mẫu sản xuất hàng năm	30 tấn
Dâu	14 mẫu sản xuất hàng năm	85 tấn
Sa cô chê	24 mẫu sản xuất hàng năm	168 tấn
Mãng cụt	25 mẫu sản xuất hàng năm	250 tấn
Vú sữa	70 mẫu sản xuất hàng năm	259 tấn
Sầu riêng	80 mẫu sản xuất hàng năm	287 tấn
Cốc	112 mẫu sản xuất hàng năm	335 tấn
Bưởi	300 mẫu sản xuất hàng năm	900 tấn
Chanh	317 mẫu sản xuất hàng năm	317 tấn
Chuối	1156 mẫu sản xuất hàng năm	17335 tấn
Quít	1200 mẫu sản xuất hàng năm	6000 tấn
Cam	1300 mẫu sản xuất hàng năm	6500 tấn

Chợ Vĩnh Long ngày nay



Quang cảnh họp chợ buổi sáng, kẻ mua người bán tấp nập

Vĩnh Long ngày nay

Xoài 1478 mẫu sản xuất hàng năm 22170 tấn

CÂY KỸ NGHỆ

Trầu	36 mẫu sản xuất hàng năm	180 tấn
Thuốc lá	48 mẫu sản xuất hàng năm	48 tấn
Gòn	120 mẫu sản xuất hàng năm	72 tấn
Cau	360 mẫu sản xuất hàng năm	162 tấn
Mía	420 mẫu sản xuất hàng năm	12600 tấn
Bố	600 mẫu sản xuất hàng năm	580 tấn
Dừa	4236 mẫu sản xuất hàng năm	13000 tấn

Đặc biệt trong những năm gần đây, việc trồng cây ca cao được nông gia hưởng ứng. Vườn ươm cây, tỉnh đã cấp phát trên 100.000 cây con.

b) NGƯ NGHIỆP:

Lối 3.000 cư dân sinh sống về nghề chài lưới, đàng đó, đáy dài theo sông Cổ Chiên và các sông rạch quan trọng như rạch Sa Đéc, rạch Cần Thơ v.v...

Tôm cá rất nhiều vào mùa nước lớn từ tháng 8 đến tháng 10, do đó, cư dân sống nghề hạ bạc cũng được sung túc phần nào.

Đặc biệt, miệt cồn vùng xã Tân Phong (thuộc quận Chợ Lách), còn có một loại ốc mà người ta gọi là ốc gạo cũng được sinh sản rất nhiều trong vòng từ tháng 4 đến tháng 8.

Ngành xúc ốc gạo cũng đem lại một số lợi tức đáng kể cho các xã Tân Phong, Vĩnh Bình, Phú Phụng, Bình Hòa Phước (đều thuộc quận Chợ Lách). Ấy là một nguồn thủy sản thiên nhiên rất đáng quan tâm. Nhất là dân Tân Phong chuyên nghề lặn xúc

Vĩnh
Long
ngày
nay
với
bộ
mặt
mới



Những con đường trong thành phố đẹp đẽ ngang trang với sự trù phú tấp nập.

Vĩnh Long ngày nay.

ốc gạo, có biệt danh “công cốc”; hơn nữa, dân Tân Phong từ xa xưa vẫn đã từng nổi tiếng hào hùng, bất khuất rất đáng khen. (Xin xem ở phần giai thoại, chúng tôi đã nói rõ về nguồn lợi ốc gạo và dân chúng xã Tân Phong).

c) **KỸ NGHỆ:** Không có kỹ nghệ nặng, kỹ thuật nhẹ gồm có:

79 nhà máy xay

6 hăng nước đá

10 nhà máy điện (kể cả nhà máy điện của quốc gia trùng tu điện lực thuộc Vĩnh Long).

1 nhà máy lọc nước của xã Long Châu, tỉnh lỵ Vĩnh Long.

d) **TIỂU CÔNG NGHỆ:**

1 lò sợi

1 lò tàu hủ ky

2 lò chao

2 lò tàu vị yếu

5 xưởng dệt

5 hăng cà rem cây

6 nhà in

7 lò đường

15 lò bánh mì

16 trại cưa

23 lò tương

35 hăng nước mắm

40 lò gạch

56 trại mộc

Ngành tiểu công nghệ trong tỉnh trong tương lai sẽ thêm hay là bớt, do hoàn cảnh chiến tranh, điều này khó ghi nhận được xác thật.

e) **LÂM SẢN:** không có

g) **KHOÁNG SẢN:** không có

h) **MỤC SÚC:**

Ty Mục súc Vĩnh Long (trước kia là Ty Thú y) thành lập từ năm 1933. Lúc đầu, cơ sở này chẳng có gì lớn lao. Cho đến năm 1953, cơ sở Ty Mục súc Vĩnh Long mới khoác bộ cánh lộng lẫy là một ngôi biệt thự tương đối xinh xắn, gọn gàng, nằm trên khoảng đất của xã Long Châu thuộc vùng ngã ba Cần Thơ mà nơi đây, trước kia có thể gọi là hoang vắng, vì tỉnh lỵ chưa mở rộng. Chính từ vùng này nối tiếp với tỉnh lỵ, hôm nay là đường Lý Thái Tổ, đương nhiên trở thành nơi thị tứ, phố xá khang trang đẹp đẽ.

Chính do sự hoạt động hữu hiệu của Ty Mục súc về hai công tác: bảo vệ gia súc và khuyến khích phát triển chăn nuôi, mà mức sản xuất mỗi năm tăng gia. Từ năm 1961 cho đến nay, trung bình số gia súc xuất tỉnh gồm có:

Trâu: 652 con Bò: 2.375 Heo: 75.079

Gà: 67.000 Vịt: 32.000 Trứng vịt: 1.100.000

Ngay từ năm 1961, theo bảng thống kê của chánh quyền, tổng số các loại gia súc khá dồi dào. Tỉnh phần thịnh là tỉnh phát triển mạnh về kinh tế. So với các tỉnh khác khắp Nam phần, Vĩnh Long có hơn chớ không kém về mọi mặt trong sinh

hoạt kinh tế.

Nhất là mấy lúc gần đây, các ty sở liên hệ về kinh tế hàng đẩy mạnh các công tác khuyến khích và hỗ trợ nông dân, ngư phủ, công, thương, kỹ nghệ gia, gầy dựng cơ sở, khuếch trương nghiệp vụ. Do đó, ngày nay Vĩnh Long có bộ mặt trù mật, sung túc đáng ngời.

Nền kinh tế càng phát triển mạnh chừng nào, trong tương lai Vĩnh Long sẽ tập nập du khách đến viếng thăm, chiêm ngưỡng các di tích và tán thưởng vẻ mỹ quan lộng lẫy.

Đặc biệt đáng chú ý hơn cả, chúng tôi xin nhấn mạnh ở điểm này: Đã biết qua nền kinh tế đất Vĩnh Long ngày nay thiết tưởng nên ghi lại đây vài nét về một nhà thương mại kỹ nghệ, một nhà doanh nghiệp khét tiếng của Vĩnh Long ngày trước là ông Nguyễn Thành Điểm.

Từ năm 1917, ông Nguyễn Thành Điểm đã từng làm quản lý cho Hội Thương mại các tỉnh miền Tây (Gérant des Galeries de L'Ouest...). Năm 1920, ông sáng lập một thương cuộc lớn lao tại tỉnh nhà và làm đại biểu cho nhiều thương gia bên Pháp. Năm sau, ông sáng lập hãng xe hơi, chuyên chở thư tín chính phủ, và đưa hành khách đi Saigon-Chợ Lách-Mỹ Tho-Vĩnh Long-Trà Vinh và các quận trong mấy tỉnh đó. Đồng thời lập xưởng sửa xe, để xe, cho mượn xe tại Vĩnh Long và Trà Vinh. Số xe hơi ông sắm vào thuở ấy có đến trên 40 chiếc. Tài kinh tế thực nghiệp của ông thật đáng đề cao. Ông được công cử làm Hội đồng địa hạt kể cũng xứng tài.

Nếu Cần Thơ đã có những nhà doanh nghiệp nổi tiếng như Trần Đất Nghĩa, Cao Văn Trạng, thì nói đến Vĩnh Long không ai là không mến phục Nguyễn Thành Điểm trừ danh.

GIÁO DỤC NĂM 1967

Từ thuở xa xưa, Vĩnh Long đã có tiếng là Trung tâm văn hóa của miền Tây, nên thuở ấy chỉ duy Vĩnh Long có trường lớn. Sĩ tử các nơi muốn cầu tiến trên đường học vấn, đều phải tề tựu về đó mà xây mộng công danh, khoa bảng. Rồi đến đời vua Tự Đức, văn học càng thịnh Vĩnh Long càng nghiêm nhiên chiếm vị trí cao trọng về việc đào luyện nhân tài cho đất nước nói chung, miền Tây nói riêng. Do đó, ngoài một số trường học cao đẳng được thiết lập ở Vĩnh Long, lại còn thêm một ngôi Văn Thánh Miếu được xây dựng lên, tiêu biểu nơi văn hiến, khích lệ sĩ phu trên đường học vấn, đôn đốc hướng về ba mục tiêu chính: tu thân, tề gia, trị quốc.

Vị Đề học lừng lẫy thanh danh nhất trong thời ấy là cụ Nguyễn Thông. Và cũng chính cụ Đề học Nguyễn Thông đã hiệp cùng cụ Kinh lược sứ Phan Thanh Giản đứng ra dựng ngôi miếu Văn Thánh, lưu để đến ngày nay.

Chúng tôi đã có bài riêng về ngôi miếu Văn Thánh, ở phần Di tích. Nơi đây, tưởng nên ghi thêm. Khổng Đức Thành tiên sinh, cháu 72 đời của đức Khổng Tử, từ Đài Loan đã đến chiêm ngưỡng miếu Văn Thánh Vĩnh Long. Vào ngày 2909-1958 đã kêu gọi tinh thần đạo đức và thắt chặt mối liên lạc về tư tưởng và văn hóa giữa hai dân tộc Việt - Hoa.

Trong thời gian người Pháp chiếm cứ, bao nhiêu di tích khác đều bị tàn phá, duy ngôi miếu Văn Thánh vẫn còn được cho giữ nguyên hình trạng. Và đối với nền giáo dục, mặc dầu

hướng về Âu hóa tân học, nhưng Vĩnh Long cũng đương nhiên được người Pháp tôn trọng là nơi văn vật, nên cũng chú ý xây cất trường học nhiều hơn các nơi.

Cho đến nay, nền giáo dục Vĩnh Long rất khả quan.

a) BẬC TRUNG HỌC

Nền Trung học bành trướng mạnh mẽ về phẩm cũng như về lượng. Hiện nay các trường công lập, bán công và tư thục trong tỉnh đều hoạt động với tinh thần hăng say phục vụ văn hóa dân tộc, sao cho xứng danh Long Hồ dinh lừng lẫy thuở nào.

1. Trung học công lập 1967

Tại tỉnh lỵ có hai trường trung học công lập đệ nhị cấp: Trường trung học Tổng Phúc Hiệp và trường Sư phạm Vĩnh Long.

Trường Trung học Tổng Phúc Hiệp khi trước vốn là trường Nguyễn Thông, đặt tại đường Nguyễn Bình Khiêm. Đến ngày 24-5-1956 quân đội Sài Gòn đã trao trả ngôi trường lớn tại đường Gia Long. Trường Nguyễn Thông mới đổi danh hiệu thành trường Trung học Tổng Phúc Hiệp ngày nay.

Ngoài ra, tại các quận lỵ: Tam Bình, Chợ Lách, Minh Đức (Cái Nhum) cũng đều có trường Trung học công lập đệ nhất cấp.

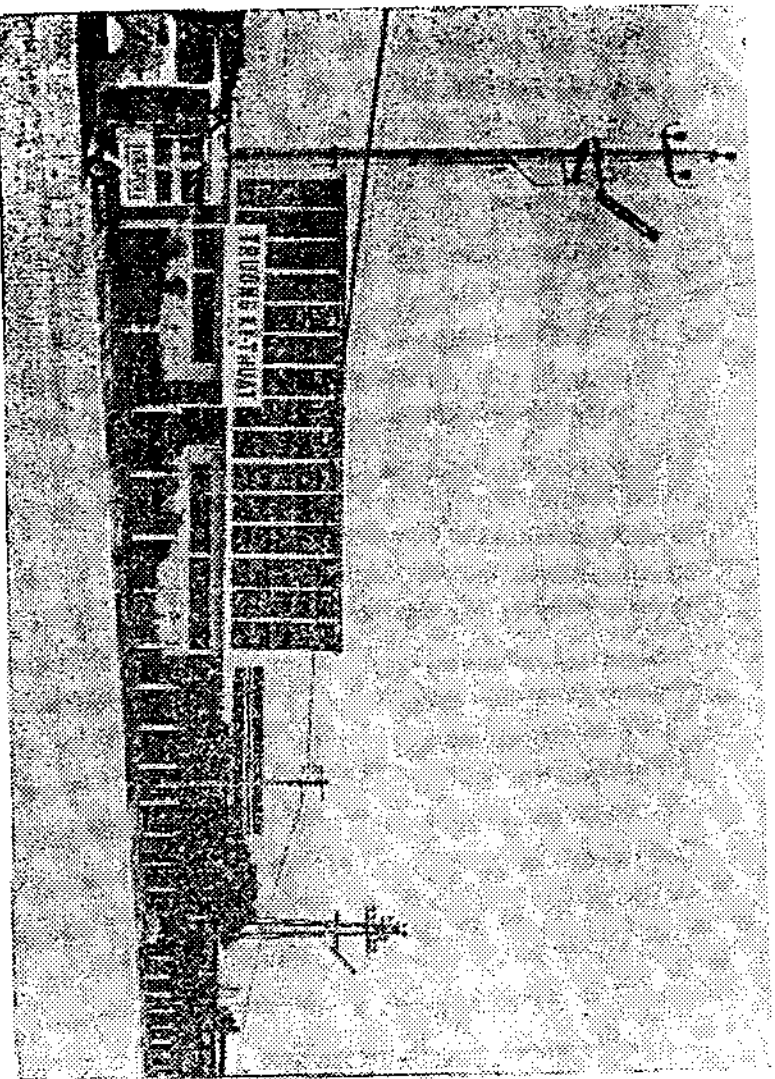
2. Trung học Kỹ thuật 1967

Trường Trung học Kỹ thuật và Trung học Sư phạm Vĩnh Long đều nằm trong khu Văn hóa, nơi đại lộ Nguyễn Huệ.

Trường Kỹ thuật bắt đầu xây cất ngày 15-7-1960, hoàn thành ngày 15-3-1961 với kinh phí non 60.000.000S.

Bắt đầu khai giảng ngày 2-10-1961 với 85 học sinh di chuyển từ các trường Kỹ thuật Saigon về. Lễ khánh thành thì

**Trường
Kỹ
thuật
tỉnh
Vĩnh
Long**



Nơi đào tạo cho thí sinh với nhiều nghề nghiệp chuyên môn

Vĩnh Long ngày nay

được tổ chức vào ngày 1-2-1962.

Trường gồm có trên 20 phòng học:

8 phòng học thuyết lý

1 phòng học xưởng

3 phòng học thí nghiệm khoa học

3 phòng học kỹ nghệ họa

3 phòng học nữ công gia chánh

3 phòng học kế toán thương mại

1 thư viện

1 phòng hội

và 5 cơ xưởng:

1 xưởng mộc

1 xưởng nguội, máy dụng cụ

1 xưởng rèn gò hàn

1 xưởng điện

1 nhà máy điện

Chương trình học thì gồm có 3 ban: Hướng nghiệp, Kỹ thuật toán và Chuyên nghiệp; với các môn: phổ thông, khoa học, kỹ thuật, văn chương.

Sau 4 năm học Ban Kỹ thuật toán, học sinh được cấp bằng Trung học Kỹ thuật đệ nhất cấp ban toán.

Sau 4 năm học Ban Kỹ thuật chuyên nghiệp, sẽ được cấp bằng Trung học Kỹ thuật đệ nhất cấp ban chuyên nghiệp.

Học sinh tốt nghiệp bằng Kỹ thuật toán, có thể tiếp tục tại các trường Trung học Kỹ thuật đệ nhị cấp, để thi lấy bằng Tú

tài Kỹ thuật, sau 3 năm học.

Học sinh tốt nghiệp bằng kỹ thuật, có thể:

- Ra trường kiếm việc làm thợ chuyên môn.

- Tiếp tục học trường Bách công Phú Thọ (Saigon) để lấy bằng Đốc công chuyên môn, sau 3 năm học.

3) Trung học bán công và Trung học tư thực:

Trường Trung học bán công đầu tiên ở đất Vĩnh, nhờ Hội Phụ huynh học sinh Trung học Tổng Phúc Hiệp đã tận tâm vận động thành lập. Trường được hợp thức hóa do Nghị định số 1781/GD/BN/ND ngày 9-12-1961 của Bộ Quốc gia Giáo dục.

Các Trung học tư thực đáng kể thì có: Tại Tỉnh lỵ:

1. Bán công Nguyễn Thông mở năm 1961, do Nghị định số 1781-GD-HV-ND ngày 9-12-1961.

2. Tư thực Long Hồ mở ngày 15-10-1951, do Nghị định số 285-GD-HV ngày 19-1-1952.

3. Tư thực Nguyễn Trường Tộ mở ngày 29-9-52, do Nghị định số 494-GD-HV ngày 2-10-1952.

Tại các quận thì có:

1. Tư thực Thánh Lựu Chợ Lách

2. Trung học Chợ Lách

3. Trung học Minh Đức

4. Trung học Bình Minh

5. Trung học Tam Bình

B) BẬC TIỂU HỌC 1967

Ở bậc Tiểu học, trường sở hằng năm đều mở thêm ra. Việc tuyển dụng giáo viên cũng đúng mức nhu cầu. Sĩ số càng tăng, các lớp học càng được cấp thiết phân phối giờ dạy sao cho chẳng

thiệt thòi đến vấn đề học vấn của trẻ em. Ty tiểu học Vĩnh Long luôn luôn tiến triển về mọi mặt. Các giáo viên đều cố gắng nêu cao tinh thần phục vụ.

Các trường tư tiểu học đều dạy theo chương trình chánh thức được áp dụng tại các trường tiểu học công lập.

(xem Bảng tài liệu về bậc Tiểu học ở trang 370)

BẢNG TÀI LIỆU VỀ BẬC TIỂU HỌC

Loại trường	Số trường	Số lớp học	Số giáo viên	Sĩ số
1) Trường công				
Trường tỉnh				
Tiểu học	74	822	758	41.148
Sơ cấp	88	348	269	15.749
Trường học nghề	1	5	5	75
Trường nữ công	1	2	4	34
2) Trường tư				
Trường ngoại				
Tiểu học	3	13	6	288
Sơ cấp	2	4	2	132
Trường đạo				
Tiểu học	5	27	26	1.185
Sơ cấp	8	21	23	788
Trường Việt Nam gốc Trung Hoa				
Tiểu học	2	11	12	423
Cộng	184	1.253	1.105	59.822

Trong tương lai gần đây, nền giáo dục nơi đất Vĩnh Long sẽ còn hứa hẹn nhiều tốt đẹp. Hội Phụ huynh học sinh hằng năm đều hăng hái hoạt động, lo lắng cho con em hết lòng về việc học. Trường sở, cũng như giáo viên, giáo sư luôn luôn đúng mức cung cầu. Rồi đây, riêng về giáo dục, Vĩnh Long ắt sẽ phục hồi phong độ mấy trăm năm cũ và vượt tiến xa hơn nữa với đầy đủ nét khả quan khả tính.

Y TẾ

Cơ sở y tế Vĩnh Long gồm có:

1. Tại tỉnh lỵ có bệnh viện Nguyễn Trung Trực.
2. Ở các quận Tam Bình, Chợ Lách, Minh Đức, Bình Minh, mỗi nơi đều có Chẩn y viện và nhà bảo sanh.

Ngoài ra, ty Y tế Vĩnh Long có hơn 110 trạm cứu thương hương thôn, thuốc men do Chương trình Y tế hương thôn Bộ Y tế cung cấp đầy đủ. Mỗi trạm cứu thương do một cứu thương viên điều khiển. Nhân viên này do Hội đồng xã chọn lựa, giới thiệu vào huấn luyện tại trung tâm.

Từ niên khóa 1962 và liên tục đến nay, Chương trình Y tế hương thôn có mở lớp huấn luyện cán bộ Y tế học đường, do nam nữ giáo viên ở các trường Tiểu học trong tỉnh Vĩnh Long thụ huấn. Đồng thời, cũng có lớp thụ huấn cho cán bộ y tế ấp Tân Sinh quận Châu Thành.

Song song với hoạt động của Ty Y tế, Ủy ban Xã hội tỉnh cũng mở phòng Xã hội Bệnh viện Vĩnh Long, cứu mang tình thương đồng bào, làm vơi bớt những nỗi đau đớn bệnh hoạn của những người bạc phước, xấu số. Mỗi phòng do một nữ y tá đảm nhiệm, có sách báo để bệnh nhân đọc giải trí. Ngoài ra, còn có một quỹ cứu trợ, do sự đóng góp của các nhà hảo tâm, từ thiện, để giúp đỡ bệnh nhân nghèo.

Hội Tịnh độ cư sĩ cũng có tổ chức phòng phát thuốc nam cho dân chúng tại tỉnh lỵ Vĩnh Long, và rải rác trong các xã

đồng đúc dân cư.

Về mặt làm dịu những vết thương đau của đồng bào, nhân loại, bên cạnh sự hoạt động của Ty Y tế, phải kể đến các cơ quan Chẩn tế, Xã hội vẫn đồng một quan niệm cứu khổ cho đời. Y tế thì chữa trị phần xác, mà Chẩn tế Xã hội thì nặng về phần an ủi tâm linh, nâng đỡ phần hồn.

NÔNG THÔN

NĂM 1966

TRONG TỈNH VĨNH LONG

Trong một cuộc tiếp xúc với quý ông thân hào địa phương, chúng tôi hân hạnh được biết những đổi mới của nông thôn trong năm 1966 nơi Vĩnh Long như sau:

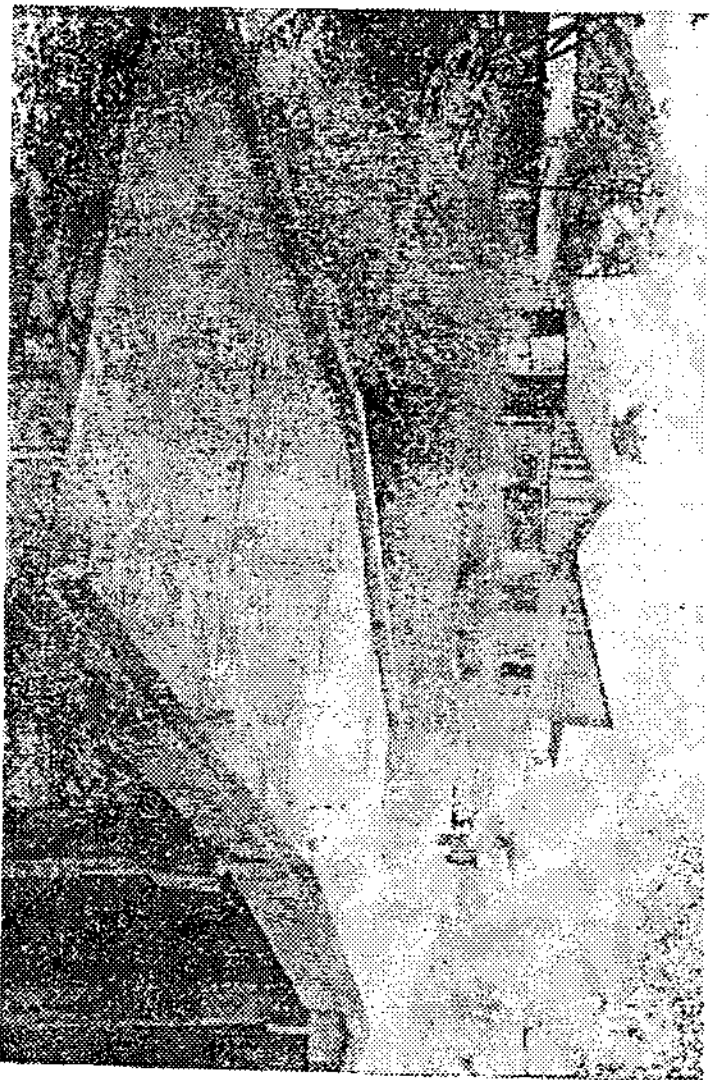
A) CHƯƠNG TRÌNH LẬP ẤP

Về trước, tỉnh có 9 quận, 81 xã, 294 ấp gồm 562.477 dân chúng:

1. Quận Châu Thành
2. Quận Sa Đéc
3. Quận Bình Minh
4. Quận Lấp Vò
5. Quận Tam Bình
6. Quận Minh Đức
7. Quận Chợ Lách
8. Quận Đức Tôn
9. Quận Đức Thành

Đến cuối năm 1966, tỉnh Sa Đéc được thành lập trở lại như cũ, do đó 3 quận Sa Đéc, Đức Tôn và Đức Thành tách phân ra về Sa Đéc. Đồng thời, hai quận Trà Ôn và Vũng Liêm của Vĩnh Bình sát nhập vào Vĩnh Long. (Khi trước, Trà Ôn là một quận

Những ngôi nhà kiểu mẫu



Vành Long trên đường kiến thiết. "DỜI MƠI" tại Mian Thút.

của Cần Thơ, còn Vũng Liêm vốn là quận của Vĩnh Long xưa).
Hiện nay, Vĩnh Long còn 7 quận:

1. Châu Thành
2. Tam Bình
3. Minh Đức
4. Bình Minh
5. Chợ Lách
6. Trà Ôn
7. Vũng Liêm

Bảy quận gồm có 65 xã, 285 ấp, 457.093 dân.

NON NƯỚC MẾN YÊU

Vĩnh Long Tân Cựu giao hòa

Cây lành trái ngọt, trở sanh nhơn tài

Khi bắt tay sưu khảo tỉnh Vĩnh Long Xưa, chúng tôi mất trên 8 tháng và phải trải qua bao lần vất vả, trên đường sưu tập.

Sưu tập tài liệu, quan sát từng vùng, được các bô lão, thân hào, nhân sĩ, địa phương kể lại, tổng hợp với những sử liệu đã có, viết lên những vần thơ mô tả cảnh trí ngày nay và qua bao mẩu chuyện xa xưa ghi dấu, hầu tặng bạn đọc từ lâu chưa có dịp biết đến Vĩnh Long, khi thưởng thức những vần thơ này, cũng hình dung được non nước Vĩnh Long của thời cổ kính và hiện đại mà chúng tôi đã trình bày trong tác phẩm này, từ phần nhứt cho đến phần chót là 6 phần.

**Cảnh
thanh
bình
mục
đồng
cối
trâu**



*Lũng thừng lưng trâu, dạo cánh đồng,
Vui đời sẵn giả, nghiệp nhà nông*

*Thanh bình bao thuở về non nước,
Trăm họ hoan ca đẹp vạn lòng*

Vĩnh Long ngày nay

CẢM NIỆM LONG HỒ DINH

Đây Long hồ oai hùng tráng lệ!
 Của nghìn xưa lưu dấu liệt oanh,
 Khí phách Quốc công hiển hách,
 Quan Phạn tử tiết tượng đồng tạc bia

*

* *

Nước Cổ Chiên trầm tư mặt ngọc,
 Trăng thiên thu vẽ nét dịu hiền,
 Bút ngọn dừa họa tranh đáy nước
 Mây phiêu du thêm vẻ kiêu hùng

*

* *

Bến Vĩnh Long thuyền chèo hui mái
 Giọng trầm buồn, thôn nữ thon von.
 Chèo rung rung đùa trăng mặt nước,
 Nửa tiếng hò rưng đáy sông sâu.

*

* *

Gió vi vu mơn man tà áo
 Thuyền tung tăng rẽ nước xuôi dòng.
 Đứng Cầu Lầu ngưỡng về Thánh Miếu,
 Quyện trầm hương nghi ngút xông lên

*

* *

Ngựa sắt nuốt đường về sông Hậu,
 Nơi ngũ ba thuộc quận Châu Thành.
 Nọ Giáo đường thêm trường kỹ thuật,
 Đẹp xinh thay kiến trúc tân kỳ

Quận Bình Minh lúa vàng bát ngát
 Rất nhiều chim chàng nghịch, óc cao
 Chim thì thâm hòa cùng tiếng cuộc
 Như vui chào lúa chín ngập đồng.

*

* *

Quận Tam Bình có cô gái Thổ
 Đội cà ôm mặc áo cổ bông
 Có anh chàng trai Tàu lơ hóa
 Kìa chùa bưng (1) nọ nói xi bai (2)

*

* *

Chợ Lách chuông thánh đường inh ỏi
 Cầu Chúa Trời xá tội trần gian
 Xứ Cái Nhum là nơi cổ kính
 Nhắc lại thời dĩ vãng hào hùng.

*

* *

Đứng sừng sững ngôi thờ Thiên Chúa
 Thêm có lẫm Công Lại đại thần
 Mấy độ trăm thặng non nước thăm
 Trơ cùng tuế nguyệt cảnh huy hoàng

*

* *

Quận Trà Ôn đổi dời bao lượt
 Trước Cần Thơ sau lại Trà Vinh
 Nay Trà Ôn trở về đất Vĩnh
 Điều Bác Thiện Mỹ cũng vui mừng

(1) Chùa bưng, tiếng Tiều Châu gọi là ăn cơm.

(2) Xi-bai, tiếng Thổ cũng gọi là ăn cơm

Quận Vững Liêm hình dung lịch sử
 Hai anh hùng Lê Cảnh, Nguyễn Giao
 Giết tham biện quan trào Pháp thuộc.
 Lấp vũng sâu xung tụng Vững Linh

*

* *

Người đọc trại Vãng Liêm thành ngữ
 Tiếng Vững Linh hùng khí vẫn hiên ngang
 Đây kết tinh oai hùng dân Việt
 Không gian hằng họa nét cao thâm

*

* *

Quận Minh Đức tên dân Minh Đức
 Dân hiền hòa chất phác cần cù
 Nước ngọt xuôi dòng ra đại hải
 Cửa con sông Vĩnh gió trắng xưa

*

* *

Thuyền mộng lênh đênh về xứ bướm,
 Con đò tươi tắn nụ cười duyên
 Dòng sông Mân Thít êm đềm chảy
 Long Hồ sóng cuộn trào dâng.

*

* *

Văn Thánh lưu, trọng nền văn học
 Miếu Công thần ghi nhớ người xưa
 Tỉnh Vĩnh Long một trong sáu tỉnh
 Đã ghi nhiều thế hệ vàng son.

Tổng kết

Trên phương diện lịch sử, Vĩnh Long xưa từng là một dinh trong 3 dinh miền Nam (Biên Trấn dinh, Phiên Trấn dinh và Long Hồ dinh). Một tỉnh lớn trong 6 tỉnh (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên). Nền văn hóa phát huy từ Vĩnh Long đã làm xán lạn một góc trời tây thuở xa xưa, mà dư hương hãỷ còn vang dội đến ngày nay.

Nói đến Vĩnh Long, không ai không hoài niệm đến các nhân vật Nguyễn Văn Nhơn, Tống Phước Hiệp, Châu Văn Tiếp về quan võ, Phan Thanh Giản, Nguyễn Thông về quan văn; đức Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền về tôn giáo.

Lại nữa, nào Hoàng cung (thành Vĩnh Long), nào Đình Khao, nào Nền Văn, Thủy Trường (cơ sở hải quân), Văn Thánh Miếu, những nét cổ kính khả ái ấy, ngày nay hãỷ còn di tích chứng tỏ đất Long Hồ là nơi văn hiến, đầy vượng khí. Nhân dân Long Hồ nói riêng, miền Tây nói chung, đã thực sự trải mấy trăm năm văn hiến rõ ràng, xứng đáng cho các thế hệ sau tưởng niệm với tấc lòng cảm khái, miên man hoài cổ.

Xưa đã hùng vĩ, đẹp đẽ. Mà nay càng lộng lẫy hơn với vô số cơ sở kiến trúc tân tạo, vừa cải tiến mỹ quan, vừa khéo bảo tồn tinh hoa xưa cũ.

Thêm vào đó, tinh thần bất khuất của đồng bào Vĩnh Long xưa cũng như nay, hằng thể hiện qua đời sống cần cù, nhẫn nại, khắc phục mọi hoàn cảnh dù khó khăn khổ nhọc đến đâu, để vượt tiến. Nào nhóm nghĩa quân Cầu Vồng, nào dân cồn Tân

Phong ý chí kiêu hùng. Người dân Vĩnh Long có thể vịn vào đó mà tự hào hãnh diện.

Về thuở xa xưa Vĩnh Long đã từng chiếm địa vị cao trọng trên lịch sử, địa lý, huy hoàng với bao cơ sở đầu não của một tỉnh lớn miền Tây, vẻ vang với nền văn học từng nung đúc nhân tài phụng sự đất nước. Rồi dẫn đến gần đây, Vĩnh Long vẫn tiếp nối được truyền thống ấy, nêu cao thanh giá đất Vĩnh đối với 16 tỉnh miền Tây. Về ngành nào, như quý bạn đọc đã biết qua trong sự trình bày của chúng tôi ở quyển này, Vĩnh Long đều dẫn đầu về khả năng hoạt động, thành quả thu nhập được tương đối khả quan.

Mặc dầu sau này Cần Thơ đang mang lấy danh dự là “thủ đô miền Tây” với viện Đại học đang trên đà phát triển, nhưng Vĩnh Long chưa dễ đã chịu mất cái địa vị tôn trọng ngày trước. Kể về địa thế, cảnh trí, Vĩnh Long vẫn xứng đáng là đất hưng vượng hơn Cần Thơ. Trong tương lai, Vĩnh Long chắc chắn sẽ còn đẹp hơn nhiều, nổi tiếng hơn lên. Khi ấy, dầu không còn được coi là “Tây đô” như danh xưng Cần Thơ từ bấy lâu nay, Vĩnh Long sẽ đương nhiên được du khách dành cho nhiều cảm tình qua những hình ảnh đẹp khó phai mờ trong tâm trí.

HUỖNH MINH

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

Lời nói đầu

PHẦN THỨ NHẤT

- *VĨNH LONG LỊCH SỬ*

- *TRẢI QUA CÁC THỜI ĐẠI*

- *ĐỊA LÝ TỔNG QUÁT*

I - Long Hồ Đình

- Từ một miền hoang vu của Chân Lạp đến đời
chúa Ninh Vương và Võ Vương

- Người Tàu đặt chân trên đất Việt

II. - Vĩnh Trấn dinh

Trong thời Tây Sơn và Nguyễn Ánh chúa tranh hùng

III. - Vĩnh Thanh trấn

- Trong đời vua Gia Long trị quốc

IV. - Vĩnh Long trong thời Minh Mạng-Thiệu Trị

V. - Vĩnh Long trong đời vua Tự Đức

- Mộng xâm lăng người Pháp bắt đầu

- Chuyển đi Nghị Hòa của phái bộ Nam triều đã bất
thành

- Ba tỉnh miền Tây thất thủ, lòng dân sôi động cuộc
khởi nghĩa bùng lên

- Cuộc khởi nghĩa Cần Vương lịch sử

- Tổ chức nền hành chánh dưới thời Pháp thuộc và Việt Nam Cộng Hòa
- Danh sách các vị tỉnh trưởng Vĩnh Long từ trước đến nay
- Địa lý

PHẦN THỨ HAI

VĨNH LONG DANH NHÂN LỊCH SỬ

NHÂN VẬT CẬN ĐẠI CÓ CÔNG ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC

Vài nét về danh nhân và nhân vật đất Vĩnh

- Quốc công Tổng Phước Hiệp
- Tổng Phước Hòa
- Châu Văn Tiếp
- Tổng Phúc Thiêm
- Nguyễn Văn Nhơn
- Nguyễn Khoa Thuyên
- Trần Công Lại
- Trần Đại Luật
- Phan Thanh Giản
- Trương Vĩnh Ký
- Đề học Nguyễn Thông
- Đốc binh Lê Cần và Nguyễn Giao
- Lê Công An
- Ngô Văn Lân

NHÂN VẬT CẬN ĐẠI

- Nhà họ Trương nức tiếng háo nghĩa từ bá hộ Nộn,

Bà phủ Y đến Bang Biện Hên

- Tri huyện Tống Hữu Trung

- Bà Trần Thị Thọ

- Lê Văn Vĩ

- Nguyễn Đăng Tam

- Nguyễn Đăng Trường

- Nguyễn Đăng Khoa

- Tri huyện Lê Minh Thiệp

- Ngô Văn Công

- Nguyễn Văn Hoài

Tạm kết phần danh nhân

PHẦN THỨ BA

DI TÍCH - HUYỀN SỬ-GIAI THOẠI

- Trước khi vào đề 152

Thành, Đồn dấu cũ

- Thành xưa Long Hồ

- Đồn xưa trấn giữ sông Cổ Chiên

- Bảo Tiền, Bảo Hậu

- Nền đồng đức Cao Hoàng

- Cây da cửa hữu

- Cây da Bến Ngự

Lăng mộ danh nhân

- Lăng ông Bồ Hậu

- Lăng Hà Tiên

- Mộ ba vị công thần triều Nguyễn
- Lãng ông Trần Công Lại
- Lãng quan lớn tức Kinh môn quân công Nguyễn Văn Nhơn
- Lãng quan Đô Đốc đại thần

Chùa đền, miếu cổ

- Chùa Di Đà tục danh chùa Tiên Châu hay Tô Châu
- Đàn xã tắc và đàn tiên nông
- Miếu Hội Đồng và miếu Thành Hoàng
- Miếu Nghĩa Trung
- Miếu Quốc Công
- Đền thờ Lâm Thao quận công Châu Văn Tiếp
- Văn Thánh Miếu
- Một cuộc thủy phá vĩ đại do ảnh hưởng của các cơn kinh mới đối với rạch Cái Cá và xóm chài lưới xưa
- Dấu xưa bến tàu lục tỉnh và Nam Vang cũng bị ảnh hưởng lây
- Cầu Lầu trên đất Vĩnh với di tích xóm lò rèn xưa
- Hoàng cung xưa trên đất Vĩnh
cửa Tiền cửa Hậu còn lưu dấu Thủy Trường và Thành Quì
- Khoảnh Trạch Điện và chợ Trường Xuân
- Đình Khao lịch sử không còn nữa
- Chùa Bửu Lâm kế tiếp dựng lên

- Kỷ vật ngày xưa còn lưu dấu:
 - Cây dầm thiêng cứu mạng nhà sư
- Sự tích Miếu công thần
- Cảnh vật đổi dời, Đình Khao bị triệt hạ
- Bà Trương Thị Loạn đứng tái lập miếu công thần

Huyền Sử

- Hữu phủ Tổng Quốc Công
- Đình Tân Giai
- Bãi Tiên
- Sông Linh
- Vững Linh oan khốc
- Gốc sao nơi cây da Bến Ngự thiêng liêng
- Oai linh ông Bồi Xê
- Dòng sông lịch sử
- Hồn oan gào thét giữa đêm khuya

Giai thoại

- Súng cà lăm
- Vùng nước xoáy Long Hưng và con sông Long Hồ
- Câu chuyện ông Bô giúp vua Gia Long trên đường bôn tẩu vào Nam
- Chuyện người con gái giả điên từ chối sánh duyên cùng chúa Nguyễn Ánh
- Đức độ cao nhã của vị thượng quan tiếp người đồng hương
- Tám chữ giết người hay là câu chuyện Phan Thanh

Giản phê bình tiến sĩ Đạo và Cử Trị

- Bài truyền thị của đốc phủ Tôn Thọ Tường
- Cụ Nhiêu Tâm bốn cột bá hộ Nộn và ông huyện Thiềng
- Vài điểm đặc biệt của đồng bào đất Vĩnh
- Tinh thần hiếu cổ thích nghi đồ xưa và trồng hoa kiểng
- Viếng vườn mai Bến Ngự
- Vĩnh Long được chiếm giải nhất triển lãm về kiểng
- Cây vàng lá ngọc, cổ lục bình xưa vô giá
- Dân phong sĩ khí đất Vĩnh

PHẦN THỨ TƯ

VĨNH LONG XUYỀN QUA CÁC TÔN GIÁO

- Sinh hoạt tôn giáo trên đất Vĩnh
- Công giáo
- Tìm hiểu địa phận đạo giáo tỉnh Vĩnh Long xưa và nay
- Thiên Lâm Phật giáo Tiên Châu cổ tự
- Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội Việt Nam
- Ngôi Trúc Lâm thiền điện
- Tổng kết về phần tôn giáo

PHẦN THỨ NĂM

VĨNH LONG VĂN VẬT

- Vĩnh Long qua các bộ môn văn nghệ học thuật
- Trần Ngọc Lầu nữ sĩ tiền phong trên đất Vĩnh
- Tân cựu giao hòa-Đẹp Vĩnh Long qua Thi ca

- Vĩnh Long thơ mộng, Vĩnh Long cổ kính
Mô tả bằng thi thơ
- Một vài cổ tục trên đất Vĩnh ngày xưa
- Tập tục qua sự mua bán trái cây ở Vĩnh Long ngày xưa
- Phong tục tập quán của người Miên còn duy trì trên đất Vĩnh

PHẦN THỨ SÁU

VĨNH LONG NGÀY NAY

- Đây Vĩnh Long qua các nẻo phố phường
 - Đường về Hậu Giang tách đôi hai ngã
 - Châu Thành Vĩnh Long xưa và nay
 - Kinh tế
 - Giáo dục
 - Y tế
 - Thành tích xây dựng nông thôn
 - Non nước mến yêu
 - Tổng kết
- Về hình ảnh sưu tập trên 50 lưu ảnh xưa và nay

VĨNH LONG XƯA

HUỲNH MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

MAI THỜI CHÍNH

Biên tập:

NGUYỄN GIANG

Sửa bài:

SONG PHƯƠNG

Bìa:

HUỲNH PHI HẢI

In 800 cuốn, khổ 13 × 19cm. Tại Công ty Cổ phần In Bến Tre
Giấy phép xuất bản số: 81/ 535 CXB cấp ngày: 16/05/2002.
In xong nộp lưu chiểu tháng 08 năm 2002.

Mời độc giả đón đọc bộ sách "Sưu Khảo" của tác giả HUỖNH MINH



Nước Việt Nam ta giang sơn cẩm tú, Dân tộc Việt Nam ta có những trang sử hào hùng bất diệt, có những anh hùng làm rạng rỡ nước nhà. Những di tích lịch sử ngàn năm còn lưu dấu, phong tục, tập quán của người xưa vẫn còn tồn tại mãi trong lòng của chúng ta . . .

Bộ sách "Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa" của tác giả Huỳnh Minh sẽ là một tư liệu quý giá giúp chúng ta hiểu thêm về Lịch Sử, Địa Lý, Nhân vật, Giai Thoại, Huyền Thoại, Di Tích, Thắng Cảnh

ũng như các địa danh năm xưa của từng tỉnh. Góp phần tô điểm thêm non nước cảnh của chúng ta.

Tác giả Huỳnh Minh, ông đã từng sống và dành trọn đời mình cho công việc khảo cổ, ông đã từng đi khắp tỉnh thành ở miền Nam và đã được gặp nhiều nhân vật nổi tiếng như: Cựu Hoàng Thành Thái v.v. . .

Bộ sách "Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa" là bộ sách không thể thiếu đối với những ai yêu thích lịch sử và văn hóa. Bộ sách gia đình của các độc giả.